SỰ BÍ ẨN CỦA

TƯ BẢN

Vì sao Chủ nghĩa tư bản Thành công
ở Phương Tây và Thất bại ở Mọi Nơi khác

HERNANDO DE SOTO

SỰ BÍ ẨN CỦA

TƯ BẢN

Vì sao Chủ nghĩa tư bản Thành công
ở Phương Tây và Thất bại ở Mọi Nơi khác

HERNANDO DE SOTO

Người dịch: Nguyễn Quang A
2003

THE MYSTERY OF

CAPITAL

Why Capitalism Triumphs in the West and Fails Everywhere Else

HERNANDO DE SOTO

BASIC BOOK
A Member of the Perseus Books Group
2000

Tặng Mariano Cornejo, người đã chỉ cho tôi
cách đứng vững trên mặt đất, và
Duncan Macdonald, người đã dạy tôi cách
định vị bằng các ngôi sao trên trời.

Mục Lục

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc cầm trên tay cuốn sách thứ năm* của tủ sách SOS^2. Cuốn *Sự Bí ẩn của Tư bản (The Mystery of Capital)* của tác giả Hernando de Soto xuất bản lần đầu năm 2000.

Hernando de Soto là một học giả người Peru, một nhà hoạt động thực tiễn vĩ đại, ông tự hào là người từ Thế giới Thứ ba, toàn bộ hoạt động của ông và của Institute for Liberty and Democracy mà ông sáng lập và lãnh đạo nhằm tìm cách tạo cơ hội cho những người nghèo. Ông và các cộng sự của ông phấn đấu không mệt mỏi vì sự nghiệp của những người nghèo, đấu tranh và, quan trọng hơn, vạch ra cho các chính phủ nên cải cách hệ thống pháp luật ra sao để mang lại lợi ích, trước hết là những cơ hội, cho những người nghèo. Phát hiện mang tính cách mạng của ông là những lí giải về nguồn gốc của tư bản, vạch ra rằng hệ thống quyền sở hữu và các luật và thể chế liên quan chính là môi trường sống của tư bản, là các cơ chế, các quá trình biến các tài sản thành tư bản, duy trì cuộc sống của tư bản và tăng cường năng lực của nó để làm ra của cải ngày càng nhiều hơn. Không có các hệ thống pháp luật như vậy thì không có nền kinh tế thị trường hiện đại hiệu quả. Ông cũng phác thảo ra những chỉ dẫn ban đầu cho các nhà chính trị, các nhà lập pháp làm thế nào để xây dựng các hệ thống pháp luật như vậy.

Theo nghĩa đen của từ, ông là một nhà phân tích hệ thống, một kiến trúc sư phần mềm tài ba. Chính trong ý nghĩa này, tôi muốn làm rõ tên của tủ sách SOS^2 . SOS^2 là gì? Nhiều bạn đọc thắc mắc. Phải chăng nó là rất khẩn cấp vì có mũ bình phương. Hiểu như vậy cũng được, nhưng ý nghĩa thật của nó, thứ lỗi cho bệnh nghề nghiệp, là "Social Operating System Software", tức là "Phần mềm Hệ Điều hành Xã hội". Những người quen biết với các hệ thống tin học đều biết phần mềm là quan trọng nhất trong một hệ thống, và phần mềm hệ điều hành là phần cốt lõi nhất. Xã hội cũng có thể xem như một hệ thống

---

* Bốn quyển đầu tiên của tủ sách là:
Kornai János: *Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường*, Hội Tin học Việt nam – 2001, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin tái bản 2002.
Kornai János: *Hệ thống xã hội chủ nghĩa, kinh tế chính trị học phê phán*, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 2002.
Kornai János – Karen Eggleston: *Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng*, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 2002.
Soros George, *Giả kim thuật Tài chính*, sắp xuất bản, 2003.

và phần mềm hệ điều hành chính là luật cơ bản, là những qui chế, tập quán, truyền thống…, qui định ứng xử chính của các thành viên (cá nhân, tổ chức) trong xã hội. Với ý nghĩa đó, tôi chọn lọc các tác phẩm mà tôi nghĩ là quan trọng đối với những người viết phần mềm xã hội ở Việt nam [thực ra, những người làm phần mềm tài ba này lại chính là nhân dân], dịch chúng ra tiếng Việt và tổ chức xuất bản chúng. Tôi nghĩ đó là một việc làm bổ ích cho đất nước.

Vấn đề quyền sở hữu dường như là một vấn đề cấm kị ở Việt Nam trong nhiều thập kỉ qua. Nói đến nó người ta rất ngại, viết về nó có thể là nguy hiểm. Khi chất vấn tôi về việc dịch và tổ chức xuất bản hai cuốn sách của Kornai, một cảnh sát văn hoá hỏi tôi còn chuẩn bị cuốn sách nào không. Khi nghe tôi nói cuốn sách này bàn về vấn đề sở hữu, chưa rõ đầu cua tai nheo ra sao anh ta nói ngay đại ý là "đó là vấn đề nhạy cảm vì nó đụng đến bản chất của chế độ!" Tâm lí chung là như vậy. Song đó là một sự ngộ nhận nguy hại. Các văn bản quan trọng nhất của Việt Nam đều không qui định như thế. Điều 12 của Hiến Pháp 1946 ghi rõ "Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt nam được đảm bảo". Các điều 14, 15, 16 và 18 của Hiến Pháp năm 1959 cũng đảm bảo những quyền tư hữu của nông dân, thợ thủ công, các nhà tư sản và mọi công dân. Hiến Pháp 1980 thực tế đã xoá bỏ kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản, song điều 27 vẫn bảo hộ quyền sở hữu của công dân về "thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, những công cụ sản xuất dùng trong những trường hợp được phép lao động riêng lẻ". Hiến Pháp 1980 có lẽ là tồi tệ nhất xét theo khía cạnh sở hữu. Hiến Pháp 1992 có cởi mở hơn song vẫn chưa bằng Hiến Pháp 1959 và còn thua xa Hiến Pháp 1946. Điều 58 của Hiến Pháp 1992 viết "Công dân có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc các tổ chức kinh tế khác;…". Ấy thế mà người ta vẫn sợ, vẫn ngại nói về vấn đề này, đó là chưa nói đến đất đai, hầm mỏ và các tài nguyên khác.

Về đất đai, hay nói rộng hơn về bất động sản, đây là nguồn tài sản khổng lồ. Bất động sản là một nguồn tài sản khổng lồ chiếm tỉ lệ rất lớn trong tổng tài sản. Sử dụng nó ra sao liên quan đến luật đất đai và quyền sở hữu nói chung và được phân tích kĩ lưỡng trong cuốn sách này. Hiến Pháp 1946 không đề cập đến đất đai, nhưng từ Hiến Pháp 1959 đến Hiến Pháp 1992 đều qui định đất đai, hầm mỏ thuộc sở hữu nhà nước. Hiện nay ở Việt Nam công dân và các tổ chức có quyền sử dụng đất. Theo luật, quyền này bao gồm quyền hưởng giá trị thặng dư do tài sản tạo ra; quyền chuyển nhượng, thừa kế; và quyền quản lí tài sản. Thực ra, tên gọi của nó là quyền sở hữu, hay quyền sử dụng

không phải là cái chính, quan trọng là nội dung của nó. Tất nhiên, nếu ta gọi như cả thế giới dùng là quyền sở hữu thì vẫn hơn. Độc giả có thể xem các trang 60-63 của cuốn sách thứ hai của tủ sách để hiểu rõ khái niệm quyền sở hữu. Tôi hi vọng đọc xong cuốn sách này những nhà lập pháp Việt Nam có thể thay đổi lập trường của mình về vấn đề này và tạo ra một luật đất đai phù hợp. Đặc biệt khi suy ngẫm về độ lớn của bất động sản, bởi vì, theo de Soto (trang 86) "bất động sản chiếm khoảng 50 phần trăm của cải của các nước tiên tiến; ở các nước đang phát triển con số này là gần ba phần tư". Không có luật phù hợp để huy động tối đa tiềm năng của 75% của cải này của quốc gia thì thật nguy hiểm.

Sở dĩ phải nêu dài dòng như trên để thấy cần phải nói, viết, bàn và tranh luận về vấn đề quyền sở hữu. Quan trọng hơn, một trong những đóng góp quan trọng của de Soto, là một hệ thống quyền sở hữu được thiết kế tốt, có thể tiếp cận được cho tất cả mọi người, cùng với những qui định pháp lí liên quan chính là những cái giúp chúng ta thực hiện các mục tiêu: "Dân giầu; nước mạnh; xã hội dân chủ, công bằng và văn minh".

Quyển sách không chỉ bổ ích cho các nhà chính trị, các nhà lập pháp, các quan chức nhà nước mà còn bổ ích cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, những người làm công tác ngân hàng, tài chính, các nhà báo, các doanh nhân, sinh viên và những người quan tâm khác.

Tôi cảm ơn các ông Lâm Hoàng Lộc và Lê Trọng Nhi, các chuyên gia tài chính, đã lưu ý tôi về cuốn sách này và giúp cho một bản sao.

Tất cả các chú thích đánh dấu sao (*) là của người dịch. Tôi đã cố gắng dịch trung thành với nguyên bản và mong cho bản dịch được rõ ràng và dễ hiểu, tuy nhiên do sự hiểu biết có hạn của người dịch chắc chắn bản dịch còn nhiều thiếu sót, mong được bạn đọc lượng thứ và chỉ bảo; xin liên hệ theo địa chỉ Tạp chí Tin học và Đời sống –25/B17 Hoàng Ngọc Phách (Nam Thành Công) Hà nội, hoặc qua điện thư thds@hn.vnn.vn hay nqa@netnam.org.vn [*].

---

[*] Chú thích thêm (2009): NXB Chính trị quốc gia đã xuất bản cuốn sách này dưới nhan đề "Bí ẩn của vốn" năm 2006, nhưng không bán. Đây là nguyên văn bản dịch. Địa chỉ liên lạc mới: Viện IDS, 18 Dốc Tam Đa, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Email: anguyenquang@vnids.com hay thds@hn.vnn.vn

CHƯƠNG 1

Năm Điều Bí ẩn của Tư bản

Vấn đề mấu chốt là tìm ra vì sao khu vực đó của xã hội thời xưa, cái tôi sẽ không ngần ngại gọi là tư bản chủ nghĩa, lại phải sống như thể trong một lồng kính[*] (bell jar), cắt đứt khỏi phần còn lại [của xã hội]; vì sao nó đã không có khả năng mở rộng và chinh phục toàn bộ xã hội? ... [Vì sao mà] một tốc độ tạo tư bản đáng kể đã là có thể chỉ ở những khu vực nhất định chứ không phải trong toàn bộ nền kinh tế thị trường của thời ấy?

-Fernand Braudel, *The Wheels of Commerce*

THỜI ĐIỂM của sự chiến thắng vĩ đại nhất của chủ nghĩa tư bản là thời điểm khủng hoảng. Sự sụp đổ của Bức tường Berlin đã chấm dứt sự cạnh tranh chính trị hơn một thế kỉ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa tư bản đứng một mình như con đường khả dĩ duy nhất để tổ chức nền kinh tế hiện đại một cách hợp lí. Tại thời điểm này của lịch sử, không một quốc gia có trách nhiệm nào có một sự lựa chọn [khác]. Kết quả là, với mức độ nhiệt tình khác nhau, Thế giới Thứ ba và các quốc gia hậu cộng sản đã cân đối ngân sách của họ, cắt các khoản bao cấp, hoan nghênh đầu tư nước ngoài, và hạ thấp các rào cản thuế quan.

Những nỗ lực của họ được trả bằng sự thất vọng cay đắng. Từ Nga đến Venezuela, nửa thập kỉ vừa qua là một thời kì của sự đau khổ kinh tế, thu nhập bổ nhào, lo âu, và oán giận; của "đói, rối loạn, và cướp phá," dùng những từ gây nhức nhối của Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad. Trong một bài xã luận gần đây tờ *New York*

---

[*] *Bell jar* dịch sát nghĩa hơn là cái chuông thuỷ tinh (xem minh hoạ ở trang bìa), lồng kính được dùng suốt bản dịch này.

Times viết, "Đối với phần lớn của thế giới, thương trường được Phương Tây ca tụng trong ánh hào quang của thắng lợi trong Chiến tranh Lạnh đã được thay thế bằng sự tàn ác của các thị trường, sự thận trọng đối với chủ nghĩa tư bản, và những mối hiểm nguy của bất ổn định". Thành công của chủ nghĩa tư bản chỉ ở Phương Tây có thể dẫn đến thảm hoạ kinh tế và chính trị.

Đối với những người Mĩ hưởng cả hoà bình và thịnh vượng, đã là quá dễ để bỏ qua sự rối loạn ở những nơi khác. Làm sao chủ nghĩa tư bản lại có thể bị rắc rối khi mà Trung bình Dow Jones Công nghiệp (DJIA) đang leo lên cao hơn cả Sir Edmund Hillary?* Những người Mĩ nhìn các quốc gia khác và thấy tiến bộ, ngay cả nếu có chậm và không đều. Anh không thể ăn Big Mac ở Moscow, thuê băng video từ Blockbuster ở Thượng Hải, và vào Internet ở Caracas à?

Ngay cả ở Hoa Kì, tuy vậy, linh tính báo điềm gở không thể dập tắt được hoàn toàn. Những người Mĩ thấy Colombia đứng trên bờ vực của một cuộc nội chiến lớn giữa các du kích buôn ma tuý và quân đội đàn áp, một tình trạng nổi loạn khó trị ở nam Mexico, và một phần quan trọng của sự tăng trưởng nhồi nhét của Châu Á phai tàn vào tham nhũng và hỗn độn. Ở Châu Mĩ Latin, sự đồng cảm với các thị trường tự do đang suy yếu dần: Sự ủng hộ tư nhân hoá đã giảm từ 46 phần trăm dân chúng xuống 36 phần trăm vào tháng Năm 2000. Đáng ngại nhất, trong các quốc gia hậu cộng sản chủ nghĩa tư bản đã tỏ ra yếu kém, và những người gắn bó với chế độ cũ sẵn sàng nắm lại quyền lực. Một số người Mĩ cũng cảm thấy rằng, một lí do cho đợt hưng thịnh kéo dài một thập kỉ của họ là phần còn lại của thế giới càng tỏ ra bấp bênh bao nhiêu, thì các cổ phiếu và trái phiếu Mĩ càng hấp dẫn bấy nhiêu như một thiên đường cho tiền tệ quốc tế.

Trong giới kinh doanh của Phương Tây, có sự lo ngại ngày càng tăng rằng sự thất bại của hầu hết phần còn lại của thế giới trong thực thi chủ nghĩa tư bản, cuối cùng sẽ đưa các nền kinh tế giàu có vào suy thoái. Như hàng triệu người đầu tư đã học một cách đau xót từ sự bốc hơi của các quĩ thị trường mới nổi của họ, toàn cầu hoá là một con đường hai chiều: Nếu Thế gới Thứ ba và các quốc gia hậu cộng sản không thể thoát khỏi ảnh hưởng của Phương Tây, thì Phương

---

* Anh hùng leo núi New Zealand đã leo lên đỉnh Everest lúc 11h30 sáng 29-5-1953 và nhiều núi cao khác.

Tây cũng chẳng thể thoát ra khỏi rắc rối với họ. Những phản ứng bất lợi đối với chủ nghĩa tư bản cũng đang mạnh lên trong nội bộ các nước giàu. Các cuộc náo loạn ở Seattle khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) họp tháng 12 năm 1999 và vài tháng sau ở Washington D.C. khi diễn ra cuộc họp của IMF/Ngân hàng Thế giới, bất chấp tính đa dạng của những bất bình, đã làm nổi bật lên sự tức giận mà chủ nghĩa tư bản đang lan rộng gây ra. Nhiều người bắt đầu nhớ lại những lời cảnh báo của nhà lịch sử kinh tế Karl Polányi rằng các thị trường tự do có thể va đập với xã hội và dẫn tới chủ nghĩa phát xít. Nhật Bản đang vật lộn với sự đình trệ kéo dài nhất kể từ Đại Suy thoái. Người dân Tây Âu bỏ phiếu cho các nhà chính trị hứa với họ một "con đường thứ ba" từ chối cái mà một quyển sách Pháp bán chạy nhất đã gán cho cái nhãn "*L'Horreur économique - kinh tế ghê tởm*".

Những tiếng lào xào báo động này, mặc dù gây lo ngại, đã chỉ đến mức thúc đẩy các nhà lãnh đạo Mĩ và Châu Âu vẫn lặp lại những bài học chán ngắt cho phần còn lại của thế giới: Hãy ổn định đồng tiền của bạn, hãy bám chắc, hãy bỏ qua nạn nổi loạn cướp thực phẩm, và hãy kiên nhẫn đợi các nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại.

Đầu tư nước ngoài, tất nhiên, là một việc rất tốt. Càng nhiều, càng tốt. Các đồng tiền ổn định là tốt, cũng như thương mại tự do và các tập quán ngân hàng minh bạch và tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước và mọi phương thuốc khác trong kho dược phẩm Tây Phương. Ấy thế mà chúng ta liên tục quên rằng chủ nghĩa tư bản toàn cầu đã thử trước rồi. Ở Mĩ Latin, thí dụ, các cuộc cải cách hướng tới xây dựng hệ thống tư bản chủ nghĩa đã được thử ít nhất bốn lần kể từ khi được độc lập khỏi Tây Ban Nha trong các năm 1820. Mỗi lần, sau niềm hân hoan ban đầu, những người Mĩ Latin lại quay ngoắt lưng lại với các chính sách tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường. Các phương thuốc này rõ ràng là chưa đủ. Thực vậy, chúng thiếu đến mức hầu như chẳng còn thích đáng.

Khi các phương thuốc này thất bại, những người Phương Tây đều quá thường xuyên phản ứng lại, không bằng cách đặt dấu hỏi về sự không thoả đáng của các phương thuốc, mà lại đổ lỗi cho người dân Thế giới Thứ ba không có tinh thần nghiệp chủ hoặc định hướng thị trường. Nếu họ không phồn vinh bất chấp mọi lời khuyên tuyệt vời,

là bởi vì có vấn đề gì đó với họ: Họ đã lỡ Phong trào Cải cách Tin lành, hoặc họ bị tê liệt bởi di sản gây bất lực của thuộc địa Châu Âu, hoặc chỉ số thông minh, IQ, của họ quá thấp. Nhưng ý kiến rằng chính văn hoá là cái giải thích sự thành công của các địa phương đa dạng như Nhật Bản, Thuỵ Sĩ, và California, và lại cũng văn hoá là cái giải thích sự nghèo khổ tương đối của các địa phương cũng đa dạng ngang vậy như Trung Quốc, Estonia, và Baja California, là tồi hơn tàn ác; nó không thuyết phục. Sự cách biệt về sự giàu có giữa Phương Tây và phần còn lại của thế giới là quá lớn để có thể được giải thích chỉ bằng riêng văn hoá. Hầu hết mọi người đều mong muốn quả ngọt của tư bản – đến mức độ mà rất nhiều người, từ những người con của Sachez đến con cháu của Khrushchev, lũ lượt kéo đến các quốc gia Phương Tây.

Các thành phố của các nước Thế giới Thứ ba và hậu cộng sản đầy rẫy những nhà khởi nghiệp kinh doanh. Anh không thể đi qua một chợ ở Trung Đông, leo qua một làng ở Mĩ Latin, hoặc chui vào một xe taxi ở Moscow mà không gặp ai đó cố gắng thoả thuận một thương vụ với anh. Dân cư ở các nước này có tài năng, lòng nhiệt tình, và một khả năng đáng kinh ngạc để vắt ra lợi nhuận từ hầu như con số không. Họ có thể nắm vững và sử dụng công nghệ tiên tiến. Nếu khác đi, thì các doanh nghiệp Mĩ sẽ chẳng phải đấu tranh để kiểm soát việc sử dụng trái phép các sáng chế của họ ở nước ngoài, Chính phủ Mĩ cũng chẳng phải cố gắng đến như vậy để giữ cho các công nghệ vũ khí hiện đại khỏi lọt vào tay các nước Thế giới Thứ ba. Thị trường là một truyền thống cổ và phổ quát: Chúa Jesus Christ đã xua đuổi các nhà buôn ra khỏi nhà thờ hai ngàn năm trước đây, và những người Mexico đã nói chuyện mang các sản phẩm của họ ra chợ trước xa Columbus đến Châu Mĩ.

Nhưng nếu dân chúng ở các nước đang quá độ sang tư bản chủ nghĩa không phải là những kẻ ăn mày đáng thương, không phải bị mắc kẹt một cách bơ vơ trong những lề thói lỗi thời, và không phải là những tù nhân thiếu đầu óc phê phán của các nền văn hoá bị rối loạn chức năng, thì cái gì là cái ngăn chủ nghĩa tư bản cung cấp cho họ sự giàu có, giống hệt như nó đã cung cấp cho Phương Tây? Vì sao chủ nghĩa tư bản thịnh vượng chỉ ở Phương Tây, cứ như là bị đóng trong một cái lồng kính (bell jar) vậy?

Trong quyển sách này tôi có ý định chứng minh rằng chướng ngại chính, ngăn phần còn lại của thế giới không được hưởng lợi từ chủ nghĩa tư bản, là sự bất lực của nó trong tạo ra (vốn) tư bản. Tư bản là lực lượng làm tăng năng suất lao động và tạo ra sự giàu có của các quốc gia. Nó là huyết mạch của hệ thống tư bản chủ nghĩa, là nền tảng của sự tiến bộ, và là một thứ mà các nước nghèo của thế giới dường như không thể tạo ra cho bản thân mình, bất kể dân chúng của họ làm tất cả các hoạt động khác đặc trưng cho một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa một cách hăng hái đến thế nào.

Tôi cũng sẽ chỉ ra, với sự trợ giúp của các sự thực và các con số mà nhóm nghiên cứu của tôi và tôi đã thu thập được, từ lô (đất) này sang lô khác và từ trang trại này sang trang trại khác ở Châu Á, Châu Phi, Trung Đông, và Mĩ Latin, rằng hầu hết những người nghèo đã có rồi các tài sản mà họ cần để thành công trong chủ nghĩa tư bản. Ngay cả ở các nước nghèo nhất, những người nghèo dành dụm tiền. Giá trị của các khoản tiết kiệm của những người nghèo, thực ra, là khổng lồ – bằng bốn mươi lần của tất cả các khoản viện trợ nước ngoài đã được nhận trên khắp thế giới kể từ 1945. Thí dụ, ở Ai Cập của cải mà những người nghèo đã tích cóp được lớn gấp năm mươi lăm lần tổng toàn bộ số đầu tư nước ngoài đã được ghi chép ở nước này, kể cả Kênh Suez lẫn Đập Aswan. Ở Haiti, quốc gia nghèo nhất Mĩ Latin, tổng tài sản của những người nghèo lớn hơn một trăm năm mươi lần tổng tất cả các khoản đầu tư nước ngoài ở đây kể từ khi Haiti độc lập khỏi Pháp năm 1804. Giả như nếu Hoa Kì tăng ngân sách viện trợ nước ngoài lên mức mà Liên Hiệp Quốc khuyến nghị – 0,7 phần trăm thu nhập quốc dân – thì nước giàu nhất trên trái đất cần hơn 150 năm để chuyển cho những người nghèo trên thế giới các nguồn lực bằng với số mà họ đã có rồi.

Nhưng họ nắm giữ các nguồn lực này ở các dạng có khiếm khuyết: các ngôi nhà được xây dựng trên đất mà quyền sở hữu không có hồ sơ thoả đáng, các doanh nghiệp không có tính pháp nhân với trách nhiệm không được xác định, các ngành kinh doanh ở nơi mà các nhà tài chính và các nhà đầu tư không thể thấy họ. Bởi vì các quyền đối với những sự chiếm hữu này không được lập hồ sơ thoả đáng, các tài sản này không thể sẵn sàng chuyển thành tư bản được, không thể buôn bán được ngoài phạm vi địa phương hạn hẹp ở nơi

người dân biết và tin tưởng lẫn nhau, không thể dùng làm thế chấp cho một khoản vay, và không thể được dùng như cổ phần đối với một khoản đầu tư.

Ở Phương Tây, trái lại, mọi mảnh đất, mọi ngôi nhà, mọi thiết bị, hoặc lượng hàng trong kho đều được trình bày trong một hồ sơ sở hữu tài sản, hồ sơ ấy là dấu hiệu có thể nhận thấy được của một quá trình được che đậy nhưng rộng lớn bao la gắn kết tất cả các tài sản này với phần còn lại của nền kinh tế. Nhờ có quá trình biểu diễn này, các tài sản có thể có một cuộc sống vô hình, song hành cùng với sự tồn tại vật chất của chúng. Chúng có thể dùng làm thế chấp cho tín dụng. Riêng văn tự thế chấp trên cơ sở nhà ở của người chủ khởi nghiệp là nguồn vốn quan trọng nhất cho các doanh nghiệp mới ở Hoa Kì. Các tài sản này cũng cung cấp một mối liên kết tới lịch sử tín dụng của người chủ, một địa chỉ có thể tin cậy được để thu nợ và thu thuế, cơ sở cho việc thiết lập các tiện ích tin cậy và phổ quát, và một nền tảng cho việc tạo ra các chứng khoán (như các trái phiếu bảo lãnh bằng văn tự thế chấp: mortgage–backed bond) những thứ sau đó có thể được chiết khấu và bán trên thị trường thứ cấp. Với quá trình này Phương Tây đưa cuộc sống vào các tài sản và làm cho chúng tạo tư bản.

Các quốc gia Thế giới Thứ ba và hậu cộng sản không có quá trình biểu diễn này. Kết quả là, hầu hết chúng được tư bản hoá thấp (undercapitalized), hệt như một công ti được vốn hoá thấp khi nó phát hành ít chứng khoán hơn so với thu nhập và tài sản của nó có thể biện minh. Các doanh nghiệp của những người nghèo rất giống các công ti không thể phát hành cổ phần hoặc trái phiếu để nhận được đầu tư hay tài trợ mới. Không có cái đại diện, cái biểu diễn, tài sản của họ là tư bản chết.

Dân cư nghèo của các quốc gia này – chiếm năm phần sáu nhân loại – có các thứ, nhưng chúng thiếu quá trình để biểu diễn tài sản của họ và tạo tư bản. Họ có nhà ở nhưng không có giấy chứng nhận sở hữu (title); có cây trồng (crops) nhưng không có chứng thư (deeds); có doanh nghiệp nhưng không có tư cách pháp nhân. Chính sự không sẵn có những chứng thư biểu diễn thiết yếu này là cái giải thích vì sao dân chúng, những người đã làm theo mọi sáng chế khác của Phương Tây, từ chiếc kẹp giấy cho tới lò phản ứng hạt nhân, lại

đã không có khả năng tạo ra đủ tư bản để làm cho chủ nghĩa tư bản nội địa của họ hoạt động.

Đây là điều bí ẩn của tư bản. Giải quyết nó đòi hỏi một sự hiểu biết vì sao mà những người Phương Tây, bằng cách dùng các chứng thư đại diện cho các tài sản của họ, lại có khả năng nhìn thấy và rút tư bản từ chúng. Một trong những thách thức lớn nhất đối với đầu óc con người là hiểu và nắm quyền thâm nhập đối với những thứ mà mình biết rằng chúng tồn tại nhưng không nhìn thấy được. Không phải tất cả mọi thứ hữu dụng và thực tế đều là hữu hình, có thể sờ mó và nhìn thấy được. Thí dụ, thời gian là thực nhưng nó chỉ có thể được quản lí hữu hiệu khi được biểu hiện bằng đồng hồ hay lịch. Trong suốt quá trình lịch sử, con người đã sáng tạo ra các hệ thống biểu diễn - chữ viết, kí hiệu âm nhạc, kế toán kép – để nắm lấy trí tuệ cái mà bàn tay con người chẳng bao giờ có thể sờ mó tới. Cũng đúng bằng cách đó, các nhà thực hành vĩ đại của chủ nghĩa tư bản, từ những người sáng tạo ra các hệ thống chứng chỉ sở hữu được tích hợp và cổ phiếu công ti đến Michael Milken*, đã có khả năng khám phá ra và rút, chiết xuất tư bản từ những nơi mà người khác chỉ thấy như đồ tạp nham vô dụng bằng cách nghĩ ra những cách thức mới để biểu diễn, trình bày tiềm năng vô hình bị giam hãm trong các tài sản mà chúng ta tích luỹ.

Tại chính thời điểm này ta đang bị bao quanh bởi các làn sóng của truyền hình Ukraina, Trung Quốc, và Brazil mà ta không thể nhìn thấy. Cũng thế, ta đang bị bao quanh bởi các tài sản những cái chứa chấp tư bản một cách vô hình. Đúng hệt như sóng của truyền hình Ukraina là quá yếu để cảm nhận được một cách trực tiếp nhưng có thể, với sự trợ giúp của một TV, được giải mã để nhìn thấy và nghe thấy, cũng như vậy tư bản có thể được vắt ra và xử lí từ các tài sản. Nhưng chỉ Phương Tây có quá trình cần thiết để chuyển đổi cái vô hình thành cái hữu hình. Chính sự khác biệt *này* là cái giải thích vì sao các quốc gia Phương Tây có thể tạo ra tư bản và các quốc gia Thế giới Thứ ba và hậu cộng sản lại không thể.

---

* Michael Milken của công ti đầu tư Drexel Burnham người đầu tiên giúp các công ti chưa được phân loại tín dụng, phát hành các trái phiếu tầm tầm (junk bond) để thu hút vốn kể từ 1977.

Sự thiếu vắng quá trình này trong các khu vực nghèo của thế giới – nơi hai phần ba nhân loại sinh sống – không phải là hậu quả của âm mưu độc quyền nào đấy của Phương Tây. Nói đúng ra, những người Phương Tây coi cơ chế này là hoàn toàn dĩ nhiên đến mức họ không còn ý thức về sự tồn tại của nó. Mặc dầu là khổng lồ, chẳng ai nhìn thấy nó, kể cả những người Mĩ, người Châu Âu, và người Nhật những người có được sự giàu có của mình nhờ khả năng sử dụng nó của họ. Nó là một kết cấu hạ tầng pháp lí ngầm định được che dấu sâu trong nội bộ các hệ thống sở hữu của họ – trong đó quyền sở hữu chỉ là chóp của tảng băng. Phần còn lại của tảng băng là một quá trình nhân tạo rắc rối cái có thể chuyển đổi tài sản và lao động thành tư bản. Quá trình này không được tạo ra từ một kế hoạch và không được mô tả trong một tập sách mỏng hào nhoáng. Xuất xứ của nó là mờ mịt và tầm quan trọng của nó bị chôn vùi trong vô thức kinh tế của các quốc gia tư bản chủ nghĩa Phương Tây.

Làm sao mà một cái quan trọng như vậy lại có thể tuột khỏi tâm trí của chúng ta? Chẳng hiếm đối với chúng ta để biết dùng các thứ *thế nào* mà không hiểu *vì sao* chúng hoạt động. Các thuỷ thủ đã sử dụng la bàn từ tính trước rất xa khi có một lí thuyết tạm đủ về từ học. Những người gây giống động vật đã có một kiến thức tương đối đủ về di truyền học cũng trước xa khi Gregor Mendel giải thích các nguyên lí di truyền. Thậm chí khi Phương Tây phồn vinh nhờ tư bản dồi dào, liệu nhân dân họ có thực sự hiểu biết xuất xứ của tư bản không? Nếu họ không hiểu, luôn luôn còn khả năng là Phương Tây có thể gây tổn hại cho nguồn gốc sức mạnh của chính họ. Hiểu rõ hơn về nguồn gốc của tư bản cũng sẽ chuẩn bị để Phương Tây bảo vệ chính mình và cho phần còn lại của thế giới ngay khi sự thịnh vượng lúc này nhường chỗ cho khủng hoảng, điều chắc chắn sẽ đến. Khi đó câu hỏi luôn nổi lên trong các cuộc khủng hoảng quốc tế sẽ được nghe lại lần nữa: Tiền của ai sẽ được dùng để giải quyết vấn đề?

Cho đến bây giờ, các nước Phương Tây đã vui sướng coi hệ thống tạo tư bản của họ là hoàn toàn dĩ nhiên và để cho lịch sử của nó không được ghi chép vào tư liệu. Lịch sử đó phải được phục hồi lại. Cuốn sách này là một nỗ lực để mở lại cuộc thăm dò nguồn gốc của tư bản và như vậy giải thích phải sửa chữa thế nào về những thất bại kinh tế của các nước nghèo. Những thất bại này chẳng có liên quan

gì đến những thiếu sót trong di sản văn hoá hoặc di truyền. Liệu có ai gợi ý những nét tương đồng "văn hoá" giữa những người Mĩ Latin và những người Nga? Ấy thế mà trong thập kỉ vừa qua, suốt từ đó cả hai khu vực đã bắt đầu xây dựng chủ nghĩa tư bản mà không có tư bản, họ đã cùng chia sẻ các vấn đề chính trị, xã hội, và kinh tế như nhau: sự bất bình đẳng rành rành, các nền kinh tế ngầm, mafia tràn lan, bất ổn định chính trị, vốn bay ra nước ngoài, coi thường luật pháp trắng trợn. Những rắc rối này không có xuất xứ trong các tu viện của Giáo hội Chính thống hoặc dọc theo những đường mòn của người Inca.

Nhưng không chỉ các nước hậu cộng sản và Thế giới Thứ ba mới chịu đựng tất cả các vấn đề này. Cũng đã đúng vậy với Hoa Kì trong năm 1785, khi Tổng thống George Washington phàn nàn về "bọn kẻ cướp …hớt váng và chiếm đoạt phần tinh hoa của đất nước làm tổn hại đến phần lớn dân chúng". "Bọn kẻ cướp" này đã là những kẻ "nhảy dù" và các nhà khởi nghiệp kinh doanh nhỏ bất hợp pháp chiếm các lô đất không thuộc sở hữu của họ. Trong một trăm năm tiếp theo, những kẻ chiếm đất ấy đã chiến đấu vì quyền hợp pháp cho đất của họ và những người khai mỏ đã tiến hành chiến tranh vì đòi hỏi của họ bởi luật quyền sở hữu đã là khác nhau từ thị trấn này sang thị trấn khác, từ lều trại này sang lều trại kia. Thực thi các quyền sở hữu đã tạo ra bãi lầy bất ổn xã hội và đối kháng đến như vậy trong khắp nước Mĩ non trẻ đến mức Thẩm phán chính của Toà án Tối cao, Joseph Story, đã tự hỏi năm 1820 liệu các luật sư sẽ có bao giờ có đủ thẩm quyền giải quyết chúng.

Những kẻ chiếm đất, bọn kẻ cướp, và coi thường pháp luật trắng trợn nghe có quen không? Những người Mĩ và người Châu Âu đã thường nói với các nước khác của thế giới, "Các bạn phải giống chúng tôi hơn nữa". Thực ra, họ rất giống Hoa Kì của một thế kỉ trước, khi nó cũng đã là một nước kém phát triển. Các nhà chính trị Phương Tây một thời đã đối mặt với những thách thức bi thảm hệt như các nhà lãnh đạo của các nước hậu cộng sản và các nước đang phát triển đang đối mặt ngày nay. Nhưng những người kế vị [ở Phương Tây] đã mất liên hệ với những ngày khi những người đi tiên phong mở đường sang miền Tây nước Mĩ đã bị tư bản hoá thấp bởi vì họ hiếm khi có chứng thư sở hữu đối với đất mà họ chiếm và đối với hàng hoá mà họ có, khi Adam Smith còn mua hàng ở các chợ đen

ở Anh quốc nơi lũ nhóc bụi đời giật những đồng xu penny do khách du lịch vui cười ném xuống bờ bùn lầy của sông Thames, khi những nhà kĩ trị của Jean-Baptise Colbert hành hình 16.000 nghiệp chủ nhỏ những người chỉ có mỗi tội là sản xuất và nhập khẩu quần áo vải bông vi phạm luật công nghiệp Pháp.

Quá khứ đó là hiện tại của nhiều quốc gia. Các quốc gia Phương Tây đã hoà nhập những người nghèo vào các nền kinh tế của mình một cách thành công đến mức họ đã mất ngay cả kí ức về việc nó đã được tiến hành ra sao, sự tạo ra tư bản đã bắt đầu thế nào? Như nhà sử học Mĩ Gordon Wood đã viết, "đã có cái gì đó lớn lao xảy ra trong xã hội và văn hoá, cái đã giải phóng những khát vọng và sinh lực từ những người dân bình thường như chưa từng bao giờ có trước đây trong lịch sử Mĩ".[1] "Cái gì đó lớn lao" đã là, những người Mĩ và Châu Âu đã sắp thiết lập luật quyền sở hữu chính thức phổ biến và đang phát kiến ra quá trình chuyển đổi trong luật, cái cho phép họ tạo tư bản. Đây đã là thời điểm khi Phương Tây vượt qua đường ranh giới dẫn tới chủ nghĩa tư bản thành công – khi nó chấm dứt là một câu lạc bộ tư và trở thành một nền văn hoá được nhiều người ưa chuộng, khi "bọn cướp" khiếp đảm của George Washington đã trở thành những người tiên phong yêu quí mà văn hoá Mĩ tôn sùng hiện nay.

* * *

Nghịch lí cũng rõ ràng ở mức như đáng lo: Tư bản, thành phần thiết yếu của sự tiến bộ kinh tế Phương Tây, là cái nhận được sự chú ý ít nhất. Sự sao lãng đã che dấu nó trong bí ẩn – thực ra, trong một loạt của năm điều bí ẩn.

Sự Bí Ẩn Của Thông Tin Bị Bỏ Sót

Các tổ chức từ thiện đã nhấn mạnh đến những nỗi thống khổ và tình trạng bơ vơ của những người nghèo trên thế giới đến mức đã chẳng ai ghi chép lại năng lực tích cóp tài sản của họ. Suốt 5 năm qua, tôi và hàng trăm đồng nghiệp từ sáu quốc gia khác nhau đã gấp sách của chúng tôi lại và mở to con mắt của chúng tôi – và đã đi tới các đường phố và các vùng thôn quê của bốn lục địa để đếm xem các khu vực nghèo nhất của xã hội đã dành dụm được bao nhiêu. Số lượng là khổng lồ. Nhưng hầu hết là tư bản chết!

Sự Bí Ẩn Của Tư Bản

Đây là điều bí ẩn then chốt và là cái quan trọng nhất của cuốn sách này. Tư bản là một chủ đề làm mê hoặc các nhà tư tưởng suốt trong ba thế kỉ qua. Marx nói rằng cần phải vượt quá cái vật lí để chạm vào "con gà đẻ trứng vàng"; Adam Smith cảm thấy phải tạo ra "một loại toa xe goòng xuyên qua không khí" để đạt tới đúng con gà mái đó. Nhưng chẳng ai bảo chúng ta con gà được giấu ở đâu. Tư bản là cái gì, nó được tạo ra thế nào, và nó có quan hệ ra sao với tiền?

Sự Bí Ẩn Của Nhận Thức Chính Trị

Nếu có nhiều tư bản chết đến như vậy trên thế giới, và nằm trong tay của nhiều người nghèo đến như vậy, thì vì sao các chính phủ đã không thử khai thác của cải tiềm năng này? Đơn giản là bởi vì chứng cớ mà họ cần chỉ trở nên sẵn có trong bốn mươi năm vừa qua khi hàng tỉ người trên khắp thế giới đã chuyển từ cuộc sống được tổ chức ở qui mô nhỏ sang qui mô lớn. Sự di cư này đến các thành phố đã phân chia lao động một cách nhanh chóng và sinh ra ở các nước

nghèo hơn một cuộc cách mạng công nghiệp–thương mại khổng lồ – cuộc cách mạng đã hầu như bị lờ đi một cách khó tin nổi.

Những Bài Học Bị Bỏ Sót Của Lịch Sử Hoa Kì

Cái đang diễn ra ở các nước Thế giới Thứ ba và hậu cộng sản đã xảy ra trước, ở Châu Âu và Bắc Mĩ. Đáng tiếc, chúng ta bị mê hoặc bởi sự thất bại của nhiều quốc gia tiến hành quá độ sang chủ nghĩa tư bản đến mức chúng ta quên mất rằng các quốc gia tư bản chủ nghĩa thành công đã thực sự tiến hành ra sao. Tôi đã mất nhiều năm gặp gỡ các nhà kĩ trị và các chính trị gia ở các quốc gia tiên tiến, từ Alaska tới Tokyo, nhưng họ đều không có câu trả lời. Nó còn là một bí ẩn. Tôi cuối cùng đã tìm thấy câu trả lời trong các sách lịch sử của họ, thí dụ thích đáng nhất là của lịch sử Hoa Kì.

Sự Bí Ẩn Của Thất Bại Pháp Lí: Vì Sao Luật Sở Hữu Tài Sản Lại Không Hoạt Động Ngoài Phương Tây

Từ thế kỉ thứ mười chín, các quốc gia đã sao chép các luật của Phương Tây nhằm tạo cho các công dân của họ khung khổ định chế để tạo sự giàu có. Ngày nay họ tiếp tục sao chép các luật như vậy, và hiển nhiên việc đó không có kết quả. Hầu hết công dân vẫn không thể dùng luật để chuyển hoá các khoản dành dụm của mình thành tư bản. Vì sao lại như vậy và cái gì cần để làm cho luật hoạt động, đó còn là một điều bí ẩn.

Lời giải cho mỗi điều bí ẩn này là chủ đề của một chương trong cuốn sách này.

* * *

Thời điểm đã chín muồi để giải quyết vấn đề vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở Phương Tây và trên thực tiễn mắc kẹt ở tất cả mọi nơi khác. Do tất cả các lựa chọn khả dĩ thay cho chủ nghĩa tư bản bây giờ đã bốc hơi hết, chúng ta cuối cùng ở vào vị thế để nghiên cứu tư bản một cách bình thản và thận trọng.

CHƯƠNG 2

Sự Bí ẩn của Thông tin bị Bỏ sót

Kinh tế học, qua nhiều năm, đã trở thành ngày càng trừu tượng và xa rời các sự kiện trong thế giới thực. Các nhà kinh tế, nói chung, không nghiên cứu sự hoạt động của hệ thống kinh tế có thật. Họ lí thuyết hoá về nó. Như Ely Devons, một nhà kinh tế Anh, đã nói một lần trong một cuộc họp, "Nếu các nhà kinh tế giả như muốn nghiên cứu con ngựa, họ sẽ không đi và xem các con ngựa. Họ ngồi trong các phòng nghiên cứu của họ và nói với chính mình, "Tôi sẽ làm gì nếu giả như tôi là một con ngựa?".

-Ronald H. Coarse, *The Task of the Society*

HÃY TƯỞNG TƯỢNG một nước ở nơi chẳng ai có thể xác định ai sở hữu cái gì, các địa chỉ không thể được xác minh một cách dễ dàng, không thể buộc người dân trả nợ của họ, các nguồn lực không thể chuyển một cách thuận tiện thành tiền, quyền sở hữu không thể được chia thành các cổ phần, mô tả của các tài sản không được chuẩn hoá và không thể được so sánh một cách dễ dàng, và các qui tắc cai quản tài sản thay đổi từ vùng này sang vùng kia hoặc thậm chí từ đường phố này sang đường phố nọ. Bạn vừa đặt mình vào cuộc sống của một nước đang phát triển hay một quốc gia nguyên cộng sản; chính xác hơn, bạn đã tưởng tượng cuộc sống của 80 phần trăm dân cư của nó, cái được phân biệt một cách rõ rệt khỏi tầng lớp ưu tú được Phương Tây hoá như những người Nam Phi da trắng và da đen đã một thời được phân biệt bởi sự phân biệt chủng tộc apartheid.

Tỉ lệ 80% đa số này không phải, như những người Phương Tây thường tưởng tượng, bị bần cùng hoá một cách tuyệt vọng. Bất chấp sự nghèo nàn của họ, thậm chí cả những người sống dưới các chế độ cực kì bất bình đẳng nhất, có nhiều hơn nhiều so với cái bất kì ai đã

từng hiểu. Cái mà họ có, tuy vậy, không được biểu diễn theo cách để tạo ra thêm giá trị. Khi ta ra khỏi cửa của khách sạn Nile Hilton, cái mà chúng ta bỏ lại đằng sau không phải là thế giới công nghệ cao của các máy fax và các máy làm đá, của TV và các chất kháng sinh. Dân cư Cairo có tất cả các thứ đó.

Cái mà thực sự ta bỏ lại đằng sau là thế giới của các giao dịch có thể thực thi về các quyền sở hữu tài sản. Các văn tự thế chấp và các địa chỉ rõ ràng có thể tin cậy được để tạo thêm của cải là không sẵn có thậm chí cho những người có lẽ gây ấn tượng cho bạn như người khá giàu ở Cairo. Bên ngoài Cairo, một số người nghèo nhất trong số những người nghèo sống ở một quận của các ngôi mộ cổ được gọi là "thành phố của người chết". Nhưng hầu hết cả thành phố Cairo là thành phố của cái chết - của tư bản chết, của các tài sản không được sử dụng hoàn toàn. Các định chế mang lại cuộc sống cho tư bản – cái cho phép ta đạt được những lợi ích của các bên thứ ba với lao động và các tài sản – không tồn tại ở đây.

Để hiểu làm sao điều này lại có thể, ta phải xem xét thế kỉ thứ mười chín, khi Hoa Kì đang tạo thành một xã hội từ sự hoang dã của chính nó. Hoa Kì đã thừa kế từ nước Anh không chỉ luật đất đai phức tạp kì lạ mà cả một hệ thống cấp đất chồng chéo khổng lồ. Cũng đúng một miếng đất có thể thuộc về một người đã nhận nó như một phần của một khoản cấp đất mênh mông từ Quốc Vương Anh, người thứ hai lại nói là đã mua nó từ một bộ lạc Indian, và người thứ ba thì đã chấp nhận nó thay cho lương từ một cơ quan lập pháp của bang – và có thể chẳng ai trong ba người đã từng để mắt thực sự đến mảnh đất đó. Trong khi đó, đất nước tràn đầy người nhập cư, những người dựng ranh giới, cày ruộng, xây nhà, chuyển nhượng đất, và thiết lập tín dụng trước xa chính phủ ban cho họ bất kể quyền nào để tiến hành các hoạt động đó. Đó là những ngày của những người tiên phong và của "Miền Tây Hoang Dã". Một trong những lí do nó đã hoang dã đến vậy là, những người tiên phong ấy, mà hầu hết chẳng ai khác chính là những kẻ chiếm đất, đã "khăng khăng rằng chính lao động của họ, chứ không phải các giấy chứng nhận hình thức hoặc các đường ranh giới tự tiện, mang lại giá trị cho đất và xác lập quyền sở hữu"[1].

Họ đã tin rằng nếu họ đã chiếm đất và cải thiện nó bằng nhà cửa và trang trại, thì đó là của họ. Chính phủ Bang và Liên bang thì đã nghĩ theo cách khác. Các quan chức đã đưa quân đến đốt trang trại và phá huỷ nhà cửa. Những người định cư đã đánh lại. Khi binh lính rút đi, những người định cư xây lại và trở lại xoay xở cuộc sống. Quá khứ đó là hiện tại của Thế giới Thứ ba.

Một cuộc cách mạng bất ngờ

Trước 1950, hầu hết các nước Thế giới Thứ ba đã là các xã hội nông nghiệp được tổ chức theo cách làm cho một người Châu Âu thế kỉ mười tám cảm thấy đúng như ở nhà. Hầu hết dân cư làm việc trên đồng ruộng, được sở hữu bởi số rất ít các đại điền chủ, một số trong số họ là những đầu sỏ chính trị bản xứ, những người khác là các chủ đồn điền thực dân. Các thành phố thì nhỏ và đã hoạt động như các chợ và cảng, chứ chưa phải như các trung tâm công nghiệp; chúng được thống trị bởi tầng lớp thương gia ưu tú nhỏ bé những người đã bảo vệ các lợi ích của họ bằng những qui tắc và qui chế dày cộp.

Sau 1950, đã bắt đầu trong Thế giới Thứ ba một cuộc cách mạng kinh tế tương tự như những xáo động xã hội và kinh tế ở Châu Âu năm 1800. Những máy móc mới đã làm giảm cầu lao động nông thôn cũng như các loại thuốc tân dược và các phương pháp y tế công cộng đã làm giảm tỉ lệ trẻ em chết và kéo dài tuổi thọ. Chẳng mấy chốc hàng trăm ngàn dân đã lê bước nặng nề trên các đường cao tốc mới được xây dựng đổ về các thành phố đầy cám dỗ được mô tả trong các chương trình phát thanh mới.

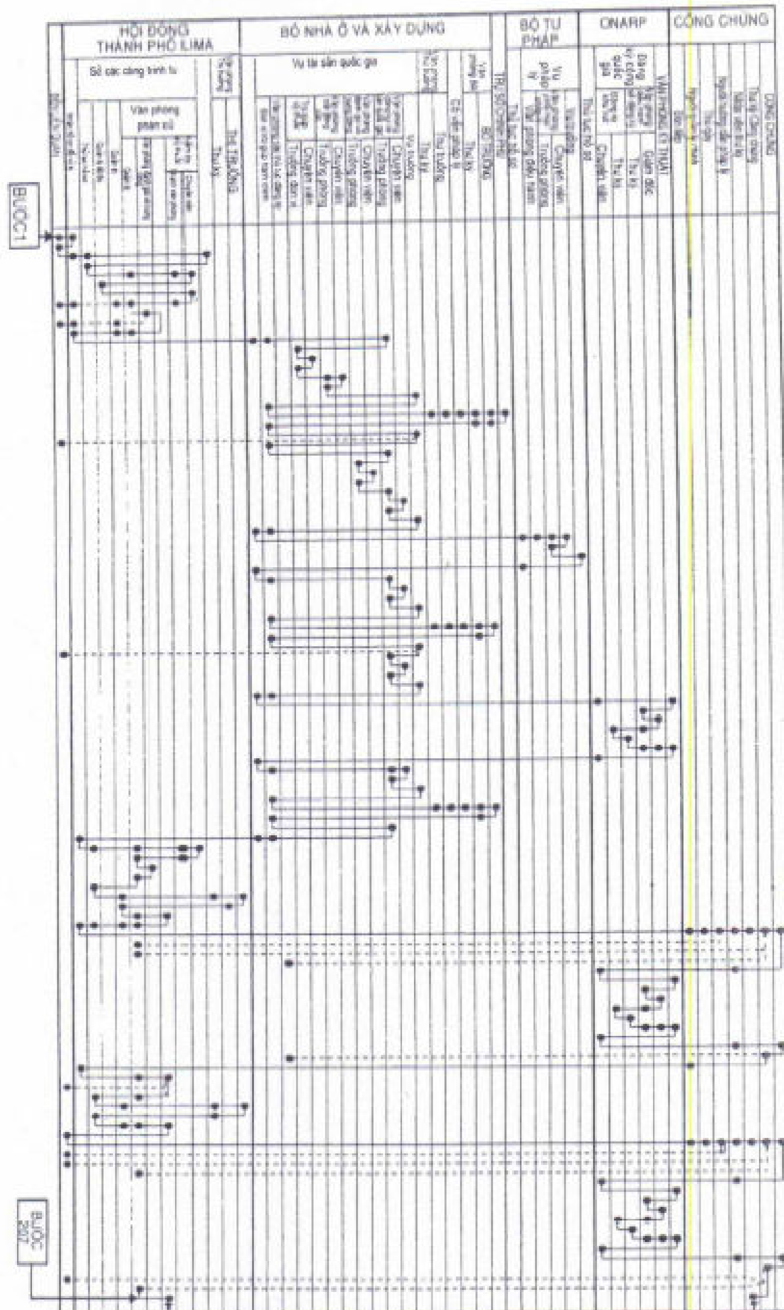
Dân số của các thành phố bắt đầu tăng nhanh. Riêng ở Trung Quốc, hơn 100 triệu người đã chuyển từ vùng nông thôn ra các thành thị từ 1979. Giữa 1950 và 1988, dân số của thành phố Port-au-Prince đã tăng từ 140.000 lên 1.550.000. Đến năm 1998, nó đã đến gần 2 triệu. Hầu như hai phần ba những người này sống trong các khu nhà ổ chuột. Các chuyên gia đã tuyệt vọng rồi ngay từ năm 1973 về sự

trào dâng của những người mới đến ở thành phố, trước xa đợt nhập cư lớn nhất xảy ra. "Mọi thứ xảy ra cứ như thể thành phố tan ra từng mảng", một nhà qui hoạch đô thị đã viết. "Xây dựng không được kiểm soát tràn lan, lộn xộn, ở bất cứ đâu. Hệ thống thoát nước không có khả năng giúp tiêu nước mưa và ngày nào cũng tắc nghẹt. Dân cư tập trung trong những khu vực không có hạ tầng cơ sở vệ sinh… Các vỉa hè của Đại lộ Dessalines bị các tiểu thương chiếm sạch theo đúng nghĩa đen của từ… Thành phố này trở thành không thể sống nổi".[2]

Ít người đã lường trước được sự chuyển đổi to lớn này trong cách sống và làm việc của người dân. Các lí thuyết thời thượng hiện thời về "phát triển" tìm cách đưa sự hiện đại về thôn quê. Những người nông dân không được đến các thành phố để chờ đón thế kỉ thứ hai mươi mốt. Nhưng hàng chục triệu người vẫn đến dù thế nào đi nữa, bất chấp sự phản ứng dữ dội của sự chống đối tăng cao. Họ đối mặt với một bức tường không thể qua được của các qui tắc ngăn cản họ khỏi các hoạt động xã hội và kinh tế được xác lập một cách hợp pháp. Cực kì khó khăn đối với những người dân thành thị mới này để kiếm chỗ ở hợp pháp, tham gia (lập) doanh nghiệp chính thức, hoặc kiếm một việc làm hợp pháp.

Những trở ngại đối với tính hợp pháp

Để có một ý tưởng về cuộc sống của những người di cư khó đến thế nào, nhóm nghiên cứu của tôi và tôi đã mở một xưởng may quần áo nhỏ ở ngoại ô Lima, Peru. Mục đích của chúng tôi là lập một doanh nghiệp mới và hoàn toàn hợp pháp. Sau đó nhóm bắt đầu điền các mẫu biểu, đứng xếp hàng, đi lại bằng xe buýt về trung tâm Lima để lấy tất cả các giấy chứng chỉ cần thiết cho hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ ở Peru, theo đúng câu chữ của luật. Họ tốn sáu giờ mỗi ngày cho công việc ấy và cuối cùng đã đăng kí được doanh nghiệp – sau 289 ngày. Mặc dù xưởng may được dự trù cho hoạt động với chỉ



HÌNH 2.1: Thủ tục hợp thức hoá nhà ở tại Peru. Thủ tục gồm 5 giai đoạn. Riêng giai đoạn đầu gồm 207 bước

một công nhân, chi phí đăng kí pháp lí đã là $1.231 – bằng ba mươi mốt lần lương tối thiểu. Để nhận được giấy phép hợp pháp cho việc xây một căn nhà trên đất thuộc sở hữu nhà nước mất sáu năm và mười một tháng, cần 207 bước hành chính ở năm mươi hai cơ quan nhà nước (xem Hình 2.1). Để nhận được một giấy chứng nhận quyền sở hữu cho miếng đất ấy cần 728 bước. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng để nhận được sự công nhận chính thức cho tuyến xe của mình thì một lái xe buýt, xe buýt hạng tồi (jitney), hoặc taxi tư nhân phải đối mặt với tệ quan liêu sáu tháng trời.

Nhóm nghiên cứu của tôi, với sự giúp đỡ của các cộng sự địa phương, đã lặp lại các thí nghiệm tương tự ở các nước khác. Những trở ngại là không kém kinh khủng so với Peru; nhiều khi thậm chí còn nản chí hơn. Ở Philippines, nếu một người đã xây một chỗ ở tại một khu định cư trên đất đô thị hoặc thuộc sở hữu nhà nước hoặc thuộc sở hữu tư nhân, để mua nó một cách hợp pháp người ấy phải lập một hội với những người hàng xóm để có đủ tư cách cho một chương trình tài trợ nhà ở của nhà nước. Toàn bộ qui trình cần 168 bước, liên quan đến năm mươi ba cơ quan nhà nước hay tổ chức tư nhân và mất từ mười ba đến hai mươi lăm năm (xem Hình 2.2). Và điều đó giả sử rằng chương trình tài trợ nhà ở của nhà nước có đủ tiền. Nếu nhà ở ấy nằm trong khu vực vẫn được coi là "nông nghiệp", thì người định cư còn phải dọn dẹp thêm các trở ngại khác để chuyển miếng đất ấy thành đất đô thị – thêm 45 thủ tục quan liêu trước mười ba thực thể, cộng thêm hai năm vào yêu cầu của anh ta.

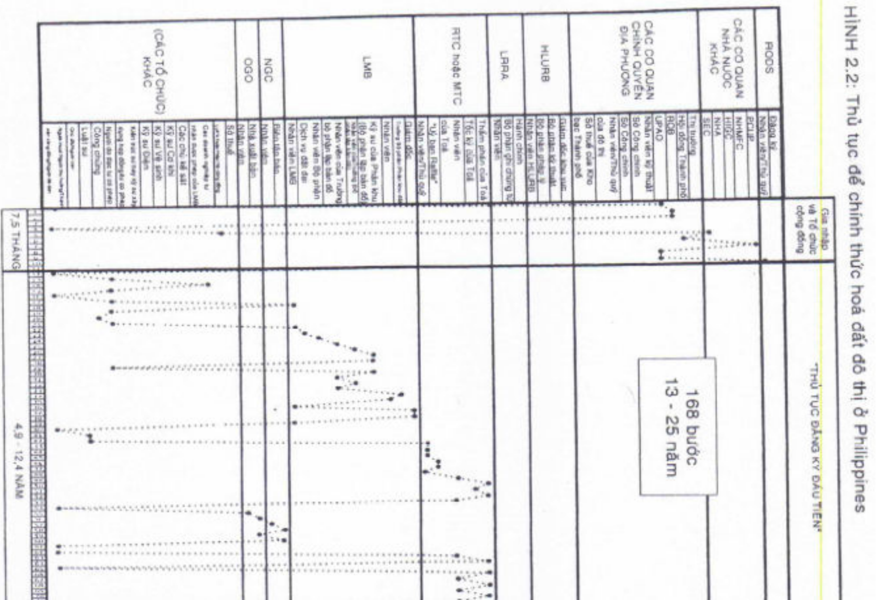
Tại Ai Cập, người muốn kiếm được và đăng kí được một lô đất sa mạc thuộc sở hữu nhà nước phải đi qua ít nhất 77 thủ tục quan liêu ở ba mươi mốt cơ quan nhà nước hay tư nhân (xem Hình 2.3). Việc này mất từ năm đến mười bốn năm. Để xây một chỗ ở hợp pháp trên đất trước đây là đất nông nghiệp cần từ sáu đến bảy năm cãi lộn với giới quan liêu, có thể còn lâu hơn. Điều này giải thích vì sao 4,7 triệu người Ai Cập đã chọn cách xây dựng chỗ ở của họ một cách bất hợp pháp. Nếu sau khi đã xây xong nhà, người định cư quyết định sẽ muốn là công dân tuân thủ luật pháp và mua các quyền cho chỗ ở của mình, anh ta có cơ phải chịu rủi ro là nhà bị phá huỷ, phải trả một khoản phạt nặng, và chịu hình phạt cho đến mười năm tù.

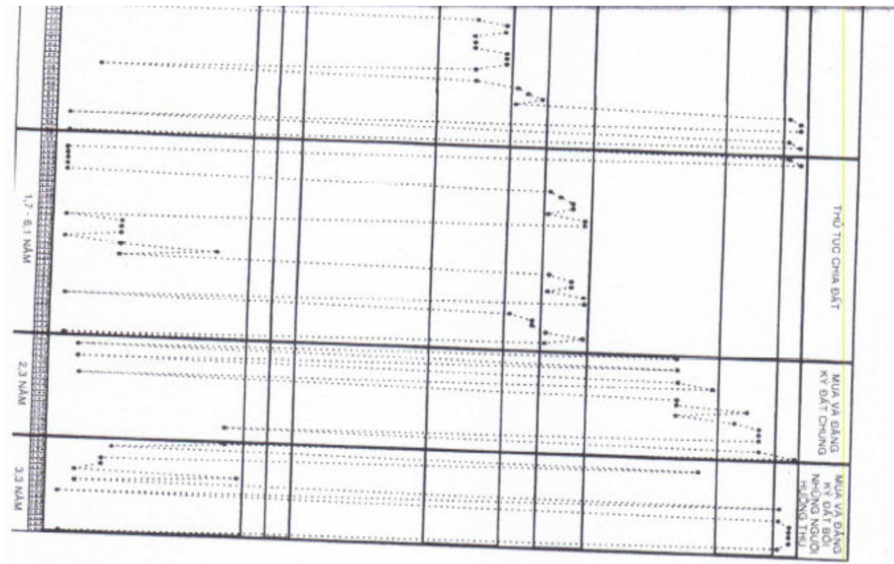
Ở Haiti, một cách mà một công dân bình thường có thể định cư hợp pháp trên đất của chính phủ là đầu tiên thuê nó từ chính phủ cho năm năm và sau đó mua nó. Làm việc với các cộng sự ở Haiti, các nhà nghiên cứu của chúng tôi tìm thấy rằng để được thuê như vậy cần 65 bước hành chính – đòi hỏi, xét trung bình, hơn hai năm một chút - tất cả để được đặc ân thuê đất cho vẻn vẹn có năm năm. Để mua miếng đất ấy cần vượt qua 111 cái rào quan liêu khác nữa – và mười hai năm (xem Hình 2.4). Tổng thời gian để có đất hợp pháp ở Haiti: mười chín năm. Thế mà thậm chí sự thử thách lâu dài này sẽ không đảm bảo rằng tài sản còn hợp pháp.

Thực ra, ở tất cả các nước mà chúng tôi đã nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng sự khó khăn để *lưu trú* hợp pháp cũng gần bằng khó khăn để *trở thành* hợp pháp. Chắc hẳn là, những người di cư không xâm phạm luật bằng luật xâm phạm họ - và họ quyết định không tham gia vào hệ thống. Năm 1976, hai phần ba số người làm ở Venezuela làm tại các doanh nghiệp được lập ra một cách hợp pháp; ngày nay tỉ lệ này còn ít hơn một nửa. Ba mươi năm trước đây, hơn hai phần ba số nhà mới xây ở Brazil để cho thuê. Ngày nay, chỉ khoảng 3 phần trăm nhà xây mới được liệt kê chính thức như nhà cho thuê. Thị trường đó đã biến đi đâu? Biến sang các khu ngoài luật pháp của các thành phố Brazil những khu được gọi là *favelas*, chúng hoạt động ngoài nền kinh tế chính thức được điều tiết ở mức độ cao và hoạt động theo cung và cầu. Không có kiểm tra việc cho thuê ở *favelas*; tiền thuê được trả bằng USD, và những người đi thuê không trả được tiền bị đuổi đi một cách nhanh chóng.

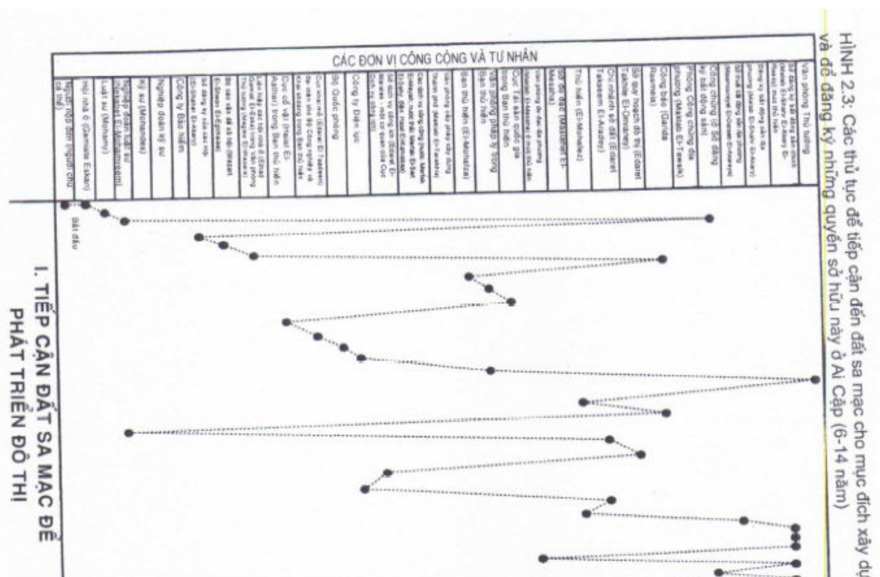
Một khi những người mới đến thành thị này rời hệ thống, họ trở thành "ngoài pháp luật–extralegal". Lựa chọn duy nhất của họ là sống và làm việc ngoài phạm vi của luật chính thức, sử dụng những dàn xếp ràng buộc phi chính thức của riêng họ để bảo vệ và huy động tài sản của họ. Những dàn xếp này là kết quả từ một sự kết hợp của các qui tắc được vay mượn có chọn lọc từ hệ thống pháp lí chính thức, từ những ngẫu hứng nhất thời, và từ các tập quán mang từ

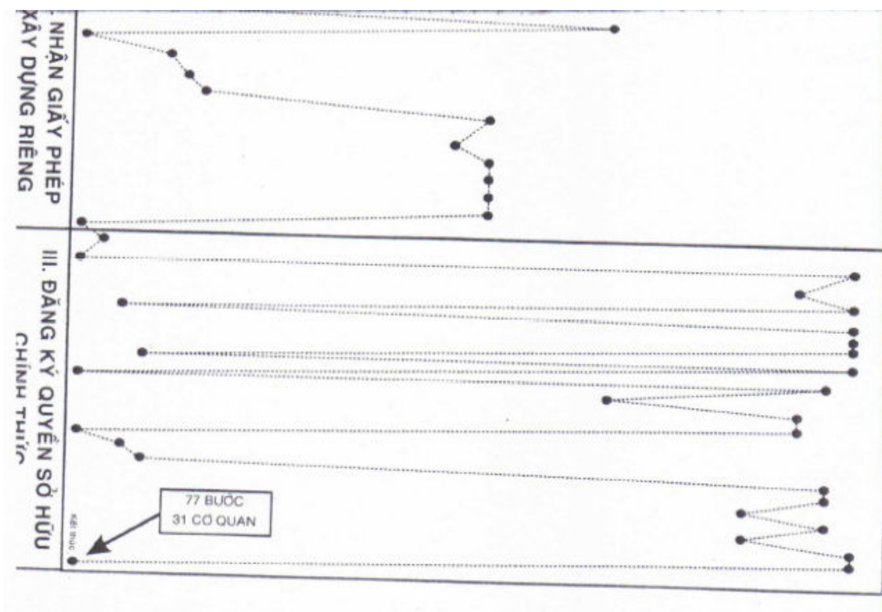
HÌNH 2.2 Thủ tục để chính thức hoá đất đô thị ở Philippines



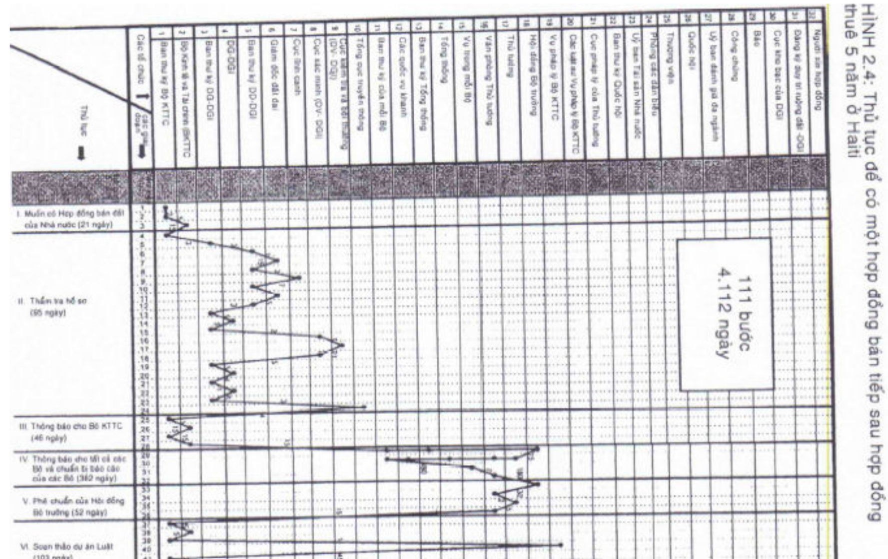

1,7 - 6,1 NĂM
2,3 NĂM
3,3 NĂM
THỦ TỤC CHIA ĐẤT
MUA VÀ ĐĂNG KÝ ĐẤT CHUNG
MUA VÀ ĐĂNG KÝ ĐẤT BỞI NHỮNG NGƯỜI HƯỞNG THỤ

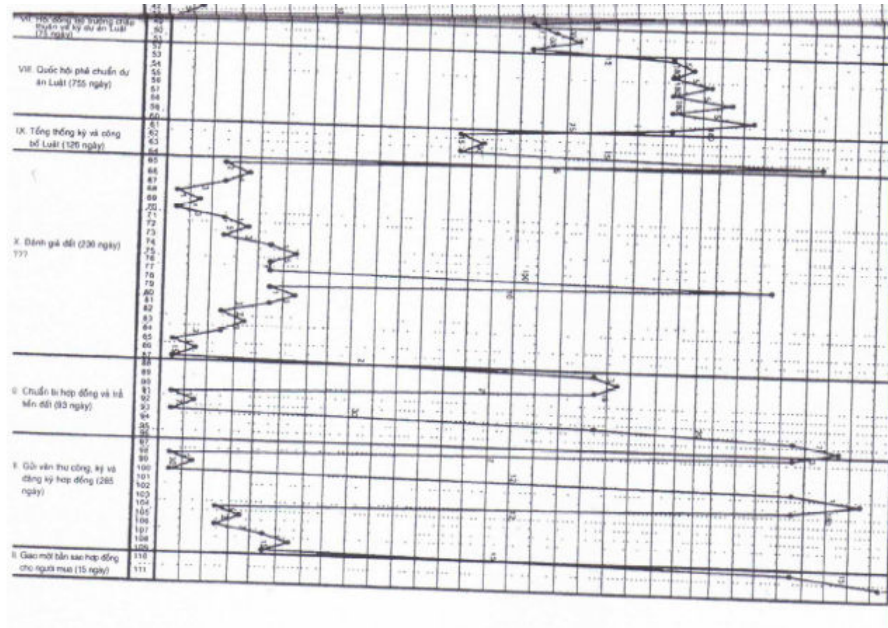
HÌNH 2.3 Các thủ tục để tiếo cận đến đất sa mạc cho mục đích xây dựng và để đăng kí những quyền sở hữu này ở Ai Cập (6-14 năm)




NHẬN GIẤY PHÉP
XÂY DỰNG RIÊNG
III. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU
77 BƯỚC
31 CƠ QUAN

HÌNH 2.4 Thủ tục để có một hợp đồng bán tiếp sau hợp đồng thuê 5 năm ở Haiti




VIII. Quốc hội phê chuẩn dự án Luật (755 ngày)
IX. Tổng thống ký và công bố Luật (126 ngày)
X. Đánh giá đất (230 ngày) ???
Chuẩn bị hợp đồng và trả tiền đất (93 ngày)
Gửi văn thư công, ký và đăng ký hợp đồng (285 ngày)
Giao một bản sao hợp đồng cho người mua (15 ngày)

nguyên quán hoặc được nghĩ ra ở địa phương. Họ được gắn kết với nhau bởi một khế ước xã hội, được cộng đồng như một tổng thể ủng hộ và được thực thi bởi các nhà chức trách được cộng đồng lựa chọn. Các khế ước xã hội ngoài pháp luật này đã tạo ra một khu vực đầy sức sống nhưng được tư bản hoá thấp, trung tâm của những người nghèo trên thế giới.

Khu vực được tư bản hoá thấp

Mặc dầu những người di cư là những người tị nạn theo quan điểm của luật, họ hoàn toàn không ẩn dật vô công rồi nghề. Các khu vực được tư bản hoá thấp ở khắp các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản ồn ào trong công việc siêng năng và sự khéo léo. Các công xưởng gia đình bên lề đường bung ra ở khắp nơi, sản xuất mọi thứ từ quần áo và dày dép đến làm nhái đồng hồ Cartier và túi xắc Vuitton. Có các xưởng chế tạo và tái tạo máy, ôtô, thậm chí xe buýt. Những người nghèo thành thị đã tạo nên cả các ngành công nghiệp và các vùng lân cận hoạt động với những kết nối lén lút vào hệ thống điện và nước. Thậm chí có cả các nha sĩ hàn răng mà không có giấy phép.

Đây không chỉ là câu chuyện của những người nghèo phục vụ những người nghèo. Các nghiệp chủ kinh doanh mới này cũng đang lấp các lỗ hổng trong nền kinh tế chính thức nữa. Những xe buýt, xe jiterney, và các taxi không có phép đã cung cấp phần lớn giao thông công cộng ở nhiều nước đang phát triển. Trong những nơi khác của Thế giới Thứ ba, những người bán hàng từ các khu phố ổ chuột tồi tàn (shantytow) cung cấp phần lớn thực phẩm sẵn có trên thị trường, bất luận từ các xe kéo trên đường phố hay từ các quầy trong các nhà mà họ xây dựng.

Năm 1993, Phòng Thương Mại Mexico đã ước lượng số các quầy bán hàng rong ở Hạt Liên bang của thành phố Mexico city là 150.000, thêm 293.000 quầy ở bốn mươi ba trung tâm khác của Mexico. Các quầy bé nhỏ này trung bình chỉ có chiều ngang 1,5 mét.

Nếu những người bán hàng rong ở Mexico city xếp hàng các quầy của họ trên một con đường duy nhất khít với nhau, thì họ sẽ tạo ra một hàng dài hơn 210 km. Hàng ngàn hàng vạn người làm việc trong khu vực ngoài pháp luật – trên đường phố, trong nhà của họ, và trong các cửa hàng, văn phòng, và nhà máy không có đăng kí của thành phố. Một nỗ lực của Cục Thống kê Quốc gia Mexico trong năm 1994 để đo lường số lượng các "doanh nghiệp cực nhỏ" không chính thức trong cả nước đã lên tới tổng số 2,65 triệu.

Đây là những thí dụ có thực của đời sống kinh tế trong khu vực được tư bản hoá thấp của xã hội. Trong các nước nguyên cộng sản, có thể thấy thậm chí các hoạt động tinh vi hơn nhiều ngoài sổ sách, từ sản xuất phần cứng và phần mềm máy tính đến chế tạo máy bay chiến đấu phản lực để bán ra nước ngoài.

Nước Nga, tất nhiên, có một lịch sử khác hẳn với các nước Thế giới Thứ ba như Haitti và Philippines. Tuy nhiên, từ khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ, các nước thuộc Liên Xô trước đây đã trượt vào những hình mẫu của quyền sở hữu phi chính thức giống hệt như vậy. Năm 1995, Business Week tường thuật rằng bốn năm sau sự chấm dứt của chủ nghĩa cộng sản, chỉ có "khoảng 280.000 trong số 10 triệu nông dân sở hữu đất của họ" ở nước Nga. Một báo cáo khác cho một bức tranh tương tự như Thế giới Thứ ba: "[ở các nước thuộc Liên Xô trước đây], các quyền tư nhân về chiếm hữu, sử dụng, và chuyển nhượng đất được xác định một cách không thoả đáng và không được luật bảo vệ một cách rõ ràng… Các cơ chế, được sử dụng trong các nền kinh tế thị trường để bảo vệ các quyền về đất đai, vẫn còn ở thời kì phôi thai… Bản thân Nhà nước vẫn tiếp tục hạn chế các quyền sử dụng trên đất mà nó không sở hữu".[3] Các ước lượng dựa trên cơ sở tiêu thụ điện cho thấy rằng giữa 1989 và 1994, hoạt động phi chính thức ở Liên Xô trước đây đã tăng từ 12 lên 37 phần trăm của tổng sản xuất. Một số người khác đưa ra số liệu thậm chí còn cao hơn.

Cái này chẳng có gì lạ với những người sống ở ngoài Phương Tây. Chỉ cần mở cửa sổ hoặc nhảy lên taxi từ sân bay về khách sạn của bạn để thấy vùng ngoại vi thành phố nhà cửa chen chúc với những đội quân bán hàng rong trên đường, để nhìn lướt qua các xưởng ồn ào sau những cánh cửa garage, và các xe buýt hối hả lách dọc lách ngang trên các đường phố bụi bậm. Hoạt động ngoài pháp luật

thường được cảm nhận như một vấn đề "bên lề, tầm thường" tương tự như các thị trường chợ đen ở các quốc gia tiên tiến, hoặc đói nghèo, hoặc thất nghiệp. Thế giới ngoài pháp luật được nhìn nhận điển hình như nơi mà bọn găngster lang thang, những nhân vật xấu xa mà chỉ có cảnh sát, các nhà nhân chủng học, và các nhà truyền giáo quan tâm đến.

Thực ra tính hợp pháp mới là cái bên lề, không đáng kể; còn tính ngoài pháp luật đã trở thành chuẩn mực. Những người nghèo đã kiểm soát những khối lượng khổng lồ về bất động sản và sản xuất. Những cơ quan quốc tế cử các chuyên viên của mình đến các toà tháp kính bóng loáng của các khu sang trọng của thành phố để gặp gỡ "khu vực tư nhân" nội địa chỉ nói chuyện với một phần nhỏ bé của giới doanh nghiệp. Sức mạnh kinh tế đang nổi lên của Thế giới Thứ ba là những người nhặt rác, các nhà sản xuất đồ gia dụng, và các công ti xây dựng bất hợp pháp ở những đường dưới xa. Sự lựa chọn duy nhất cho các chính phủ của các quốc gia này là liệu họ sẽ tích hợp các nguồn lực đó vào một khuôn khổ pháp lí có nề nếp và nhất quán hay tiếp tục sống trong tình trạng hỗn loạn.

Có Bao nhiêu Tư bản Chết?

Trong thập kỉ vừa qua các nhà nghiên cứu của tôi, được các nhà chuyên môn am tường ở địa phương trợ giúp, đã tiến hành điều tra năm thành phố Thế giới Thứ ba – Cairo, Lima, Manila, Mexico City, và Port-au-Province – trong một nỗ lực nhằm đo lường giá trị của những tài sản của những người bị loại ra khỏi nền kinh tế được tư bản hoá bởi các luật phân biệt đối xử. (Những kết quả này được tóm tắt bằng biểu đồ trong Phụ lục ở các trang 251-254). Để tin tưởng hơn vào các kết quả khảo sát, chúng tôi đã tập trung chú ý vào các tài sản hữu hình nhất và dễ phát hiện nhất: bất động sản.

Không giống như việc bán thức ăn và dày dép, sửa chữa ôtô, hoặc sản xuất các đồng hồ Cartier giả – các hoạt động khó đo đếm và thậm chí còn khó đánh giá hơn – nhà cửa không thể giấu giếm được. Có

thể xác định giá trị của chúng đơn giản bằng cách khảo sát chi phí các vật liệu xây dựng và theo dõi giá bán của những nhà cửa tương tự. Chúng tôi đã tốn hàng ngàn ngày để đếm nhà cửa ở từng khu. Ở những nơi được phép làm, chúng tôi đã công bố những kết quả của mình ở mỗi nước, như vậy chúng có thể được thảo luận và phê phán một cách công khai. Với sự hợp tác của những người tại hiện trường, chúng tôi đã kiểm tra và tái kiểm tra các phương pháp và những kết quả của mình.

Chúng tôi phát hiện ra rằng, cách mà người dân xây cất trong khu vực được tư bản hoá thấp có ngần ấy dạng như có bao nhiêu trở ngại pháp lí mà họ phải luồn lách, né tránh. Dạng rõ ràng nhất là xây nhà ổ chuột trên đất thuộc sở hữu nhà nước. Nhưng các nhà nghiên cứu của chúng tôi phát hiện ra những cách sáng tạo hơn nhiều để lách luật đất đai. Thí dụ, ở Peru người dân lập các hợp tác xã nông nghiệp để mua ruộng đất của những người chủ cũ và chuyển chúng thành đất ở và đất công nghiệp. Bởi vì không có cách hợp pháp dễ dàng để thay đổi sự chiếm hữu đất, nông dân trong các hợp tác xã sở hữu nhà nước chia một cách bất hợp pháp đất thành các miếng nhỏ và chiếm hữu chúng. Kết quả là, chẳng mấy người có chứng thư sở hữu đối với đất của họ. Ở Port-au-Prince, thậm chí những bất động sản khá đắt vẫn được trao tay mà chẳng ai bận tâm đến việc thông báo cho cơ quan đăng kí, cơ quan đằng nào cũng bề bộn với đống giấy tờ chưa được giải quyết một cách vô vọng. Ở Manila, nhà ở mọc lên trên đất được dành riêng cho mục đích sử dụng công nghiệp. Ở Cairo, những người cư trú ở những nhà bốn tầng trong các đề án chung cư cơi thêm ba tầng một cách bất hợp pháp và bán các căn hộ cho họ hàng hay khách hàng khác. Cũng ở Cairo, những người thuê căn hộ hợp pháp mà tiền thuê được đóng băng ở đầu các năm 1950 với cái giá nay chỉ còn ít hơn một đôla một năm đã chia các bất động sản này thành các căn hộ nhỏ hơn và mang cho thuê chúng với giá thị trường.

Một số nhà ở này là ngoài pháp luật từ ngày đầu tiên, được xây dựng vi phạm mọi loại luật. Những nhà khác – các nhà ở Port-au-Province, các căn hộ cho thuê được kiểm soát ở Cairo – có xuất xứ từ hệ thống hợp pháp nhưng sau đó bị bỏ ra ngoài do tuân thủ pháp luật trở nên quá tốn kém và phức tạp. Bằng cách này hay cách khác, hầu hết mọi khu dân cư trong các thành phố mà chúng tôi đã khảo sát đã

rời khỏi hệ thống khung khổ pháp lí – và chính các luật những cái theo giả thuyết lẽ ra có thể cung cấp những biểu diễn (representation) của tài sản và các định chế cho những người chủ để tạo tư bản. Vẫn có thể có các chứng thư hoặc một số loại bản ghi nào đó trong tay ai đó, nhưng địa vị chủ sở hữu thực tế của các tài sản này đã tuột khỏi hệ thống đăng kí chính thức, làm cho các bản ghi và bản đồ trở thành lỗi thời.

Kết quả là những nguồn lực của hầu hết người dân là không thể nhìn thấy được về mặt thương mại và tài chính. Chẳng ai thực sự biết ai sở hữu cái gì hoặc ở đâu, ai chịu trách nhiệm về sự thi hành các nghĩa vụ, ai chịu trách nhiệm về các tổn thất và gian lận, hoặc những cơ chế nào có sẵn để ép buộc việc chi trả cho các dịch vụ và những hàng hoá đã được giao. Hệ quả là, hầu hết các tài sản tiềm năng ở các nước này không được nhận diện ra hoặc không được hiểu rõ; có ít tư bản khả dụng, và nền kinh tế trao đổi bị ràng buộc và trì trệ.

Bức tranh này về khu vực được tư bản hoá thấp là khác hẳn với sự hiểu biết thông lệ về thế giới đang phát triển. Nhưng đây chính là nơi mà hầu hết người dân sinh sống. Đấy là thế giới mà quyền sở hữu tài sản khó theo dõi và hợp thức hoá và được quản lí bởi tập các quy tắc không thể nhận biết được một cách hợp pháp; nơi các thuộc tính kinh tế khả dĩ có ích của các tài sản không được mô tả hoặc không được tổ chức; nơi chúng không thể được dùng để kiếm giá trị thặng dư thông qua nhiều giao dịch bởi vì bản tính chưa xác định và tính bất trắc của chúng gây ra quá nhiều khả năng hiểu lầm, nhớ nhầm, và lật ngược thoả thuận - nơi mà hầu hết tài sản, nói ngắn gọn, là tư bản chết.

Tư Bản Chết Này Đáng Giá Bao nhiêu?

Tư bản chết, thực sự có hàng núi, nằm khắp đường khắp phố của mọi nước đang phát triển và nguyên cộng sản. Ở Philippines, theo tính toán của chúng tôi, 57 phần trăm dân thành thị và 67 phần trăm dân nông thôn sống trong những căn nhà là tư bản chết. Ở Peru, 53 phần

trăm dân thành thị và 81 phần trăm dân thôn quê sống trong nhà cửa ngoài pháp luật.

Những con số thậm chí còn bi thảm hơn ở Haiti và Ai Cập. Ở Haiti, cũng theo khảo sát của chúng tôi, 68 phần trăm dân thành thị và 97 phần trăm dân thôn quê sống trong các căn nhà mà chẳng ai có chứng thư sở hữu hợp pháp rõ ràng. Ở Ai Cập, nhà cửa là tư bản chết chính là nơi ăn chốn ở cho 92 phần trăm dân cư thành thị và 83 phần trăm dân thôn quê.

Nhiều nhà ở loại này không đáng giá mấy theo các tiêu chuẩn Phương Tây. Một ngôi nhà ổ chuột ở Port-au-Province có thể bán chỉ được 500$, một cái chòi dựng trên kênh rạch bị ô nhiễm ở Manila chỉ có 2.700$, một căn nhà khá chắc chắn ở một làng ngoại ô Cairo chỉ khoảng 5.000$, và ở sườn đồi xung quanh Lima một căn nhà gỗ bungalow chỉnh tề với garage ôtô và những cửa sổ xinh xắn được đánh giá chỉ có 20.000$. Nhưng có rất nhiều nhà cửa như vậy, và tổng hợp lại giá trị của chúng vượt xa toàn bộ của cải của những người giàu một cách đầy kịch tính.

Ở Haiti, tất cả các bất động sản không có chứng thư sở hữu ở thành thị và thôn quê có giá trị khoảng 5,2 tỉ $. Để đặt tổng số này vào khung cảnh, nó bằng bốn lần tổng mọi tài sản của tất cả các công ti hoạt động hợp pháp ở Haiti, bằng chín lần tổng tất cả tài sản thuộc sở hữu của chính phủ, và bằng 158 lần giá trị của tất cả các khoản đầu tư nước ngoài được ghi chép trong lịch sử của Haiti cho đến 1995. Phải chăng Haiti là một ngoại lệ, một mảnh của Châu Phi nói tiếng Pháp được đặt nhầm vào bán cầu Mĩ, ở nơi chế độ Duvalier đã làm chậm trễ sự xuất hiện của hệ thống pháp lí được hệ thống hoá? Có thể.

Vậy thì hãy xem xét Peru, một đất nước có bản sắc Tây Ban Nha và Indo–Mĩ (da đỏ Mĩ) với cơ cấu dân tộc và truyền thống khác nhau. Giá trị của bất động sản được nắm giữ ngoài pháp luật ở thành thị và nông thôn tại Peru lên đến khoảng 74 tỉ $. Số này bằng năm lần tổng định giá của Sở Giao dịch Chứng khoán Lima trước sụp giá năm 1998, lớn hơn mười một lần giá trị của các doanh nghiệp và cơ sở của chính phủ có khả năng được tư nhân hoá, và bằng mười bốn lần tổng tất cả các khoản đầu tư nước ngoài trong suốt lịch sử thành văn của đất nước này. Liệu có thể nói ngược rằng nền kinh tế chính

thức của Peru đã cũng bị làm còi cọc bởi những truyền thống của Đế chế Inca lâu đời, bởi ảnh hưởng tham nhũng của thuộc địa Tây Ban Nha, và bởi chiến tranh vừa qua với lực lượng Sendero Luminoso theo đường lối Maoist?

Được rồi, thế hãy xem Philippines, một nguyên thuộc địa Á Châu của Hoa Kì. Giá trị của các bất động sản không có chứng thư sở hữu ở đó là 133 tỉ $, bằng bốn lần giá trị tư bản hoá của 216 công ti nội địa được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Philippines, bằng bảy lần tổng các khoản tiền gửi ở các ngân hàng thương mại của nước này, bằng chín lần tổng vốn của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, và mười bốn lần giá trị của tất cả các khoản đầu tư nước ngoài trực tiếp.

Có lẽ Philippines cũng là một trường hợp dị thường – có liên quan gì đó đến Đạo Thiên chúa đã phát triển ra sao ở các thuộc địa trước đây của Tây Ban Nha. Nếu vậy, thì hãy xem xét Ai Cập. Giá trị tư bản chết trong bất động sản của Ai Cập, với sự kiểm đếm mà chúng tôi đã tiến hành với các đồng nghiệp Ai Cập, là khoảng 240 tỉ $. Số ấy bằng ba mươi lần giá trị của tất cả các cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán Cairo và, như tôi đã nhắc tới trước đây, bằng năm mươi lăm lần giá trị của tất cả các khoản đầu tư nước ngoài ở Ai Cập.

Trong mỗi nước mà chúng tôi đã khảo sát, tài kinh doanh khéo léo của những người nghèo đã tạo ra của cải ở qui mô khổng lồ - lượng của cải cũng tạo thành nguồn to lớn nhất của tư bản tiềm năng cho phát triển. Những tài sản này không chỉ vượt xa tài sản của chính phủ, của các Sở Giao dịch Chứng khoán địa phương, và của đầu tư nước ngoài trực tiếp; chúng lớn hơn nhiều lần tất cả các khoản viện trợ từ các nước tiên tiến và tất cả các khoản vay được Ngân hàng Thế giới cấp.

Những kết quả này thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn khi chúng ta lấy các số liệu từ bốn nước mà chúng tôi đã khảo sát và phóng chiếu, tiên đoán từ nó ra toàn bộ các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản như một tổng thể. Chúng tôi ước lượng khoảng 85 phần trăm các mảnh đất đô thị ở các nước này, và khoảng từ 40 đến 53 phần trăm các miếng đất ở nông thôn, được nắm giữ theo cách mà chúng không thể dùng để tạo tư bản. Cộng giá trị của tất cả các tài

sản này chắc hẳn sẽ dẫn đến một con số thô gần đúng. Nhưng chúng tôi tin rằng ước lượng của chúng tôi ở mức chính xác như chúng có thể và là khá bảo thủ.

Theo những tính toán của chúng tôi, tổng giá trị của các bất động sản được những người nghèo nắm giữ nhưng không được sở hữu một cách hợp pháp ở các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản ít nhất là 9,3 ngàn tỉ $ (Xem bảng 2.1).

Đây là con số đáng suy ngẫm: 9,3 ngàn tỉ $ là bằng khoảng hai lần tổng cung tiền lưu hành của Hoa Kì. Nó cũng rất gần bằng tổng giá trị của tất cả các công ti được niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán chính của hai mươi nước phát triển nhất thế giới: New York, Tokyo, London, Frankfurt, Toronto, Paris, Milan, NASDAQ, và cả chục Sở Giao dịch Chứng khoán khác. Nó nhiều hơn hai mươi lần tổng đầu tư nước ngoài trực tiếp vào tất cả các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản trong mười năm sau 1989, bằng bốn mươi sáu lần tất cả các khoản cho vay của Ngân hàng Thế giới trong ba thập kỉ vừa qua, và bằng chín mươi ba lần tất cả các khoản trợ giúp phát triển từ tất cả các nước tiên tiến cho Thế giới Thứ ba trong cùng thời gian ấy.

Những mảnh đất kim cương

Cụm từ "đói nghèo quốc tế" rất dễ đưa vào tâm trí những hình ảnh của những người ăn mày cơ cực nằm ngủ trên lề đường Calcutta và của những trẻ em Châu Phi đang chết đói trên cát. Những cảnh này tất nhiên là thực, và hàng triệu đồng bào của chúng ta trên khắp thế giới đòi hỏi và đáng được chúng ta trợ giúp. Tuy nhiên, bức tranh tàn nhẫn nhất về Thế giới Thứ ba không phải là chính xác nhất. Tồi tệ hơn, nó kéo sự chú ý ra khỏi những thành tựu miệt mài của những doanh nhân nhỏ những người đã chiến thắng mọi trở ngại có thể tưởng tượng nổi nhằm tạo ra phần của cải lớn hơn cho xã hội của họ.

BẢNG 2.1 Tư bản Chết trong Bất động sản ở Thành thị và Nông thôn trên khắp Thế giới[1] (1997)

Thành thị

	Tổng dân số (triệu)	Dân số thành thị (%)	Dân số thành thị (triệu)	Số nhà ở thành thị (triệu)	Số nhà ở phi chính thức ở thành thị[2] (triệu)	Giá trị của nhà ở phi chính thức thành thị (ngàn tỉ $ US)
Châu Á	1.747	29%	503	101	85	1,75
Châu Phi	525	32%	167	33	28	0,58
Trung Đông & Bắc Phi và	371	57%	211	42	36	0,74
Nam Mĩ	328	78%	256	51	44	0,89
Mexico, Trung Mĩ và Caribe	161	64%	103	21	18	0,36
Trung Quốc, NIS, và Đông Âu	1.611	38%	619	124	105	2,16
Tổng nhỏ	**4.743**		**1.859**	**372**	**316**	**6,48**
Các nước đang phát triển khác	191	39%	75	15	13	0,26
TỔNG	**4.934**		**1.934**	**387**	**329**	**6,74**

Nông thôn

	Diện tích nông thôn (ngàn ha)	Tỉ lệ phi chính thức ở nông thôn (%)	Diện tích phi chính thức ở nông thôn (ngàn ha)	Diện tích phi chính thức ở nông thôn: đất trồng trọt (ngàn ha)	Diện tích phi chính thức ở nông thôn: đồng cỏ (ngàn ha)	Giá trị của diện tích nông thôn phi chính thức[3] (ngàn tỉ $ US)
Châu Á	489.586	44%	215.164	147.798	67.365	0,59
Châu Phi	738.639	50%	368.792	88.166	280.626	0,39
Trung Đông & Bắc Phi	444.665	40%	177.866	59.660	118.206	0,25
Nam Mĩ	607.407	49%	297.895	51.006	246.889	0,24
Mexico, Trung Mĩ và Caribe	134.541	53%	71.025	20.813	50.212	0,09
Trung Quốc, NIS, và Đông Âu	1.151.280	47%	540.142	188.721	351.421	0,80
Tổng nhỏ	**3.566.118**		**1.670.884**	**556.164**	**1.114.719**	**2,36**
Các nước đang phát triển khác	359.926	47%		56.308	112.857	0,24
TỔNG	**3.926.044**			**612.472**	**1.227.576**	**2,60**
						Tổng Phi chính thức: 9,34 ngàn tỉ $ US

[1] 179 quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản.

[2] Ước lượng 85% của các mảnh đất đô thị là phi chính thức. Chúng hoặc là: I) được xây dựng rõ ràng vi phạm luật; II) không tuân thủ những đòi hỏi để tiếp cận đất; III) khởi đầu là chính thức nhưng trở thành phi chính thức; hoặc IV) được chính phủ xây dựng mà không tuân thủ những đòi hỏi pháp lí.

[3] Tính giá trị một hecta đất trồng trọt là 3.973 $ US và của một hecta đồng cỏ là 138 $ US.

Một bức tranh thật hơn sẽ mô tả một người đàn ông và một người đàn bà những người đã chịu khó tiết kiệm để xây một căn nhà cho họ và con cái của họ và những người tạo ra các doanh nghiệp ở nơi mà chẳng ai có thể tưởng tượng nổi chúng có thể được dựng lên. Tôi phẫn nộ phản đối lối mô tả những nghiệp chủ anh hùng như vậy như những người góp phần vào vấn đề nghèo đói toàn cầu.

Họ không phải là vấn đề. Họ chính là giải pháp.

Trong những năm sau Nội chiến Mĩ, một nhà thuyết giảng có tên Russell Conwell đã đi ngang dọc nước Mĩ đưa ra một thông điệp khuấy động hàng triệu con người. Ông kể một câu chuyện về một nhà buôn người da đỏ, người đã được một nhà tiên tri hứa rằng ông ta sẽ chắc chắn trở giàu có vượt mọi sự tưởng tượng nếu ông ta tìm kiếm kho báu của mình. Ông nhà buôn đi khắp thế giới cuối cùng quay về nhà đã già, buồn bã, và thất bại. Ngay khi bước lại vào căn nhà đã bỏ không của mình, ông cần uống nước. Nhưng giếng trong mảnh đất của ông đã bị lấp đầy bùn. Một cách mệt mỏi, ông lấy chiếc mai và đào một cái giếng mới – và ngay lập tức ông đào phải Golconda, mỏ kim cương lớn nhất thế giới.

Thông điệp của Conwell là một thông điệp hữu ích. Các nhà lãnh đạo của các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản chẳng cần đi lang thang khắp các bộ ngoại giao trên thế giới và các định chế tài chính để tìm kiếm vận may của mình. Ngay chính giữa những hàng xóm nghèo nhất và các khu nhà ổ chuột của họ, sẵn có – nếu không phải là các mảnh đất kim cương – hàng ngàn tỉ đôla, có thể sẵn sàng đưa vào sử dụng ngay nếu điều bí ẩn của việc làm sao chuyển các tài sản thành tư bản sống có thể được làm sáng tỏ.

CHƯƠNG 3

Sự Bí ẩn của Tư bản

Ý nghĩa của thế giới phải nằm ngoài thế giới. Trên thế giới mọi thứ tồn tại như nó là và xảy ra như nó xảy ra. Giá trị không có ở đấy - và giả như có, nó sẽ chẳng có giá trị gì.

Nếu có một giá trị cái có giá trị, thì nó phải nằm ngoài mọi biến cố và sự sống. Do mọi biến cố và sự sống là tình cờ.

Cái làm cho nó không tình cờ không thể nằm trong thế giới, bởi nếu không thì điều này sẽ lại là tình cờ.

Nó phải nằm ngoài thế giới.

-Ludwig Wittgenstein*, Tractatus Logico-Philosophicus*

LANG THANG trên hầu hết những con đường ở Trung Đông, Liên Xô cũ, hoặc ở Mĩ Latin, và ta sẽ thấy nhiều thứ: những căn nhà dùng làm nơi ở, các thửa ruộng được canh tác, trồng trọt, gieo hạt, và thu hoạch, hàng hoá được mua và bán. Các tài sản ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản chủ yếu phục vụ cho các mục đích vật lí trực tiếp này. Ở Phương Tây, tuy thế, cũng chính những tài sản ấy còn có một cuộc sống song song với tư cách là tư bản nằm bên ngoài thế giới vật lí. Chúng có thể được dùng để khởi động sản xuất nhiều hơn bằng cách đảm bảo những lợi ích của các bên khác, thí dụ, với tư cách "vật bảo đảm" cho một văn tự thế chấp, hoặc bằng cách đảm bảo cung của các dạng khác của tín dụng và tiện ích công.

Vì sao các toà nhà và đất ở nơi khác trên thế giới lại không thể cũng có cuộc sống song hành này? Vì sao các nguồn lực khổng lồ mà

chúng ta đã thảo luận ở Chương 2 – 9,3 ngàn tỉ $ tư bản chết – lại không thể tạo giá trị vượt quá trạng thái "tự nhiên" của chúng? Câu trả lời của tôi là, Tư bản Chết tồn tại bởi vì chúng ta đã quên (hay có lẽ chưa bao giờ nhận ra) rằng chuyển một tài sản vật lí để tạo tư bản – thí dụ, dùng nhà của chúng ta để vay tiền nhằm tài trợ cho một doanh nghiệp – đòi hỏi một quá trình rất phức tạp. Nó chẳng khác quá trình mà Einstein đã dạy chúng ta rằng có thể làm cho một viên gạch đơn lẻ giải phóng một số năng lượng khổng lồ ở dạng một vụ nổ nguyên tử. Tương tự, tư bản là kết quả của sự khám phá và sự giải phóng năng lượng tiềm tàng từ hàng ngàn tỉ viên gạch mà những người nghèo đã tích cóp trong các ngôi nhà của họ.

Tuy vậy, có một sự khác biệt mấu chốt giữa giải phóng năng lượng từ một viên gạch và giải phóng tư bản từ các toà nhà xây bằng gạch: Mặc dù nhân loại (hoặc ít nhất một nhóm lớn các nhà khoa học) đã làm chủ một cách thành thạo quá trình nhận năng lượng từ vật chất, chúng ta dường như đã quên mất quá trình cho phép chúng ta nhận tư bản từ các tài sản. Kết quả là 80 phần trăm của thế giới được tư bản hoá thấp; người dân không thể chắt cuộc sống kinh tế ra từ nhà cửa (hoặc bất kể tài sản nào) của họ để tạo tư bản. Tồi tệ hơn, các quốc gia tiên tiến dường như không có khả năng dạy họ. Vì sao có thể làm cho các tài sản tạo tư bản dồi dào ở Phương Tây nhưng lại tạo ra rất ít (tư bản) ở phần còn lại của thế giới còn là một điều bí ẩn.

Những Manh mối từ Quá khứ (từ Smith đến Marx)

Để làm sáng tỏ bí ẩn của tư bản, chúng ta phải quay lại ý nghĩa sâu xa của từ này. Trong tiếng Latin Trung cổ, "capital – tư bản" dường như đã chỉ số đầu gia súc hoặc vật nuôi khác, những thứ đã luôn luôn là những nguồn quan trọng của sự giàu có vượt quá thịt cơ bản mà chúng cung cấp. Các vật nuôi là những vật sở hữu cần bảo dưỡng thấp; chúng dễ di động và có thể di chuyển khỏi mối nguy hiểm;

chúng cũng dễ đếm và đo lường. Nhưng quan trọng nhất là, từ vật nuôi ta có thể nhận được thêm của cải, hoặc giá trị thặng dư, bằng cách khởi động các ngành nghề khác, bao gồm sữa, da, len, thịt, và chất đốt. Vật nuôi cũng có một tính chất hữu ích là có khả năng sinh sản. Như thế thuật ngữ "capital-tư bản" làm hai việc cùng một lúc, thể hiện được kích cỡ vật lí của các tài sản (vật nuôi) cũng như khả năng tạo giá trị thặng dư của chúng. Từ sân nuôi (gia súc), chỉ còn một bước ngắn đến bàn viết của các nhà phát minh kinh tế học, những người đã định nghĩa đại thể "tư bản" như phần của các tài sản của một đất nước cái phần khởi xướng sản xuất thặng dư và làm tăng năng suất.

Các nhà kinh tế học cổ điển vĩ đại như Adam Smith và Karl Marx đã tin rằng tư bản là động cơ cung cấp lực cho nền kinh tế thị trường. Tư bản [Capital] đã được coi là phần chính yếu của tổng thể kinh tế - nhân tố tột bậc (như các vấn đề *cốt yếu* [*capital* issues] trong các cụm từ như tầm quan trọng *tột bậc* [*capital* importance], hình phạt *tử hình* [*capital* punishment], *thủ đô* [*capital* city] của một nước). Cái mà họ muốn hiểu là tư bản là gì và nó được sinh ra và tích tụ thế nào. Bất luận bạn có đồng ý với các nhà kinh tế cổ điển hay không, hoặc có lẽ coi họ là không thích đáng (có thể Smith đã chẳng hiểu rằng Cách mạng Công nghiệp đang đến gần; có thể lí thuyết lao động về giá trị của Marx chẳng có ứng dụng thực tiễn nào), chẳng nghi ngờ gì là những nhà tư tưởng này đã tạo nên các dinh thự tư duy cao chót vót mà trên đó chúng ta đứng bây giờ và thử tìm hiểu xem tư bản là gì, cái gì tạo ra nó, và vì sao các quốc gia phi Tây Phương lại tạo ra nó ít đến như vậy.

Đối với Smith, chuyên môn hoá kinh tế – phân công lao động và tiếp đó là trao đổi sản phẩm trên thị trường – đã là nguồn của tăng năng suất và vì vậy là "sự giàu có của các quốc gia". Cái làm cho sự chuyên môn hoá và trao đổi này có thể thực hiện được chính là tư bản, cái mà Smith định nghĩa như sự tồn trữ [stock] của các tài sản được tích tụ cho các mục đích sản xuất. Các nghiệp chủ có thể dùng các nguồn lực được tích tụ của mình để hỗ trợ các doanh nghiệp được chuyên môn hoá cho đến khi họ có thể trao đổi các sản phẩm của mình lấy các thứ khác mà họ cần. Tư bản tích tụ được càng nhiều, thì càng có khả năng chuyên môn hoá hơn, và năng suất của

xã hội sẽ càng cao hơn. Marx đồng ý; đối với ông, của cải mà chủ nghĩa tư bản sản xuất ra tự biểu hiện như một đống hàng hoá khổng lồ.

Smith đã tin rằng hiện tượng của tư bản đã là một hệ quả của sự tiến bộ tự nhiên của con người từ một xã hội săn bắn, chăn nuôi, và nông nghiệp sang một xã hội thương mại, trong đó, thông qua sự lệ thuộc lẫn nhau, sự chuyên môn hoá, và buôn bán, mà con người có thể tăng năng lực sản xuất của mình một cách vô cùng to lớn. Tư bản đã trở thành ma lực cái làm tăng năng suất và tạo giá trị thặng dư. "Sản lượng công nghiệp", Smith đã viết, "không chỉ tăng ở mọi nước với sự gia tăng của stock-sự tồn trữ [của tư bản] cái sử dụng nó, mà, như hệ quả của sự gia tăng ấy, cùng một sản lượng công nghiệp tạo ra một khối lượng công việc lớn hơn nhiều".[1]

Smith đã nhấn mạnh một điểm nằm ở chính tâm của điều bí ẩn mà chúng ta cố gắng giải quyết: Để các tài sản được tích tụ trở thành tư bản năng động và khởi động thêm sản xuất, chúng phải *được cố định lại và thể hiện trong một đối tượng cụ thể nào đó* "cái tồn tại trong một khoảng thời gian ít nhất sau khi lao động đã kết thúc. Nó là, như nó đã là, một lượng lao động nhất định được tồn trữ và được dự trữ để sử dụng, nếu cần, trong một dịp khác".[2] Smith cảnh báo rằng lao động được dùng trong sản xuất ra các tài sản sẽ không để lại dấu vết nào hoặc giá trị nào nếu không *được cố định* một cách thích hợp.

Cái mà Smith thực sự muốn nói đến có thể là chủ đề tranh luận chính đáng. Cái mà tôi lấy từ ông, tuy nhiên, là tư bản không phải là sự tồn trữ [stock] của các tài sản được tích tụ mà là *khả năng* nó nắm giữ để triển khai sản xuất mới. Khả năng này, tất nhiên, là cái trừu tượng. Nó phải được xử lí và cố định lại trong một dạng hữu hình trước khi chúng ta có thể giải phóng nó – hệt như năng lượng hạt nhân tiềm tàng trong viên gạch của Einstein. Không có một quá trình chuyển đổi – một quá trình rút ra và cố định năng lượng tiềm tàng chứa trong viên gạch – thì không có vụ nổ; một viên gạch vẫn chỉ là một viên gạch. Tạo ra tư bản cũng đòi hỏi một quá trình chuyển đổi.

Quan điểm này – rằng tư bản trước tiên là một khái niệm trừu tượng và phải được cho một dạng được cố định, hữu hình để trở nên hữu ích – đã là quen thuộc với các nhà kinh tế học cổ điển khác. Simonde de Sismondi, nhà kinh tế học Thuỵ Sĩ thế kỉ thứ mười chín,

đã viết rằng tư bản là "một giá trị vĩnh cửu, cái được nhân lên và không tàn lụi … Bây giờ giá trị này tự tách khỏi sản phẩm tạo ra nó, nó trở thành một đại lượng siêu hình và phi thực thể luôn luôn nằm trong sự chiếm hữu của bất kể ai đó tạo ra nó, đối với người ấy giá trị này có thể [được cố định] ở một dạng khác".[3] Nhà kinh tế học Pháp vĩ đại Jean Baptiste Say đã tin rằng "tư bản luôn là phi vật chất do bản chất vì lẽ rằng không phải vật chất tạo ra tư bản mà là giá trị của vật chất ấy, giá trị chẳng hề có cái hữu hình về nó".[4] Marx tán thành; đối với ông, một chiếc bàn có thể được làm bằng vật liệu nào đó, như gỗ chẳng hạn "nhưng ngay khi nó bước sang thành một hàng hoá, nó chuyển thành cái gì đó siêu việt. Nó không chỉ đứng trên những cái chân của nó trên mặt đất, mà, trong quan hệ với tất cả các hàng hoá khác, nó đứng trên đầu của nó, và tiến hoá từ các ý tưởng kì cục trong đầu óc gỗ của nó, kì diệu hơn nhiều so với chuyển động của bàn do thế lực siêu nhiên từng gây ra".[5]

Ý nghĩa quan trọng này của tư bản đã bị thất lạc đối với lịch sử. Tư bản bây giờ bị lẫn lộn với tiền, cái chỉ là một trong nhiều dạng trong đó tư bản di chuyển. Với một khái niệm khó thì một trong những thể hiện hữu hình của nó là luôn luôn dễ nhớ hơn so với cái cốt lõi của nó. Trí óc quấn mình quanh "tiền" dễ hơn quấn quanh "tư bản". Nhưng là một sai lầm khi giả thiết rằng tiền là cái cuối cùng cố định tư bản. Như Adam Smith đã chỉ ra, tiền là "cái bánh xe vĩ đại của luân chuyển", nhưng nó *không phải* là tư bản bởi vì giá trị "không thể cốt ở trong các đồng kim loại ấy".[6] Nói cách khác, tiền làm cho các giao dịch thuận tiện, cho phép chúng ta mua và bán các thứ, nhưng bản thân nó không phải là nguồn gốc của sự sản xuất thêm. Như Smith đã nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại, "tiền vàng và bạc, cái được luân chuyển trong bất cứ nước nào, có thể được so sánh một cách rất thích hợp với một đường cao tốc, cái, trong khi nó luân chuyển và mang ra thị trường tất cả cỏ và ngũ cốc của đất nước, bản thân nó chẳng tạo ra một đống riêng nào của một trong hai thứ đó".[7]

Phần nhiều của sự bí ẩn của tư bản tiêu tan ngay khi ta ngừng nghĩ về tư bản như một từ đồng nghĩa với "tiền được tiết kiệm và được đầu tư". Sự hiểu lầm, rằng chính tiền là cái cố định tư bản, xảy ra, tôi nghi rằng, bởi vì việc kinh doanh hiện đại biểu diễn giá trị của tư bản bằng tiền. Thực ra, rất khó ước lượng tổng giá trị của một tập hợp

các tài sản với những kiểu rất khác nhau, như máy móc, các toà nhà, và đất, mà không sử dụng đến tiền. Xét cho cùng, đó chính là lí do tại sao tiền đã được sáng chế ra; nó cung cấp một chỉ dẫn chuẩn để đo lường giá trị của các thứ sao cho chúng ta có thể trao đổi các tài sản không giống nhau. Nhưng cho dù có hữu ích đến đâu đi nữa, thì tiền không thể ấn định bằng bất cứ cách nào tiềm năng trừu tượng của một tài sản cụ thể nào đó để chuyển đổi nó thành tư bản. Các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản bị tai tiếng vì việc làm lạm phát nền kinh tế của họ bằng tiền – trong khi không có khả năng tạo ra nhiều tư bản.

Năng lượng Tiềm tàng trong các Tài sản

Cái cố định tiềm năng của một tài sản sao cho nó có thể khởi động một sự sản xuất thêm là gì? Cái gì tách giá trị ra khỏi một căn nhà bình thường và cố định nó theo một cách cho phép chúng ta nhận ra nó như là tư bản?

Chúng ta có thể tìm một lời giải đáp bằng cách sử dụng sự tương tự năng lượng của chúng ta. Hãy xem xét một cái hồ trên núi. Chúng ta có thể nghĩ về cái hồ này trong bối cảnh vật lí trực tiếp của nó và thấy một số tác dụng sơ đẳng của nó, như bơi thuyền và đánh cá. Nhưng khi chúng ta nghĩ về đúng cái hồ này, như một kĩ sư nghĩ bằng cách tập trung vào khả năng tạo năng lượng của nó như một giá trị thêm vào ngoài tình trạng tự nhiên của cái hồ như một khối nước, chúng ta đột nhiên thấy thế năng được tạo ra bởi vị trí cao của cái hồ. Thách thức đối với kĩ sư là tìm ra một *quá trình* cho phép anh ta chuyển đổi và cố định tiềm năng này trong một dạng có thể sử dụng được để làm công việc thêm. Trong trường hợp của cái hồ nằm trên

cao, quá trình đó cốt ở một nhà máy thuỷ điện cái cho phép nước hồ chảy nhanh xuống dưới lực hấp dẫn, và như thế chuyển thế năng bình yên của hồ thành động năng của dòng nước cuồn cuộn chảy. Rồi động năng mới này có thể quay các turbin, tạo ra cơ năng cái có thể dùng để quay các nam châm điện từ những cái tiếp tục chuyển nó thành điện năng. Với tư cách là điện, thế năng yên bình của hồ bây giờ được cố định ở dạng cần thiết để tạo ra dòng điện có thể điều khiển được, cái có thể tiếp tục được truyền tải qua các đường dây đến những nơi xa xôi để triển khai sự sản xuất mới.

Như thế một cái hồ bình lặng có thể được dùng để thắp sáng phòng của bạn và cung cấp điện cho máy móc ở một nhà máy. Cái cần đến là một quá trình nhân tạo từ bên ngoài cho phép chúng ta, đầu tiên, nhận diện ra khả năng của sức nặng của nước để làm công việc thêm và, thứ hai, để chuyển thế năng này thành điện, cái có thể dùng để tạo giá trị thặng dư. Giá trị tăng thêm mà chúng ta nhận được từ cái hồ không phải là giá trị của bản thân cái hồ (như một quặng quí hiếm nội tại [intrinsic] trong trái đất) mà như là một giá trị của một quá trình nhân tạo *nằm ở ngoài* [*extrinsic*] cái hồ. Chính quá trình này cho phép chúng ta chuyển đổi cái hồ từ một loại chỗ bơi thuyền và đánh cá thành một loại chỗ sản xuất năng lượng.

Tư bản, giống như năng lượng, cũng là một giá trị đang nằm ngủ. Đưa nó vào cuộc sống đòi hỏi chúng ta vượt quá *việc nhìn* các tài sản của chúng ta như chúng đang là, sang *suy nghĩ* một cách năng động về chúng như chúng có thể là. Nó đòi hỏi một quá trình để cố định tiềm năng kinh tế của một tài sản thành một dạng có thể được dùng để khởi động sự sản xuất thêm.

Mặc dù quá trình chuyển đổi thế năng của nước thành điện được nhiều người biết đến, còn quá trình tạo cho các tài sản có dạng cần thiết để khởi động sản xuất nhiều hơn thì lại không được biết. Nói cách khác, trong khi chúng ta biết rằng chính cửa cống, các turbin, các máy phát điện, các biến thế điện, và đường dây của hệ thống thuỷ điện là những cái chuyển đổi thế năng của hồ cho đến khi nó được cố định ở một dạng có thể tiếp cận được, thì chúng ta lại không biết phải tìm ở đâu quá trình then chốt để chuyển tiềm năng kinh tế của một căn nhà thành tư bản.

Tình hình là thế bởi vì quá trình then chốt đã không được thiết lập một cách có chủ tâm để tạo tư bản mà là cho mục đích trần tục hơn để bảo vệ quyền sở hữu. Khi các hệ thống sở hữu của các quốc gia Tây Phương lớn lên, chúng đã phát triển, một cách không thể cảm nhận được, các cơ chế đa dạng những cái dần dần kết hợp lại thành một quá trình tạo ra tư bản ồ ạt chưa hề từng có trước đây. Mặc dù chúng ta lúc nào cũng dùng các cơ chế này, chúng ta không nhận ra rằng chúng có các chức năng tạo tư bản bởi vì chúng không mang cái nhãn ấy. Chúng ta xem chúng như những phần của hệ thống bảo vệ quyền sở hữu, chứ không như các cơ chế móc khớp vào nhau để cố định tiềm năng kinh tế của một tài sản theo cách để cho tiềm năng ấy có thể chuyển đổi thành tư bản. Cái tạo ra tư bản ở Phương Tây, nói cách khác, là một quá trình ngầm ẩn được chôn vùi trong những điều rắm rối của các hệ thống quyền sở hữu chính thức.

Quá trình Chuyển đổi bị Che dấu của Phương Tây

Điều này nghe có thể như quá đơn giản hoặc quá phức tạp. Nhưng hãy suy xét liệu các tài sản có khả năng được sử dụng một cách có hiệu quả không nếu chúng không thuộc về cái gì đó hoặc ai đó. Chúng ta xác nhận sự tồn tại của những tài sản này và những phép biến đổi chuyển đổi chúng và làm tăng hiệu suất của chúng ở đâu, nếu không phải trong bối cảnh của một hệ thống quyền sở hữu chính thức? Chúng ta ghi chép các đặc tính kinh tế quan trọng của các tài sản vào đâu, nếu không phải vào các hồ sơ và các chứng thư mà hệ thống quyền sở hữu chính thức cung cấp? Các qui tắc cư xử để điều chỉnh việc sử dụng và chuyển nhượng các tài sản nằm ở đâu, nếu không phải trong khuôn khổ của hệ thống quyền sở hữu chính thức? Chính quyền sở hữu chính thức là cái cung cấp quá trình, các hình thức, và các qui tắc để cố định các tài sản trong một trạng thái cho phép chúng ta nhận ra chúng như tư bản năng động.

Ở Phương Tây, hệ thống quyền sở hữu chính thức này bắt đầu xử lí các tài sản thành tư bản bằng cách mô tả và tổ chức các khía cạnh

hữu ích về mặt kinh tế và xã hội của các tài sản, lưu trữ thông tin này trong một hệ thống hồ sơ – như ghi chèn vào sổ cái trong hồ sơ giấy hoặc vào đĩa máy tính – và sau đó biểu diễn chúng trong một chứng thư sở hữu. Một tập các qui tắc pháp lí chi tiết và chính xác điều khiển toàn bộ quá trình này. Các hồ sơ quyền sở hữu chính thức và các chứng thư sở hữu như vậy biểu diễn khái niệm được chia sẻ của chúng ta về cái gì là cái có ý nghĩa về mặt kinh tế đối với bất kể tài sản nào. Chúng thâu tóm và thiết lập tất cả thông tin quan trọng cần thiết để khái niệm hoá giá trị tiềm năng của một tài sản và như thế cho phép chúng ta kiểm soát nó. Quyền sở hữu là địa hạt nơi chúng ta nhận diện và thăm dò các tài sản, kết hợp chúng, và kết nối chúng với các tài sản khác. Hệ thống quyền sở hữu chính thức là nhà máy thuỷ điện của tư bản. Đây là nơi tư bản sinh ra.

Bất kể tài sản nào mà các khía cạnh kinh tế và xã hội của nó không được cố định trong một hệ thống quyền sở hữu chính thức thì cực kì khó di chuyển trên thị trường. Làm sao có thể kiểm soát được lượng tài sản khổng lồ được đổi chủ trong một nền kinh tế thị trường hiện đại, nếu không thông qua một quá trình quyền sở hữu chính thức? Không có một hệ thống như vậy, bất kể việc mua bán một tài sản nào, thí dụ một bất động sản, sẽ đòi hỏi nỗ lực to lớn chỉ để xác định những căn cứ của giao dịch: Có thật người bán là chủ của bất động sản và có quyền bán nó? Ông ta có thể thế chấp nó? Liệu người chủ mới có được những người thực thi quyền sở hữu chấp nhận là như vậy không? Các phương tiện hữu hiệu để loại trừ những người khác đòi (quyền) là gì? Ở các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản, những câu hỏi như vậy là khó trả lời. Đối với hầu hết hàng hoá, chẳng có nơi nào mà các câu trả lời được xác định một cách tin cậy. Đó là lí do vì sao bán hoặc cho thuê một căn nhà có thể kéo theo các thủ tục chấp thuận dài dòng và rắm rối liên quan đến tất cả hàng xóm. Đây thường là cách duy nhất để xác minh rằng người chủ, thực sự làm chủ căn nhà và không còn ai khác có đòi hỏi về nó. Đó cũng là lí do vì sao sự chuyển nhượng hầu hết tài sản ở ngoài Phương Tây lại bị hạn chế chỉ trong các giới bạn hàng kinh doanh địa phương.

Như chúng ta đã thấy ở chương trước, vấn đề chủ yếu của các nước này không phải là thiếu tinh thần khởi nghiệp: Những người nghèo đã tích tụ hàng ngàn tỉ đôla bất động sản trong bốn mươi năm

qua. Cái mà những người nghèo thiếu là sự tiếp cận dễ dàng đến các cơ chế quyền sở hữu có thể cố định một cách hợp pháp tiềm năng kinh tế của các tài sản của họ sao cho chúng có thể được dùng để tạo ra, đảm bảo, hoặc bảo lãnh giá trị lớn hơn trong thị trường được mở rộng. Ở Phương Tây, mọi tài sản – mọi mảnh đất, mọi căn nhà, mọi động sản – đều được cố định một cách chính thức trong các hồ sơ được cập nhật và được quản lí bởi các qui tắc của hệ thống quyền sở hữu. Mọi sự gia tăng sản xuất, mọi toà nhà mới, sản phẩm mới, hoặc thứ gì mới có giá trị thương mại đều thuộc sở hữu chính thức của ai đó. Thậm chí tài sản thuộc về một công ti, những người thật vẫn sở hữu chúng một cách gián tiếp, thông qua các chứng thư chứng nhận rằng họ sở hữu công ti với tư cách là “các cổ đông”.

Giống như năng lượng điện, tư bản sẽ không được tạo ra nếu thiếu khâu then chốt duy nhất tạo ra và cố định nó. Cũng hệt như cái hồ cần nhà máy thuỷ điện để tạo ra năng lượng khả dụng, các tài sản cần một hệ thống quyền sở hữu chính thức để tạo ra giá trị thặng dư đáng kể. Không có quyền sở hữu chính thức để chiết xuất tiềm năng kinh tế và biến đổi nó thành một dạng có thể vận chuyển được và kiểm soát được một cách dễ dàng, các tài sản của các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản giống như nước trong một hồ cao trên dãy núi Andes – một kho thế năng chưa khai thác.

Vì sao mà căn nguyên của tư bản lại trở nên bí ẩn như vậy? Vì sao các quốc gia giàu có của thế giới lại mau như vậy với lời khuyên kinh tế của họ, mà không giải thích quyền sở hữu chính thức cần thiết đến thế nào cho việc hình thành tư bản? Câu trả lời là, quá trình trong nội bộ hệ thống quyền sở hữu chính thức cái phân rã các tài sản thành tư bản là cực kì khó mường tượng ra. Nó được che giấu trong hàng ngàn mẩu của các luật, các chế độ, các qui chế, và các định chế điều khiển hệ thống. Bất kể ai bị sa bẫy vào một bãi lầy pháp lí như vậy đều sẽ quá bận rộn để có thể hình dung ra quá trình thực sự vận hành ra sao. Cách duy nhất để xem nó là từ bên ngoài hệ thống – từ khu vực ngoài pháp luật – là nơi mà các cộng sự của tôi và tôi tiến hành hầu hết công việc của mình.

Đã một thời gian tôi xem xét luật từ một quan điểm ngoài pháp luật, để hiểu rõ hơn nó hoạt động thế nào và các tác động nó gây ra là gì. Đây là điều không đến nỗi điên rồ như nó có vẻ. Như triết gia

Pháp Michel Foucault đã lập luận, có thể dễ hơn để khám phá ra cái gì đó có ý nghĩa gì bằng cách xem xét nó từ phía ngược lại. "Để khám phá ra xã hội chúng ta hiểu sự minh mẫn có nghĩa là gì", Foucault viết, "có lẽ chúng ta phải khảo sát cái gì xảy ra trong lĩnh vực mất trí. Và chúng ta hiểu hợp pháp có ý nghĩa gì trong lĩnh vực bất hợp pháp".[8] Hơn thế nữa, quyền sở hữu, giống năng lượng, là một khái niệm; nó không thể trải nghiệm được một cách trực tiếp. Năng lượng thuần tuý chẳng bao giờ có thể thấy hay sờ mó được. Và chẳng ai có thể thấy quyền sở hữu. Chỉ có thể trải nghiệm năng lượng và quyền sở hữu thông qua những tác động của chúng.

Từ quan điểm của tôi trong khu vực ngoài pháp luật, tôi đã thấy rằng hệ thống quyền sở hữu chính thức của Phương Tây tạo ra sáu tác động cho phép các công dân của họ tạo ra tư bản. Sự bất lực ở những nơi khác trên thế giới để triển khai tư bản bắt nguồn từ sự thực là hầu hết dân chúng ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản bị cắt bỏ khỏi những tác động này.

Tác động số 1 của Quyền sở hữu: Cố định Tiềm năng Kinh tế của Tài sản.

Giá trị tiềm tàng được nhốt trong căn nhà có thể được khám phá ra và chuyển đổi thành tư bản năng động theo đúng như cách thế năng được nhận diện ra trong một hồ nước ở trên núi và sau đó chuyển đổi thành năng lượng thực tế. Trong cả hai trường hợp, quá độ từ một trạng thái sang trạng thái khác cần đến một quá trình chuyển đối tượng vật lí sang một thế giới biểu trưng nhân tạo trong đó chúng ta có thể thoát khỏi những ràng buộc vật chất phiền toái của đối tượng và chỉ tập trung vào tiềm năng của nó mà thôi.

Tư bản sinh ra bằng sự biểu diễn trong văn tự – trong một chứng thư, một hợp đồng, và trong các hồ sơ khác như vậy – ghi lại những đại lượng kinh tế và xã hội hữu ích nhất *về* tài sản đối lập với những khía cạnh dễ đập vào mắt hơn *của* tài sản. Đây là nơi giá trị tiềm tàng lần đầu được mô tả và đăng kí. Thời điểm mà ta tập trung chú ý vào chứng thư sở hữu của, thí dụ, một căn nhà, chứ không phải vào bản thân căn nhà, chính là thời điểm ta đã bước từ thế giới vật chất sang

thế giới quan niệm nơi tư bản sinh sống. Ta đang đọc một biểu diễn, cái chỉ tập trung sự chú ý của ta vào tiềm năng kinh tế của căn nhà, bằng cách lọc bỏ tất cả những nét sáng và vết tối gây bối rối của các khía cạnh vật lí và vùng xung quanh cục bộ của nó. Quyền sở hữu chính thức buộc ta phải nghĩ về căn nhà như một khái niệm kinh tế và xã hội. Nó chào mời ta vượt quá cái nhìn căn nhà chỉ như nơi trú ẩn đơn thuần – và như thế là một tài sản chết – và nhìn nó với tư cách là tư bản năng động.

Sự chứng minh rằng quyền sở hữu chỉ là một khái niệm thuần tuý xảy ra khi một ngôi nhà đổi chủ; chẳng có gì thay đổi về mặt vật lí. Nhìn vào một căn nhà sẽ chẳng cho ta biết ai sở hữu nó. Một căn nhà là của bạn hôm nay nhìn hoàn toàn chính xác như hôm qua khi nó còn là của tôi. Nó nhìn đúng như vậy bất luận tôi sở hữu nó, cho thuê nó hoặc bán nó cho bạn. Quyền sở hữu không phải là bản thân cái nhà mà là một khái niệm kinh tế *về* cái nhà, được hiện thân trong một biểu diễn pháp lí. Điều này có nghĩa rằng một biểu diễn quyền sở hữu chính thức là cái gì đó tách rời khỏi tài sản mà nó biểu diễn.

Cái gì làm cho các biểu diễn quyền sở hữu chính thức cho phép chúng thực hiện công việc thêm? Phải chăng chúng đơn giản chỉ là những cái đóng vai thay cho các tài sản? Không. Tôi nhắc lại: Một biểu diễn quyền sở hữu chính thức, thí dụ như một chứng thư sở hữu, không phải là một bản sao *của* cái nhà, như một bức ảnh, mà là một biểu diễn các khái niệm của chúng ta *về* cái nhà. Đặc biệt, nó biểu diễn các đại lượng vô hình những cái có khả năng tạo ra giá trị. Những cái này không phải là các đại lượng vật lí của bản thân cái nhà mà thay vào đó là các đại lượng có ý nghĩa về mặt kinh tế và xã hội mà con người gán cho cái nhà (thí dụ như khả năng để dùng nó cho các mục đích đa dạng có thể được đảm bảo bằng các quyền lưu giữ, thế chấp, quyền sử dụng đất của người khác [địa dịch], và các điều qui ước khác).

Ở các quốc gia tiên tiến, sự biểu diễn quyền sở hữu chính thức này hoạt động như các công cụ để đảm bảo những quyền lợi của các bên khác và để tạo ra tính chịu trách nhiệm bằng cách cung cấp tất cả thông tin, các dẫn chiếu, các qui tắc, và các cơ chế thực thi cần thiết để làm vậy. Ở Phương Tây, thí dụ, hầu hết quyền sở hữu chính thức có thể được sử dụng dễ dàng như thế chấp cho một khoản vay; như

vốn cổ phần cho đầu tư; như một địa chỉ cho việc thu các khoản nợ, các khoản thuế địa phương, và các khoản thuế; như một địa điểm để nhận diện ra các cá nhân cho các mục đích thương mại, pháp lí, hoặc công dân; và như một điểm cuối có trách nhiệm pháp lí để tiếp nhận các dịch vụ công ích như năng lượng, nước, nước thải, điện thoại, hoặc các dịch vụ cáp. Trong khi các căn nhà ở các quốc gia tiên tiến hoạt động như những nơi cư trú hoặc chỗ làm việc, những biểu diễn của chúng có một cuộc sống song song, thực hiện một loạt các chức năng thêm nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên khác.

Quyền sở hữu hợp pháp như vậy đã cho Phương Tây các công cụ để tạo ra giá trị thặng dư trên và vượt quá các tài sản vật lí của nó. Những biểu diễn quyền sở hữu cho phép người dân nghĩ về tài sản không chỉ thông qua sự quen biết vật lí mà còn thông qua mô tả những đại lượng kinh tế và xã hội tiềm ẩn của chúng. Cho dù bất kể ai có chủ đích nhắm vào nó hay không, hệ thống pháp lí về quyền sở hữu đã trở thành cầu thang dẫn các quốc gia này từ thế giới của các tài sản ở trạng thái tự nhiên của chúng sang thế giới khái niệm của tư bản ở nơi các tài sản có thể được nhìn nhận một cách đầy đủ trong tiềm năng hữu ích của chúng.

Với quyền sở hữu hợp pháp, các quốc gia tiên tiến Phương Tây đã có chìa khoá cho sự phát triển hiện đại; các công dân của họ giờ đây đã có các phương tiện để khám phá ra, với năng khiếu lớn và trên cơ sở liên tục, những đại lượng hữu ích có tiềm năng nhất của các nguồn lực của họ. Như Aristotle đã phát hiện ra 2.300 năm trước đây, cái ta có thể làm với các thứ tăng lên vô tận khi ta tập trung suy nghĩ của mình vào khả năng của chúng. Bằng cách học để cố định tiềm năng kinh tế của các tài sản của mình thông qua các hồ sơ quyền sở hữu, những người Phương Tây đã tạo ra một đường đi nhanh để khai phá những khía cạnh hữu ích nhất của những vật sở hữu của họ. Quyền sở hữu chính thức đã trở thành cầu thang dẫn tới lãnh địa khái niệm nơi ý nghĩa kinh tế của các thứ có thể được khám phá và là nơi tư bản sinh ra.

Tác động số 2 của Quyền sở hữu: Tích hợp Thông tin Tản mác vào Một Hệ thống.

Như chúng ta đã thấy trong chương trước, hầu hết dân chúng ở các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản không thể tham gia vào hệ thống quyền sở hữu hợp pháp, dù nó tồi, bất luận họ cố gắng ra sao. Bởi vì họ không thể đưa tài sản của họ vào hệ thống quyền sở hữu hợp pháp, kết cục họ giữ chúng ngoài vòng pháp luật. Lí do chủ nghĩa tư bản chiến thắng ở Phương Tây và èo uột ở phần còn lại của thế giới là bởi vì hầu hết tài sản ở các quốc gia Phương Tây đã được tích hợp vào một hệ thống biểu diễn chính thống.

Sự tích hợp này đã không xảy ra một cách ngẫu nhiên. Qua hàng thập kỉ trong thế kỉ mười chín, các nhà chính trị, các nhà lập pháp, và các thẩm phán đã hoà hợp những thông tin và các qui tắc điều chỉnh quyền sở hữu nằm tản mác ở các thành phố, làng mạc, toà nhà, và các trang trại với nhau và tích hợp chúng vào một hệ thống. "Sự hoà hợp với nhau" này của những biểu diễn quyền sở hữu, một thời điểm cách mạng trong lịch sử của các quốc gia đã phát triển, đã đưa toàn bộ thông tin và qui tắc điều chỉnh của cải được tích tụ của các công dân của họ vào một cơ sở tri thức. Trước thời điểm đó, thông tin về các tài sản có thể được truy cập đến ít hơn nhiều. Mỗi trang trại hoặc khu định cư đã ghi chép tài sản của nó và các qui tắc điều chỉnh chúng bằng các sổ cái, các kí hiệu, hoặc lời chứng thô sơ. Nhưng thông tin đã bị cắt vụn, tản mác, và không sẵn có cho bất kể một người đại diện nào ở bất kể thời điểm cho trước nào. Như chúng ta bây giờ đã biết quá rành, một sự dư dật thông tin không nhất thiết là một sự phong phú tri thức. Để cho tri thức có thể hoạt động, các quốc gia tiên tiến đã phải tích hợp toàn bộ dữ liệu lỏng lẻo và bị cô lập về quyền sở hữu của họ vào một hệ thống toàn diện.

Các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản đã chưa làm điều này. Trong tất cả các nước mà tôi đã nghiên cứu, tôi chẳng bao giờ chỉ thấy đúng một hệ thống pháp lí mà là hàng chục hoặc thậm chí hàng trăm hệ thống được quản lí bởi đủ loại các tổ chức, một số hợp pháp, số khác ngoài pháp luật, trải từ các nhóm nghiệp chủ nhỏ đến các tổ chức xây dựng nhà ở. Cho nên, cái mà dân chúng ở các nước đó có thể làm với tài sản của mình bị hạn chế bởi khả năng

tưởng tượng của các chủ sở hữu và những người quen của họ. Ở các nước Phương Tây, nơi thông tin tài sản được chuẩn hoá và sẵn có một cách phổ quát, cái mà các chủ sở hữu có thể làm với những tài sản của họ được hưởng lợi từ khả năng sáng tạo tập thể của một mạng lưới rộng lớn hơn của dân chúng.

Có thể gây ngạc nhiên cho độc giả Phương Tây là hầu hết các quốc gia trên thế giới vẫn chưa tích hợp các thoả thuận ngoài pháp luật về tài sản vào một hệ thống pháp lí chính thức. Đối với những người Phương Tây, cho là chỉ có một luật – luật chính thức. Thế mà sự nhờ cậy của Phương Tây vào hệ thống quyền sở hữu được tích hợp là một hiện tượng mới chỉ có nhiều nhất hai trăm năm. Ở hầu hết các nước Phương Tây, hệ thống quyền sở hữu được tích hợp mới xuất hiện chỉ khoảng một trăm năm trước; sự tích hợp của Nhật bản xảy ra chỉ hơn năm mươi năm trước. Chúng ta sẽ xem xét chi tiết muộn hơn, những dàn xếp quyền sở hữu chính thức tản mác đã một thời là chuẩn mực ở mọi quốc gia. Chủ nghĩa đa nguyên pháp lí đã là tiêu chuẩn ở Châu Âu lục địa cho đến khi luật Roman được tái phát hiện ra ở thế kỉ thứ mười bốn và các chính phủ đã tập hợp tất cả các khuynh hướng luật vào một hệ thống được phối hợp.

Ở California ngay sau sự đổ xô đi tìm vàng năm 1849, đã có khoảng tám trăm quyền tài phán tài sản riêng biệt, mỗi cái lại có các hồ sơ và qui chế riêng được thiết lập bởi sự đồng thuận địa phương. Khắp Hoa Kì, từ California đến Florida, các hiệp hội đòi quyền thoả thuận về các qui tắc riêng và lựa chọn các quan chức riêng của họ. Chính phủ Hoa Kì đã mất hơn một trăm năm, sang đến tận cuối thế kỉ thứ mười chín, để thông qua đạo luật đặc biệt cái đã tích hợp và hình thức hoá các tài sản ở Hoa Kì. Bằng cách ban hành hơn năm mươi lăm đạo luật quyền ưu tiên mua trước và khai mỏ, Quốc hội đã dần dần tìm được cách tích hợp các qui tắc quyền sở hữu chính thức được hàng triệu người nhập cư và những kẻ chiếm đất sáng tạo ra vào một hệ thống. Kết quả đã là một thị trường tài sản được tích hợp cái đã cấp nhiên liệu cho sự tăng trưởng bùng nổ về kinh tế của Hoa Kì sau đó.

Lí do vì sao rất khó theo dõi lịch sử này của sự tích hợp của các hệ thống sở hữu tài sản rộng lớn là quá trình đã xảy ra trong thời gian rất dài. Các cơ quan đăng kí quyền sở hữu chính thức bắt đầu xuất

hiện ở Đức, thí dụ, vào thế kỉ thứ mười hai nhưng đã không được tích hợp đầy đủ mãi cho đến 1896, khi hệ thống *Grundbuch* [Sổ Đất] để ghi chép các giao dịch đất đai bắt đầu hoạt động ở qui mô quốc gia. Ở Nhật Bản, phong trào toàn quốc để hình thức hoá quyền sở hữu của những nông dân bắt đầu từ cuối thế kỉ mười chín và chỉ kết thúc vào cuối các năm 1940. Những nỗ lực vô song của Thuỵ Sĩ để gom lại các hệ thống bảo vệ quyền sở hữu và các giao dịch khác hẳn nhau vào một mối ở giao thời của thế kỉ hai mươi vẫn được ít người biết đến, thậm chí đối với nhiều người Thuỵ Sĩ.

Như kết quả của sự tích hợp, công dân của các quốc gia tiên tiến có thể nhận được những mô tả của các đại lượng kinh tế và xã hội của bất kể tài sản sẵn có nào mà không phải xem bản thân tài sản ấy. Họ không còn phải đi quanh đất nước để thăm mỗi và từng chủ sở hữu và hàng xóm của họ; hệ thống quyền sở hữu chính thức cho phép họ biết các tài sản nào là sẵn có và những cơ hội nào tồn tại để tạo ra giá trị thặng dư. Vì vậy, tiềm năng của một tài sản trở nên dễ đánh giá hơn và dễ trao đổi hơn, tăng cường sản sinh tư bản.

Tác động số 3 của Quyền sở hữu: Làm cho Dân chúng có Trách nhiệm

Việc tích hợp tất cả các hệ thống quyền sở hữu vào một luật quyền sở hữu chính thức dịch chuyển tính hợp pháp về các quyền của các chủ sở hữu từ phạm vi chính trị hoá của các cộng đồng địa phương sang phạm vi khách quan của luật. Giải phóng các chủ sở hữu khỏi những dàn xếp hạn chế cục bộ và đưa họ vào một hệ thống pháp lí được tích hợp hơn tạo thuận tiện cho trách nhiệm giải trình của họ.

Bằng cách chuyển đổi những người với những quan tâm đến quyền tài sản thành các cá nhân có trách nhiệm, quyền sở hữu chính thức tạo ra các cá nhân từ quần chúng nhân dân. Người dân không còn phải dựa vào các quan hệ hàng xóm hoặc phải tiến hành các cuộc dàn xếp địa phương để bảo vệ các quyền của mình đối với các tài sản. Được giải phóng khỏi những hoạt động kinh tế thô sơ và khỏi

các ràng buộc địa phương hẹp hòi và nặng nề, họ có thể thăm dò làm sao để tạo giá trị thặng dư từ các tài sản riêng của mình. Nhưng có một cái giá phải trả: Một khi ở trong một hệ thống quyền sở hữu chính thức, những người chủ mất tính ẩn danh của mình. Do được liên kết chặt chẽ với bất động sản và các công việc kinh doanh nên có thể dễ được nhận diện và định vị, người dân bị tước mất khả năng mất hút (lẩn trốn) trong đám đông. Sự ẩn danh này thực tế đã biến mất ở Phương Tây, trong khi tính trách nhiệm cá nhân được tăng cường. Những người không trả tiền hàng hoá hay dịch vụ mà họ đã tiêu thụ có thể được nhận diện, phải chịu lãi phạt, bị phạt, bị cấm vận, bị hạ xếp hạng đánh giá tín dụng. Các nhà chức trách có khả năng biết những vi phạm pháp luật và các hợp đồng bị từ chối; họ có thể ngưng các dịch vụ, siết tài sản, và rút một số hoặc tất cả các đặc quyền của quyền sở hữu hợp pháp.

Sự tôn trọng đối với quyền sở hữu và các giao dịch ở Phương Tây chẳng phải được mã hoá trong DNA của các công dân của họ; đúng hơn nó là kết quả của việc có các hệ thống quyền sở hữu chính thức có thể thực thi được. Vai trò bảo vệ không chỉ quyền chủ sở hữu mà cả sự an toàn của các giao dịch, của quyền sở hữu chính thức khuyến khích công dân trong các nước tiên tiến tôn trọng các chứng thư sở hữu, tôn trọng thực hiện các hợp đồng, và tuân thủ luật pháp. Khi bất kể công dân nào không hành động một cách danh dự, sự vi phạm của anh ta được ghi lại trong hệ thống, huỷ hoại uy tín của anh ta với tư cách là một bên đáng tin cậy đối với hàng xóm, các công ti công ích, các ngân hàng, các công ti điện thoại, các hãng bảo hiểm của anh ta, và đối với phần còn lại của mạng lưới mà tài sản gắn kết anh ta lại.

Như thế các hệ thống quyền sở hữu chính thức của Phương Tây ban tặng phước lành bị pha tạp. Mặc dù chúng cung cấp tiền cược cho hàng trăm triệu công dân trong ván bài tư bản chủ nghĩa, cái làm cho tiền cược này có nghĩa chính là nó có thể bị mất. Một phần lớn của giá trị tiềm năng của quyền sở hữu hợp pháp xuất phát từ khả năng mất quyền. Bởi vậy, rất nhiều quyền lực của nó có từ tính trách nhiệm mà nó tạo ra, từ các ràng buộc mà nó áp đặt, các qui tắc mà nó đẻ ra, và từ những sự trừng phạt mà nó có thể áp dụng. Để cho phép người dân thấy tiềm năng kinh tế và xã hội của các tài sản, quyền sở hữu chính thức thay đổi nhận thức trong các xã hội tiên tiến không

chỉ về những phần thưởng tiềm năng của việc sử dụng các tài sản mà cả về những mối nguy hiểm nữa. Quyền sở hữu chính thức đòi hỏi sự cam kết.

Việc thiếu quyền sở hữu hợp pháp như vậy giải thích vì sao các công dân trong các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản không thể làm những hợp đồng có lợi với những người xa lạ, không thể kiếm tín dụng, bảo hiểm, hoặc các dịch vụ công ích: Họ không có quyền sở hữu để mất. Bởi vì họ không có quyền sở hữu để mất, họ chỉ được coi là các bên hợp đồng nghiêm túc bởi những người trực hệ trong gia đình và láng giềng của họ. Những người chẳng có gì để mất bị mắc bẫy trong tầng hầm dơ dáy của thế giới tiền tư bản chủ nghĩa.

Trong khi đó, công dân của các quốc gia tiên tiến có thể hợp đồng cho bất kể thứ gì hợp lí, nhưng cái giá vào cửa là cam kết. Và cam kết được hiểu tốt hơn khi được đảm bảo bằng một cầm cố quyền sở hữu, bất luận nó là văn tự thế chấp, quyền siết tài sản, hoặc bất kể dạng đảm bảo nào để bảo vệ bên hợp đồng kia.

Tác động số 4 của Quyền sở hữu: Làm cho các Tài sản Có thể Thay thế nhau

Một trong những thứ quan trọng nhất mà một hệ thống quyền sở hữu chính thức làm là chuyển đổi các tài sản từ một điều kiện ít có thể tiếp cận hơn sang một điều kiện có thể tiếp cận nhiều hơn, như thế chúng có thể làm thêm công việc. Không giống như các tài sản vật lí, các biểu diễn dễ kết hợp, chia nhỏ, huy động, và được dùng để kích thích công việc kinh doanh. Bằng cách tách các đặc trưng kinh tế của một tài sản khỏi trạng thái vật lí cứng nhắc của nó, một sự biểu diễn làm cho tài sản "có thể thay thế nhau" – có khả năng được nhào nặn cho phù hợp với hầu như bất cứ giao dịch nào.

Bằng cách mô tả tất cả các tài sản theo các loại chuẩn, một hệ thống quyền sở hữu chính thức cho phép so sánh hai toà nhà có kiến trúc khác nhau được xây dựng cho cùng một mục đích. Điều này cho phép phân biệt một cách nhanh chóng và ít tốn kém giữa những sự

giống nhau và sự khác biệt trong các tài sản mà không phải coi mỗi tài sản giả như nó là độc nhất.

Những mô tả chuẩn quyền sở hữu ở Phương Tây cũng được viết ra để làm cho việc kết hợp các tài sản được thuận tiện. Các qui tắc quyền sở hữu chính thức đòi hỏi các tài sản phải được mô tả và đặc trưng theo cách không chỉ phác hoạ những nét mang tính độc nhất của chúng mà còn nêu ra những điểm tương đồng với các tài sản khác, như vậy làm cho những kết hợp khả dĩ trở nên hiển nhiên hơn. Thông qua việc sử dụng các hồ sơ được chuẩn hoá, có thể xác định (trên cơ sở những ràng buộc qui vùng, những ai là hàng xóm và họ làm gì, diện tích của các toà nhà, liệu chúng có thể được nối với nhau, v.v) làm sao có thể khai thác một bất động sản cho có lợi nhất, dù làm văn phòng, phòng khách sạn, hiệu sách, hoặc làm sân quần vợt và sauna.

Những biểu diễn cũng cho phép chia các tài sản mà không phải đụng đến chúng. Trong khi một tài sản như một nhà máy có thể là một đơn vị không thể phân chia được trong thế giới thực, còn trong thế giới khái niệm của biểu diễn quyền sở hữu chính thức nó có thể được chia nhỏ thành nhiều phần. Công dân của các quốc gia tiên tiến như vậy có thể tách hầu hết tài sản của họ thành các cổ phần, mỗi phần có thể được sở hữu bởi những người khác nhau với các quyền khác nhau, để thực hiện các chức năng khác nhau. Nhờ có quyền sở hữu chính thức, một nhà máy duy nhất có thể được sở hữu bởi vô số nhà đầu tư, những người có thể gạt bỏ quyền sở hữu của họ mà không làm ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của tài sản vật lí.

Tương tự, ở một nước phát triển, con trai của một nông dân người muốn nối nghiệp bố có thể giữ lại trang trại bằng cách mua hết phần của của các anh chị em ruột có đầu óc thương mại hơn. Những người nông dân ở nhiều nước đang phát triển không có quyền chọn như vậy và phải liên tục chia trang trại của họ cho từng hế hệ cho đến khi các mảnh đất trở nên quá nhỏ để có thể canh tác hiệu quả, để lại cho con cháu hai lựa chọn: chết đói hoặc ăn cắp.

Những biểu diễn quyền sở hữu chính thức cũng có thể dùng như cái thay thế có thể di chuyển cho các tài sản vật lí, cho phép những người chủ và các nghiệp chủ mô phỏng các tình huống giả thuyết nhằm thăm dò những cách sử dụng sinh lợi khác của tài sản của họ –

giống như các sĩ quan quân đội lên kế hoạch tác chiến cho một trận đánh bằng cách di chuyển các kí hiệu của các đội quân và những vũ khí của họ trên bản đồ. Nếu ta nghĩ về nó, chính những biểu diễn quyền sở hữu là những cái cho phép các nghiệp chủ mô phỏng các chiến lược kinh doanh để tăng trưởng các công ti và làm nên tư bản của họ.

Ngoài ra, tất cả các hồ sơ chuẩn về quyền sở hữu chính thức được nghĩ ra sao cho việc đo lường dễ dàng các đặc tính của các tài sản được thuận tiện. Nếu không sẵn có những mô tả chuẩn của các tài sản, bất kể ai muốn mua, thuê, hoặc cấp tín dụng đối với tài sản sẽ phải tốn nguồn lực to lớn để so sánh và đánh giá nó với những tài sản khác – những cái cũng chẳng có những mô tả chuẩn. Bằng cách cung cấp các tiêu chuẩn, các hệ thống quyền sở hữu chính thức Phương Tây đã giảm đáng kể các chi phí giao dịch của việc di chuyển và sử dụng các tài sản.

Một khi các tài sản đã ở trong một hệ thống quyền sở hữu chính thức, chúng phú cho những người chủ một lợi thế lớn lao trong khả năng chúng có thể được chia nhỏ và kết hợp theo nhiều cách hơn so với một bộ lắp ghép (mang nhãn) Erector set. Những người Phương Tây có thể làm cho các tài sản của họ thích ứng với bất kì hoàn cảnh kinh tế nào để tạo ra các hỗn hợp có giá trị cao hơn liên tục, trong khi những người tương đương ở Thế giới Thứ ba lại bị mắc kẹt trong thế giới vật lí có những hình thức cứng nhắc, không thay thế nhau được.

Tác động số 5 của Quyền sở hữu: Kết nối Dân chúng

Bằng cách làm cho các tài sản có thể thay thế nhau, gắn các chủ với các tài sản, gắn quyền sở hữu với thực thi, và bằng cách làm cho thông tin về lịch sử của các tài sản và các chủ tài sản có thể được tiếp cận dễ dàng, các hệ thống quyền sở hữu chính thức đã chuyển đổi các công dân của Phương Tây thành một mạng của các tác nhân kinh doanh có trách nhiệm giải trình và có thể nhận diện từng cá nhân một. Quá trình quyền sở hữu chính thức đã tạo nên một hạ tầng cơ sở tổng thể của các công cụ kết nối, những cái, giống như một sân ghi

đường ray, cho phép các tài sản (tàu hoả) chạy an toàn giữa những con người (các ga). Đóng góp của quyền sở hữu chính thức cho nhân loại không phải là sự bảo hộ cho quyền sở hữu; những kẻ chiếm đất, các tổ chức xây dựng nhà ở, mafia, và thậm chí các bộ lạc nguyên thuỷ tìm được cách để bảo vệ tài sản của họ hết sức hiệu quả. Sự đột phá thực sự của quyền sở hữu chính là nó đã cải thiện một cách triệt để luồng thông tin về các tài sản và tiềm năng của chúng. Nó cũng làm tăng địa vị của các chủ sở hữu, những người trở thành những tác nhân kinh tế có khả năng biến đổi các tài sản trong phạm vi một mạng lưới rộng lớn hơn.

Điều này giải thích vì sao quyền sở hữu hợp pháp khuyến khích các nhà cung ứng các dịch vụ công ích như điện và nước đi đầu tư sản xuất và phân phối các dịch vụ công ích cho các toà nhà dịch vụ. Bằng cách gắn về mặt pháp lí các toà nhà nơi các dịch vụ được cung ứng với các chủ sở hữu, những người sẽ sử dụng và trả tiền cho các dịch vụ, một hệ thống quyền sở hữu chính thức làm giảm rủi ro ăn trộm các dịch vụ. Nó cũng làm giảm các tổn thất tài chính do thu tiền hoá đơn dịch vụ từ những người khó định vị, cũng như những thiệt hại kĩ thuật do ước lượng sai nhu cầu sử dụng điện của khu vực ở nơi các doanh nghiệp và dân cư lén lút và không được nghi hồ sơ. Không biết ai có những quyền với cái gì, và không có một hệ thống pháp lí được tích hợp trong đó khả năng buộc thực thi các nghĩa vụ được chuyển từ các nhóm ngoài pháp luật sang chính phủ, thì các ngành dịch vụ công cộng sẽ khó có thể cung cấp các dịch vụ một cách có lời. Trên cơ sở khác nào họ có thể nhận ra những người thuê bao, tạo các hợp đồng thuê bao dịch vụ, thiết lập các mối liên hệ dịch vụ, và đảm bảo sự tiếp cận đến các miếng đất hay toà nhà? Họ sẽ thực hiện việc tính cước phí, đọc đồng hồ đo, các cơ chế thu phí, kiểm soát thất thoát, kiểm tra gian lận, các thủ tục phạt vi phạm thế nào, và các dịch vụ thực thi như khoá đồng hồ đo ra sao?

Các toà nhà luôn luôn là các điểm cuối của các ngành dịch vụ công cộng. Cái biến đổi chúng thành các điểm cuối có thể tính đến và có trách nhiệm chính là quyền sở hữu chính thức. Bất kể ai nghi ngờ điều này chỉ cần ngó qua tình trạng dịch vụ công cộng ở ngoài Phương Tây, ở những nơi các khoản tổn thất kĩ thuật và tài chính

cộng với mất trộm dịch vụ lên đến từ 30 đến 50 phần trăm của tất cả các dịch vụ công cộng sẵn có.

Quyền sở hữu hợp pháp Phương Tây cũng cung cấp thông tin về các tài sản và những người chủ của chúng cho các doanh nghiệp, các địa chỉ có thể kiểm tra được, và các bản ghi khách quan về giá trị tài sản, tất cả những thứ đó dẫn đến các hồ sơ tín dụng. Thông tin này và sự tồn tại của luật thống nhất làm cho rủi ro có thể quản lí được bằng cách trải rủi ro thông qua các công cụ bảo hiểm cũng như tập hợp các tài sản để đảm bảo cho các khoản nợ.

Ít người biết rằng hệ thống quyền sở hữu hợp pháp ở một quốc gia tiên tiến là trung tâm của một mạng lưới phức tạp của các mối quan hệ trang bị cho các công dân bình thường để thiết lập những liên hệ với cả chính phủ lẫn khu vực tư nhân, và như thế nhận được thêm hàng hoá và dịch vụ. Không có các công cụ của quyền sở hữu chính thức, khó có thể hiểu được vì sao các tài sản lại có thể được dùng vào mọi thứ mà chúng thực hiện ở Phương Tây. Bằng cách nào khác các tổ chức tài chính có thể xác định những người vay tiền tiềm năng đáng tin cậy ở qui mô hàng loạt? Làm sao mà các đối tượng vật lí, như gỗ ở Oregon, lại đảm bảo một khoản đầu tư công nghiệp ở Chicago? Làm sao mà các công ti bảo hiểm có thể tìm và hợp đồng với các khách hàng những người sẽ thanh toán hoá đơn của họ? Làm sao mà nghề môi giới thông tin hoặc các dịch vụ xác minh và kiểm tra lại có thể được cung cấp một cách hiệu quả và rẻ tiền? Việc thu thuế tiến hành ra sao?

Chính hệ thống quyền sở hữu là cái rút tiềm năng trừu tượng từ các toà nhà và cố định nó trong các biểu diễn cho phép chúng ta vượt quá việc sử dụng các toà nhà chỉ như nơi trú ngụ. Nhiều hệ thống chứng thư sở hữu ở các quốc gia đang phát triển không tạo ra tư bản, bởi vì họ không nhận ra rằng quyền tài sản có thể vượt quá quyền chủ sở hữu. Các hệ thống này chỉ hoạt động thuần tuý như một kho lưu trữ sở hữu của các chứng thư, các bản đồ thay cho các tài sản, mà không cho phép các cơ chế thêm, cần thiết để tạo ra một mạng trong đó các tài sản có thể có một cuộc sống song hành như tư bản. Hệ thống quyền sở hữu chính thức không được lẫn lộn với các hệ thống lưu trữ đồ sộ như Domesday Book (Sổ chủ đất) của nước Anh chín trăm năm trước đây hoặc một hoạt động kiểm tra hành lí ở một sân

bay quốc tế. Một hệ thống quyền sở hữu được hiểu đúng đắn và thiết kế một cách phù hợp tạo ra một mạng, thông qua đó người dân có thể tập hợp các tài sản của mình vào những sự phối hợp có giá trị hơn.

Tác động số 6 của Quyền sở hữu: Bảo vệ các Giao dịch

Một lí do quan trọng vì sao hệ thống quyền sở hữu chính thức Phương Tây hoạt động như một mạng là tất cả các hồ sơ sở hữu (các chứng thư, văn bản, chứng khoán, và các hợp đồng mô tả các khía cạnh kinh tế quan trọng của các tài sản) được theo dõi liên tục và được bảo vệ khi chúng di chuyển qua thời gian và không gian. Bến đỗ đầu tiên của chúng là các cơ quan công cộng, đó là những người quản gia của các biểu diễn của một quốc gia tiên tiến. Những người giữ hồ sơ công cộng quản trị các tệp (file) chứa tất cả những mô tả hữu ích về mặt kinh tế của các tài sản, bất kể là đất, các toà nhà, động sản, tàu bè, công nghiệp, hầm mỏ, hoặc các máy bay. Các file này sẽ cảnh báo bất kể ai hăm hở sử dụng một tài sản về những thứ có thể hạn chế hoặc tăng cường việc thực hiện của nó, như những khoản đảm phụ, quyền sử dụng đất của người khác, những hợp đồng thuê mướn, các khoản tiền trả chậm, vỡ nợ, và các hợp đồng thế chấp. Các cơ quan cũng đảm bảo rằng các tài sản được biểu diễn chính xác và thoả đáng trong những khuôn dạng, format, thích hợp có thể được cập nhật và truy cập dễ dàng.

Bên cạnh các hệ thống lưu trữ hồ sơ công cộng, nhiều dich vụ tư nhân khác đã mở ra để hỗ trợ các bên trong xác định, di chuyển, và theo dõi các biểu diễn sao cho chúng có thể tạo ra giá trị thặng dư một cách dễ dàng và an toàn. Các dịch vụ này bao gồm các thực thể tư nhân ghi chép các giao dịch, các tổ chức lưu giữ (phong toả) và kết thúc, trích lục, các hãng bảo hiểm chứng thư và lòng trung thực, các nhà môi giới thế chấp, các dịch vụ uỷ thác, giám hộ tư nhân của các hồ sơ. Ở Hoa Kì, các công ti bảo hiểm chứng thư còn giúp hơn nữa việc huy động các biểu diễn bằng cách đưa ra các khế ước để bảo đảm cho các bên đối với các rủi ro được ghi rõ, từ sai sót trong chứng thư đến không thể thực thi khế ước thế chấp và không có khả năng bán chứng thư. Theo luật, tất cả các thực thể này phải tuân thủ

các tiêu chuẩn hoạt động khắt khe điều chỉnh khả năng theo dõi hồ sơ của họ, các phương tiện lưu trữ vật lí, và bố trí nhân viên.

Mặc dù chúng được thiết lập để bảo vệ cả sự an toàn của quyền sở hữu lẫn an toàn của các giao dịch, thật hiển nhiên là các hệ thống Phương Tây nhấn mạnh đến cái sau. Sự an toàn về cơ bản được tập trung để tạo sự tin cậy trong các giao dịch sao cho người dân có thể làm cho các tài sản của mình có cuộc sống song hành với tư cách là tư bản một cách dễ dàng hơn.

Ở hầu hết các nước đang phát triển, ngược lại, luật và các cơ quan chính quyền bị mắc bẫy vào luật thuộc địa ban đầu và luật Roman, những luật nghiêng về bảo vệ quyền sở hữu. Họ trở thành những người trông coi mong muốn của người chết. Điều này có thể giải thích vì sao tạo tư bản trong quyền sở hữu Phương Tây lại xảy ra dễ dàng như vậy, còn vì sao hầu hết các tài sản ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản lại tuột khỏi hệ thống pháp lí chính thức để tìm kiếm sự linh động.

Nhấn mạnh của Phương Tây lên sự an toàn của các giao dịch cho phép công dân di chuyển khối lượng tài sản lớn với chỉ rất ít giao dịch. Làm sao chúng ta có thể lí giải rằng ở các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản người dân vẫn mang heo của mình ra chợ và mua bán từng con một, như họ đã làm hàng ngàn năm nay, trong khi ở Phương Tây, các nhà buôn đưa các biểu diễn về quyền của họ với các con heo ra thị trường? Các nhà buôn ở Sở Giao dịch Hàng hoá Chicago, thí dụ, mua bán thông qua các biểu diễn, những cái cung cấp cho họ nhiều thông tin hơn về đàn heo mà họ mua bán so với nếu họ phải xem xét về vật lí từng con heo một. Họ có khả năng mua bán các khối lượng khổng lồ heo mà ít phải quan tâm về sự an toàn của các giao dịch.

Tư bản và Tiền

Sáu tác động của một quá trình quyền sở hữu được tích hợp có nghĩa là nhà ở của những người Phương Tây không còn chỉ là để trú mưa và tránh giá lạnh. Được phú cho sự tồn tại về mặt biểu diễn, những

căn nhà này bây giờ có một cuộc sống song hành, thực hiện những công việc *kinh tế* mà chúng không thể làm trước đây. Một hệ thống quyền sở hữu chính thức được tích hợp tốt về cơ bản làm hai việc: Thứ nhất, nó giảm một cách ghê gớm các chi phí để hiểu biết các đại lượng kinh tế của các tài sản bằng cách biểu diễn chúng theo cách sao cho các giác quan của chúng ta có thể nắm bắt nhanh chóng; và thứ hai, nó tạo thuận lợi cho năng lực thoả thuận về việc sử dụng các tài sản ra sao để tạo thêm sản phẩm và tăng phân công lao động. Kì tài của Phương Tây là đã tạo ra một hệ thống cho phép người dân thấu hiểu bằng trí óc những giá trị mà mắt con người chẳng bao giờ có thể nhìn thấy và để thao tác các thứ mà bàn tay con người chẳng bao giờ có thể sờ mó.

Hàng thế kỉ trước, các học giả đã suy ngẫm rằng chúng ta dùng từ tư bản (từ Latin capital để chỉ đầu, thủ) bởi vì đầu là nơi chúng ta nắm giữ các công cụ mà, với chúng, chúng ta tạo tư bản. Điều này gợi ý rằng lí do vì sao tư bản đã luôn luôn bị che khuất trong bí ẩn là bởi vì, giống như năng lượng, nó chỉ có thể được khám phá ra và được quản lí bằng trí óc. Cách duy nhất để sờ mó tư bản là nếu hệ thống quyền sở hữu có thể ghi chép các khía cạnh kinh tế của nó trên giấy và néo chặt chúng vào một địa điểm và người chủ cụ thể.

Quyền sở hữu, khi ấy, không đơn thuần là giấy tờ mà là một công cụ làm trung gian thâu tóm và lưu trữ hầu hết các thứ cần thiết để làm cho một nền kinh tế vận hành. Quyền sở hữu gieo hạt hệ thống bằng cách làm cho người dân có trách nhiệm giải trình và các tài sản có thể thay thế nhau, bằng cách theo dõi các giao dịch, và như thế cung cấp tất cả các cơ chế cần thiết để cho hệ thống tiền tệ và ngân hàng vận hành và để cho đầu tư hoạt động. Mối quan hệ giữa tư bản và tiền hiện đại thấm qua quyền sở hữu.

Ngày nay chính các hồ sơ về quyền sở hữu và về các giao dịch là những cái cung cấp cho các nhà chức trách tiền tệ bằng chứng cốt yếu mà họ cần để phát hành thêm bằng đấu thầu hợp pháp. Như các nhà khoa học nhận thức George A. Miller và Philip N. Johnson-Laird đã viết năm 1976: "Tiền giấy có nguồn gốc từ kí phát giấy nhận nợ. [Cho nên] tiền … giả định trước định chế quyền sở hữu".[9] Chính hồ sơ quyền sở hữu là cái cố định các đặc trưng kinh tế của các tài sản sao cho chúng có thể được dùng để đảm bảo các giao dịch thương

mại và tài chính và cuối cùng để cung cấp sự biện hộ dựa vào đó các ngân hàng trung ương phát hành tiền. Để tạo tín dụng và tạo ra đầu tư, cái mà người dân vướng vào không phải là bản thân các tài sản, mà là những biểu diễn quyền sở hữu của chúng – các chứng thư hoặc các cổ phần được đăng kí – được điều chỉnh bởi các qui tắc có thể được thực thi trên toàn quốc. Tiền không kiếm được tiền. Bạn cần một quyền sở hữu trước khi bạn có thể kiếm tiền. Thậm chí nếu bạn cho vay tiền, cách duy nhất mà bạn có thể kiếm được tiền trên nó bằng cách cho vay hoặc đầu tư nó dựa trên một loại hồ sơ quyền sở hữu nào đó cái xác định các quyền của bạn đối với gốc và lãi. Xin nhắc lại: Tiền giả định trước quyền sở hữu.

Như các nhà kinh tế học Đức lỗi lạc Gunnar Heinsohn và Otto Steiger đã chỉ ra, "Tiền *chẳng bao giờ được tạo ra từ hư vô* xét từ quan điểm quyền sở hữu, cái luôn phải có *trước khi* tiền có thể tồn tại".[10] Thừa nhận những sự giống nhau giữa công trình của họ và của tôi, họ đã lưu ý tôi về một bản thảo của một bài báo chưa được công bố phát biểu "rằng lãi và tiền không thể được hiểu mà không có định chế quyền sở hữu".[11] Mối quan hệ này bị làm mơ hồ, họ kiên định, bởi sự hiểu lầm phổ biến rằng các ngân hàng trung ương phát hành giấy bạc và hỗ trợ khả năng của các ngân hàng thương mại tiến hành thanh toán. Theo quan điểm của Heinsohn và Steiger, cái tuột khỏi con mắt trần "là tất cả các khoản ứng trước được tiến hành trong kinh doanh ngân hàng lành mạnh đều dựa trên chứng khoán",[12] hoặc theo thuật ngữ của tôi, đều dựa trên giấy chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp. Họ đồng ý với Harold Demsetz rằng nền móng quyền sở hữu của chủ nghĩa tư bản là cái đã được cho là dĩ nhiên và lưu ý rằng Joseph Schumpeter đã gợi ý bóng gió rằng chính quyền sở hữu là cái đảm bảo cho sự tạo ra tiền. Như Tom Bethell khẳng định đúng đắn trong cuốn sách khác thường của ông *The Noblest Triumph* [*Chiến thắng Cao quí nhất*] rằng "nhiều phước lành của một hệ thống quyền sở hữu tư nhân đã chưa bao giờ được phân tích một cách thích đáng".[13]

Tư bản, như tôi đã lập luận ở trước, như vậy không được tạo ra bởi tiền; nó được tạo ra bởi dân chúng mà các hệ thống quyền sở hữu giúp họ hợp tác và suy nghĩ về việc làm sao có thể làm cho các tài sản mà họ tích tụ triển khai sản xuất thêm. Sự gia tăng lớn lao của tư

bản ở Phương Tây trên hai thế kỉ qua là hệ quả của các hệ thống quyền sở hữu được cải thiện dần dần, những hệ thống cho phép các tác nhân kinh tế phát hiện và thực hiện tiềm năng trong các tài sản, và như thế ở vào vị thế để tạo ra tiền không bị lạm phát để tài trợ và tạo ra sản xuất thêm.

Như vậy, chúng ta hơn những con sóc trữ lương thực cho mùa đông và cam kết tiêu thụ sau. Chúng ta biết, thông qua sự sử dụng sành điệu các định chế quyền sở hữu, làm sao để cho các thứ mà chúng ta tích tụ có một cuộc sống song hành. Khi các quốc gia tiên tiến hoà hợp tất cả thông tin và các qui tắc về các tài sản được biết của họ lại với nhau và thiết lập các hệ thống quyền sở hữu theo dõi tiến triển kinh tế của chúng, họ đã tập hợp vào một trật tự toàn bộ quá trình định chế, quá trình làm nền cho sự tạo ra tư bản. Nếu chủ nghĩa tư bản có trí tuệ, nó sẽ nằm trong hệ thống quyền sở hữu hợp pháp. Nhưng giống như hầu hết các thứ thuộc trí óc, đa phần của "chủ nghĩa tư bản" ngày nay hoạt động ở mức vô thức.

Vì sao các nhà kinh tế học cổ điển, những người đã biết tư bản là trừu tượng và phải được cố định, lại không đưa ra quan hệ giữa tư bản và quyền sở hữu? Một lời thanh minh có thể là trong thời của Adam Smith hoặc thậm chí của Marx các hệ thống quyền sở hữu vẫn còn bị hạn chế và chưa được phát triển, và tầm quan trọng của chúng đã khó phán đoán. Có lẽ quan trọng hơn, cuộc chiến vì tương lai của chủ nghĩa tư bản đã dịch chuyển từ những nghiên cứu sách vở của các nhà lí thuyết sang một mạng lưới bao la của các nghiệp chủ, các nhà tài chính, các chính trị gia, và các luật gia. Sự chú ý của thế giới chuyển từ các lí thuyết sang những công việc thực tế được tiến hành hàng ngày trong dân chúng, từ năm tài chính này sang năm tài chính khác.

Một khi cỗ máy khổng lồ của chủ nghĩa tư bản đã được đặt chắc chắn vào vị trí và các chủ nhân của nó bận rộn làm giàu, thì câu hỏi về việc nó sinh ra thế nào mất tính khẩn cấp. Giống như dân cư sống ở vùng châu thổ giàu có và màu mỡ của một con sông dài, những người ủng hộ chủ nghĩa tư bản chẳng có nhu cầu thúc ép để khám phá thượng nguồn để tìm nguồn gốc của sự phồn vinh của họ. Vì sao phải phiền muộn? Với sự chấp dứt của Chiến tranh lạnh, tuy vậy, chủ nghĩa tư bản trở thành sự lựa chọn nghiêm túc duy nhất cho phát

triển. Thế là phần còn lại của thế giới quay sang Phương Tây nhờ giúp đỡ và được khuyên hãy bắt chước các điều kiện của cuộc sống ở châu thổ: các đồng tiền ổn định, các thị trường mở, và các doanh nghiệp tư nhân, các mục tiêu của những cái gọi là những cải cách kinh tế vĩ mô và điều chỉnh cơ cấu. Tất cả mọi người đã quên rằng lí do của cuộc sống giàu có ở châu thổ nằm xa ở tận thượng lưu, trong nước nguồn chưa được khai phá. Các hệ thống quyền sở hữu hợp pháp có thể tiếp cận một cách rộng rãi là phù sa từ thượng lưu cái cho phép tư bản hiện đại hưng thịnh.

Đây là một trong những lí do chính vì sao các cải cách kinh tế vĩ mô không có kết quả. Bắt chước chủ nghĩa tư bản ở mức độ của châu thổ, bằng cách nhập khẩu đặc quyền kinh tiêu McDonal và Blockbuster, là không đủ để tạo sự giàu có. Cái cần là tư bản, và cái này đòi hỏi một hệ thống phức tạp và hùng vĩ của quyền sở hữu hợp pháp cái mà chúng ta tất cả đều coi là dĩ nhiên.

Chiếc Lồng kính của Braudel

Phần lớn việc những người nghèo ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản bị đẩy ra bên lề là do họ không có khả năng lợi dụng được sáu tác động mà quyền sở hữu mang lại. Thách thức mà các nước này đối mặt không phải là, liệu họ phải tạo ra hay nhận được nhiều tiền hơn, mà là, liệu họ có thể hiểu được các định chế pháp lí và dồn hết quyết tâm chính trị cần thiết để xây dựng một hệ thống quyền sở hữu để những người nghèo có thể tiếp cận tới một cách dễ dàng.

Nhà sử học Pháp Fernand Braudel đã thấy nó là một sự bí ẩn lớn rằng ở ngay lúc khởi đầu, chủ nghĩa tư bản Phương Tây đã chỉ phục vụ một số ít những người có đặc quyền, hệt như nó hoạt động ở những nơi khác trên thế giới ngày nay:

> Vấn đề mấu chốt là tìm ra vì sao khu vực đó của xã hội thời xưa, cái tôi sẽ không ngần ngại gọi là tư bản chủ nghĩa, lại phải sống như thể trong một lồng kính (bình thuỷ tinh: bell jar), cắt đứt khỏi phần còn lại [của xã hội]; vì sao nó đã không có khả năng mở rộng và chinh phục

> toàn bộ xã hội? … [Vì sao mà] một tốc độ tạo tư bản đáng kể đã là có thể chỉ ở những khu vực nhất định chứ không phải trong toàn bộ nền kinh tế thị trường của thời ấy? …Có lẽ sẽ là ngược đời một cách trớ trêu để nói rằng đã thiếu bất kể thứ gì khác, còn tiền chắc chắn đã không [thiếu] … như thế đây là một thời kì mà đất xấu đã bị mua nhẵn và các dinh thự tráng lệ ở thôn quê được xây dựng, các đài kỉ niệm to lớn được dựng lên, và sự ngông cuồng văn hoá được tài trợ …[Làm sao chúng ta] giải quyết được sự mâu thuẫn … giữa bầu không khí kinh tế trì trệ và sự tráng lệ của Florence dưới thời Lorenzo Huy hoàng.[14]

Tôi tin câu trả lời cho câu hỏi của Braudel nằm ở sự tiếp cận bị hạn chế tới quyền sở hữu chính thức, cả trong quá khứ của Phương Tây lẫn ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản hôm nay. Các nhà đầu tư địa phương và nước ngoài đúng là có tư bản; các tài sản của họ ít nhiều được tích hợp, có thể thay thế nhau, được kết nối mạng, và được bảo vệ bởi các hệ thống quyền sở hữu chính thức. Nhưng họ chỉ là một thiểu số cỏn con – những người có thể có đủ điều kiện thuê các luật sư lão luyện, có các mối quan hệ nội bộ, và có sự kiên nhẫn để lách qua tệ quan liêu của các hệ thống quyền sở hữu của họ. Tuyệt đại đa số dân chúng, những người không thể hưởng những thành quả lao động của họ được biểu diễn bởi hệ thống quyền sở hữu chính thức, sống ngoài chiếc lồng kính của Braudel.

Chiếc lồng kính làm cho chủ nghĩa tư bản trở thành một câu lạc bộ tư nhân, mở cửa chỉ cho một số ít có đặc ân, và làm tức giận hàng tỉ người đứng ngoài ngó vào. Sự phân biệt chủng tộc tư bản chủ nghĩa này sẽ tiếp tục một cách không thể tránh khỏi, cho đến khi chúng ta tất cả đều thấy sự thiếu sót cốt lõi trong các hệ thống pháp luật và chính trị của nhiều nước, những cái ngăn cản đa số tham gia hệ thống quyền sở hữu chính thức.

Đây đúng là lúc để tìm ra vì sao hầu hết các nước đã không có khả năng tạo ra các hệ thống quyền sở hữu chính thức mở. Đây là thời điểm, bởi vì các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản đang trải qua những nỗ lực đầy khát vọng nhất để thực hiện các hệ thống tư bản chủ nghĩa, để nhấc chiếc lồng kính đi.

Nhưng trước khi trả lời câu hỏi đó, chúng ta phải giải quyết phần còn lại của sự bí ẩn là vì sao mà các chính phủ lại đã chậm trễ đến như vậy để nhận ra rằng chiếc lồng kính tồn tại.

CHƯƠNG 4

Sự Bí ẩn của Nhận thức Chính trị

Gâu, gâu! chó sủa,
Lũ ăn mày đang đến phố;
Một số áo rách bươm,
Một số say bét nhè,
Và một số quần là áo lượt.

– Điệu ru con Anh

SỰ PHÁ VỠ những hình mẫu dân số và luật bắt buộc đã là một xu hướng không thể nhầm lẫn ở các nước đang phát triển trong bốn mươi năm qua và ở các nước nguyên cộng sản trong mười năm qua. Từ khi các cuộc cải cách kinh tế của Đặng Tiểu Bình bắt đầu năm 1979, 100 triệu người Trung Quốc đã rời bỏ nơi cư ngụ chính thức của mình để kiếm việc làm ngoài pháp luật. Ba triệu người di cư bất hợp pháp quây vào Bắc Kinh đã tạo ra một mớ lộn xộn của các xưởng làm việc quá nặng nhọc ở ngoại ô thành phố. Port-au-Prince đã tăng lên mười lăm lần lớn hơn; Guayaquil mười một lần lớn hơn, và Cairo bốn lần lớn hơn. Thị trường ngầm bây giờ chiếm 50 phần trăm GDP ở Nga và Ukraina và một tỉ lệ khác thường 62 phần trăm ở Georgia. Tổ chức Lao động Quốc tế, ILO, báo cáo rằng từ 1990, 85 phần trăm của tất cả các việc làm mới ở Mĩ Latin và Caribbe đã được tạo ra trong khu vực ngoài pháp luật. Ở Zambia, chỉ có 10 phần trăm lực lượng lao động được sử dụng một cách hợp pháp.

Các nước này đang làm gì về việc này? Khá nhiều. Họ đã xắn tay áo của mình và lao vào làm việc, giải quyết từng cái một trong những vấn đề này. Tháng Tám 1999, thí dụ, các nhà chức trách Bangladesh đã phá huỷ 50.000 nhà ổ chuột ở thủ đô Dhaka. Ở nơi phá huỷ là không thể làm được, các chính phủ đã xây dựng trường học và vỉa hè cho hàng triệu người chiếm đất công và đất tư. Đồng thời, các chính phủ đã tiến hành các chương trình vi tài trợ để giúp các xưởng làm việc quá nặng nhọc chuyển đổi các khu vực dân cư thành các khu công nghiệp ở trên khắp thế giới. Họ đã cải thiện các quầy của những người bán hàng vỉa hè làm tắc nghẽn đường phố, đã di dời những người lang thang khỏi các khu vực trong thành phố và trồng hoa thay vào đó, và đã thiết chặt các qui chế xây dựng và an toàn để tránh các toà nhà khỏi sụp đổ như đã xảy ra trong động đất năm 1999 ở Thổ Nhĩ Kì. Các chính phủ đã cố gắng buộc các chủ xe jitney và xe taxi tiều tàn tràn ngập giao thông phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn tối thiểu; họ đang trừng trị việc ăn trộm và thất thoát điện nước và nỗ lực thực thi các bằng sáng chế và những quyền tác giả. Họ đã bắt và hành hình nhiều bọn gangster và bọn buôn bán ma tuý ở mức có thể (ít nhất là những bọn khét tiếng hơn) và bỏ tù bọn chúng (ít nhất là một thời gian); họ đã siết chặt các biện pháp an ninh để kiểm soát ảnh hưởng của các phái chính trị giữa số đông nguy hiểm và bị bật rễ.

Mỗi trong những vấn đề này có chuyên ngành nghiên cứu riêng của nó và có chương trình chính trị riêng để đối phó với nó. Dường như ít người nhận ra rằng cái mà chúng ta đối mặt là một cuộc cách mạng công nghiệp toàn cầu *đồ sộ*: một sự dịch chuyển khổng lồ khỏi cuộc sống được tổ chức ở qui mô nhỏ sang cuộc sống được tổ chức ở qui mô lớn. Vì tốt hơn hay tồi hơn, dân chúng ở ngoài Phương Tây đang chạy trốn các xã hội tự túc và biệt lập trong một nỗ lực để nâng mức sống của họ bằng cách trở nên lệ thuộc lẫn nhau trong các thị trường rộng lớn hơn nhiều.

Cái được hiểu một cách thật quá hiếm hoi là, các xã hội Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản đang trải nghiệm cuộc cách mạng công nghiệp gần giống hệt như cái đã xảy ra ở Phương Tây hơn hai trăm năm trước đây. Sự khác biệt là cuộc cách mạng mới này sôi sục trào dâng nhanh hơn nhiều và biến đổi cuộc sống của nhiều người hơn.

Vương quốc Anh đã chỉ hỗ trợ 8 triệu dân cư khi nó bắt đầu sự tiến bộ 250 năm của mình từ trang trại sang máy tính xách tay. Indonesia đang làm đúng cuộc hành trình ấy chỉ trong bốn thập kỉ và mang theo hơn 200 triệu người. Chẳng có gì ngạc nhiên là các định chế của nó đã chậm chạp trong thích nghi. Nhưng họ phải thích nghi. Một trào lưu của nhân loại đã dịch chuyển từ các cộng đồng và hộ gia đình bị biệt lập sang tham gia vào những phạm vi ngày càng mở rộng của sự trao đổi kinh tế và trí tuệ. Chính trào lưu này là cái đã biến đổi Jakarta, Mexico City, São Paolo, Nairobi, Bombay, Thượng Hải, và Manila thành các thành phố khổng lồ với 10, 20, 30 triệu dân và đầy rẫy các định chế chính trị và pháp lí của chúng.

Sự thất bại của trật tự pháp lí để kịp bước với cuộc biến động kinh tế và xã hội gây kinh ngạc này đã buộc những người di cư phải chế ra những thay thế ngoài pháp luật cho luật đã được thiết lập. Trong khi mọi loại kinh doanh ẩn danh là rất phổ biến ở các nước tiên tiến, những người nhập cư trong thế giới đang phát triển chỉ có thể giao thiệp kinh doanh với những người mà họ biết và tin tưởng. Việc kinh doanh phi hình thức, nhất thời như vậy hoạt động không thật tốt. Thị trường càng rộng bao nhiêu, như Adam Smith đã chỉ ra, thì sự phân công lao động càng có thể chi li. Và lao động càng được chuyên môn hoá hơn, thì nền kinh tế tăng trưởng càng hiệu quả hơn, và lương và giá trị tư bản tăng lên. Sự thất bại pháp lí ngăn cản những người kinh doanh khỏi việc thoả thuận với những người xa lạ làm thủ tiêu sự phân công lao động và trói buộc những người muốn làm nghiệp chủ vào các giới chuyên môn nhỏ hơn và năng suất thấp.

Tinh thần nghiệp chủ chiến thắng ở Phương Tây bởi vì luật liên kết tất cả mọi người dưới một hệ thống quyền sở hữu, cho họ những công cụ để hợp tác và sản xuất những khoản giá trị thặng dư lớn trong một thị trường rộng mở. Những tiến bộ của Phương Tây, cho đến tận sự tăng trưởng theo hàm số mũ của công nghệ điện tử thông tin và viễn thông ngày nay, có thể xảy ra chỉ bởi vì đã có rồi các hệ thống quyền sở hữu để làm cho chúng hoạt động. Các hệ thống quyền sở hữu hợp pháp được tích hợp phá huỷ hầu hết các nhóm đóng trong khi lại tạo ra một mạng lưới lớn trong đó khả năng tạo tư bản tăng lên một cách đáng kể. Trong ý nghĩa này, quyền sở hữu tuân theo cái được biết đến như định luật Metcalfe (được gọi theo tên

của Bob Metcalfe, nhà sáng chế ra Tiêu chuẩn Ethernet tiêu chuẩn làm cơ sở nối mạng các máy tính cá nhân). Theo định luật Metcalfe:

> Giá trị của một mạng - được định nghĩa như tính hữu dụng cho một số dân cư - đại thể tỉ lệ thuận với bình phương của số những người sử dụng. Một thí dụ là mạng điện thoại. Mạng có một điện thoại là vô dụng: gọi cho ai? Mạng có hai điện thoại là tốt hơn, nhưng không nhiều. Chỉ khi hầu hết dân cư có điện thoại thì sức mạnh của mạng đạt tiềm năng đầy đủ để thay đổi xã hội.[1]

Giống như các mạng máy tính, các mạng đã tồn tại nhiều năm trước khi bất kể ai nghĩ đến kết nối chúng, các hệ thống quyền sở hữu trở nên vô cùng hùng mạnh khi chúng được kết nối vào một mạng lớn hơn. Chỉ khi đó thì tiềm năng của một quyền sở hữu cụ thể không chỉ bị hạn chế vào sự hình dung của chủ của nó, của hàng xóm hoặc những người quen của anh ta, mà dựa vào một mạng rộng hơn của những hình dung khác. Chỉ khi đó người dân sẽ tự chịu tuân thủ một luật, bởi vì họ sẽ nhận ra rằng không có luật ấy thì họ sẽ ngưng phát đạt. Chỉ khi đó thì chính phủ mới có thể bắt đầu quản lí được sự phát triển thay cho việc đổ xô đi bít từng kẽ hở một cách anh dũng. Một chính phủ hiện đại và một nền kinh tế thị trường là không sống được nếu không có một hệ thống quyền sở hữu chính thức được tích hợp. Nhiều vấn đề của các thị trường phi–Phương Tây ngày nay chủ yếu là do sự manh mún của những dàn xếp quyền sở hữu của họ và do sự không sẵn có các qui phạm chuẩn cho phép các tài sản và những tác nhân kinh tế tương tác và để cho chính phủ cai trị bằng luật.

Khi những người nhập cư từ các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản di cư sang các nước tiên tiến, các định chế đã được thiết lập tốt cuối cùng cuốn hút họ vào một hệ thống quyền sở hữu được nối mạng, hệ thống giúp họ tạo ra giá trị thặng dư. Người dân di cư trong nội bộ nước của họ không thích nghi theo kiểu này – ít nhất không đủ nhanh. Các nước nghèo hơn thiếu các định chế để tích hợp những

người nhập cư vào khu vực chính thức, cố định các tài sản của họ vào các dạng có thể thay thế nhau, làm cho các chủ sở hữu trở thành các tác nhân có trách nhiệm giải trình, và cung cấp cho họ các công cụ kết nối và đòn bẩy cho phép họ giao tiếp một cách hiệu quả và tạo tư bản trong lòng một thị trường hợp pháp lớn hơn. Như thế những người nhập cư chế ra hàng loạt các loại dàn xếp ngoài pháp luật, làm tổn hại đến trật tự pháp lí, để thay cho các luật và các định chế mà họ cần để hợp tác trong một thị trường được rộng mở.

Sự mù quáng chính trị, bởi vậy, là do không ý thức được rằng sự tăng lên của khu vực ngoài pháp luật và sự tan rã của trật tự pháp lí hiện tồn cuối cùng là do sự dịch chuyển khổng lồ khỏi cuộc sống được tổ chức ở một qui mô nhỏ sang cuộc sống được tổ chức trong một bối cảnh lớn hơn. Cái mà các nhà lãnh đạo quốc gia bỏ sót là người dân tự tổ chức một cách tự phát thành các nhóm riêng rẽ ngoài pháp luật cho đến khi chính phủ có thể cung cấp cho họ một hệ thống quyền sở hữu hợp pháp.

Vấn đề căn bản đối với các quốc gia phi-Phương Tây không phải là người dân di cư đến các trung tâm đô thị, không phải là rác đang ùn lên, không phải là kết cấu hạ tầng không đủ, hoặc là vùng nông thôn bị bỏ rơi. Tất cả những cái đó đã xảy ra ở các quốc gia tiên tiến. Chúng chẳng phải vấn đề đơn thuần là sự phát triển đô thị. Los Angeles đã tăng nhanh hơn Calcutta trong thế kỉ này, và Tokyo ba lần to hơn Delhi. Vấn đề căn bản là sự chậm trễ trong nhận biết ra rằng hầu hết sự lộn xộn xảy ra ngoài Phương Tây là kết quả của một phong trào cách mạng, cái đầy hi vọng hơn là những vấn đề. Một khi giá trị tiềm năng của phong trào được khai thác, nhiều vấn đề của nó sẽ trở nên dễ hơn để giải quyết. Các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản phải lựa chọn hoặc là tạo ra các hệ thống cho phép các chính phủ của họ thích ứng với những thay đổi liên tục trong sự phân công lao động mang tính cách mạng hoặc tiếp tục sống trong sự mập mờ ngoài pháp luật – và cái đó hẳn chẳng phải là một sự lựa chọn.

Vì sao mà tất cả mọi người lại đã không hiểu vấn đề thật? Bởi vì có hai điểm mù. Thứ nhất, hầu hết chúng ta không thấy rằng sự trào dâng về dân cư ngoài pháp luật của thế giới trong bốn mươi năm vừa qua đã sinh ra một giai cấp mới của những nghiệp chủ với những dàn xếp pháp lí riêng của họ. Các nhà chức trách chỉ thấy một dòng người đổ

dồn vào, những người lao động bất hợp pháp và sự đe doạ của bệnh tật và tội phạm. Như thế trong khi bộ xây dựng nhà ở giải quyết các vấn đề của riêng mình còn các bộ y tế và tư pháp tập trung vào những vấn đề của họ, chẳng ai để ý rằng nguyên nhân thật sự của sự lộn xộn không phải là dân cư, hoặc là tăng trưởng đô thị, hoặc thậm chí là một thiểu số nghèo, mà là một hệ thống quyền sở hữu pháp lí đã lỗi thời.

Hầu hết chúng ta giống như sáu anh mù trước một con voi: Một người tóm lấy cái vòi ngoe ngoảy của con thú và nghĩ rằng con voi là một con rắn; người khác sờ cái đuôi và nghĩ rằng con voi là một dây thừng; người thứ ba bị mê hoặc bởi cái tai to giống như cái buồm; người khác ôm chân nó và kết luận con voi là một cái cây. Chẳng ai nhìn con voi trong tổng thể của nó, và như vậy họ không thể đề ra một chiến lược để giải quyết vấn đề rất lớn đang được chú ý. Như chúng ta đã thấy, những người nghèo ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản chiếm hai phần ba dân cư toàn thế giới – và họ chẳng có lựa chọn khả dĩ nào khác là sống ngoài pháp luật. Như chúng ta cũng đã thấy những người nghèo có rất nhiều thứ, nhưng quyền sở hữu của chúng lại không được định rõ bởi bất kể luật nào. Hàng triệu người kinh doanh tạo ra 85 phần trăm công ăn việc làm mới ở Mĩ Latin, 3 triệu người ở ngoại ô Bắc Kinh điều hành các xí nghiệp nặng nhọc, và những người Nga tạo ra nửa GDP của quốc gia mình, là những người làm thế trên cơ sở của các dàn xếp ngoài pháp luật. Thường xuyên hơn là không, những dàn xếp quyền sở hữu dân thường này mâu thuẫn công khai với luật thành văn chính thống. Đó là con voi ở trước chúng ta.

Tôi không tin rằng sự xuất hiện của một ốc đảo nào đó của các khu vực kinh tế phồn vinh nằm giữa các khu vực to lớn chưa phát triển hoặc phi chính thức lại đánh dấu bình minh của một quá độ gồ ghề nhưng không thể tránh khỏi sang hệ thống tư bản chủ nghĩa. Thay vào đó, sự tồn tại của các ốc đảo phồn vinh trong biển cả nghèo đói che đậy một sự chậm trễ sâu thẳm trong năng lực của quốc gia để tạo ra, tôn trọng, và làm cho các quyền sở hữu chính thức sẵn có cho đại đa số công dân.

Điểm mù thứ hai là ít người nhận ra rằng các vấn đề mà họ đối mặt không phải là mới. Việc nhập cư và tính ngoài pháp luật gây lo lắng cho các thành phố ở thế giới đang phát triển và nguyên cộng sản rất

giống cái mà các quốc gia tiên tiến Phương Tây đã trải qua trong thời kì cách mạng công nghiệp của họ. Họ cũng đã tập trung vào cố gắng giải quyết từng vấn đề một. Bài học của Phương Tây là các giải pháp manh mún và các biện pháp tạm thời để giảm nghèo đói là không đủ. Mức sống chỉ tăng lên khi các chính phủ đã cải cách luật pháp và hệ thống quyền sở hữu để tạo thuận lợi cho phân công lao động. Với khả năng để tăng năng suất thông qua các tác động có lợi của các hệ thống quyền sở hữu được tích hợp, người dân bình thường có thể được chuyên môn hoá trong các thị trường không ngừng mở rộng và làm tăng hình thành tư bản.

Điểm Mù I: Cuộc sống ở Ngoài Lồng kính Hôm nay

Vì sao chúng ta đã không thấy cuộc cách mạng công nghiệp mới này đang tới? Vào các năm 1980, khi các đồng nghiệp của tôi và tôi bắt đầu làm việc ở Peru, hầu hết các quan chức đã cho rằng phần của chúng ta trong thế giới đã được kiểm soát bởi luật ở mức độ cao. Mĩ Latin đã có một truyền thống pháp luật lâu đời, tinh tế, và được tôn trọng. Thật ra mà nói, vẫn còn những người nghèo có công ăn việc làm và tài sản ngoài pháp luật, nhưng khu vực ngoài pháp luật này đã được coi là tương đối nhỏ và như thế là một vấn đề "bên lề, không đáng kể". Các nước phát triển còn phần nghèo đói, thất nghiệp, và các thị trường chợ đen của họ, và chúng ta có phần của chúng ta. Làm việc với chúng là công việc của cảnh sát hoặc của một nhúm các nhà xã hội học hàn lâm, những người đã hiến dâng cả sự nghiệp của họ để nghiên cứu những cái hiếm lạ thường được tạo ra trong nước. May

lắm, thì những người nghèo làm các đề tài tốt cho tạp chí *National Geographic* và cho kênh truyền hình *Discovery*.

Nhưng chẳng ai có bất kể số liệu chính xác nào. Chẳng ai, thậm chí biết đo lường thế nào cái mà những người nghèo thực tế đã làm ra hoặc một cách chính xác họ có bao nhiêu. Và như thế các đồng nghiệp của tôi và tôi đã quyết định xếp sách vở và các tạp chí hàn lâm của mình sang một bên, chẳng nhắc đến hàng tập thống kê của chính phủ và bản đồ của chúng tôi, để đi thăm những chuyên gia thực sự của vấn đề này: bản thân những người nghèo. Một khi chúng tôi đã xuống đường để ngó quanh và để nghe, chúng tôi bắt đầu nhận ra những sự thật đáng ngạc nhiên. Thí dụ: Công nghiệp xây dựng Peru đã đình trệ. Việc xây dựng giảm sút, công nhân bị sa thải. Tuy vậy, lạ kì là ở các điểm bán vật liệu xây dựng các máy tính tiền vẫn leng keng. Thực ra lượng ximăng bán ra đã tăng lên. Đúng là, các bao ximăng. Sau khi khảo sát thêm, chúng tôi phát hiện ra rằng những người nghèo mua nhiều ximăng hơn bao giờ hết cho các dự án xây dựng của họ - những nhà ở, các cao ốc, và các doanh nghiệp những cái đã không được đăng kí một cách hợp pháp hoặc có tư cách và vì vậy chẳng bao giờ hiện lên màn hình máy tính của các nhà kinh tế và thống kê của chính phủ. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy một nền kinh tế ngoài pháp luật sôi động, độc lập, không thể nhìn thấy được một cách chính thống, ồn ào trong các thành phố ở khắp thế giới đang phát triển. Ở Brazil, thí dụ, công nghiệp xây dựng được báo cáo chỉ tăng 0,1 phần trăm trong năm 1995; thế mà lượng ximăng bán ra sáu tháng đầu năm 1996 tăng gần 20 phần trăm. Lí do cho sự dị thường hiển nhiên này, theo một phân tích của Deutsche Morgan Grenfell là 60 đến 70 phần trăm của xây dựng ở khu vực chẳng bao giờ được đăng kí.[2]

Khu vực ngoài pháp luật, chúng tôi nhận thấy rằng không phải là một vấn đề nhỏ. Nó là vấn đề *khổng lồ*.

Các thành phố lớn lên

Việc di chuyển vào các thành phố đã tăng lên trong các năm 1960 ở hầu hết các nước đang phát triển, và ở Trung Quốc vào các năm 1980. Vì các lí do khác nhau, các cộng đồng tự túc đã từ bỏ sự biệt lập của mình và bắt đầu cố gắng hoà nhập vào hoặc ở quanh các thành phố. Từ các năm 1980, hàng triệu nông dân đã tụ tập quanh các thành phố một cách bất hợp pháp đến mức tờ Nhật báo Thanh niên Bắc Kinh (Beijing Youth Daily) đã tuyên bố rằng "quản lí dân số nhập cư không còn kiểm soát nổi".[3]

Hiện tượng cũng giống như các nước quanh Địa Trung Hải. Theo Henry Boldrick, sau Thế chiến II, những người di cư từ thôn quê ở Thổ Nhĩ Kì đã hướng về các thành phố, tự xây cất nhà ở cho mình trên đất của chính phủ. Những sự định cư tự phát này, được biết đến như *gecekondus*, bây giờ đã là nhà ở cho ít nhất một nửa dân số đô thị của Thổ Nhĩ Kì. Mặc dù một số *gecekondus* đã được hợp thức hoá ít nhất một phần và như thế có khả năng nhận được một số dịch vụ đô thị, nhưng đa số vẫn là không chính thức.[4]

Ở Philippines, tờ *Business World* đã kêu gọi chính phủ "hãy ngăn dòng người đổ vào làm nghẹt thành phố của chúng ta đến điểm nổ tung…Bạn thấy các *barong-barong* làm bằng bê tông và gạch có lỗ- và bạn bắt đầu kinh ngạc. Chính phủ đang làm gì về vấn đề ngày càng tăng của những người vô gia cư, của những kẻ chiếm đất trong thành phố của chúng ta?"[5]

Ở Nam Phi, một số nhà quan sát (kể cả tôi) tin rằng khu vực bất động sản ngoài pháp luật đang sắp ở giai đoạn bành trướng lớn thứ hai. Năm 1998, *Newsweek* tường thuật rằng "càng ngày càng nhiều [người da đen Nam Phi] nhồi đầy các trại lấn chiếm và các khu phố ổ chuột bao quanh mọi thành phố Nam Phi. Dưới chế độ phân biệt chủng tộc, các luật chủng tộc đã cầm giữ nhiều người da đen ở các vùng thôn quê. Bây giờ họ di chuyển tự do – nhưng chẳng hề thoải mái gì".[6] Tờ *Economist* xác nhận xu hướng: "Mặc dù bạo lực chính trị chống người da trắng đã chẳng bao giờ trở thành hiện thực, sự chấm dứt phân biệt chủng tộc đã làm cho việc những người da đen lang thang vào các khu vực da trắng giàu có dễ dàng hơn".[7]

Ở Ai Cập, các trí thức và các nhà kĩ trị dường như đã ý thức được vấn đề một thời gian. Theo một báo cáo mới, giữa 1947 và 1989 "dân số đô thị của Ai Cập đã … tăng …từ 6,2 triệu lên 23,46 triệu người".[8] Các số liệu do Gerard Barthelemy thu thập cho thấy dân số của vùng đô thị Port-au-Province, Haiti, đã tăng từ 140.000 năm 1950 lên 1.550.000 năm 1988 và hiện nay gần đến 2 triệu. Barthelemy ước lượng rằng khoảng hai phần ba những người này sống trong các khu ổ chuột, hoặc trong cái mà những người Haiti gọi là *bidonville*.[9]

Ở Mexico, khu vực tư nhân trở nên ngày càng ý thức được về hiện tượng ngoài pháp luật và tham gia tích cực vào việc làm gì đó với nó. Theo một tường thuật báo chí:

> Một nghiên cứu năm 1987 của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Khu vực Tư nhân (CPSES: Center for Private Sector Economic Studies) đã ước lượng rằng khu vực không chính thức ngoài pháp luật đã tạo ra hoạt động kinh tế có giá trị giữa 28% và 39% GDP chính thức của Mexico, và một nghiên cứu năm 1993… đưa ra số người trong "khu vực phi chính thức không có đăng kí" là 8 triệu trong tổng lực lượng lao động 23 triệu… "Cứ mỗi doanh nghiệp chính thức thì có hai doanh nghiệp không chính thức", Antonio Montel Guerrero, Chủ tịch Phòng Thương mại Các Doanh nghiệp Nhỏ của Mexico City (CACOPE), một tổ chức đại diện cho 167.000 doanh nghiệp nhỏ có đăng kí, nói. "Trong Quận Liên bang (Mexico City) có khoảng 350.000 doanh nghiệp nhỏ, phi chính thức với tổng dân số là 8 triệu người". Con số đó chuyển sang là bao nhiêu cho toàn bộ khu vực đô thị Mexico City với tổng số 20 triệu dân là phỏng đoán của bất kể ai, đặc biệt khi các khu ổ chuột không được điều tiết và ngày càng tăng lại tập trung chủ yếu ở ngoài trung tâm chính của thành phố.[10]

Các vùng ngoài pháp luật trong các nước đang phát triển được đặc trưng bởi những nhà ở khiêm tốn, chật chội, chen chúc nhau ở ngoại vi thành phố, vô số các cửa hàng ở giữa chúng, hàng đoàn những người bán hàng rong trên đường, và các tuyến minibus đan chéo nhau

dọc ngang không đếm xuể. Tất cả dường như đã bung ra chẳng biết từ đâu cả. Dòng đều đều của các thợ thủ công nhỏ, với dụng cụ trên tay, đã mở rộng phạm vi các hoạt động được thực hiện ở thành phố. Những sự phóng tác địa phương khéo léo làm tăng sản xuất các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu, làm thay đổi một cách đầy kịch tính các lĩnh vực nhất định của chế tác, bán lẻ, xây dựng và giao thông. Phong cảnh thụ động một thời bao quanh các thành phố Thế giới Thứ ba đã trở thành những khu mở rộng mới nhất của các thủ đô và các thành phố theo kiểu Châu Âu đã tạo ra một tính cách địa phương, ồn ào pha lẫn với sự bắt chước buồn tẻ của khu thương mại ngoại ô của Mĩ.

Kích cỡ to lớn của hầu hết các thành phố này tạo ra các cơ hội riêng của nó. Các chủ doanh nghiệp mới nổi lên, những người không giống những bậc tiền bối của họ, có xuất xứ rất tầm thường. Tính di động hướng lên đã tăng. Các hình mẫu (thói quen) tiêu dùng và những xa hoa dành riêng cho xã hội đô thị cũ đã được thay thế bởi những hình mẫu và thói quen khác phổ biến hơn.

Tiến vào các Thành phố

Di cư, tất nhiên, là nhân tố mấu chốt trong tăng trưởng đô thị ở hầu hết các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản. Những nguyên nhân của nó, tuy vậy, là khó lần ra. Các nhà bình luận ở mỗi nước đưa ra những giải thích khác nhau: một cuộc chiến tranh, một chương trình cải cách nông nghiệp, thiếu cải cách nông nghiệp, một sự cấm vận của nước ngoài lên buôn bán quốc tế, mở cửa buôn bán quốc tế, chủ nghĩa khủng bố và chiến tranh du kích, suy giảm đạo đức, thất bại của chủ nghĩa tư bản, thất bại của chủ nghĩa xã hội, thậm chí thị hiếu tồi (Thật thú vị hơn nhiều ở thôn quê, vì sao họ không ở lại đó?).

Muộn hơn, tuy vậy, ý kiến đã hội tụ xung quanh một vài nguyên nhân chung. Sự giải thích dễ thấy nhất cho làn sóng di cư ở khắp thế giới đang phát triển là đường sá đã tốt hơn. Việc xây dựng đường sá, cầu cống và chuyển đổi các đường đi không được kết nối vào các

đường cao tốc đã đánh thức dân cư nông thôn đến khả năng di chuyển, và họ bắt đầu chuyển về các thành phố. Các phương tiện truyền thông mới cung cấp khuyến kích thêm. Đài phát thanh, đặc biệt, đã làm tăng những kì vọng tăng tiêu thụ và thu nhập. Từ xa hàng ngàn dặm đài phát thanh truyền công khai những cơ hội, những thú vui, và những tiện nghi của cuộc sống đô thị. Sự hiện đại nghe ra trong tầm tay của bất kể ai có lòng dũng cảm lên đường theo đuổi nó.

Bây giờ cũng có sự thống nhất rộng rãi rằng các cuộc khủng hoảng nông nghiệp ở nhiều nước cũng đã là những nhân tố quyết định. Sự hiện đại hoá nông nghiệp và sự bất định của thị trường đối với một số cây trồng sau Thế chiến II đã kích sự sa thải hàng loạt người làm ở các trang trại trên ruộng đất truyền thống và đã giải phóng một đội quân khổng lồ những người sửa soạn đi tìm những chân trời mới.

Cũng đã có vấn đề quyền sở hữu ở nông thôn. Quá trình cải cách nông nghiệp phức tạp và kéo dài chỉ làm phức tạp – và cuối cùng đã làm trầm trọng thêm- những khó khăn kiếm đất phù hợp cho hoạt động trang trại. Không thể làm chủ được đất hoặc kiếm được việc làm ở thôn quê, nhiều người dân đã di cư ra các thành phố.

Một sức hấp dẫn mạnh mẽ nữa là tỉ lệ tử vong trẻ em thấp trong hầu hết các thành phố. Khoảng cách giữa tỉ lệ tử vong trẻ em ở thành phố và vùng thôn quê đã doãng ra do các dịch vụ y tế đã được cải thiện ở các thành phố sau Thế chiến II. Lương cao hơn cũng là một kích thích quan trọng. Ở Mĩ Latin, thí dụ, vào năm 1970, những người bỏ thôn quê ra làm công việc có tay nghề bậc trung ở các thủ đô có thể tăng hai hay ba lần thu nhập hàng tháng của họ. Một công việc được trả lương có thể gấp bốn lần thu nhập trước của họ, và các chuyên gia hay kĩ thuật viên có thể kiếm gấp sáu lần. Lương cao bù đắp cho rủi ro thất nghiệp: Một người nhập cư, người đã bị thất nghiệp một năm trước đó, có thể bù đắp thiệt hại về thu nhập trong hai tháng rưỡi làm việc ở thành phố. Cuộc sống ở các thành phố xa xôi không chỉ dường như tốt hơn, mà là tốt hơn thật.

Thậm chí sự gia tăng của bộ máy quan liêu quốc gia cũng trở thành một khuyến khích di cư. Sự tập trung quyền lực vào tay các quan chức chính phủ đã có nghĩa rằng hầu hết các cơ quan chính phủ có năng lực để cung cấp lời khuyên, trả lời các yêu cầu, cấp giấy phép, hoặc cung cấp việc làm đều có trụ sở ở các thành phố. Và bất kể

người di cư nào tìm kiếm một tương lai tươi sáng hơn cho con cái của mình đều biết rằng các cơ hội giáo dục ở các thành phố là tốt hơn cả. Đối với những người nông dân bán thất nghiệp với ít nguồn lực khác ngoài tài khéo léo của riêng mình, thì giáo dục là một khoản đầu tư ngày càng có giá trị và hữu ích. Các thành phố chiếm hầu hết số học sinh tốt nghiệp trung học cũng như số học sinh được tuyển vào các trung tâm và các trường đào tạo nghề, và các trường cao học, số sinh viên dự tuyển và theo học các trường đại học.

Di cư, như thế, chẳng hề là một hành động phi duy lí. Nó chẳng liên quan gì đến "bản năng bầy đàn" cả. Nó là sản phẩm của một sự đánh giá duy lí, có tính toán của người dân thôn quê về tình trạng hiện tại của họ so với những cơ hội mở ra cho họ ở nơi khác. Bất luận đúng hay sai, họ tin rằng di cư vào các thị trường rộng lớn hơn sẽ có lợi cho họ. Nước đi, tuy vậy, đã không phải là một nước đi dễ dàng.

Những Người nghèo Hãy Trở về Nhà

Những người nhập cư vào các thành phố gặp phải một thế giới thù địch. Họ mau chóng nhận ra rằng mặc dù dân đô thị đã có ý tưởng lãng mạn, thậm chí nhân hậu về những người nông dân và đã nhanh chóng thừa nhận rằng tất cả mọi công dân có quyền mưu cầu hạnh phúc, nhưng họ thích những người nông dân tốt bụng tìm kiếm hạnh phúc của mình ở quê nhà hơn. Nông dân được cho là không nên đến để tìm kiếm sự hiện đại. Để đạt được mục tiêu ấy, hầu như tất cả các nước trong thế giới đang phát triển và nguyên cộng sản đã kiên trì các chương trình phát triển hiện đại hoá nông thôn.

Sự thù địch lớn nhất đối với những người nhập cư là từ hệ thống pháp luật. Đầu tiên, hệ thống có thể hấp thu hoặc bỏ qua họ bởi vì các nhóm nhỏ đến đã chẳng làm đảo lộn hiện trạng mấy. Khi số lượng của

họ tăng lên, tuy nhiên, đến một điểm mà họ không thể nào bị bỏ qua, thì những người mới đến thấy mình bị ngăn trở khỏi các hoạt động kinh tế và xã hội được thiết lập một cách hợp pháp. Đối với họ đã cực kì khó để tiếp cận tới nhà ở, tham gia (lập) doanh nghiệp chính thức, hoặc kiếm việc làm hợp pháp. Các định chế pháp lí của hầu hết các nước Thế giới Thứ ba đã được phát triển qua nhiều năm để phục vụ các nhu cầu và quyền lợi của các nhóm đô thị nhất định đã coi nông dân ở các vùng thôn quê như một vấn đề riêng biệt. Chừng nào những người nông dân vẫn ở nguyên một chỗ, thì sự phân biệt đối xử pháp lí ngầm định chưa lộ rõ. Một khi họ đã cư ngụ ở các thành phố, tuy nhiên, họ cảm nhận chính sách phân biệt đối xử của luật chính thức. Đột nhiên, lồng kính [Braudel] lồ lộ ra trước mắt.

Một số quốc gia của Liên Xô trước đây cũng đối mặt với sự xáo trộn trong hệ thống quyền sở hữu của mình, và ít nhất một số phần tử ưu tú đã nhận ra những lợi ích kinh tế để sắp xếp lại nó. Theo một báo cáo năm 1996:

> Các cơ chế… để bảo vệ các quyền đất đai là còn sơ khai ở Nga… Trong nhiều vùng đất phải được đăng kí với một cơ quan khác với cơ quan đăng kí nhà. Hơn thế nữa, những sự bảo vệ pháp lí mà việc đăng kí cung cấp là không rõ ràng… Các thủ tục và tập quán cho bảo vệ và sử dụng các quyền đất đai phải thiết lập từ con số không… Đất có lẽ là nguồn lực có giá trị nhất của Nga, một nguồn lực mà trên đó toàn bộ một nền kinh tế và một xã hội dân chủ có thể lấy làm cơ sở.[11]

Chúng tôi đã thấy khắp Thế giới Thứ ba rằng, các hoạt động ngoài pháp luật đâm chồi mỗi khi hệ thống pháp lí áp đặt các qui tắc ngăn trở những kì vọng của những người bị nó loại trừ. Như chúng ta đã thấy ở Chương 2, nhiều nước đưa ra những rào cản cho việc tham gia vào các hệ thống quyền sở hữu hợp pháp làm nản lòng và tốn kém đến mức chỉ có ít người nhập cư có thể đi theo cách thông qua thói quan liêu - nhiều đến mức như mười bốn năm và bảy mươi bảy thủ tục

hành chính quan liêu ở ba mươi mốt cơ quan công quyền và tư nhân tại Ai Cập, và mười chín năm và 176 bước hành chính quan liêu để hợp thức hoá việc mua đất tư ở Haiti.

Nếu có các chi phí để trở thành hợp pháp, cũng nhất thiết có các chi phí để nằm ngoài luật. Chúng tôi đã thấy rằng hoạt động ở ngoài thế giới của công việc và kinh doanh hợp pháp là tốn kém một cách đáng ngạc nhiên. Ở Peru, thí dụ, chi phí hoạt động một doanh nghiệp ngoài pháp luật bao gồm việc chi trả từ 10 đến 15 phần trăm của tổng thu nhập hàng năm của nó cho đút lót và hoa hồng cho các nhà chức trách. Cộng thêm vào khoản chi như vậy còn các chi phí để tránh khỏi bị phạt, để chuyển giao sang các kênh hợp pháp, và hoạt động phân tán và không có tín dụng, và cuộc sống của các chủ doanh nghiệp ngoài pháp luật hoá ra là đắt đỏ và phiền toái hàng ngày lớn hơn nhiều so với những chi phí của nhà kinh doanh hợp pháp.

Có lẽ chi phí quan trọng nhất gây ra bởi sự thiếu vắng các định chế tạo ra các khuyến khích cho người dân nắm bắt các cơ hội kinh tế và xã hội để chuyên môn hoá trong phạm vi của thương trường. Chúng tôi đã thấy những người không thể hoạt động trong phạm vi luật pháp cũng không thể nắm giữ tài sản một cách hiệu quả hoặc thực thi các hợp đồng ở toà án; họ cũng chẳng thể giảm thiểu bất trắc thông qua các hệ thống trách nhiệm hữu hạn hoặc tạo ra các công ti cổ phần để thu hút vốn và chia sẻ rủi ro. Do không có khả năng kêu gọi vốn đầu tư, họ không thể đạt tính kinh tế theo qui mô hoặc bảo vệ những đổi mới sáng tạo của mình thông qua tiền quyền tác giả và sáng chế.

Bị ngăn cản khỏi việc chui vào lồng kính [Braudel], những người nghèo chẳng bao giờ đến gần được các cơ chế quyền sở hữu hợp pháp cần cho việc tạo tư bản. Những ảnh hưởng kinh tế tai hại của sự phân biệt đối xử pháp lí này đập vào mắt người ta, nhất là sự thiếu các quyền sở hữu chính thức đối với bất động sản. Ở mọi nước mà chúng tôi đã nghiên cứu, chúng tôi thấy khoảng 80 phần trăm của các mảnh đất không được bảo vệ bởi các hồ sơ được cập nhật hoặc được nắm giữ bởi các chủ sở hữu có trách nhiệm một cách hợp pháp. Cho nên bất kể sự trao đổi nào của tài sản như vậy bị hạn chế chỉ trong các giới kín của các bạn hàng kinh doanh, làm cho các tài sản của những chủ sở hữu ngoài pháp luật nằm ngoài thị trường được mở rộng.

Như vậy các chủ tài sản ngoài pháp luật bị từ chối tiếp cận đến tín dụng cái cho phép họ mở rộng các hoạt động của mình – một bước thiết yếu cho việc khởi động mới hoặc tăng trưởng một doanh nghiệp ở các nước tiên tiến. Tại Hoa Kì, thí dụ, đến 70 phần trăm tín dụng mà các doanh nghiệp mới nhận được là từ sử dụng các chứng thư quyền sở hữu chính thức như vật thế chấp cho các khế ước thế chấp. Tính ngoài pháp luật cũng có nghĩa là, những khuyến khích đầu tư được cung cấp bởi sự an toàn pháp lí là không có.

Bị cắt khỏi hệ thống pháp luật, cái đảm bảo duy nhất cho sự phồn vinh của những người nhập cư nằm trong tay của chính họ. Họ không chỉ phải cạnh tranh đối với những người khác mà cả với hệ thống nữa. Nếu hệ thống pháp luật của đất nước họ không hoan nghênh họ, thì họ chẳng còn lựa chọn khả dĩ nào khác ngoài việc tự thiết lập các hệ thống ngoài pháp luật của riêng họ. Các hệ thống ngoài pháp luật, theo ý kiến tôi, tạo nên sự nổi loạn, chống đối quan trọng nhất chống lại hiện trạng trong lịch sử của các nước đang phát triển kể từ ngày độc lập của họ, và ở các nước thuộc Liên Xô trước đây kể từ khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ.

Tính Ngoài pháp luật Tăng lên

Dân cư của hầu hết các thành phố chính của Thế giới Thứ ba đã tăng lên ít nhất bốn lần trong bốn thập kỉ qua. Đến 2015, số thành phố ở các nước đang phát triển có 5 triệu hoặc trên 5 triệu dân sẽ là hơn năm mươi,[12] với đa số dân sống và làm việc ngoài pháp luật. Khu vực ngoài pháp luật có mặt khắp nơi trong các nước đang phát triển và nguyên cộng sản. Các hoạt động mới đã nổi lên và dần dần thay thế các hoạt động cũ. Đi dọc hầu hết các đường phố và bạn nhất thiết đụng phải các cửa hiệu, nơi đổi tiền, giao thông, và các dịch vụ khác ngoài pháp luật. Thậm chí nhiều sách mang bán được in bất hợp pháp.

Toàn bộ những vùng lân cận được mua, được phát triển, và xây dựng vi phạm hoặc đối ngược trực tiếp với các qui chế của chính phủ

bởi các cuộc chiếm đất và doanh nghiệp ngoài pháp luật. Cứ một trăm nhà ở được xây ở Peru, thì chỉ có ba mươi có chứng thư quyền sở hữu; bảy mươi được xây một cách bất hợp pháp. Khắp Mĩ Latin, chúng tôi thấy rằng tỉ lệ các toà nhà trong khu vực được tư bản hoá thấp ít nhất là sáu trên tám và 80 phần trăm của tất cả bất động sản được nắm giữ ngoài pháp luật. Theo hầu hết các ước lượng, các khu vực ngoài pháp luật ở thế giới đang phát triển chiếm từ 50 đến 75 phần trăm tất cả những người lao động và tạo ra từ một phần năm đến hai phần ba tổng đầu ra kinh tế của Thế giới Thứ ba.

Hãy xem xét Brazil: Ba mươi năm trước, hơn hai phần ba nhà được xây dựng là để cho thuê; ngày nay nhà cho thuê chỉ chiếm 3 phần trăm xây dựng của Brazil. Hầu hết thị trường đó đã di chuyển sang những phần phi chính thức của các thành phố Brazil – sang các *favela,* các khu nhà ổ chuột. Theo Donald Stewart:

> Người ta không ý thức được về khối lượng hoạt động kinh tế ở *favela*. Các nền kinh tế phi chính thức này đã sinh ra từ tinh thần kinh doanh của các nông dân từ miền Đông Bắc Brazil những người bị thu hút bởi các trung tâm đô thị. Họ hoạt động bên ngoài nền kinh tế chính thức được điều tiết mạnh và vận hành theo cung và cầu. Bất chấp thiếu rõ ràng các nguồn lực, nền kinh tế phi chính thức này hoạt động có hiệu quả. Ở các *favela* không có kiểm soát tiền thuê, tiền thuê được trả bằng đôla Mĩ và những người đi thuê không trả được tiền thuê nhanh chóng bị đuổi đi. Tính sinh lời của đầu tư là tốt và kết quả là cung về nhà ở là dồi dào.[13]

Tờ *Wall Street Journal* tường thuật năm 1997 rằng theo nhóm "Các bạn của Đất", chỉ có 10 phần trăm đất được chiếm ở rừng nhiệt đới Amazon của Brazil là có chứng thư sở hữu.[14] Ở các nước khác, tính ngoài pháp luật gia tăng.

Không giống tình trạng ở các quốc gia tiên tiến, ở những nơi "tầng lớp dưới" đại diện cho một thiểu số nhỏ sống bên lề xã hội, ở một số nước tình trạng ngoài pháp luật đã luôn luôn là xu thế chủ đạo. Thí dụ, trong hầu hết các nước mà chúng tôi đã khảo sát, giá trị của riêng bất động sản ngoài pháp luật là lớn gấp nhiều lần tổng tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kì hạn ở các ngân hàng thương mại, giá trị của các công ti được niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán địa phương, tất cả đầu tư nước ngoài, và tất cả các doanh nghiệp nhà nước đã được và sẽ được tư nhân hoá cộng tất cả lại với nhau. Điều này, suy ngẫm lại, không đáng phải ngạc nhiên. Bất động sản chiếm khoảng 50 phần trăm của cải quốc gia của các nước tiên tiến; ở các nước đang phát triển, con số này là gần ba phần tư. Việc định cư ngoài pháp luật thường là con đường duy nhất cho đầu tư ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản và vì thế là một phần quan trọng của quá trình tiết kiệm và tạo tư bản. Hơn thế nữa, sự đóng góp ngày càng tăng của các thành phố vào GDP gợi ý rằng một tiềm năng to lớn về vốn và bí quyết công nghệ đang được tích tụ chủ yếu trong các vùng đô thị.

Những Người Ngoài Pháp luật đã đến lúc Ở lại

Sự bùng nổ này của hoạt động ngoài pháp luật ở Thế giới Thứ ba, sự chiếm đất ồ ạt ở các vùng nông thôn, và các khu đô thị bất hợp pháp ngổn ngang – *pueblos jóvenes* của Peru, *favelas* của Brazil, *ranchos* của Venezuela, *barrios marginales* của Mexico, và *bidonvilles* của các thuộc địa Pháp trước đây cũng như các khu nhà ổ chuột, *shantytown*, ở các thuộc địa Anh trước đây – là nhiều hơn nhiều một làn sóng trào dâng về dân số, hoặc nghèo đói, hoặc thậm chí sự bất hợp pháp. Các làn sóng này của những người ngoài pháp luật, nghiền nát cái lồng kính của đặc quyền pháp lí, hoàn toàn có thể là nhân tố quan trọng nhất để buộc các nhà chức trách hoan nghênh cuộc cách mạng công nghiệp và thương mại nhờ vào chúng.

Hầu hết các chính phủ của hầu hết các quốc gia không đủ điều kiện để đua tranh với quyền lực ngoài pháp luật. Hoàn toàn trên phương diện vật chất, các doanh nghiệp ngoài pháp luật đã vượt các nỗ lực của chính phủ trong cung cấp nhà ở cho những người nhập cư và những người nghèo rồi. Ở Peru cho đến cuối các năm 1980, thí dụ, đầu tư của chính phủ vào nhà ở cho người có thu nhập thấp chỉ loanh quanh ở mức khoảng 2 phần trăm của đầu tư nhà ở trong khu vực ngoài pháp luật. Kể cả xây dựng nhà ở cho các tầng lớp trung lưu cũng chỉ tăng phần của chính phủ lên 10 phần trăm của toàn bộ các khoản đầu tư [nhà ở] phi chính thức. Ở Haiti năm 1995, giá trị của các bất động sản ngoài pháp luật gần bằng mười lần tổng tài sản của chính phủ Haiti.

Khu vực ngoài pháp luật là một vùng xám có biên giới dài với thế giới hợp pháp, là nơi các cá nhân trú ẩn khi chi phí tuân thủ luật pháp vượt quá lợi ích. Những người nhập cư trở thành ngoài pháp luật để sống sót: Họ bước ra khỏi luật pháp bởi vì họ không được phép ở trong. Để sống, buôn bán, chế tác, vận tải, hoặc thậm chí để tiêu thụ, những cư dân mới của các thành phố phải làm như thế một cách bất hợp pháp.

Những dàn xếp ngoài pháp luật mà họ tiến hành vội vã là những giao ước tường minh giữa các thành viên nhất định của xã hội nhằm cung cấp sự an toàn cho tài sản và các hoạt động của họ. Chúng là những kết hợp của các qui tắc được chọn lọc từ các hệ thống pháp lí chính thống, những ứng biến nhất thời, và các tập quán lấy từ nguyên quán của họ hoặc nghĩ ra ở địa phương, và chúng gắn kết với nhau bởi một khế ước xã hội được cộng đồng như một tổng thể ủng hộ và được thực thi bởi các nhà chức trách do cộng đồng lựa chọn. Sự bất lợi của những dàn xếp ngoài pháp luật là chúng không được tích hợp vào hệ thống quyền sở hữu chính thức và như một hệ quả chúng không thay thế cho nhau được và không thích ứng cho hầu hết các giao dịch; chúng không được kết nối vào mạng lưới tài chính và đầu tư; và các thành viên của chúng là không có trách nhiệm giải trình với các nhà chức trách ngoài khế ước xã hội của riêng họ.

Những dàn xếp này được điều hành bởi các tổ chức rất khác nhau, bao gồm các hiệp hội phát triển đô thị, các qui ước hoạt động trang trại, các hiệp hội buôn bán nhỏ, các tổ chức kinh doanh nhỏ, các cộng

đồng vi nghiệp chủ, các liên đoàn vận tải, các câu lạc bộ đòi quyền khai thác mỏ, những người hưởng hoa lợi cải cách nông nghiệp, các hợp tác xã tư nhân xây dựng nhà ở, các tổ chức định cư, các hội đồng dân cư, các uỷ ban công xã, các uỷ ban hưởng lợi trong các nhà ở do nhà nước xây dựng, các cộng đồng thổ dân, các hiệp hội nông dân nhỏ, và các tổ chức làng xóm. Các tổ chức này cũng điều hành phần mở rộng nhà trên đất sa mạc, mở rộng nhà trên đất nông nghiệp, những dàn xếp đặc biệt cho những phần lịch sử của các thành phố, phân chia các nhà chung cư, định cư với các hợp đồng tư nhân, định cư với các hợp đồng công cộng, chiếm đoạt thông qua cho thuê lại với sự đồng ý của chủ, nhà ở nhà nước hồ sơ chưa hoàn tất, các hợp đồng thuê bất hợp pháp có công chứng nhưng không được đăng kí, các hợp đồng định cư được đăng kí nhưng không có công chứng, định cư được "các quá trình hoà bình dân tộc" công nhận, những người tái định cư, định cư có đăng kí với các nhà cung cấp các dịch vụ cơ bản hoặc với các nhà chức trách thuế nhưng không đăng kí với những người giám quản quyền sở hữu chính thống.

Ngoài pháp luật hiếm khi là ý định phản xã hội. Các "tội" mà những người ngoài pháp luật mắc phải là để đạt được các mục tiêu bình thường như xây một căn nhà, cung cấp một dịch vụ, hoặc phát triển một doanh nghiệp. Còn xa mới là nguyên nhân gây lộn xộn, hệ thống luật ngoài pháp luật này là cách duy nhất những người định cư có để điều chỉnh cuộc sống và các giao dịch của họ. Kết quả là, chẳng gì có thể thoả đáng về mặt xã hội hơn là cách mà những người nghèo sống và làm việc. Mặc dù "luật" của họ có thể nằm ngoài luật chính thức, nhìn chung, chúng là các luật duy nhất mà những người này cảm thấy thoải mái. Đây là khế ước xã hội mà theo nó họ sống và làm việc.

Các khu định cư ngoài pháp luật mà những người nhập cư ở có thể nhìn giống các khu nhà ổ chuột, nhưng chúng là khá khác với các khu ổ chuột nội thành của các quốc gia tiên tiến. Loại sau bao gồm các toà nhà sụp đổ do sao nhãng và nghèo đói. Trong thế giới đang phát triển, chỗ ở cơ bản của những người nghèo chắc sẽ được cải thiện, được tích tụ và dần dần mang phong cách trưởng giả. Trong khi nhà ở của những người nghèo ở các quốc gia tiên tiến mất giá trị với thời gian, thì các công trình xây dựng ở các khu định cư nghèo của thế giới đang phát triển lại trở nên có giá trị hơn, biến chuyển trong vòng các thập

niên thành tương đương với các cộng đồng thuộc tầng lớp công nhân ở Phương Tây.

Trên hết, những người định cư ngoài pháp luật, ngược lại với hình ảnh vô pháp luật của họ, chia sẻ lòng khát khao của xã hội dân sự dẫn tới cuộc sống hoà bình và hữu ích. Như Simon Fass đã viết trong kết luận hùng biện của cuốn sách của ông về nền kinh tế Haiti:

> Những người dân bình thường này là phi thường chỉ ở một khía cạnh. Thu nhập của họ là rất thấp, thấp đến mức mà một sai lầm nghiêm trọng trong phán quyết hoặc một điều không may do trời đất gây ra thường có thể đe doạ sự sống còn của hộ gia đình như một thực thể thống nhất. Cái phi thường không phải là bản thân sự nghèo khó, mà là khả năng của những người này để sống sót bất chấp nó… Tất cả những cái mà họ làm chẳng gì khác ngoài một sự đóng góp hữu ích cho sự sống còn và tăng trưởng, và các thứ đơn giản mà họ nhận được đều có chức năng như các nhân tố đầu vào cho quá trình sản xuất.[15]

Khi các hoạt động kinh tế, mà họ được liên kết, đã tăng lên và đa dạng hoá, các tổ chức ngoài pháp luật này cũng bắt đầu đảm đương vai trò của chính phủ. Ở những mức độ khác nhau, chúng trở nên có trách nhiệm về cung cấp các kết cấu hạ tầng như đường sá, cấp nước, các hệ thống thoát nước, điện, xây dựng chợ, cung ứng các dịch vụ vận tải, và thậm chí quản lí tư pháp và duy trì trật tự.

Đối mặt với sự tiến tới của những người ngoài pháp luật, các chính phủ đã rút lui. Nhưng họ có khuynh hướng xem xét từng sự nhượng bộ tạm thời "cho đến khi khủng hoảng đã qua đi". Trong thực tế, tuy vậy, chiến lược này chỉ là cách trì hoãn sự thất bại không thể tránh khỏi. Trong một số trường hợp, các chính phủ đã tạo ra những ngoại lệ cho một số doanh nghiệp ngoài pháp luật, các ốc đảo hợp pháp dường như thế, nơi khởi đầu các doanh nghiệp bất hợp pháp có thể hoạt động mà không bị ngược đãi – nhưng không tích hợp chúng sao cho chúng có thể hưởng sự bảo vệ và những lợi ích của toàn bộ hệ

thống pháp lí. Những dàn xếp này tránh sự đối đầu công khai và như thế có thể coi là một loại hoà ước pháp lí tạm thời. Ở Ai Cập, thí dụ, các chuyên gia đang nói rồi về “xây nhà ở bán-chính thức”:

> Xây dựng nhà như vậy không chỉ tăng quĩ nhà ở trong nội bộ đất nước và cung cấp nhà ở tương đối rẻ mà cũng tạo cho phần lớn dân cư đô thị tài sản trong đó họ có thể đầu tư. Loại xây dựng nhà ở này có một mức độ bất hợp pháp. Kết cấu xây dựng nhà không được phát triển thông qua các thủ tục điều tiết đã được thiết lập và những người xây dựng chúng không sử dụng các định chế xây dựng nhà được công nhận. Chúng thường được xây dựng trên các diện tích nông nghiệp được các nhà xây dựng tư nhân chia một cách bất hợp pháp thành các lô nhỏ…
>
> Chính phủ thường liên quan đến quá trình mua đất trong phạm vi xây dựng nhà bán-chính thức. Trong các lĩnh vực xây dựng nhà bán-chính thức nơi khảo sát được tiến hành, chính các cơ quan chính phủ khởi xướng sự phát triển của chúng và điều này khuyến khích các nhà xây dựng tư nhân chia đất một cách bất hợp pháp thành các lô nhỏ ở giai đoạn muộn hơn. Việc sử dụng đất được chuyển đổi từ sử dụng đất nông nghiệp sang sử dụng đất cư trú thông qua một vai trò được che dấu từ chính phủ. Những người ở trong các khu vực như vậy thường mua đất của họ thông qua một quá trình phi chính thức chia đất và thương mại hoá đất phi chính thức. Hager El Mawatayah, Exbet Abou Soliman, và Ezber Nadi El Sid là các thí dụ tốt nhất cho các khu vực như vậy ở thành phố Alexandria.[16]

Thậm chí ở những nơi không chắc nhất, cũng có bằng chứng rằng các chính phủ đang nhận ra rằng các định chế pháp lí của họ đã không thích ứng với các điều kiện kinh tế ngày nay. Năm 1992, Hãng tin Reuters đã tường thuật rằng nhà lãnh đạo Libya Mu’ammar Gadhafi đã thiêu ra tro các chứng thư sở hữu đất của Libya. “Tất cả các hồ sơ và tài liệu trong sổ đăng bạ đất cũ, những cái chỉ ra rằng một khoảnh đất thuộc về bộ tộc này bộ tộc kia, đã bị đốt sạch”, đại tá Gadhafi đã thông báo, như đã được đưa tin, với một cuộc họp của bộ

tư pháp của ông ta. "Chúng bị đốt đi bởi vì chúng đã dựa trên sự bóc lột, giả mạo, và cướp bóc".[17]

Ở một số nước, khu vực ngoài pháp luật bây giờ chính là gốc rễ của hệ thống xã hội. Người dân Touba, Senegal, những người bán rong trên các vỉa hè của New York và của các thành phố lớn khác ở Mĩ, thường là bộ phận của một giáo phái Hồi giáo-Phi châu tinh vi tuồn hàng triệu đôla lợi nhuận về thành phố quê hương của họ. Tờ Newsweek mô tả Touba như:

> một quốc gia trong quốc gia, phần lớn được miễn trừ khỏi luật pháp Senegal… [và] là thành phố phát triển nhanh nhất nước. Toàn bộ các làng được tái định cư ở đây, dựng lên các lán bằng tôn giữa những biệt thự có tường bao quanh của những người giàu… Thành phố miễn thuế là trung tâm của Senegal về giao thông và các đế chế bất động sản, khu vực phi chính thức hưng thịnh, và buôn bán lạc [đậu phộng], nguồn trao đổi ngoại thương chính của quốc gia.[18]

Ở những phần khác của thế giới, sự lo ngại của những người ngoài pháp luật về việc họ mất tài sản có thể châm ngòi cho xung đột công khai. Đó là trường hợp của Indonesia mà những vấn đề của nó được báo chí nêu nhiều trong những năm vừa qua. Quay lại sáu năm về trước, tờ *Economist* đã cảnh báo:

> Những người nghèo bực mình về việc mất tài sản của mình bởi vì đô thị hoá và công nghiệp hoá tạo ra cầu về đất, trong một nước mà ở đấy quyền sở hữu đất là một việc cực kì xa vời. Chỉ có 7% đất trên quần đảo Indonesia có chủ sở hữu rõ ràng.
>
> Không thể tránh khỏi, có rất nhiều trao đổi về cả các giấy chứng nhận thật và giả. Những người thử mua các miếng đất đôi khi thấy rất đông chủ không thể chối cãi được. Và các ngân hàng rất ngại chấp nhận đất như thế chấp cho một khoản vay.[19]

Ở những nơi khác ngoài pháp luật được liên tưởng gần với sự khốn khổ: "Ở Bombey … hai phần ba số 10 triệu dân của thành phố sống hoặc là trong các lán một phòng hoặc là trên vỉa hè".[20] Tuy thế

những người ngoài pháp luật ở các nước khác đang leo lên các bậc thang kinh tế. Theo Tổ chức Đánh giá Kĩ thuật của Peru (Cuero Técnico de Tasaciones del Perú), giá trị của đất trong khu vực phi chính thức của Lima ở mức trung bình 50 USD một mét vuông, trong khi ở vùng Gamarra, nơi có khu vực chế tác phi chính thức rất lớn hoạt động, giá trị của một mét vuông đất có thể lên cao tới mức 3.000 USD. Ở Aviación, một trung tâm ngoài pháp luật khác ở Lima, đất đáng giá 1.000 USD một mét vuông; và ở Chimú của khu Zárate là 400 USD. Ngược lại, Miraflores và San Isidro, các địa chỉ có thanh thế nhất Lima, giá trị của tài sản đất hợp pháp, có chứng thư quyền sở hữu là từ 500 USD đến 1.000 USD một mét vuông.[21]

Chính là một câu chuyện cũ

Một khi các chính phủ hiểu rằng những người nghèo đã kiểm soát những lượng khổng lồ về bất động sản và các đơn vị sản xuất kinh tế rồi, thì sẽ trở nên rõ ràng đối với họ rằng bao nhiêu vấn đề mà họ đối mặt là do luật thành văn không phù hợp với cách mà đất nước của họ thật sự hoạt động. Nó chính là lí do nếu luật thành văn mâu thuẫn với luật của dân thì sự bất mãn, tham nhũng, đói nghèo, và bạo lực sẽ chắc chắn xảy ra.

Vấn đề còn lại chỉ là các chính phủ sẵn sàng sớm đến thế nào để hợp pháp hoá các tài sản ngoài pháp luật này bằng cách tích hợp chúng vào một khuôn khổ pháp luật nhất quán và ngăn nắp. Ngược lại thì chỉ là duy trì mãi mãi tình trạng pháp lí hỗn loạn trong đó hệ thống quyền sở hữu hiện tồn tiếp tục tranh đua với hệ thống ngoài pháp luật. Nếu các nước này có bao giờ đạt đến một hệ thống pháp luật duy nhất, luật chính thống phải được làm cho hợp với thực tế của một sự thúc ép ngoài pháp luật hàng loạt tới các quyền sở hữu rộng mở.

Tin vui là các nhà cải cách pháp luật sẽ không phải bước vào vực thẳm. Thách thức mà họ đối mặt, mặc dù là to lớn, đã gặp ở nhiều nước trước đây rồi. Các nước đang phát triển và nguyên cộng sản đang đối mặt với những thách thức (mặc dù ở các tỉ lệ đầy kịch tính hơn nhiều) hệt như các nước tiên tiến đã giải quyết giữa thế kỉ thứ mười tám và Thế chiến II. Ngoài pháp luật hàng loạt không phải là một hiện tượng mới. Nó luôn luôn xảy ra khi các chính phủ thất bại trong việc làm luật trùng hợp với cách người dân sống và làm việc.

Khi Cách mạng Công nghiệp bắt đầu ở Châu Âu, các chính phủ cũng đã bị quấy rầy bởi di cư không kiểm soát nổi, bởi sự tăng lên của khu vực ngoài pháp luật, bởi nghèo đói ở đô thị, và bởi náo động xã hội. Họ, lúc đầu cũng đã giải quyết các vấn đề này từng cái một theo cách manh mún.

Điểm Mù II: Cuộc sống ở Ngoài lồng kính Hôm qua

Di Chuyển đến các Thành phố

Hầu hết các học giả gắn sự xảy ra của cuộc đại cách mạng công nghiệp và thương mại ở Châu Âu với sự di cư hàng loạt đến các thành phố, sự gia tăng dân số như kết quả của một sự giảm các tai hoạ, và một sự giảm sút thu nhập ở nông thôn so với thu nhập ở thành thị.[22] Trong thế kỉ thứ mười bảy và mười tám, công nhân ở các thành phố bắt đầu nhận được lương cao hơn những người ở nông thôn để thực hiện các dự án xây dựng theo lệnh của các giai cấp thống trị. Hiển nhiên là, những người nông dân có nhiều tham vọng hơn đã di cư ra các thành phố, bị cám dỗ bởi triển vọng lương cao hơn.

Ở nước Anh, làn sóng di cư đầu tiên bắt đầu vào cuối thế kỉ thứ mười sáu. Bị đảo lộn bởi số người nhập cư ngày càng tăng ở các thành phố và bởi sự bất ổn sinh ra, các nhà chức trách đã cố kìm nhịp

độ bằng các biện pháp thay thế tạm thời như phân phối thực phẩm cho những người nghèo. Cũng đã có các biện pháp kiên định để thuyết phục người dân trở về thôn quê. Một loạt các luật đã được thông qua vào các năm 1662, 1685, và 1693 đòi hỏi các công dân trở về nơi sinh hoặc về nơi cư trú cố định trước đó của họ như một điều kiện để nhận được trợ cấp. Mục đích là để ngăn các gia đình và những người lao động chân tay di cư nhiều hơn vào các thành phố để tìm việc làm. Năm 1697, một luật đã được thông qua cho phép những người nhập cư di chuyển ở nước Anh chỉ khi nếu họ nhận được một giấy chứng nhận cư trú từ các nhà chức trách ở địa điểm cư trú mới của họ. Mặc dù các luật này đã không khuyến khích di cư đối với các gia đình và những người yếu đuối, trẻ, khoẻ mạnh, có tham vọng và chưa lập gia đình nghĩ ra những cách trở lại các thành phố. Họ cũng là những loại người sẽ trở thành những chủ doanh nghiệp thành công - hoặc các nhà cách mạng mãnh liệt.

Hầu hết những người nhập cư đã không kiếm được việc làm mà họ kì vọng. Những qui định hạn chế, đặc biệt là những khó khăn trong nhận được phép để mở rộng hay đa dạng hoá hoạt động, đã hạn chế năng lực của doanh nghiệp chính thức để tăng trưởng và tạo công ăn việc làm cho những người lao động chân tay mới. Một số kiếm việc làm tạm thời hoặc vào làm công việc nội trợ.[23] Nhiều người buộc phải định cư tạm thời ở các vùng ven của các thành phố Châu Âu, ở "ngoại ô", những vùng định cư ngoài pháp luật của những ngày ấy, chờ đợi được thâu nạp vào một phường hội hoặc kiếm một việc làm trong một công việc kinh doanh hợp pháp.

Tình trạng rối loạn xã hội đã không thể tránh khỏi. Di cư vào các thành phố bắt đầu ngay khi các định chế chính trị hiện tồn bị tụt lại đằng sau thực tế thay đổi một cách nhanh chóng. Sự cứng nhắc của luật và tập quán trọng thương đã ngăn cản những người di cư thực hiện đầy đủ tiềm năng kinh tế của họ. Sự chen chúc của dân cư đô thị ngày càng tăng, bệnh tật, và những khó khăn không thể tránh khỏi của người dân thôn quê trong thích ứng với cuộc sống thành thị đã làm trầm trọng mâu thuẫn xã hội thêm nữa. D. C. Coleman quan sát thấy rằng ngay vào thế kỉ thứ mười sáu đã có những kêu ca trong Quốc hội Anh về "nhiều loại ăn mày" và sự gia tăng nhiều những "kẻ lừa đảo, lang thang, và trộm cắp" ở các thành phố.[24]

Thay cho việc làm thích ứng với sự thực đô thị này, các chính phủ đã tạo ra nhiều luật và qui chế hơn để thử nghiền nát nó. Càng nhiều qui chế thì gây ra càng nhiều vi phạm – và các luật mới được thông qua ngay để truy tố những người vi phạm các luật cũ. Các vụ kiện cáo tràn lan; buôn lậu và làm giả phổ biến. Các chính phủ đã phải sử dụng đến các biện pháp đàn áp hung bạo.

Sự Nổi lên của Ngoài pháp luật

Dần dần, những người nhập cư Châu Âu không tìm được việc làm hợp pháp đã bắt đầu mở các cửa hàng bất hợp pháp ở nhà của mình. Đa phần công việc này "bao gồm chế tạo trực tiếp, với thiết bị ít vốn vượt quá các công cụ dùng tay".[25] Từ lâu người ở thành phố đã khinh miệt công việc được tiến hành ở bên ngoài các phường hội và hệ thống công nghiệp chính thống.

Những người nhập cư, tất nhiên, đã không thể đủ sức để kén cá chọn canh; công việc ngoài pháp luật đã là nguồn thu nhập duy nhất của họ, và khu vực ngoài pháp luật của nền kinh tế bắt đầu lan rộng nhanh chóng. Eli Heckscher trích dẫn bình luận năm 1762 của Oliver Goldsmith: "Hiếm có một người Anh nào, người không vi phạm một luật rõ ràng nào đó với sự miễn phạt trong hầu như mỗi ngày của đời mình… và chẳng ai, ngoại trừ nỗ lực ăn hối lộ và vụ lợi mới thực thi chúng".[26] Hai nghị định của Pháp (năm 1687 và 1693), cũng được Heckscher trích dẫn, công nhận rằng một lí do vì sao những qui định kĩ thuật sản xuất lại không được tuân thủ là do các công nhân, khi đó thậm chí còn thất học hơn nhiều so với người lao động ở các nước đang phát triển ngày nay, đã không thể thoả mãn ngay cả đòi hỏi pháp lí đơn giản nhất đến nỗi các nhà sản xuất vải dệt phải đưa tên của họ trên ngực áo của họ. Ấy thế mà, những người công nhân nhập cư này đã rất hiệu quả. Adam Smith một lần đã lưu ý, "Nếu anh muốn công việc của mình được thực hiện ở mức độ khá tốt, nó phải

được làm ở các vùng ngoại ô nơi người lao động, chẳng có đặc ân gì, chẳng có gì ngoài đặc tính để tuỳ thuộc vào, và anh cũng phải tuồn lậu nó vào thành phố ở mức anh có thể”.[27]

Các nhà chức trách và các nhà doanh nghiệp hợp pháp đã không bị ấn tượng bởi sự cạnh tranh như Adam Smith bị. Ở nước Anh, qua các thập kỉ sau khi nền quân chủ được phục hồi năm 1660, một số người theo chủ nghĩa truyền thống bắt đầu ca thán về số lượng ngày càng đông của những người bán rong và những người bán hàng trên đường phố, sự náo động xảy ra trước cửa các cửa hàng có uy tín, và sự xuất hiện của những người có cửa hiệu mới ở nhiều thành phố nhỏ. Các nhà buôn chính thức đã cố gắng tuyệt vọng để thoát khỏi những người mới đến. Ở Paris, cuộc chiến pháp lí giữa các thợ may và những người bán quần áo đã dùng rồi kéo dài hơn ba trăm năm. Nó chỉ được chấm dứt bởi Cách mạng Pháp.

Những lời mở đầu của các luật và các sắc lệnh thời ấy thường dẫn chiếu đến sự từ chối tuân thủ các luật và qui định cũ. Theo Heckscher, vải bông in hoa nhập từ Ấn Độ bị cấm năm 1700 để bảo vệ công nghiệp len của Anh Quốc. Các nhà chế tạo Anh mạnh dạn đã sản xuất vải in hoa của riêng họ, luôn tìm ra những ngoại lệ hay các lỗ hổng của luật. Một cách lách khỏi sự cấm đoán vải bông in hoa đã là sử dụng vải bông thô – vải bông Anh được làm với bao bì bằng lanh. Tây ban Nha cũng đã truy tố và trừng phạt các nghiệp chủ ngoài pháp luật. Năm 1549, Hoàng đế Charles Đệ Nhất đã ban bố hai mươi lăm sắc lệnh hướng vào các doanh nghiệp ngoài pháp luật. Một luật yêu cầu các nhà chức trách phá hoại vải bằng cách cắt mép vải chứa dấu hiệu của nhà sản xuất như thế những người mua sẽ biết họ đã mua các hàng hoá ngoài pháp luật. Điều này có ý định để làm nhục các nhà phân phối.

Sự đàn áp của chính phủ với những người ngoài pháp luật đã là rất nhiều, thô bạo, và ở Pháp, gây cả thiệt mạng. Ở giữa thế kỉ mười tám, luật pháp đã cấm công chúng Pháp sản xuất, nhập khẩu, hoặc bán vải bông in hoa với sự trừng phạt từ lao động khổ sai và tù đày đến hành hình. Những người ngoài pháp luật vẫn không nhụt chí. Heckscher ước lượng rằng trong một giai đoạn mười năm trong thế kỉ thứ mười tám những người Pháp đã hành hình hơn 16.000 người buôn lậu và các nhà sản xuất bí mật đối với sản xuất hoặc nhập khẩu bất hợp

pháp vải in hoa. Một số thậm chí lớn hơn còn bị kết án khổ sai hoặc bị phạt theo kiểu khác. Riêng ở thành phố Valence, 77 nhà doanh nghiệp ngoài pháp luật đã bị treo cổ, 58 người đã bị tra tấn bẻ xương trên bánh xe, và 631 người bị phạt khổ sai. Các nhà chức trách chỉ mủi lòng tha cho duy nhất một người ngoài pháp luật.

Theo Robert Ekelund và Robert Tollison, lí do vì sao các nhà chức trách đã truy tố những người ngoài pháp luật thô bạo đến như vậy là không chỉ bởi vì họ muốn bảo vệ các ngành đã được thiết lập; vải in hoa cũng làm cho thu thuế khó khăn hơn.[28] Mặc dù đã dễ nhận diện các nhà sản xuất các loại vải một màu và như thế xác minh liệu họ đã trả hết thuế chưa, vải in hoa, do hệ thống in mới, có thể tạo ra các màu đa dạng, làm cho việc xác định xuất xứ của chúng khó khăn hơn nhiều.

Nhà nước dựa mạnh vào các phường hội – mà chức năng chính của chúng là kiểm soát việc tiếp cận đến doanh nghiệp hợp pháp - để giúp xác định những người vi phạm luật. Nhưng bằng cách làm luật nghiêm khắc hơn thay vì điều chỉnh chúng để tính đến cả chế tác ngoài pháp luật, các nhà chức trách đơn giản đã buộc các nhà doanh nghiệp ra vùng ngoại ô ngoài pháp luật. Khi Điều lệ về Thợ cả và Thợ học việc của nước Anh năm 1563 đã cố định các mức lương cho công nhân và đòi hỏi rằng chúng được điều chỉnh hàng năm theo giá cả của một số mặt hàng thiết yếu nhất định, nhiều người ngoài pháp luật trước đây đã di chuyển doanh nghiệp của mình ra các thị trấn hẻo lánh hoặc thiết lập những vùng ven đô mới ở nơi sự giám sát của nhà nước ít nghiêm ngặt hơn và các qui chế lỏng lẻo hơn hoặc đơn giản không áp dụng được. Rút ra vùng ven đô cũng cho phép những người ngoài pháp luật tránh con mắt soi mói của các phường hội, mà quyền hạn của chúng chỉ mở rộng đến ranh giới của thành phố.

Cuối cùng, sự cạnh tranh ngoài pháp luật đã tăng lên đến một điểm khi mà các chủ sở hữu các doanh nghiệp chính thức chẳng còn có lựa chọn khả dĩ nào khác ngoài việc để cho các xưởng ở ngoại ô thầu lại một phần sản xuất của họ – làm hẹp cơ sở thuế và gây tăng thuế. Một vòng luẩn quẩn hình thành: Thuế cao hơn làm trầm trọng thêm nạn thất nghiệp và tình trạng rối loạn, thúc đẩy di cư đến ngoại ô lớn hơn và nhiều đơn thầu phụ cho các nhà chế tác ngoài pháp luật. Một số người ngoài pháp luật đã thành công đến mức họ đã có quyền

tham gia kinh doanh chính thức – mặc dù không phải không trả phần đút lót của họ và đưa ra áp lực chính trị.

Các phường hội đã phản công. Dưới triều đại Tudor, rất nhiều luật ở Anh đã cấm các xưởng và các dịch vụ ngoài pháp luật ở các vùng ngoại ô. Nhưng rất đông những người ngoài pháp luật và kĩ năng tránh phát hiện của họ đã phá ngang các nỗ lực này. Trong những thất bại nổi bật nhất đã là các phường hội sản xuất mũ và khăn phủ giường ở Norwick, sau một chiến dịch kéo dài và được quảng cáo rùm beng để chống lại những người hoạt động ngoài pháp luật, đã không có khả năng thực thi độc quyền hợp pháp của họ trong sản xuất mũ và khăn trải giường.[29] Sự cạnh tranh đã bỏ các phường hội lao đao. Coleman qui sự sa sút của họ cho việc "tăng cung lao động, thay đổi hình mẫu của cầu, và mở rộng thương mại; [và] sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp mới và sự mở rộng đáng kể của công nghiệp nông thôn được tổ chức ngoài hệ thống".[30]

Phá vỡ Trật tự Cũ

Các chính phủ Châu Âu đã dần dần buộc phải rút lui trước sự tăng lên của khu vực ngoài pháp luật – như các chính phủ trong các nước đang phát triển và nguyên cộng sản đang làm ngày nay. Ở Thuỵ Điển, không có khả năng chấm dứt việc thiết lập các khu định cư ngoài pháp luật, Đức Vua Gustavus Adolphus đã phải đi thăm từng khu định cư và ban phước lành cho chúng để duy trì vẻ bề ngoài của sự kiểm soát của chính phủ. Ở nước Anh, nhà nước đã buộc phải thừa nhận rằng các ngành công nghiệp mới được phát triển chủ yếu ở các nơi đã không có các phường hội hoặc những hạn chế pháp lí; thật vậy, những người ngoài pháp luật đã tạo ra những vùng ngoại ô và các thị trấn của riêng họ để tránh sự kiểm soát của nhà nước và của các phường hội. Hơn thế nữa, các ngành công nghiệp ngoài pháp luật đã hiệu quả hơn và thành công hơn. Đã được công nhận rộng rãi rằng công nghiệp dệt vải bông đã hưng thịnh, bởi vì nó đã không bị điều tiết một cách nghiêm ngặt như ngành len. Người dân sớm để ý thấy

rằng các khu định cư ngoài pháp luật đã đang sản xuất các hàng hoá và dịch vụ tốt hơn so với những đối thủ cạnh tranh nằm bên trong lồng kính. Năm 1588, một báo cáo cho Ngài Cecil, Bộ trưởng của Nữ Hoàng Elizabeth Đệ Nhất, mô tả các công dân của Halifax, một trong những khu định cư mới ngoài pháp luật:

> Họ trội hơn những người khác về chính sách và công nghiệp, để sử dụng thương mại và mặt bằng đất của họ và, sau cách cư xử thô lỗ và kiêu căng của xứ sở hoang dã của họ, họ vượt những người còn lại về sự uyên thâm và sự giàu có. Họ xem thường các kiểu cách cũ kĩ của họ nếu họ nghe thấy một cái mới, tiện lợi hơn, thích dùng các thứ mới hơn là liên kết với những nghi thức cũ…[Họ có] một sự hăng hái tự nhiên với những sáng chế mới gắn với tính chăm chỉ kiên định.[31]

Những người ngoài pháp luật cũng bắt đầu xây dựng trong nội bộ các thành phố. Ở Đức, nơi cần phải trải qua một cuộc sát hạch và nhận được sự phê chuẩn pháp lí mới có thể xây dựng, theo một sử gia, "có thể thấy toàn bộ các quận trong đó rất nhiều nhà đang được xây cất, mặc dù chẳng có ai ở trong quận có tư cách hợp pháp để xây chúng".[32]

Số lượng, sự kiên trì, và thành công của những người ngoài pháp luật đã bắt đầu làm xói mòn chính những nền tảng của trật tự trọng thương. Bất luận họ đạt thành công nào, họ đạt được nó bất chấp nhà nước, và họ đã nhất thiết phải coi các nhà chức trách như những kẻ thù. Ở các nước nơi nhà nước loại ra ngoài vòng pháp luật và truy tố các nghiệp chủ ngoài pháp luật thay cho việc điều chỉnh hệ thống để hấp thu các doanh nghiệp của họ, chẳng những tiến bộ kinh tế bị trì hoãn, mà còn làm tăng rối loạn, biến thành bạo lực. Những sự biểu thị được biết đến nhiều nhất là các cuộc cách mạng Pháp và Nga.

Những nước thích ứng nhanh, tuy nhiên, đã tiến hành quá độ tương đối bình an sang một nền kinh tế thị trường. Ngay khi nhà nước nhận ra rằng một khu vực sản xuất ngoài pháp luật đã được ưa thích hơn về mặt xã hội, chính trị và kinh tế cho những người di cư thất nghiệp có số lượng ngày càng đông, thì các nhà chức trách đã bắt đầu rút sự ủng hộ các phường hội. Kết quả là ở Anh đã càng ngày

càng ít người hơn đệ đơn xin gia nhập các phường hội, và bằng cách ấy dựng vũ đài cho nhà nước để thay đổi triệt để và quyết liệt cách thức mà trong đó kinh doanh được tiến hành.

Quyền lực của nhà nước cũng giảm đi. Bất kể hệ thống pháp luật cứng nhắc nào, như hệ thống trước Cách mạng Công nghiệp, nhất thiết đầy rẫy tham nhũng. Một sắc lệnh năm 1692 ở Anh tuyên bố rằng những nhân viên thuế vụ ở nhiều khu vực đã đến các xưởng và các nhà máy chỉ để thu các khoản nộp thuế đã thoả thuận trước chứ chẳng hề kiểm tra hàng hoá xem các nhà sản xuất thật sự có bao nhiêu. Hầu hết các giám sát viên sản xuất, bất luận họ thuộc các phường hội hay do nhà nước bổ nhiệm, liên tục bị tố cáo là tham nhũng và thiếu trách nhiệm, một tình trạng được cho là do thiếu tôn trọng pháp luật.

Thậm chí các đại biểu Quốc hội, mà ở cuối thế kỉ thứ mười bảy đã có quyền cho phép thành lập doanh nghiệp, đã được biết đến là nhận đút lót cho những thiên vị đặc biệt. Các nhà chức trách địa phương còn tồi tệ hơn. Năm 1601, một phát ngôn viên của Hạ Nghị Viện đã định nghĩa một thẩm phán hoà giải như "một Loài vật sống mà vì một nửa Tá Gà giò sẽ tha cho cả Tá Hình phạt". Các công chức tìm cách đổ lỗi thất bại pháp lí không phải cho các luật tồi mà cho sự thực thi không thoả đáng. "Tôi kết luận rằng tại thời điểm này không thể làm ra các luật tốt hơn, chỉ còn thiếu việc thi hành", một sách nhỏ tuyên truyền chính sách năm 1577 đã tuyên bố như vậy. Joseph Reid lập luận rằng trật tự cũ bị phá vỡ bởi sự tham nhũng tràn lan đã thấm sâu vào tất cả các định chế của nó và phân chia dân chúng thành những người có thể đánh lừa được hệ thống và những người không thể. Ông cũng lưu ý rằng một hệ thống pháp luật khuyến khích một số người vi phạm luật và làm những người khác chịu thiệt hại từ việc ấy sẽ mất uy tín một cách không thể tránh khỏi đối với cả hai loại cử tri.[33] Các thẩm phán hoà giải ở ngoại ô chẳng có mấy khuyến khích để thực thi các luật được thảo ra ở các thành phố và đã không thể chấp nhận được đối với dân cư ngoại ô. Đến cuối thế kỉ thứ mười tám, toàn bộ bộ máy pháp lí đã yếu đi, và ở một số nước, hoàn toàn tham nhũng.

Mỗi khi chính phủ kiểm soát được mọi thứ, dân chúng đặt mọi kì vọng kinh tế của mình vào nhà nước. Điều này tạo nên một hình mẫu

điển hình tiền tư bản chủ nghĩa: Khi lương tăng lên nhanh hơn giá thực phẩm, các nhà buôn đòi phải có trần cho lương; khi giá thực phẩm tăng lên nhanh hơn lương, công nhân đòi lương tối thiểu và giá trần cho thực phẩm. Giá cả, thu nhập, và lương được cố định bởi áp lực và hoạt động chính trị, một tình trạng làm nản lòng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp và thuê mướn [nhân công]. Cả giá tối thiểu lẫn tối đa, đều không giải quyết được các vấn đề khan hiếm, thiếu lương thực, và thất nghiệp. "Thời đại", Charles Wilson viết, "là một thời đại của bạo lực, khi sự theo đuổi các mục đích kinh tế liên tục đòi hỏi sự giúp đỡ của vũ lực".[34] Đã chính là thời gian chín muồi cho cuộc chiến ý thức hệ và du kích, ở quốc hội và trên đường phố.

Ngay từ 1680, một loại thuyết định mệnh đã nổi lên mặc cho vẻ bề ngoài không thể có của tiến bộ kinh tế đáng kể: "Đa số các nhà chế tác nghèo tin rằng họ sẽ chẳng bao giờ đáng giá mười bảng…; và nếu như vậy họ có thể cung cấp cho bản thân họ đủ để duy trì sự sống bằng cách chỉ làm việc ba ngày một tuần, họ sẽ chẳng bao giờ làm việc bốn ngày".[35]

Giữa các cuộc khủng hoảng kinh tế và xáo trộn xã hội như vậy, những người mạnh mẽ nhất và tự tin nhất chọn con đường di cư hoặc tham gia các phong trào cách mạng. Giữa thế kỉ nười bảy và thế kỉ mười chín, hàng trăm ngàn người Italia, Tây Ban Nha, Pháp, và người Châu Âu khác đã di cư sang các miền đất mới để tìm tương lai tốt đẹp hơn. Ở Pháp, việc khủng bố những Huguenot [người theo đạo Tin lành] và những người ngoài pháp luật trong khu vực dệt đã thúc đẩy nhiều nghiệp chủ và các công nhân có tay nghề rời bỏ sang, chủ yếu Anh và Hà Lan, ở nơi họ và chủ nhà của họ đã tìm được cách để thịnh vượng.

Cuối cùng – Sau Ba trăm Năm

Do các qui định được cấu trúc tồi đã kiềm chế các doanh nghiệp chính thức và do những người ngoài pháp luật đã công khai coi thường luật và đã nói lên những sự bất mãn của họ vì bị đẩy ra bên lề, vũ đài đã được dựng lên cho các nhà chính trị để thích ứng với những sự thật trong dân chúng. Các luật đã bị xơ cứng với tốc độ gần như tốc độ mà các khu định cư bao quanh các thành phố. Và khi những người bán hàng rong, những người ăn mày, và bọn trộm cắp tràn các đường phố, khi các hàng hoá được sản xuất ngoài pháp luật hoặc được tuôn lậu vào tràn đầy các thị trường, thì sự tham nhũng của chính quyền trở nên tràn lan, và bạo lực phá vỡ xã hội.

Luật bắt đầu thích ứng với nhu cầu của những người dân thường, bao gồm cả kì vọng của họ về các quyền sở hữu, ở hầu hết các nước Tây Âu trong thế kỉ thứ mười chín và đầu thế kỉ hai mươi.Thời gian đó, những người Châu Âu đã đi đến kết luận rằng đã không thể cai trị Cách mạng Công nghiệp và sự hiện diện hàng loạt của sự ngoài pháp luật bằng những điều chỉnh nhỏ nhất thời. Các nhà chính trị cuối cùng đã hiểu ra rằng, vấn đề không phải là dân chúng mà chính là luật, cái làm nản lòng và ngăn chặn dân chúng trở thành hiệu quả hơn.

Mặc dầu bức tranh của xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và những hoàn cảnh của sự sa sút của nó là khá giống nhau ở hầu hết các nước Châu Âu, kết quả không phải luôn luôn như nhau. Các nước đã thực hiện những nỗ lực pháp lí để tích hợp các doanh nghiệp ngoài pháp luật đã hưng thịnh nhanh hơn các nước cưỡng lại sự thay đổi. Bằng cách tạo dễ dàng cho sự tiếp cận quyền sở hữu chính thức, giảm các chướng ngại do các qui định lỗi thời gây ra, và cho phép những dàn xếp địa phương ảnh hưởng đến việc làm luật, các nhà chính trị Châu Âu đã loại bỏ những mâu thuẫn trong các hệ thống pháp luật và kinh tế của họ và đã cho phép các quốc gia của họ đưa Cách mạng Công nghiệp đến những đỉnh cao mới.

Quá khứ của Châu Âu rất giống hiện tại của các nước đang phát triển và nguyên cộng sản. Vấn đề cơ bản mà các nước sau đối mặt không phải là dân chúng đổ xô vào và làm ùn tắc các thành phố, không phải là các dịch vụ công cộng không thoả đáng, không phải là

rác thải đang chất đống, không phải là trẻ em rách rưới đi ăn xin trên đường phố, hoặc thậm chí không phải là những lợi ích của các chương trình cải cách kinh tế vĩ mô không đến được với đa số người dân. Nhiều khó khăn loại này đã tồn tại ở Châu Âu (và cả ở Hoa Kì) và cuối cùng đã được vượt qua. Vấn đề thật sự là chúng ta vẫn chưa nhận ra rằng tất cả những khó khăn này tạo thành một đại dương của những thay đổi về kì vọng: Khi những người nghèo tràn vào các thành phố và thiết lập các khế ước xã hội ngoài pháp luật, họ ép buộc một sự tái phân phối lớn về quyền lực. Một khi các chính phủ của các nước đang phát triển và nguyên cộng sản chấp nhận điều đó, họ có thể bắt đầu bám theo làn sóng thay vì bị nó nhấn chìm.

CHƯƠNG 5

Những Bài học bị Bỏ sót của Lịch sử Hoa Kì

Đất này được ban phước do đã vượt qua chỉ một sự chuyên chế: sự bạo ngược của hiện trạng.

-Milton and Rose Friedman

KHI TÔI TRỞ NÊN ngày càng quan tâm đến vai trò của các hệ thống quyền sở hữu chính thức, tôi đã thực hiện nhiều chuyến đi đến các nước tiên tiến để tìm ra bằng cách nào các chuyên gia quyền sở hữu của họ bắt tay vào việc tích hợp các quyền sở hữu ngoài pháp luật của một quốc gia vào một hệ thống quyền sở hữu pháp định. Sau mười ba năm, với hàng ngàn dặm và thêm một ít tóc bạc, tôi đã thăm hầu như mọi tổ chức liên quan đến quyền sở hữu ở các nước tiên tiến – từ các bạn của tôi ở Sở Đăng Bạ Đất Đai Hoàng Gia và Nhà Chức trách Đất đai Alaska cho đến Toki Bo Nhật Bản. Chẳng ai có một câu trả lời. Tất cả các chuyên gia mà tôi đã hỏi, tất cả các chuyên viên cộng tác với vô số các định chế và cơ quan liên quan đến quyền sở hữu mà tôi đã thăm, đều thú nhận họ đã chưa bao giờ nghĩ về vấn đề này.

Những người điều hành các hệ thống quyền sở hữu ở các quốc gia tiên tiến có những mối lo khác nhau một cách căn bản. Họ chủ yếu bận tâm tới các vấn đề liên quan đến các quyền sở hữu. Quan tâm

chủ yếu của tôi, tuy nhiên, đã không phải là bản thân các quyền sở hữu mà là các "siêu quyền – meta rights" – sự tiếp cận đến hay quyền về các quyền sở hữu. Mặc dầu chúng tôi đã có nhiều chủ đề cùng quan tâm như làm sao để tái tổ chức một hệ thống lưu trữ hồ sơ nhằm tích hợp những thông tin thu thập được ở hiện trường vào một cơ sở dữ liệu, hoặc phát triển các thủ tục để số hoá các ranh giới trên các bản đồ ra sao, các chuyên gia quyền sở hữu đã không thể nói cho tôi làm thế nào để đưa những người nắm giữ tài sản của họ bằng những dàn xếp ngoài pháp luật vào hệ thống quyền sở hữu pháp định. Người ta cho người dân những quyền đối với các quyền sở hữu pháp định thế nào?

Đã hiển nhiên, từ một ít lịch sử Phương Tây mà tôi đã đọc, rằng ở một thời điểm nào đó trong quá khứ của họ tất cả các quốc gia Phương Tây đã thực hiện việc chuyển tiếp từ những dàn xếp phi chính thức, rải rác thành một hệ thống quyền sở hữu pháp định được tích hợp. Vậy tại sao tôi lại không đi đúng tới đó – vào lịch sử của Phương Tây để xem các hệ thống quyền sở hữu của họ đã tiến hoá ra sao? Các chủ nhà của tôi tán thành một cách toàn tâm, và những người yêu thích lịch sử ở Sở Đăng Bạ Đất Đai Hoàng Gia [Anh] và Hội những người Vẽ bản đồ địa chính có Giấy phép Đức [German Association of Licensed Surveyors] đã chỉ cho tôi các cuốn sách ưa thích của họ.

Việc đọc của tôi, hàng ngàn trang sau đó, đã dẫn tôi đến kết luận căn bản rằng sự chuyển tiếp sang các hệ thống quyền sở hữu pháp định được tích hợp chẳng mấy liên quan gì đến công nghệ (mặc dù công nghệ có vai trò hỗ trợ rất quan trọng, như chúng ta sẽ thấy ở Chương 6). Sự thay đổi cốt yếu là làm cho luật thích ứng với nhu cầu xã hội và kinh tế của đại đa số dân chúng. Dần dần, các quốc gia Phương Tây đã trở thành có khả năng thừa nhận rằng các khế ước xã hội được sinh ra ngoài luật chính thống đã là một nguồn hợp pháp của luật và tìm được cách hấp thu các khế ước này. Luật như thế được làm ra để phục vụ việc hình thành tư bản và tăng trưởng kinh tế được dân chúng mến mộ. Đây là cái cho các định chế quyền sở hữu hiện thời của Phương Tây sinh lực của chúng. Hơn thế nữa, cuộc cách mạng về quyền sở hữu này đã luôn luôn là một chiến thắng *chính trị*. Ở mọi nước, nó đã là kết quả của một vài nhà khai sáng

quyết định rằng luật chính thống chẳng có ý nghĩa gì nếu một phần khá lớn dân chúng sống ngoài luật.

Những lịch sử khác nhau về quyền sở hữu ở Tây Âu, Nhật Bản, và Hoa Kì tất cả đều có cái gì đó hữu ích để nói về những mối quan tâm hiện thời của các nước đang phát triển và nguyên cộng sản. Ở mỗi nước, tình trạng vô luật pháp rành rành đã thực ra không phải về tội phạm mà là về sự va chạm giữa làm qui tắc ở mức thường dân và làm qui tắc ở trên cùng. Cách mạng trong mỗi trường hợp đã kéo theo sự hợp nhất dần dần của cả hai hệ thống.

Tuy nhiên, lịch sử chi tiết của tất cả các nước này sẽ là quá nhiều cho cuốn sách này. Tôi đã quyết định, vì thế, tập trung vào Hoa Kì bởi vì 150 năm trước nó cũng đã từng là một nước Thế giới Thứ ba. Chính phủ và bộ máy tư pháp của các bang trẻ, vẫn chưa hợp nhất về mặt pháp lí, đã nỗ lực để đối phó với luật và sự hỗn loạn của những người nhập cư, những kẻ chiếm đất, những kẻ đào vàng, các băng nhóm có vũ trang, các nghiệp chủ bất hợp pháp, và đám còn lại của những nhân vật sống động khác những người đã làm cho việc lấn chiếm Miền Tây nước Mĩ hoang dã đến vậy và, nếu nhìn muộn hơn, lãng mạn đến vậy. Đối với một người Thế giới Thứ ba như tôi, bức tranh này của quá khứ của người nước ngoài là quen thuộc đến kinh ngạc. Mặc dù các cộng sự của tôi và tôi gặp khó khăn với 11.000 điểm Dow Jones, chúng tôi cảm thấy rất quen thuộc với những kẻ chiếm đất ở Virginia của Thomas Jefferson hoặc các khu định cư với lán làm bằng các súc gỗ ở Kentucky của Daniel Boone.

Giống như các nhà chức trách Thế giới Thứ ba hôm nay, các chính phủ Mĩ đã thử chặn sự tăng lên theo hàm số mũ của những kẻ chiếm đất và những dàn xếp ngoài pháp luật; nhưng không giống như các nhà chức trách Thế giới Thứ ba, họ cuối cùng đã thừa nhận rằng, theo lời của một nghị sĩ Quốc hội Mĩ, "hệ thống đất đai đã hầu như tan vỡ… và thay vì lập pháp cho họ, chúng ta phải lập pháp theo họ, theo đuổi hoàn toàn đến tận núi đá Rocky Mountains hoặc đến Thái Bình Dương". Cái mà các nhà chính trị Mĩ cuối cùng đã học được, như Francis Philbrick đưa ra, đã là "các lực lượng làm thay đổi luật, theo cách khác với cách tầm thường, nằm ở ngoài nó".[1] Thậm chí Luật Trang Ấp (Homestead Act) nổi tiếng năm 1862, luật cho quyền người chiếm đất làm chủ 160 mẫu đất miễn phí một cách đơn giản

nếu thoả thuận là sẽ sống trên đó và phát triển nó, đã chẳng phải là một hành động hào phóng chính thức mà là một sự công nhận của việc đã rồi: Những người Mĩ đã chiếm – và cải thiện – đất một cách ngoài pháp luật hàng thập kỉ rồi. Các nhà chính trị của họ đã thay đổi luật dần dần để tích hợp thực tế này vào hệ thống pháp lí chính thống và thắng một số điểm chính trị trong cuộc mặc cả. Như vậy sau khi đã thay đổi luật của họ cho phù hợp với những dàn xếp ngoài pháp luật hiện tồn, các quan chức Mĩ đã để cho các quyền sở hữu của những người định cư và những người khai mỏ Mĩ được chỉ vẽ để chuyển thành tư bản. Như ở Hoa Kì trong thế kỉ mười chín, thách thức tư bản hoá những người nghèo ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản là ở dưới đáy, là một thách thức chính trị cái phải được cải cách bằng các công cụ pháp lí.

Trong mô tả tiến hoá của quyền sở hữu ở Hoa Kì, như tôi sẽ làm trong chương này, tôi không dám viết lại lịch sử của Mĩ; giống như người trùng tên mang tính huyền thoại của tôi, tôi đơn giản thăm dò nó. Trong quá trình, như bạn sẽ thấy, tôi tìm thấy nhiều thí dụ nhắc nhở tôi đến các nước đang phát triển và nguyên cộng sản hôm nay: sự di cư hàng loạt, sự bùng nổ của các hoạt động ngoài pháp luật, sự bất an chính trị, và sự bất mãn chung với một hệ thống pháp luật cổ lỗ sĩ từ chối thừa nhận rằng các học thuyết và các công thức của nó chẳng mấy thoả đáng đối với thế giới thực. Tôi cũng thấy luật Hoa Kì đã dần dần tích hợp các dàn xếp ngoài pháp luật để tạo ra một trật tự hoà bình ra sao – do đó xác nhận ý kiến của Thẩm phán Holme rằng chính "kinh nghiệm" là cái mang cuộc sống cho luật minh chứng rằng, như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, luật phải tương thích với cách mà người dân thực sự dàn xếp cuộc sống của họ. Cách mà luật tiếp tục sống là giữ mối tiếp xúc với các khế ước xã hội chắp nối những người thật sự lại với nhau ở trên đời.

Song song với Lịch sử Hoa Kì

Thật khó nắm bắt đúng áp lực ngoài pháp luật và sự đáp ứng chính trị nhanh nhạy là quan trọng thế nào ở Hoa Kì bằng cách đọc một cách

thiếu suy xét hết cả mục lịch sử của một thư viện. Cũng sẽ chẳng dễ đối với hầu hết các nhà chính trị và các nhà kĩ trị có đầu óc cải cách để khám phá ra lịch sử Mĩ mà họ phải chú ý nhất, cụ thể là, mối liên hệ giữa hợp pháp hoá quyền sở hữu và tạo tư bản. Để là hữu ích về mặt xã hội và kinh tế, lịch sử phải được tập hợp để soi rọi vấn đề đang bàn. Nhìn chung, các chuyên gia về quyền sở hữu đã không viết về quá độ từ các quyền ngoài pháp luật sang một hệ thống quyền sở hữu pháp định được tích hợp. Có thể có nhiều lí do cho điều này.

Thứ nhất, quá trình lịch sử vẫn còn chưa hoàn tất. Ngược với lòng tin phổ biến, các hệ thống quyền sở hữu mở cho mọi công dân là hiện tượng tương đối mới gần đây – chưa nhiều hơn hai trăm năm – và những hệ quả đầy đủ của quá độ còn cần phải nổi lên rõ nét. Trong hầu hết các quốc gia Phương Tây, nhiệm vụ chính của cải cách quyền sở hữu rộng rãi chỉ mới hoàn tất khoảng một thế kỉ trước; ở Nhật Bản nó mới có chỗ ít hơn năm mươi năm nay. Bởi vì toàn bộ quá trình tạo các hệ thống quyền sở hữu được tích hợp đã là kết quả của một sự tiến hoá vô thức chứ không phải của một kế hoạch có ý thức, cho nên không đáng ngạc nhiên là nó cần thời gian để cho tất cả các bài học hữu ích của việc tạo quyền sở hữu ở các quốc gia phát triển trở nên rõ ràng cho dân chúng ở thế giới đang phát triển.

Thứ hai, quyền sở hữu đã được coi một cách truyền thống từ quan điểm của các quốc gia tiên tiến. Hầu hết các tài liệu khoa học nảy nở ngày nay về quyền sở hữu coi căn nguyên của nó ở Phương Tây là nghiễm nhiên phải vậy.

Thứ ba, lí do vì sao quá trình tạo quyền sở hữu hình thức lại khó nắm bắt là thật khó theo dõi mạch của câu chuyện. Sự hấp thụ chậm các tập quán, thói quen, và các chuẩn mức ngoài pháp luật vào luật chính thức đã bị che khuất bởi các sự kiện lịch sử. Việc cấp các quyền sở hữu chính thức cho những người định cư và những người chiếm đất ở Hoa Kì, cái cuối cùng đã tạo cơ sở cho phát sinh tư bản và các giao dịch trong một thị trường được mở rộng, được coi một cách điển hình như một chiến lược chính trị để giúp những tham vọng đế quốc của Mĩ, giúp những người tiên phong khai thác tài nguyên khổng lồ của đất nước, và làm dịu những căng thẳng cục bộ. Chính đúng những bước này có thể cũng đã cho phép Hoa Kì vượt quá sự xung đột giữa hệ thống luật pháp và những dàn xếp ngoài

pháp luật của những người chiếm đất và những người tiên phong khác, đã không là điểm lưu tâm chủ yếu của các chuyên gia quyền sở hữu.

Cái mà tôi có ý định trong chương này, tôi phải nhấn mạnh lại một lần nữa, không phải là đi viết lại lịch sử Hoa Kì, mà là sắp xếp lại bài tường thuật quen biết theo cách sao cho nó giúp chúng ta hiểu rằng: sự hỗn độn rõ ràng ở các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản thực ra là một sự tìm kiếm một trật tự pháp lí mới. Thế thì, hãy ngó xem quá độ chuyển tiếp của "luật" ngoài pháp luật từ rừng cây và đồng cỏ của nước Mĩ phôi thai sang các cuốn sách luật của nó.

Bỏ lại đằng sau Luật Anh Cổ lỗ

Thế kỉ mười sáu đã chứng kiến sự khởi đầu của một cuộc di cư chưa từng có của những người Tây Âu sang bờ Bắc và Nam Mĩ - điều mà sử gia Bernard Bailyn đã gọi là "một trong những sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử thành văn".[2] Ở Bắc Mĩ thuộc Anh, theo Hoffer, một "đoàn đàn ông và đàn bà rét mướt, mệt mỏi và sợ sệt… tập họp lại ở bờ tây Đại Tây Dương, mắt nhìn chằm chằm vào rừng hoang vu dày đặc cây cối. Tay nắm chắc súng và Kinh thánh, một số chắc hẳn gợi lại những kí ức của thế giới mà họ đã bỏ lại đằng sau".[3]

Giữa những kí ức này đã có những ý niệm làm sao để xây dựng và duy trì các cộng đồng, giải quyết các tranh chấp, kiếm đất, và thiết lập các định chế chính quyền. Hệ thống pháp luật đã đóng một vai trò nổi bật trong giải quyết các tranh chấp do các hành động này luôn luôn gây ra. Thật vậy, luật "đã đi khắp nơi" ở Mĩ lúc ban đầu như "các chính phủ thuộc địa đầu tiên đã dựa trên các văn bản pháp lí – 'các hiến chương'… các nền kinh tế thuộc địa đã hoạt động dưới các luật điều tiết giá cả, lương, và chất lượng các mặt hàng. Luật đã cho người dân các công cụ để bán hoặc để lại bằng chúc thư đất của họ

cho người khác, đã tạo một diễn đàn để giải quyết những tranh cãi về hàng rào bị đổ và gia súc bị lạc, và thậm chí chỉ bảo người dân thờ cúng, kết hôn, nuôi dạy con cái, và đối xử với những người hầu và hàng xóm ra sao".[4]

Khởi đầu, các nhà thực dân đã cố thử áp dụng các học thuyết của luật quyền sở hữu Anh để mang lại trật tự. Nhưng thông luật Anh đã không hình dung một xã hội cái đã nhanh chóng sinh ra các hình thức mới tiếp cận tài sản mà không có một hệ thống cấp chứng thư sở hữu được thiết lập và được chấp nhận phổ biến. Thông luật Anh, thí dụ, đã không cho chỉ dẫn về việc các toà án giải quyết ra sao các trường hợp gồm những người đã mua hoặc thừa kế đất có quyền sở hữu không rõ ràng. Kết quả là, "việc xét xử công khai về quyền sở hữu ở các toà án địa phương trở nên tuyệt đối cần thiết. Tất cả các bên liên quan có thể khai và làm chứng, và quyết định của toà tỏ ra là tương đối hiệu quả và là sự đảm bảo công khai nơi mà chẳng có cái gì khác tồn tại".[5]

Hầu hết các nhà thuộc địa này, tuy vậy, đã ít hiểu biết về các chi tiết chuyên môn kĩ thuật của luật Anh. Nhiều người đã không biết hoặc chẳng cần biết sự khác nhau giữa trát hợp pháp, luật và công lí, và những sự tinh tế khác. Quan trọng hơn, thông luật Anh về quyền sở hữu đã thường không phù hợp để giải quyết các vấn đề mà các nhà thuộc địa phải đối phó. Một sự quá dồi dào về đất ở Bắc Mĩ thuộc Anh đã ban tặng cho những người định cư đầu tiên những cơ hội không thể hình dung nổi ở Châu Âu mà họ đã bỏ đi. Đi đến "một lục địa ở nơi phần lớn đất đai sạch một cách tự nhiên hoặc được những người da đỏ Indian dọn sạch, người Anh [và những người Châu Âu khác] đã xô tới chia lô nguồn của cải mới của họ… Kết quả là, sự quan tâm tỉ mỉ đến chi thiết dễ bị bỏ qua. Sự không chính xác trong chia lô và trong ghi chép đã được chấp nhận, và đã ít chú ý đến các kế hoạch ngăn nắp những cái, được [các nhà chức trách thuộc địa] kì vọng, phải được tuân theo".[6] Không phải tất cả đất đai đều màu mỡ, được tiêu nước tốt, hoặc ở gần các đồng cỏ để cung cấp cỏ cho gia súc và ngựa của những người định cư.[7] Trong tìm kiếm đất thích hợp của mình, các nhà thuộc địa Mĩ thường đã di chuyển một cách ngẫu hứng, định đặt ranh giới, canh tác đất đai, xây nhà – và sau đó bỏ lại hết để đi tìm vùng đất màu mỡ hơn.

Kết quả đối với các quyền sở hữu là rất hay biến đổi và ngoài pháp luật. Trong phân tích sự thay đổi pháp lí ở Massachusetts thuộc địa, David Thomas Konig cho một phác hoạ của thất bại quan liêu và kĩ thuật cái làm trầm trọng thêm vấn đề nhập cư. Thí dụ, thiếu một hệ thống đo đạc thống nhất đã gây ra những sự khác biệt và không theo qui tắc. Khắp Masachusetts, các nhà chức trách thuộc địa thường không thống nhất phải chia đất thế nào. “Đã không có sự thống nhất, thí dụ, như liệu phải dùng đường thẳng hoặc các đường nét tự nhiên để phân tách các lô đất”. Một nhà thuộc địa “đã cho rằng việc phân cho ông ta ba trăm mẫu ở Reading có hình vuông vức, nhưng ông ta hoang mang nhận ra muộn hơn rằng lô đất của hàng xóm của ông ta ở thị trấn bên cạnh đã được vạch ra theo một ‘hình tròn’ mà cung của nó cắt mất diện tích [của ông ta]”.[8] Những thiếu sót kĩ thuật trong thủ tục đo đạc cũng làm tăng thêm sự bất trắc và nhầm lẫn. Konig lưu ý rằng những khó khăn trong bù trừ cho mức độ biến thiên kinh tuyến ở Bắc Mĩ thường gây ra những yêu sách tài sản chồng chéo lên nhau, cho đến khi John Winthrop IV đưa ra một bảng biến thiên cho đo đạc đất vào năm 1763.[9]

Trong việc ra các quyết định cho một loạt các bất đồng về tài sản gây bối rối, mà bản chất của chúng có ít hoặc chẳng có tiền lệ nào ở Anh, các nhà chức trách thuộc địa không thể dễ dàng làm theo luật Anh. Thay vào đó, “các toà án thường hướng về các tục lệ của thị trấn địa phương và biến đổi chúng thành một bộ mới của luật, cái sẽ tạo ổn định cho những việc giải quyết đất”.[10] Trong các vấn đề từ sự tự trị chính trị nội địa đến việc sử dụng và phân chia đất đai, các nhà thực dân đã bắt đầu đi trệch một cách đáng kể khỏi các luật Anh, những cái có ít hoặc chẳng có sự thoả đáng lôgic nào đối với những thực tế của cuộc sống thuộc địa. Như Peter Charles Hoffer nhấn mạnh: “Về mặt lí thuyết họ là một phần của lãnh địa riêng của nhà vua [và tuân thủ mọi luật của đức vua], nhưng sự thực giành quyền ưu tiên hơn lí thuyết. Xa nước Anh, dân cư thưa thớt, giàu tài nguyên thiên nhiên, và được chiếm bởi những người đàn ông và đàn bà những người biết rõ những ý định riêng của mình và chớp lấy thoả thuận khi họ nhìn thấy, các thuộc địa đã dịch dần đến tự-cai trị”.[11]

Một Truyền thống Ban đầu của Mĩ - Chiếm đất

Mặc dầu những người nhập cư ban đầu chủ yếu là những thần dân Anh và tuân theo pháp luật Anh, một khi họ đã sang Mĩ, một thực tại mới, cách mà họ liên hệ với nhau bắt đầu thay đổi. Ở nước Anh, chiếm một lô đất cho một thời gian dài mà không có chứng thư sở hữu – "chiếm đất'' – là đi ngược với luật. Ở Hoa Kì, không có kháng cự ban đầu và có nhiều cơ hội, sự chiếm đất trên những mảnh đất có sẵn nhanh chóng trở thành một tập quán. Sự chiếm đất là già hơn bản thân quốc gia. Theo nghiên cứu của Amelia Ford về các tiền lệ thuộc địa của hệ thống đất đai Hoa Kì, thì "trước khi Công ti Vịnh Massachusetts đến New England, đã có những người định cư không có giấy nhượng hoặc cấp đất sinh sống ở nhiều địa điểm khác nhau trong giới hạn của Vịnh… Những người định cư Connecticut đầu tiên đã là những kẻ xâm phạm về mặt pháp lí ở địa hạt của họ và có thể tạo cơ sở cho quyền của mình chỉ bằng cách chiếm cứ và mua từ những người da đỏ Indian".[12] Trong những năm ban đầu của Maryland, những người Pháp và những người Châu Âu khác không phải người Anh ở trên đất mà họ đã không có khả năng làm chủ với các điều kiện của việc cấp đất. Và vào năm 1727, các nhà lập pháp Pennsylvania đã phản đối những "loại người thường xuyên ngồi xuống bất kể chỗ Đất trống nào mà họ tìm thấy". Những kẻ chiếm đất thuộc địa Mĩ này đã chiếm và cải thiện 100.000 mẫu đất mà không có, như một sử gia mô tả, một "bóng của một quyền nào".[13]

Ở New England, các chính trị gia giàu có chẳng thấy đức hạnh nào trong các hoạt động của những kẻ chiếm đất, những người mà họ gọi một cách đơn giản là những kẻ chiếm đoạt bất hợp pháp. Ngay từ 1634 ở Massachusetts, Toà án Phổ thông đã cố thử hạn chế việc chiếm đất bằng ra lệnh "rằng tất cả việc cấp đất cho những người tự do phải được ghi vào hồ sơ và một bản sao được gửi cho người ấy.

Việc đo đạc phải được tiến hành ở mỗi thị trấn bởi một cảnh sát và bốn người tự do khác".[14] Điều này cũng chẳng mang lại kết quả. Do những người chiếm đất đã chẳng hề "theo các lệnh của toà năm 1634 và 1635 đã buộc Toà án Phổ thông [năm 1637] phải hành động một lần nữa và yêu cầu rằng "phải tiến hành cách xử lí nào đó để buộc những người phải ghi vào hồ sơ đất của họ, hoặc phạt những kẻ sao lãng".[15]

Tuy nhiên, đã chẳng có các công cụ pháp lí hữu hiệu nào để hoà giải nhiều xung đột đã xảy ra. Kết quả là, những kẻ chiếm đất đã trở thành các công cụ *de facto [về thực chất]* tạo cơ hội cho việc hợp pháp hoá sự chiếm đất. Phần nhiều của những xung đột căng thẳng nhất đã xảy ra ở các địa hạt bỏ trống rộng rãi ở xa xôi mà bây giờ chúng được biết đến như Vermount và Maine. Trước Cách mạng Mĩ, cả New York lẫn New Hampshire đều đã đòi đất Vermount.[16] Để phá vỡ yêu sách của New York, Thống đốc Benning Wentworth của New Hampshire, "hành động trên nguyên lí rằng sự chiếm hữu là chín phần mười của luật… cấp không đất ở trong vùng cho cả các công dân của New Hampshire lẫn Massachusetts… [kết quả là giữa 1764 và 1769] 131 quận hạt đã được cấp cho hơn sáu ngàn… nhóm các cá nhân chọn lọc".[17]

Theo sát gót chân của họ, những kẻ chiếm đất với ít lòng trung thành với bất cứ bang nào đã nhanh chóng vượt quá lãnh thổ. Thực vậy, "những kẻ chiếm đất bắt đầu đổ vào Vermount và định cư ở bất kể nơi nào hợp với sở thích của họ".[18] Rất sớm, họ đã nhận ra tầm quan trọng của hành động tập thể và bắt đầu "đưa đơn yêu sách đầu tiên ở New Hampshire và muộn hơn cho Thống đốc New York xin cấp đất bao gồm cả đất định cư của họ, hoặc yêu cầu một sắc lệnh xác nhận họ trên đất của mình".[19] Mặc dầu cả hai thuộc địa đã cố thử cản trở những yêu sách của những kẻ chiếm đất bằng cách lặp đi lặp lại đưa ra các thủ tục trục xuất họ, thế trội của người chiếm đất trên địa hạt đã hoàn toàn đến mức Ethan Allen và "những kẻ chiếm đất theo ông" đã thắng lợi đạt được cương vị một bang cho Vermount sau cách mạng. Một kết quả căn bản của thắng lợi đặc biệt này của "quyền lực của kẻ chiếm đất" đã là sự công nhận chính thức những dàn xếp quyền sở hữu của họ.

Sự chiếm đất đã thường được đốt nóng bởi các chính trị gia giàu có hăm hở phát triển và khai thác những nguồn lực của thuộc địa. Ở hầu hết các thuộc địa, các chính trị gia đã tin rằng phát triển lãnh thổ có thể được tiến hành chỉ thông qua nhập cư. Để đạt tới mục đích này, các chính trị gia thuộc địa đã cấp đất cho các cá nhân và các nhóm để định cư trên đất chưa được khai phá, khẳng định chuyển chứng thư quyền sở hữu cho định cư và cải thiện đất. Ở Virginia, theo Ford, "để chiếm dải đất có nghĩa là xây một căn nhà, gieo trồng một mẫu đất, và nuôi gia súc một năm: nếu điều này không được làm trong vòng ba năm, sẽ mất quyền và đất trở lại tay nhà nước".[20] Theo luật Masachusetts, nghĩa vụ của một người định cư "bao gồm chiếm hữu thực sự và trong vòng ba năm, xây một căn nhà có kích thước nhất định, thường là mười tám hoặc hai mươi bộ vuông, và dọn sạch năm đến tám mẫu để cắt cỏ và cày bừa".[21]

Ở Maryland trong các năm 1670, Lord Baltimore đã sử dụng những người chiếm đất để "giải quyết một số lãnh thổ tranh chấp ở phía bờ biển trên Bờ Đông và ở Vịnh Delaware".[22] Trong một biện pháp để giữ cho dòng thu nhập riêng của họ khỏi bị phá vỡ, những người Penn ở Pennsylvania "đã gửi các chỉ thị rằng những người đã định cư ở bất kể đất nào có thể có đất ấy với giá thịnh hành tại thời điểm định cư với lãi kể từ thời gian đó nhưng được trừ đi giá trị của những sự cải thiện; còn những người không thể làm điều này sẽ buộc phải nộp một khoản tô tỉ lệ với khoản tiền mua".[23] Do những người Penn sớm phát hiện ra, tuy vậy, rằng chỉ thị như vậy tỏ ra cực kì khó thực thi nếu những kẻ chiếm đất không muốn trả. Thực ra, "trở nên rõ ràng là trừ khi tạm ước nào đó được thiết lập với những người khát đất kiên định này, những người không thể trục xuất ra được, thì các khoản thu nhập lớn sẽ bị mất một cách không thể tránh khỏi… Cho nên, sở đất đai [Pennsylvania] đã đồng loã với hoặc cho phép nhiều tập quán những cái tỏ ra bất lực để ngăn ngừa và đã phát sinh bên cạnh các quyền thường lệ của sở, nhiều ngoại lệ và nhiều loại chứng thư địa phương về sở hữu đất".[24]

Để đảm bảo các quyền mà họ đã hi vọng đạt được thông qua các chính sách giải quyết như vậy, những kẻ chiếm đất đã thấy hệ thống chính thức quá nặng nề hoặc quá phức tạp. Như Amelia Ford cũng lưu ý, "sở đất đai thì quá xa, công việc quá mơ hồ, và các phương

pháp quá chậm chạp để phù hợp với thực tiễn” của những người chiếm đất.[25] Các luật Anh đã ngày càng trở nên không thoả đáng với cách mà nhiều người sống và làm việc ở Mĩ.

Khế ước Xã hội Mới: “Các Quyền Tomahawk”

Trong sự hỗn độn xung quanh luật, đất, và quyền sở hữu, những người nhập cư nhận ra rằng nếu họ muốn sống yên bình với nhau, họ cần phải thiết lập một trật tự kiểu nào đấy, ngay cả nếu nó phải nằm ngoài luật chính thống. Những người chiếm đất bắt đầu sáng chế ra các loại chứng chỉ quyền sở hữu ngoài pháp luật riêng của mình được biết đến như “các quyền rìu – tomahawk”, “các quyền chòi”, “các quyền ngô”. “Các quyền tomahawk” được đảm bảo bằng cách làm bớt vài cây ở gần đầu một con suối và [dùng rìu] đánh dấu trên vỏ một cây hoặc nhiều cây với tên họ viết tắt của người đã cải thiện [đất]. Ngay vào các năm 1660, những người chiếm đất ở Maryland đã phát triển tập quán đánh dấu cây trên những mảnh đất mà họ muốn trước khi chúng được đo đạc với giấy phép của “tổng trắc đạc” thuộc địa.[26] Vào cuối Cách mạng Mĩ, tập quán đánh dấu cây để biểu thị quyền chiếm hữu đất đã trở nên nổi bật đến mức một sĩ quan quân đội đã viết cho bộ trưởng bộ chiến tranh: “Những người [lính] này trên vùng đất hoang vu đã quen ngồi trên những miếng đất đẹp nhất, đánh dấu quyền tomahawk hoặc cải thiện, như họ gọi nó, cho thế là một chứng nhận quyền sở hữu thích đáng”.[27]

“Các quyền chòi” và “các quyền ngô” có nghĩa là khoanh chiếm một miếng đất bằng cách dựng một chòi bằng gỗ hoặc trồng một vụ ngô. Đáng kể, là các quyền ngoài pháp luật này được mua, bán, và chuyển nhượng – hệt như các chứng thư sở hữu chính thức.[28] Và dẫu cho các quyền chòi, hoặc quyền ngô có thể không chứng nhận một cách hợp pháp bất kể ai đối với đất, không hề có nghi ngờ gì rằng các

quyền ngoài pháp luật như vậy đã giúp tránh cãi cọ, đã được các cộng đồng ở nơi hoang vu của Mĩ chấp nhận một cách rộng rãi, và đã trở thành nguồn gốc của chứng thư sở hữu hợp pháp vào các năm sau.

Bất chấp sự ưng thuận ngầm của các chính trị gia địa phương đối với những dàn xếp ngoài pháp luật này, những người chiếm đất vẫn gặp phải một thế giới thù địch. Họ đã liên tục gây ra các xung đột với những người Thổ dân Mĩ bằng cách xâm chiếm đất của họ. Nhưng những người chiếm đất đã cũng đe doạ giới ưu tú những người sợ mất những cơ ngơi mênh mông của họ. Đó là lí do vì sao một thành viên của giới ưu tú – George Washington – năm 1783 đã ca thán về "Bọn kẻ cướp những kẻ thách thức tất cả các Nhà chức trách trong khi chúng đang hớt váng và chiếm đoạt phần Tinh hoa của Đất nước làm tổn hại đến phần lớn mọi người".[29]

Bắn vào Sheriff

Những người nhập cư đã bắt đầu vạch ranh giới, cày ruộng, xây nhà, chuyển nhượng đất, và thiết lập tín dụng trước xa việc chính phủ ban cho họ quyền làm như vậy. Bất chấp việc làm ăn táo bạo, dũng cảm của họ, tuy nhiên, nhiều nhà chức trách vẫn tin chắc rằng những người Mĩ mới này đã trắng trợn vi phạm luật và phải bị truy tố. Nhưng điều này đã không dễ làm. Thậm chí khi George Washington, người cha của Hoa Kì, đã cố đuổi những người đã chiếm đất trang trại của ông ở Virginia, luật sư của ông đã cảnh báo rằng "nếu ông thắng vụ kiện chống lại những người định cư trên đất của ông, thì chắc họ sẽ đốt nhà cửa và hàng rào của ông".[30]

Quan hệ giữa các bang khác và những người chiếm đất địa phương cũng bắt đầu nóng lên. Thậm chí trước Cách mạng, những người định cư từ Massachusetts đã bắt đầu định cư rồi ở Maine, vùng đất mà Massachusetts đòi ngay từ 1691. Lúc đầu, các nhà chính trị

Massachusetts đã chịu chấp nhận sự gia tăng những người chiếm đất ở vùng Maine xa xôi. Tuy nhiên, sau Cách mạng, với ngân khố trống rỗng và đồng tiền mất giá, các nhà chính trị Massachusetts ngó tới vùng đất mênh mông của Maine như một nguồn thu nhập mới chủ yếu.[31] Đột nhiên, những người chiếm đất ở Maine đã là trở ngại cho việc bán các lô đất lớn. Năm 1786, thống đốc ra một tuyên bố cấm chiếm đất ở Maine.[32]

Để làm yên lòng những người mua tiềm năng, Massachusetts đã chỉ định một uỷ ban để khảo sát và đòi "những kẻ chiếm đất"[33] bất hợp pháp trả tiền. Hầu hết những người chiếm đất, tuy vậy, đã hoàn toàn từ chối di dời hoặc trả tiền đất. Thay cho việc thoả hiệp với những người chiếm đất, bang đã điều các sheriff [quận trưởng công an] để thực thi các thủ tục trục xuất hợp pháp, châm ngòi thùng thuốc nổ đã dẫn đến cái mà một sử gia đã mô tả như "cái gì đó giống một cuộc chiến tranh công khai".

"Nét nổi bật nhất trong tính cách [của những người chiếm đất] là hung tợn và căm thù không nguôi đối với luật", một luật sư ở Maine đã nhận xét năm 1800. "Sheriff của quận và các sĩ quan được chọn của ông chịu số phận nạn nhân để làm vật hi sinh và nhân danh thi hành [trát trục xuất] đáng nguyền rủa chẳng làm họ kinh hãi. Họ tuyên bố rằng cơ cấu pháp luật phải bị đánh đổ, rằng các luật sư phải bị trốc tận rễ và văn phòng của họ phải bị lật nhào thành bụi".[34] Và khi một sheriff đã bị giết trong khi cố gắng trục xuất một người chiếm đất, ban hội thẩm đã từ chối kết án người được cho là kẻ giết người. Một phần như một kết quả của những hệ quả chính trị của sự thù địch giữa những người chiếm đất ở Maine, Massachusetts đã ưng thuận tư cách bang của Maine vào năm 1820.[35]

Các thuộc địa khác cũng đã cố hết sức mình để ngăn chặn chiếm đất công và đất tư. Ở Pennsylvania, những người định cư Scots-Irish đã bắt đầu di sang các vùng đất của người da đỏ Indian ngay từ 1730, và những người Thổ dân Mĩ đã chống lại. Các nhà chức trách thuộc địa đã cảnh cáo đi cảnh cáo lại những người định cư "chống lại sự ăn cắp đất của những người Indian, và bằng đường chỉ thị đốt phá các chòi, lều gỗ của họ".[36] Thực vậy, từ 1763 đến 1768 Quốc hội

Pennsylvania đã cố thử ngăn cản chiếm đất với hình phạt "nỗi đau của cái chết", trong khi Thống đốc William Penn đã ra lệnh cho quân đội đuổi những người định cư bất hợp pháp".[37] Bất chấp các biện pháp này, số lượng những người định cư đã tăng gấp đôi. Đáp lại, theo một sử gia thời bấy giờ, "ngài thống đốc bị tức điên sau đó đã tuyên bố rằng những người định cư trên đất Indian sẽ bị xử tử. Nhưng chẳng thể tìm thấy thẩm phán nào cho những tù nhân như vậy, hoặc các hội thẩm đoàn tuân lệnh và các nhà giam chắc chắn".[38]

Sự Đột phá Pháp lí: Quyền Ưu tiên Mua trước

Trong một nước mà mỗi người định cư đã hoặc là một người nhập cư hay là liên quan đến một người nhập cư, thì những người chiếm đất nhất thiết phải có những người ủng hộ giữa các nhà chức trách thuộc địa, những người hiểu ra rằng áp dụng thông luật Anh cho nhiều người định cư mới là khó đến thế nào. Theo luật Anh, thậm chí nếu một người nào đó chiếm đất của người khác một cách nhầm lẫn và tiến hành cải thiện, thì người đó không thể bù lại được giá trị của những cái mà anh ta đã làm. Ở các thuộc địa, tuy vậy, do thiếu chính phủ hữu hiệu, hồ sơ và đo đạc tin cậy, nên các nhà chức trách đã phải chấp nhận những cải thiện được tiến hành trên đất, thuế đã nộp, và những dàn xếp cục bộ giữa những người hàng xóm cũng đã là những nguồn có thể chấp nhận được của các quyền sở hữu. Ngay năm 1642, thuộc địa Virginia đã cho phép người chiếm nhầm được đền bù giá trị của bất kể sự cải thiện nào từ người chủ thực sự. Hiến chương của Virginia lưu ý rằng "nếu bất kể một người hoặc những người nào đã định cư trên bất kể đồn điền hay đất đã thuộc về người khác một cách hợp lệ", một "sự đền bù có giá trị [phải] được cho phép bởi phán xử của mười hai người".[39] Hơn thế nữa, nếu người chủ chính đáng đã không bằng lòng đền bù người chiếm đất cho những khoản cải thiện, thì người chiếm đất có thể mua miếng đất với giá do một hội thẩm đoàn địa phương định ra.[40] Hiến chương này mau chóng được các thuộc địa khác sao chép. Các điều khoản như vậy đã minh hoạ mức

độ mà tầng lớp ưu tú địa phương đồng cảm với những người đã muốn tạo ra giá trị thặng dư trên đất của mình.

Sự đổi mới pháp lí về việc cho phép một người định cư mua đất mà họ đã cải thiện trước khi nó được chào bán công khai được biết đến như "quyền ưu tiên mua" – một nguyên lí then chốt cho việc tích hợp những dàn xếp quyền sở hữu ngoài pháp luật vào luật Mĩ suốt hai trăm năm tiếp theo. Các nhà chính trị và luật gia đã bắt đầu diễn giải "sự cải thiện" theo cách rất có lợi cho những người chiếm đất. Ở Bắc Carolina và Virginia, quyền chòi hoặc quyền ngô đã được tính là một sự cải thiện đất.[41] Ở Massachusetts, kể cả quyền tomahawk.[42] Đáng kể là, thâu nạp những dàn xếp ngoài pháp luật địa phương như vậy vào luật "đã không chỉ là một sự công nhận rằng một số tiền đền bù cho những người định cư đầu tiên vì chi phí và rủi ro mà họ đã chịu; nó còn là một sự bày tỏ pháp lí của tình cảm phổ biến… rằng người chiếm đất thực ra là người mang lợi cho đất nước, chứ không phải là một kẻ xâm lấn".[43] Đến thời kì Cách mạng Mĩ, các quyền ngô của người chiếm đất lang thang đã được chuyển thành, trong suy nghĩ của nhiều người, các quyền chiếm hữu của người đi tiên phong dũng cảm. Ngay khi George Washington phàn nàn "bọn kẻ cướp" xâm chiếm đất riêng của ông, thì ở nơi khác trong bang Virginia quê hương của ông các nhà chính trị khác lại đang khuyến khích những người chiếm đất bằng cách bảo vệ các quyền sở hữu ngoài pháp luật của họ.

Đối với các bang có ít tiền, thì quyền ưu tiên mua trước cũng đã là một nguồn thu nhập. Họ sẽ tính tiền đo đạc đất đã được những người chiếm đất cải thiện và tiền cấp chứng thư quyền sở hữu đối với những người chiếm đất. Kết quả là, các luật về quyền mua trước đã sinh sôi nhiều cả trước và sau Cách mạng. Năm 1777, Bắc Carolina đã mở một văn phòng đất đai cho một quận miền tây, cho phép những người định cư lấy 640 mẫu, ưu tiên những người đã chiếm đất rồi.[44] Hai năm sau, Virginia đã thông qua một luật cho quyền những người định cư đã chiếm đất ở biên giới miền tây của bang được ưu tiên mua trước đất mà họ đã cải thiện.[45]

Nhiều Cản trở Pháp lí hơn–Nhiều Ngoài pháp luật hơn

Sau khi đã thắng nhiều trận, những người Mĩ chiếm đất, tuy vậy, còn xa mới thắng chiến tranh. Tính nước đôi đối với ngoài pháp luật vẫn còn dai dẳng trong một thế kỉ đầu của Hoa kì, và chẳng đâu lại rõ hơn là trong chính phủ liên bang mới, đột nhiên kiểm soát những vùng đất công bao la. Từ khoảng 1784 đến 1850, Hoa Kì đã kiếm gần 900 triệu mẫu đất thông qua xâm chiếm và mua: Mua Louisiana (1803) bao gồm 500 triệu mẫu; Mua Florida (1819), 43 triệu mẫu; Mua Gadsen (1853), 19 triệu mẫu; chiến tranh với Mexico (1848) chiếm 334 triệu mẫu.[46] Ngoài ra, cho đến 1802 chính phủ liên bang đã giành được tất cả các lãnh thổ phía tây của các bang miền đông sát biển.

Bắt đầu trong năm 1784, Quốc hội của các bang mới được liên hiệp (mặc dầu chưa được thống nhất về mặt hiến pháp) đã bắt đầu lập các kế hoạch để hạn chế tiếp cận và các quyền đối với đất đai của quốc gia. Quyết định quan trọng nhất đã là các vùng định cư ở Lãnh tổ Tây Bắc cuối cùng trở thành các bang với những quyền hạn và đặc ân như của mười ba bang ban đầu.[47] Năm 1785, Quốc hội đã mở rộng sắc lệnh của năm trước bằng cách đưa ra hệ thống đo đạc và bán đất công. Theo mô hình được dùng ở các thuộc địa New England, hệ thống đo đạc chia đất thành các quận hay hạt hình vuông có cạnh sáu dặm trong đó các hạt lại được chia thành ba mươi sáu khu có diện tích một dặm vuông hoặc 640 mẫu. Một khi vùng đã được đo đạc, các khu 640 mẫu này được bán với giá 1$ một mẫu.

Hai năm sau, năm 1787, Quốc hội hợp nhất các sắc lệnh trước đây thành Sắc lệnh Tây Bắc chia Lãnh thổ Tây Bắc thành nhiều khu và đưa ra ba giai đoạn với sự đại diện tăng lên, cái đã dẫn đến cương vị bang. Đáng chú ý là, luật thiết lập khái niệm về "phí sở hữu đơn

giản" (bất động sản được nắm giữ vĩnh viễn với quyền bán hoặc cho không hạn chế) và cung cấp những đảm bảo đầu tiên của tự do thoả thuận ở Hoa Kì.[48] Mặc dù các luật liên bang đã cung cấp một cấu trúc tao nhã của luật chính thức cho việc phân chia đất công – các nhà sử học coi Sắc lệnh Tây Bắc như một thành tựu chủ yếu của chính phủ Hoa Kì trước Hiến pháp – chúng đã chẳng thể kiểm soát lẫn chẳng thể kiềm chế nổi số người ngày càng đông di cư ra ngoại vi của quốc gia. Vấn đề lớn chính đã là giá đất liên bang quá cao không thể mua nổi. Đối mặt với cái giá 640 $ – một số tiền khổng lồ vào thời bấy giờ – hàng ngàn người Mĩ nhập cư ngay lập tức cho rằng giá đất liên bang là trời ơi đất hỡi.[49] Những người dự thảo Sắc lệnh Tây Bắc, tuy nhiên, đã giả thiết rằng những nhà đầu tư giàu có sẽ bán đất đai với những miếng nhỏ hơn, cấp tín dụng hoặc cho thuê đất với điều kiện thuận lợi. Ngay cả những lựa chọn đầu cơ như vậy cũng vượt quá phương tiện của những người đi tiên phong.[50] Thay vào đó, những người nhập cư "chọn những bất trắc của định cư bất hợp pháp".[51] Và như vậy thêm hàng chục ngàn người Mĩ đã trở thành những người chiếm đất trên cơ sở của những dàn xếp ngoài pháp luật.

Hầu như ngay lập tức, chính phủ liên bang đã tiến hành đẩy ra bên lề và trừng phạt những người chiếm đất này. Họ bị tấn công mãnh liệt trong các cuộc tranh luận xung quanh việc chấp nhận Sắc lệnh Tây Bắc. William Butler của New York đã viết: "Tôi Cho rằng Hội đồng đã quen với hành vi côn đồ của Người Dân của Đất nước này, những người lũ lượt kéo đến từ mọi Phía, chiếm và lấy không chỉ đất đai của Hoa Kì mà của cả Bang này nữa, hàng Trăm người đã qua các Sông, và đi hàng ngày rất nhiều cùng gia đình của họ, Thưa Hội đồng Sáng suốt Tôi hi vọng Hội đồng sẽ chuẩn bị chống lại một con quỉ gớm guốc và ngày càng tăng đến như vậy".[52]

Bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những tình cảm như thế, các thành viên của Quốc hội đã tiến hành để trục xuất những người chiếm đất, thường là bằng những phương tiện bạo lực. Năm 1785 Quốc hội đã thông qua một nghị quyết cấm dứt khoát việc chiếm đất công và trao quyền hạn cho Bộ trưởng Bộ chiến tranh đuổi những người định cư bất hợp pháp ra khỏi đất liên bang ở Lãnh thổ Tây Bắc. Chính sách này đã có hiệu lực vào mùa xuân 1785 và ở chỗ giao nhau của các

sông Musking và Ohio ở nơi Quân đội Hoa Kì đã trục xuất mười gia đình bằng cách phá huỷ nhà của họ và dựng lên nột công sự để ngăn họ quay trở lại.[53] Bốn năm sau, Tổng thống Washington đã ra lệnh phá các lán gỗ và di dời các gia đình những người đã định cư ở đất biên giới Pennsylvania do những Thổ dân Mĩ làm chủ.[54]

Tuy vậy, mặc dù hầu hết các nhà chính trị đều muốn duy trì luật đã được thiết lập của quốc gia có chủ quyền mới này, đã có rồi một số người nghi ngờ rằng nó có thể được thực thi theo cách phù hợp với các lợi ích tốt nhất của đất nước. Đó là lí do vì sao vấn đề quyền ưu tiên mua trước lại nảy ra hầu như tức khắc.[55] Trong ngay phiên họp đầu tiên của Quốc hội mới, vào năm 1789, một đại biểu đã phác hoạ một cách đau xót những lựa chọn mà những người chiếm đất phải đối mặt:

> Có, tại thời điểm này, rất nhiều người trong dân chúng, những người muốn kiếm đất bằng cách mua một quyền đối với miếng đất mà họ được đặt vào. Những người này nghĩ gì, những người đã tự đưa mình vào nơi bỏ trống, và lo âu chờ đợi Chính phủ bán nó, để tìm quyền mua trước của họ bằng cách mua cả triệu mẫu đất? Liệu bản thân những người này được mong chờ sẽ đi cầu khẩn?… Họ sẽ làm một trong hai việc: hoặc là di chuyển sang lãnh thổ thuộc Tây Ban Nha, ở nơi họ chẳng phải là những khách không được mời, và trở thành một đóng góp cho quyền lực của một quốc gia nước ngoài tạo thành một miền biên cương nguy hiểm đối với chúng ta; hoặc họ sẽ tiến hành việc này, đi tiếp vào lãnh thổ Hoa Kì, và chiếm hữu mà không có phép của các ngài. Thế thì sẽ là trường hợp nào? Họ sẽ không trả các ngài tiền. Các ngài sẽ huy động lực lượng đuổi họ đi ư? Điều đó đã được thử; các đội quân được chiêu mộ, và cử đi… để thực hiện mục đích ấy. Họ đã đốt các lều, phá dỡ hàng rào, nhổ các vườn khoai tây; nhưng ba giờ sau khi các đội quân rút đi, những người này lại quay trở lại, sửa chữa lại những thiệt hại, và bây giờ định cư trên đất, công khai thách thức Liên bang.[56]

Điển hình của tính nước đôi ở Quốc hội thời bấy giờ là các quan điểm của Uỷ Ban Đất đai Công cộng của Hạ nghị Viện. Kiến nghị của Uỷ ban năm 1801 rằng Quốc hội hãy từ chối những đòi hỏi của những người chiếm đất đòi quyền ưu tiên mua trước, trong khi uỷ ban công nhận rằng những người chiếm đất đã "định cư, canh tác, và cải thiện đất với bao công sức và khó khăn… [và như thế] đã không chỉ làm tăng giá trị của đất mà họ đã chiếm, mà cả giá trị của đất ở lân cận, mang lợi lớn cho Hoa Kì". Bất chấp thế, uỷ ban vẫn lập luận rằng cấp "đặc ân được cầu xin sẽ hoạt động như một khuyến khích những sự xâm phạm đất công, và sẽ là một sự hi sinh không thể lí giải của lợi ích công cộng".[57] Và tình cảm thịnh hành như thế giữa các đại biểu quốc hội đã từ chối bất kể quyền nào đối với họ.

Trong hai thập kỉ tiếp sau sự thành lập, phù hợp với Điều Một của Hiến Pháp Hoa Kì, Quốc hội đã kiên định giữ nguyên tắc phản đối những người định cư trên đất đai công cộng một cách bất hợp pháp. Năm 1796, nó tăng giá tối thiểu đối với đất công từ 1$ một mẫu được qui định trong Sắc lệnh Đất đai năm 1785 lên 2$ một mẫu.[58] Năm 1807, Quốc hội đã thông qua một biện pháp đưa ra các khoản phạt và phạt tù đối với bất kể kẻ chiếm đất nào không tuân thủ luật một khi đã được thông báo và cho phép dùng vũ lực để trục xuất những người định cư nếu cần thiết.[59] Một tài liệu năm 1812 của Uỷ Ban Đất đai Công cộng của Hạ nghị Viện đã lưu ý rằng, "định cư bừa bãi và không được chuẩn y trên đất công trong nhiều khía cạnh là có hại cho lợi ích công cộng".[60]

Vấn đề, tuy vậy, là Quốc hội, như trường hợp của nhiều nước ngày nay, đã xa rời thực tế: Nó đã chẳng hề có nhận thức gì về mức độ to lớn của áp lực từ những người chiếm đất, nó cũng đã chẳng có các phương tiện để áp đặt các lệnh của mình. Thậm chí Tổng cục Đất đai, được thiết lập năm 1812 để đo đạc, bán, và đăng kí đất công, cũng chẳng thể làm công việc của mình. Được giao trách nhiệm xác nhận các giấy đăng kí do các văn phòng hạt gửi lên, cơ quan liên bang mới cũng đã phải cai quản lưu trữ hồ sơ của các khoản mua chịu. Các nhà lập pháp đã hi vọng Tổng cục Đất đai sẽ hoạt động như

một trung tâm thông tin phục vụ các công dân mong muốn có đất. Nhưng tất cả các nhiệm vụ này đã nhanh chóng làm ngập đầu số nhân viên ít ỏi của nó, những người nhanh chóng tụt lại sau trong hầu hết nghĩa vụ của họ.[61] Như Patricia Nelson Limerick chỉ ra, chính bản thân các đại biểu quốc hội đã đóng góp vào các vấn đề của Tổng cục Đất đai: "Nhân danh các cử tri, các đại biểu quốc hội đã phàn nàn về sự làm việc chậm trễ của Tổng cục; về phần mình, các đại biểu quốc hội đã đưa ra rất nhiều đòi hỏi thông tin làm ngốn hết thời gian của các nhân viên; và do mục đích tiết kiệm và tiết giảm, các đại biểu quốc hội đã từ chối tăng ngân sách cho Tổng cục".[62]

Ngoài ra, vào những ngày đầu, Hoa Kì với các nguồn lực tài chính hạn chế đã phải sử dụng đến việc cấp đất để đền bù cho một số giới nhất định của dân cư. Các sử gia khác nhau đã cảm thấy rằng tập quán phát hành "chứng khoán đất", cái đã được mô tả như "cái tương đương thế kỉ mười chín của tem phiếu thực phẩm" – giấy có thể chuộc lại bằng đất – chính phủ đã khuyến khích tình trạng vô luật pháp và chiếm đất.[63] Từ 1780 đến 1848, Quốc hội đã cấp 2 triệu mẫu đất cho những người lính đã chiến đấu trong Cách mạng, 5 triệu cho các cựu chiến binh của Chiến tranh 1812, và 13 triệu mẫu cho những người đã tham gia chiến tranh Mexico. Giữa 1851 và 1860, đã đưa thêm 44 triệu mẫu cho sự phục vụ trong Chiến tranh Cách mạng, Chiến tranh 1812, các cuộc Chiến tranh với người da đỏ, và trong chiến tranh Mexico-Mĩ.[64] Khi được nghĩ ra lần đầu bởi Quốc hội Thuộc địa trong thời gian Chiến tranh giành Độc lập, chính sách chứng khoán đất đã có lôgic nhất định là nó đã cho phép chính phủ Mĩ chi trả các sĩ quan và binh lính về sự phục vụ của họ. Quốc hội cũng đã sợ đe doạ quân sự tiếp diễn mà những người bản xứ, hoặc là tự họ hoặc là lính đánh thuê được trả lương của người Anh hoặc người Pháp, gây ra cho nền cộng hoà mới. Mục đích thanh toán cho những người lính trước đây ở biên cương là để giải quyết cả hai vấn đề cùng một lúc.

Vào giữa thế kỉ thứ mười chín, tuy nhiên, một thị trường đen phát đạt về chứng khoán đất đã nổi lên, làm nóng cả chiếm đất lẫn đầu cơ. Cứ mỗi một trăm lính nhận được chứng khoán đất, thì có tám mươi tư người lính bán quyền của mình ở thị trường đen – một tình trạng không khác tình trạng xảy ra ngày nay ở nhiều nước đang phát triển và nguyên cộng sản, những nước cung cấp nhà công cho một số nhóm công dân.[65] Như một sử gia diễn tả, “chẳng ai đã mong nửa triệu bà goá và những người già những người đã nhận [chứng khoán đất] lập thành một hàng rào chống lại sự xâm lăng của nước ngoài”.[66]

Chính phủ liên bang cũng đã cho không hàng triệu mẫu đất cho đường sắt mới đan chéo ngang dọc châu lục. Trong thế kỉ thứ mười chín, trên 318 triệu mẫu đất – gần bằng một phần năm toàn bộ đất liên bang – đã được phân phát, hoặc một cách trực tiếp cho các công ti đường sắt tư nhân hoặc cho các bang, sau đó các bang lại phân phát đất cho các công ti đường sắt. Lí do căn bản của việc cho không hàng loạt này là vì nó sẽ thúc đẩy việc định cư có trật tự ở biên cương. Mặc dầu phần lớn đất không có mấy giá trị, một phần đáng kể đã có các quặng hoặc có thể trồng trọt được.[67] Phần lớn nhất đã cho các đường sắt xuyên châu lục những người đã nhận xen kẽ một trong hai khu đất dọc theo đường của họ, tạo thành các hình mẫu bàn cờ luân phiên giữa đất của đường sắt và đất của chính phủ. Quốc hội đã tin rằng các [công ti] đường sắt sẽ bán đất mà họ không cần đến một cách nhanh chóng và rẻ để khuyến khích định cư.[68] Thế mà lại một lần nữa, thực tế của đất định cư đã mâu thuẫn với những hi vọng của các nhà chính trị. Sự sắp xếp kiểu bàn cờ, theo một học giả, “đã làm chậm việc định cư trên hàng triệu mẫu đất tốt nhất và đã đóng chúng lại đối với việc mua”.[69] Đôi khi nó thậm chí còn dẫn tới xung đột công khai. Stephen Schwartz tường thuật về xung đột xảy ra năm 1880, ở Thung lũng San Joaquin California, ở khu được gọi là Mussel Slough, khi các nông dân và những người chăn nuôi, những người đã ở trên cơ ngơi của đường sắt đã phản đối thay đổi trong thoả thuận bán khi đến thời hạn thanh toán. Các công ti đường sắt đã quyết định rằng giá bán phải bao gồm tất cả những cải thiện như nhà cửa và mương máng. Việc này đã không chỉ dẫn đến kiện tụng mà toà án không thể giải quyết được vụ việc mà còn dẫn đến việc bắn chết năm người định cư và vài người đi xua đuổi,[70] trong đó cảnh sát

trưởng chịu trách nhiệm đã thừa nhận rằng ông ta "không [biết] chắc chắn ai là người đã bắn đầu tiên". Viết xã luận về vụ rắc rối, tờ *San Francisco Chronicle* đã lên án các công ti đường sắt, tuyên bố rằng "Bất luận các quyền hợp pháp nghiêm túc của họ là gì, không thể chối cãi là tất cả công lí đều ủng hộ những người định cư". Sức mạnh vật lí cũng đã ở về phía những người định cư. Các quan chức đã ước lượng để trục xuất họ cần từ 200 đến 1.000 lính tinh nhuệ.[71]

Những nỗ lực của chính phủ liên bang để xây dựng một hệ thống đất đai có trật tự đã không thể thắng nổi ý chí của người dân thường muốn khẳng định quyền của họ đối với đất đai quốc gia. Một người chiếm đất có khả năng phát biểu lưu loát đã lập luận: "Tôi xác nhận rằng cả loài người, những người có thể thống nhất với mọi hiến pháp được thiết lập ở Mĩ, đều có một quyền không thể bị nghi ngờ để đi qua mọi quận hạt bị bỏ không và… Quốc hội không được trao quyền để cấm họ".[72] Trong vài thập kỉ đầu của thế kỉ thứ mười chín, các nhà chính trị và những người chiếm đất đã chiến đấu về các quyền sở hữu sẽ được chuyển nhượng ra sao. Giữa các nhà chính trị, "đã nổi lên câu hỏi: 'Phải làm gì với nó?' 'Cho những người lính' một số người yêu cầu. 'Dùng nó để trả nợ quốc gia', những người khác nói. 'Giữ nó để sử dụng sau', còn những người khác thì đã khuyên, và đã có những người cho rằng bất kể ai muốn đều phải có quyền chiếm hữu định cư trên nó".[73]

Vô Trật tự hoặc Xung đột của các Hệ thống Pháp luật

Vào đầu thế kỉ thứ mười chín, hệ thống quyền sở hữu của Hoa Kì đã ở trong tình trạng lộn xộn. Luật quyền sở hữu hiện hành và các nhà lập pháp đối kháng chỉ đã làm nghiêm trọng cuộc khủng hoảng đối mặt với những người nhập cư của quốc gia. Trong nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa về những người chiếm đất và các luật đất đai ở Virginia và Kentucky, Paul Gates lập luận rằng luật chính thức đã góp phần vào "sự gia tăng liên tục các chi phí tranh tụng để làm sáng

tỏ các chứng thư quyền sở hữu, để đuổi những người có những yêu sách kình địch, và để bảo vệ đất đai khỏi sự xâm phạm và cướp bóc". Kết hợp "với án phí và lãi cao của các khoản vốn vay", sự không thoả đáng của luật chính thức đã là một "mối đe doạ thường xuyên đối với sự an toàn của các khoản đầu tư và để những người đi kiện bị rối ren liên tục ".[74]

Có thể đoán trước, những người nhập cư đã định cư trên những vùng đất này, thường xuyên hơn là không, đã không có chứng thư sở hữu chính thức đối với đất đai của mình và thường đi đến kết thúc là phải đàm phán về chứng thư quyền sở hữu với không chỉ một mà là hai người chủ; và rồi thậm chí sau khi họ đã mua đất và tiến hành cải thiện, họ vẫn có thể phải đối mặt với các thủ tục bị trục xuất do những người khác đưa ra các quyền trước nữa đối với những dải đất của họ.[75] Một khách nước ngoài đi khắp Kentucky năm 1802 đã nhận xét rằng ở mọi nhà mà ông ta dừng lại, người chủ nhà đã nêu lên sự nghi ngờ về tính đúng đắn của các chứng thư sở hữu của những người hàng xóm của mình.[76]

Giữa 1785 và 1890, Quốc hội Hoa Kì đã thông qua hơn năm trăm luật khác nhau để cải cách hệ thống quyền sở hữu, có vẻ như dựa trên cơ sở ý tưởng của Jefferson về đưa quyền sở hữu vào chính tay những người tư nhân. Các thủ tục phức tạp liên quan đến các luật này, tuy vậy, thường đã ngăn trở mục tiêu này. Làm cho vấn đề mơ hồ thêm nữa, từng bang lại đã phát triển các qui tắc về quyền sở hữu, về phân chia đất chủ yếu có lợi và bảo vệ chỉ cho tầng lớp ưu tú giàu có của riêng bang mình. Kết quả là, những nỗ lực cải cách hệ thống quyền sở hữu chỉ làm tăng thêm những khó khăn về đất đai của quốc gia trong khi làm cho những người nhập cư cực kì lo ngại về mất cái giống như chứng thư quyền sở hữu mà họ đã có thể có. Bình luận về cải cách ở Kentucky, một người đương thời đã nhấn mạnh rằng "nhiều người cư trú tìm thấy nguồn gốc về sự an toàn cho cơ ngơi của họ từ sự mơ hồ này… [và như thế] nhiều người đã không dám khẳng định các quyền của mình, do lo sợ rằng sẽ buộc phải trả các khoản bồi thường đáng kể".[77] Trong thế kỉ thứ mười tám và đầu thế kỉ thứ mười chín, "khi các vấn đề cũ được giải quyết, lại nổi lên các vấn đề mới. Đã có những khó khăn kinh niên trong việc xác định quyền sở hữu…[khi quyền sở hữu trở thành một] khái niệm mung

lung khó nắm bắt hơn là khái niệm kinh tuyến, mơ hồ hơn một gốc cây hoặc một dòng suối. Quyền sở hữu trở thành một chủ đề phiền phức và khó trị như luật chiếm hữu đã bị bãi bỏ”.[78] Các định chế pháp lí của Hoa Kì đã hoàn toàn thất bại, một cách căn bản, trong việc giải quyết một cách hiệu quả với dân số nhập cư gia tăng.

Vào năm 1820, hệ thống quyền sở hữu ban đầu của Hoa Kì đã ở trong tình trạng lộn xộn đến mức Thẩm phán Toà Tối cao Joseph Story đã viết: “Có lẽ hàng thế kỉ sẽ trôi qua trước khi những vụ kiện tụng dựa trên [các luật quyền sở hữu của Hoa Kì] sẽ được đóng lại… Nó sẽ vẫn mãi mãi là đạo luật không được biết đến, giống như luật học ở một số quốc gia nước ngoài”.[79] Sự mỉa mai đã không mất ở Thẩm phán Story rằng Hoa Kì đã “không là một xã hội già nua bảo thủ mà lại là một quốc gia mới ở ngoại vi pháp luật”.[80]

Các luật của Hoa Kì đã trở nên nặng nề phức tạp đến mức chúng tạo thành trở ngại chính đối với những người định cư muốn đảm bảo các quyền sở hữu của mình và thoát khỏi địa vị “những kẻ chiếm đất”. Họ bị bỏ rơi và chẳng có lựa chọn khả dĩ nào ngoài việc bắt đầu tạo ra những “luật” riêng của mình, đặc biệt là những cái liên quan đến quyền sở hữu, pha trộn luật Anh và các truyền thống pháp lí Mĩ tự gây dựng với lẽ thông thường của riêng họ. Kết quả đã là đưa “một đội các quyền sở hữu bất di bất dịch”[81] vào hai hệ thống pháp lí và kinh tế, một được soạn thành luật lệ đưa vào trong các cuốn sách luật, và hệ thống khác hoạt động trong thực tiễn. Và như thế Hoa Kì tự thấy mình với một hệ thống pháp luật đa nguyên trong đó nhiều quyền đối với tài sản và dàn xếp chủ sở hữu được xác định bởi luật ngoài pháp luật.

Các tổ chức chính trị và pháp luật đã bị kẹt giữa lòng trung thành với luật chính thức và thiện cảm của họ với nhu cầu của những người định cư nhằm tạo ra những dàn xếp riêng tư. Như bài phát biểu của Thomas Jefferson đã lột tả được một cách hoàn hảo tính nước đôi mà các nhà chính trị đã luôn luôn cảm nhận đối với những dàn xếp ngoài pháp luật giữa họ. “[Những dàn xếp này] đã phong phú đến mức… chẳng có những nguyên tắc được xác lập nào của luật hoặc của công lí có thể được áp dụng cho sự quyết định của chúng; nhiều trong số ấy được xây dựng trên các tập quán và thói quen những cái đã hình thành ở Quận hạt đó, được dựa trên các phương thức chuyển giao

riêng biệt đối với bản thân họ, và những cái, đã đi vào hầu hết mọi quyền sở hữu, nên *không thể bị bỏ qua một cách tuyệt đối*”.[82]

Những Nỗ lực của Bang để Nhấc Lồng kính đi

Các nhà chính trị Mĩ, như thế, đứng trước ba sự lựa chọn. Họ có thể tiếp tục cố phá ngang hoặc bỏ qua những quyền ngoài pháp luật, miễn cưỡng đưa ra những nhượng bộ, hoặc trở thành các quán quân của các quyền ngoài pháp luật. Sự mở rộng của các luật chiếm hữu – công nhận quyền đối với đất dựa trên những cải thiện đã được tiến hành trên nó – ra khắp Hoa Kì trong sáu mươi năm đầu của thế kỉ mười chín gợi ý rằng các nhà chính trị Mĩ đã ngày càng theo chiều hướng cuối cùng. Lịch sử của sự chấp nhận các luật chiếm hữu ở Hoa Kì là lịch sử của sự nổi lên của những người ngoài pháp luật như một lực lượng chính trị.

Điểm ngoặt diễn ra ở Bang mới Kentucky mà hệ thống quyền sở hữu của nó, giống như nhiều bang khác, đã ở tình trạng hoàn toàn lộn xộn. Thống đốc bang phàn nàn rằng tổng yêu sách về đất ở bang mới được cộng lại sẽ lên đến ba lần diện tích bang. Sử gia Paul Gates lập luận rằng điều này là do các nhà chính trị thông qua pháp luật phục vụ cho các cử tri ngoài pháp luật giữa 1797 và 1820. Các biện pháp này đóng góp cho “hai nguyên tắc vĩ đại của công lí trong luật [Mĩ]: Quyền của những người chiếm hữu… đối với những cải thiện của họ và quyền của những người định cư trên đất sở hữu tư nhân, không bị bác bỏ cho bảy năm và trả tiền thuế trên đó, thành một quyền sở hữu vững chắc và rõ ràng đối với đất của họ bất luận các quyền sở hữu kình địch nào có thể còn tồn tại”.[83] Tầm quan trọng của luật pháp Kentucky, tuy vậy, không nằm ở sự đóng góp của nó cho học thuyết luật mà ở sự phản ánh của nó về quyền lực ngày càng tăng của những người tiên phong. Đáng kể là, áp lực mà những người định cư ngoài pháp luật này đã ảnh hưởng lên các quan chức được bầu đưa chính

quyền nhiều bang đến chỗ từ chối quyết định của Toà án Tối cao Hoa Kì đối kháng với số dân cư ngoài pháp luật đông đúc của quốc gia.

Năm 1821, Toà đã tuyên bố luật chiếm hữu Kentucky là vi hiến.[84] Vụ kiện liên quan đến những người thừa kế của đại địa chủ, John Green, và Richard Biddle, một kẻ chiếm đất người đã định cư trên đất của Green một cách bất hợp pháp. Đất tranh chấp ban đầu thuộc Virginia nhưng nay đã là một phần của Kentucky. Trong vụ *Green v. Biddle*, Toà Tối cao đã phán quyết chống lại luật chiếm hữu Kentucky bằng cách dẫn chiếu đến "các qui tắc quyền sở hữu" được thiết lập dưới những tiền lệ của thông luật Anh.[85]

Quyết định đã có lợi rõ ràng cho chỉ những người có chứng thư quyền sở hữu hợp pháp đối với đất họ đã chiếm. Theo Toà án, luật Kentucky "đã hoạt động một cách bất công và độc ác bởi vì người chủ hợp pháp bị buộc phải trả, không chỉ đơn thuần những sự cải thiện thực tế trên đất, không chỉ giá trị gia tăng của nó, mà cả phí tổn mà người chiếm hữu đã phải chịu để tạo ra những cải thiện giả vờ, bất luận chúng đơn thuần là hữu ích hoặc tưởng tượng, và là vấn đề sở thích hoặc hoa mĩ chỉ tuân theo tính thất thường và đồng bóng của anh ta".[86] Sau phiên toà *Green v. Biddle*, Toà án Tối cao, vào năm 1823, đã tái khẳng định quyết định trước đó của mình, nhấn mạnh rằng các luật chiếm hữu đã tước đoạt "người chủ hợp pháp của đất khỏi địa tô và lợi nhuận mà những người chiếm hữu đã nhận được".

Các nhà chính trị, những người đã nuôi dưỡng sự ủng hộ của các cử tri ngoài pháp luật của mình đã sỉ vả *Biddle* như "gây tai hại nhất" và gây ra "kích động lớn" đối với người dân Kentucky.[87] Toà án Tối cao đã có thể lãng quên thực tế chính trị – và pháp lí – mới đang hình thành ở miền biên cương đang mở rộng nhanh chóng, nhưng các nhà chính trị Miền Tây chỉ cần nhìn ra khỏi cửa sổ của họ để thấy đất nước đã biến chuyển nhanh đến nhường nào. Vào thời ấy, hàng chục ngàn người nhập cư gan dạ đã lê bước về phía tây từ các thuộc địa ban đầu vượt qua Dãy núi Appalachian để định cư trên những vùng đất hoang màu mỡ trong những thập niên đầu của thế kỉ mười chín. Dân số Hoa Kì cứ hai mươi năm lại đã tăng gấp đôi. Năm 1620, có khoảng gần 5.000 người định cư ở toàn bộ Bắc Mĩ thuộc Anh. Năm 1860, dân số Hoa Kì đã hơn 30 triệu. Năm mươi phần trăm dân số Mĩ đã sống ở phía tây dãy núi Appalacian.

Những người nhập cư này đã muốn các toà án công nhận các quyền của họ đối với đất đai mà họ đã kiếm được.[88] Như vậy sự phản ứng dữ dội về chính trị và pháp lí đối với quyết định của Toà án Tối cao trong vụ *Green v. Biddle* ở Kentucky đã là một thắng lợi to lớn đối với những người ngoài pháp luật, và họ đã nhanh chóng chuyển sang tấn công. Trong tâm trí của nhiều chính trị gia và các chủ bút của các tờ báo địa phương, thì kẻ bất lương lại là Toà án Tối cao Hoa Kì. Một tờ báo địa phương đã nói về "tư cách xảo trá" của các thẩm phán đã đe doạ "huỷ diệt" các quyền của "những người không cư trú và xa lạ".[89] Giữa sự giận dữ chấn động về thẩm quyền của Toà án, ông Richarch M. Johnson một người có thế lực ở Kentucky đã tuyên bố trong một bài phát biểu trước Thượng viện rằng quyết định [của toà] "sẽ làm đảo lộn chính sách có cân nhắc [của Kentucky]… và, nếu cứ cố chấp, thì nó sẽ tạo ra những hậu quả rất tai hại trong việc gây ra nhiều tranh chấp về những vấn đề đã được giải quyết từ nhiều năm trước, và làm cho mọi sự tôn trọng điền sản lâm vào tình trạng hết sức hỗn loạn".[90] Một thượng nghị sĩ Hoa Kì khác của Kentucky, người thậm chí có ảnh hưởng hơn, ông Henry Clay, một người từ lâu đã chống đối các quyền được tự do mở rộng của người chiếm đất, đã thừa nhận: "Họ xây nhà cửa, trồng cây ăn quả, rào đồng ruộng, canh tác đất, và nuôi dạy con cái. Giữa chừng, làn sóng di cư ập lên họ, và các trang trại do họ cải thiện tăng giá trị, có cầu đối với chúng, họ bán chúng cho những người mới đến với một giá tăng cao, và đi tiếp sang phía tây… Bằng cách này, hàng ngàn và hàng chục ngàn người hàng ngày đang cải thiện hoàn cảnh của mình và làm cho các điều kiện của họ được tốt hơn".[91] Cả Thống đốc lẫn cơ quan lập pháp Kentucky cũng đã lên tiếng phản đối quyết định của Toà án Tối cao.[92]

Từ khi thành lập, Toà án đã là mục tiêu của các nhà chính trị phê phán thẩm quyền của một nhóm ưu tú các thẩm phán chẳng được ai lựa chọn. Nhưng trong một bước ngoặt đặc biệt của các sự kiện, các thẩm phán Kentucky cũng đã từ chối quyết định của Toà án Tối cao. Trong một vụ tương tự hai năm sau, một thẩm phán Kentucky đã lưu ý rằng vụ *Green v. Biddle* không thể được theo đuổi bởi vì vụ này "đã được quyết định chỉ bởi ba trên bảy thẩm phán tạo thành Toà Tối cao Hoa Kì; và do ý kiến không đạt đa số của các thẩm phán nên

không thể được coi là đã giải quyết được một nguyên tắc hợp hiến".[93] Năm 1827, một thẩm phán Kentucky khác đã từ chối vụ *Biddle*, nhấn mạnh rằng luật về những yêu sách chiếm hữu đã là hợp hiến trong "quá nhiều trường hợp có thể được dẫn chiếu".[94]

Tiếp sau việc tranh cãi sôi nổi về vụ *Green v. Biddle*, các nhà chính trị miền tây và những đảng viên đảng Dân chủ ở khắp nước bắt đầu nhìn nhận những cử tri chiếm đất với số lượng ngày càng đông này theo một lăng kính khác. Họ đã không còn bị coi là những kẻ tội phạm bẩn thỉu, hớt váng của đất đai quốc gia, mà là "những người đi tiên phong cao quí" giúp phát triển đất nước. Tất nhiên, họ cũng đã là những cử tri tiềm tàng đi bỏ phiếu.[95] Các nhà chính trị có thiện cảm bắt đầu tấn công hệ thống quyền sở hữu. Một nghị sĩ từ Kansas đã nhấn mạnh, "trên khắp bang của ông, những người định cư đã chiếm đất công, tiến hành cải thiện, trả phí, và muộn hơn bị bắt phải rời khỏi đất mà không có bồi thường bởi các quyết định của Bộ trưởng Bộ nội vụ, vì lí do này hay lí do khác".[96]

Những Nỗ lực của Liên Bang để Nhấc Lồng kính đi

Giữa cuộc tranh luận về vụ *Green v. Biddle*, Andrew Jackson, một anh hùng của cuộc Chiến tranh 1812 chống Anh và một người ủng hộ lớn tiếng của những người tiên phong, gần như đã thắng cử tổng thống. Bốn năm sau, cuối cùng Jackson đã trở thành tổng thống. Trong hai nhiệm kì chính quyền của ông, do các tiêu chuẩn trước đó về tài sản để được đi bầu và ứng cử vào chức vụ chính trị đã biến mất, do các trường công đã tăng nhanh, do các bang đã làm cho các luật hình sự có tính người và đóng cửa các nhà giam người mắc nợ, sự đồng cảm với các quyền của những người chiếm đất đã tăng lên. Sự oán hận đối với các thẩm phán và các luật sư đã cũng vậy, những người được cảm nhận như những đặc vụ hăm hở của những người giàu và quyền thế.[97]

Đến năm 1830 mười ba bang đầu tiên đã thành hai mươi bốn, bao gồm bảy bang ở miền Tây mà những người đại diện của họ ở Washington đã hoàn toàn cam kết cho các chính sách bênh vực những người chiếm đất. Để được sự ủng hộ của khối ngày càng có ảnh hưởng này, các bang miền Bắc và miền Nam đã tranh đua nhau để tỏ ra mình ủng hộ miền Tây ra sao.[98] Các bang miền Tây và những người chiếm đất những người chi phối vùng đất này đã bắt đầu biểu lộ sức mạnh chính trị ngày càng tăng của mình, và kết quả thật ấn tượng. Giữa 1834 và 1856 các bang Missouri, Alabama, Arkansas, Michigan, Iowa, Mississippi, Wisconsin, Minnesota, Oregon, Kansas, và California tất cả đã đều chấp nhận các luật chiếm hữu tương tự như luật của Kentucky đã bị Toà án Tối cao từ chối trong vụ *Green v. Biddle*.[99] Paul Gates lập luận rằng "chẳng có vụ nào được quyết định bởi Toà án Tối cao lại bị lật lại hoàn toàn bởi các cơ quan lập pháp và toà án bang, bởi sự thất bại của các toà án liên bang nhằm sử dụng vụ kiện, và cuối cùng bởi đạo luật không bị bác bỏ của Quốc hội mở rộng phạm vi của các toà án liên bang đối với những người chiếm hữu, như vụ *Green v. Biddle*.

Washington cuối cùng đã bắt đầu nhận thông điệp. Trong khi vào năm 1806, Uỷ Ban Đất đai Công cộng đã trách móc những kẻ chiếm đất cho sự gian khổ của họ, thì đến 1828 cũng chính uỷ ban ấy đã báo cáo cho Hạ nghị Viện rằng người Mĩ chiếm đất đã thực hiện một dịch vụ công ích có giá trị và vì việc ấy anh ta đáng được đền bù.[100] Kẻ chiếm đất khiếp đảm một thời nay đã thành một người "do tính táo bạo và siêng năng của mình đã tạo cho bản thân và gia đình mình một chỗ ở giữa nơi hoang vu, [và] phải có quyền được thưởng công. Anh ta đã cung cấp các phương tiện cho việc bán đất công, và đưa đất đai vào cạnh tranh, những khoảnh đất mà khác đi thì sẽ chẳng đáng giá nào và như thế sẽ chẳng có ai mua, nếu không có sự cải thiện của anh ta".[101]

Các nghị sĩ bắt đầu dự thảo luật pháp để giúp làm dễ dàng cách để cho những dàn xếp của những người nhập cư được hấp thu vào hệ thống pháp luật.[102] Cốt lõi của nó là công cụ pháp lí, cái đã là sự cứu rỗi của những người chiếm đất trong thời kì thuộc địa (và là cái mà Quốc hội Hoa Kì đã chống đối một cách cứng rắn) – quyền ưu tiên mua trước. Năm 1830, một liên minh giữa các nghị sĩ miền Tây và

miền Nam đã thông qua một đạo luật chung được áp dụng "cho mọi người định cư trên hoặc người chiếm hữu đất công… những người hiện đang chiếm giữ, và canh tác bất kể phần đất nào, trong năm một nghìn tám trăm hai mươi chín".[103] Một người chiếm đất có thể yêu sách 160 mẫu đất, bao gồm cả đất do anh ta cải thiện, với giá 1,25 $ một mẫu. Cần phải thanh toán trước khi đất được đưa ra bán đấu giá công khai, và chuyển nhượng hoặc bán quyền ưu tiên mua trước bị cấm nghiêm ngặt.

Năm 1832, 1838, và 1840, Quốc hội đã đổi mới luật chung về quyền ưu tiên mua trước của năm 1830. Mỗi lần nó cố gắng củng cố thêm nữa các quyền của người chiếm đất thấp nhất, trong khi cố ngăn cản một số lạm dụng nguyên tắc quyền ưu tiên mua trước. Thí dụ, đạo luật năm 1832 đã hạ mức đất tối thiểu mà một người chiếm đất phải mua từ 160 mẫu xuống 40 mẫu.

Vào năm 1841, nguyên tắc quyền ưu tiên mua trước đã được xác lập vững chắc đến mức Quốc hội đã thông qua một luật chung về quyền ưu tiên mua trước trong tương lai. Đạo luật 1841 không chỉ bao gồm những người chiếm đất hiện thời mà cả "mọi cá nhân… người từ nay sẽ tiến hành định cư trên đất công".[104] Đất được định cư phải được đo đạc, nhưng thậm chí điều khoản này cuối cùng cũng đã bị đánh đổ.[105]

Những Nỗ lực Ngoài pháp luật để Nhấc Lồng kính đi

Thường bị cô lập về mặt địa lí khỏi các cuộc tranh luận chính trị và hiến pháp về quyền sở hữu, nhiều người chiếm đất đã làm mọi thứ mà họ có thể làm để đảm bảo cho đất mà họ đã chiếm; một số thậm chí đã trả tiền hai lần cho cùng một miếng đất, trong khi những người khác đã trả các khoản phí lớn cho các luật sư để giúp họ làm cho đất của mình hợp pháp.[106] Nhiều người đã không có đủ phương tiện để đảm bảo các chi phí của hệ thống pháp lí chính thức, vì thế họ đã thiết lập những dàn xếp ngoài pháp luật của riêng mình, như vậy tạo ra các hành lang mới để tiếp cận và chiếm giữ đất đai ở miền biên

cương Mĩ. Trên thực tế, họ đã nắm lấy luật vào trong tay riêng của họ - và đã buộc các thế lực pháp luật phải theo sự dẫn dắt của họ. Đã cần một số thời gian trước khi các nhà chính trị được làm thức tỉnh bởi sự thực rằng bên cạnh luật chính thức, các khế ước xã hội ngoài pháp luật về quyền sở hữu đã hình thành và chúng tạo thành một phần quan trọng của hệ thống quyền sở hữu quốc gia. Để thiết lập một hệ thống pháp lí toàn diện có thể thực thi trên toàn quốc gia, họ phải bắt kịp cách mà người dân đã định nghĩa, sử dụng, và phân phối các quyền sở hữu.

Hai thí dụ quan trọng được dùng để minh hoạ cho sự nổi lên của các tổ chức ngoài pháp luật để bảo vệ các quyền sở hữu đã đạt được một cách phi chính thức: các hiệp hội đòi quyền [yêu sách] đất đã nảy nở khắp Trung Tây Mĩ trong nửa đầu của thế kỉ thứ mười chín, và các khu khai mỏ tràn ngập miền Tây nước Mĩ sau khi phát hiện ra vàng ở California. Đối với nhiều sử gia Mĩ, các hiệp hội đòi quyền đất và các qui chế khai mỏ đã biểu hiện "sự biểu thị năng lực của những người ở miền biên cương cho hoạt động dân chủ".[107] Những người khác lập luận rằng các tổ chức này đã hoạt động "như một bức màn khói để che lấp việc ăn cắp đất của những người chủ thành thật".[108] Đó không phải là cuộc tranh luận của tôi. Cái tôi quan tâm về các hiệp hội đòi quyền đất và các tổ chức khai mỏ là chúng chỉ ra rằng các nhóm ngoài pháp luật đã đóng một vai trò quan trọng trong xác định các quyền sở hữu ở Hoa Kì và trong việc làm tăng giá trị cho đất. Mặc dù về mặt kĩ thuật họ là những người lấn chiếm đất công, những người chiếm đất này, theo lời của sử gia Donald Pisani, đã có "đầu óc luật được bén rễ vào niềm tin rằng… 'người dân' có một quyền lớn hơn để định nghĩa và lí giải các qui tắc so với các chuyên gia pháp lí".[109] Để đạt mục đích này, các tổ chức ngoài pháp luật đã thực hiện một loạt các chức năng, từ đàm phán với chính phủ để đăng kí các tài sản và các quyền sở hữu mà những người chiếm đất đòi.

Các hiệp hội đòi quyền đất

Các hiệp hội đòi quyền đất ở Trung Tây Mĩ ban đầu được lập ra bởi những người định cư để bảo vệ các quyền của họ chống lại những kẻ đầu cơ và những kẻ nhảy dù đòi quyền đất. Hai hiệp hội ở Iowa, thí dụ, đã thống nhất trong các điều lệ của mình để bảo vệ đòi hỏi đất của các thành viên cho một giai đoạn hai năm sau khi bán đất.[110] Allan Bogue lưu ý rằng "người chiếm đất có thể kì vọng rằng các bạn hữu của mình trong câu lạc bộ sẽ giúp mình nếu những kẻ nhảy dù đe doạ ruộng đất của anh ta và …các bạn của anh ta sẽ hăm doạ những kẻ đầu cơ những người có thể tìm cách trả giá cao hơn anh ta trong bán đấu giá đất công khai".[111] Một nhà sử học địa phương Iowa đã ghi lại rằng "khi một người định cư thật sự - người muốn có một miếng đất để ở và để chiếm hữu ngay… định cư trên một phần đất [của hiệp hội], anh ta ngay lập tức bị chó săn tấn công, và được yêu cầu hoặc phải từ bỏ đòi hỏi [đất] hoặc phải trả tiền cho họ cái mà họ cho rằng là quyền của họ". Nếu "người định cư tỏ ra nghi ngờ về việc họ đã chiếm đất trước đây, thì [hiệp hội] luôn luôn sẵn có một hay nhiều nhân chứng để chứng nhận sự hợp lệ của quyền lợi mà họ đã khẳng định".[112]

Các hiệp hội này đã tạo ra công lí nghiêm ngặt và thô sơ của riêng họ. Một bộ trưởng địa phương một lần đã hỏi một thành viên hiệp hội cái gì sẽ xảy ra nếu một kẻ nhảy dù nào đấy thành công trong việc mua các miếng đất mà anh ta đòi. Người chiếm đất trả lời, "Sao, tôi sẽ giết anh ta; và, theo thoả thuận của những người định cư, tôi phải được bảo vệ, nếu xét xử, chẳng người định cư nào dám, nếu trên hội thẩm đoàn tìm thấy một lời phán quyết chống lại tôi".[113] Tuy vậy, điển hình hơn, các hiệp hội đòi quyền đất cung cấp ít nhất một ảo tưởng của một thủ tục pháp lí đúng, bằng cách lập hội thẩm đoàn – gồm các bạn chiếm đất – để tham gia xử các vụ của những kẻ nhảy dù. Ở một hạt tại Iowa, một kẻ nhảy dù người đã thử chiếm một dải đất trống do một thành viên của một hiệp hội làm chủ, chỉ "trong vòng một giờ" đã bị "hai chục người đàn ông kiên quyết và dận dữ" lôi đến trước một hội thẩm đoàn định cư.[114]

Nhưng chức năng của hiệp hội đòi quyền đất cũng mở rộng vượt quá sự bảo vệ chống lại những người thứ ba suốt hành trình đến luật chính thức. Thí dụ, các thành viên của các hiệp hội, "thường là những người chiếm đất, những người đầu tiên đã chiếm hữu đất trong vùng, đã thoả thuận không đặt giá chống lại lẫn nhau tại các cuộc bán đấu giá đất và ngăn chặn những người người khác đặt giá chống lại các thành viên [của hiệp hội]".[115] Lời nói đầu của điều lệ của một hiệp hội đòi đất mô tả sứ mạng của nó một cách thẳng thắn:

> Xét rằng, chúng ta, theo sự thừa nhận của Chính phủ, đã trở thành những người định cư trên đất của nó [Chính phủ], và đã dùng thời gian và tiền bạc để cải thiện đất, chúng ta cảm thấy được quyền một cách công bằng để mua đất với giá đúng mức. Và xét rằng có thể có những cá nhân có ý muốn can thiệp vào các quyền của chúng ta, và như thế gây ra sự không tin cậy, kích động, và lo sợ; Chính vì vậy Quyết nghị rằng, trong trường hợp của chúng ta sẽ có an toàn, chỉ khi trong Liên hiệp – và có quyết tâm để giải quyết một cách hữu hảo bất kể tranh chấp nào giữa chúng ta, để đền đáp lại những nhượng bộ lẫn nhau, và tránh mọi thứ, những cái có thể có khuynh hướng gây ra sự nghi ngờ và kích động - để tôn trọng một cách dứt khoát sự giám hộ của một số uỷ ban, và bảo vệ các uỷ ban ấy trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã được qui định cho chúng.[116]

Tài liệu này đặc biệt nổi bật ở chỗ nó giống với "các hợp đồng định cư" mà các nhóm chiếm đất thực hiện ở khắp Thế giới Thứ ba ngày nay.

Mỗi hiệp hội đòi đất đều đã thảo ra điều lệ và các qui chế riêng của mình, bầu chọn các quan chức điều hành, thiết lập các qui tắc để phân xử các bất đồng, và thiết lập một thủ tục đăng kí và bảo vệ những quyền về đất.[117] Điều lệ của hiệp hội đòi quyền đất của Hạt Johnson, Iowa, thí dụ qui định có một chủ tịch, phó chủ tịch, thư kí, và người ghi và giữ sổ sách; qui định bầu chọn ra bảy trọng tài, bất kể năm trong bảy người ấy tạo thành một toà và giải quyết tranh chấp; qui định chọn hai cảnh sát trưởng có nhiệm vụ thực thi các qui tắc của hiệp hội; và qui định các thủ tục định rõ các quyền sở hữu về

đất.[118] Theo Allan Bogue, một sử gia của các "câu lạc bộ đòi quyền đất" Iowa này, thì hầu hết "các qui chế bao gồm qui mô đất cho phép được đòi quyền; hướng dẫn tiến hành, đăng kí, và chuyển giao quyền đòi đất; và thủ tục cần tuân theo khi các thành viên câu lạc bộ tranh cãi đặt vấn đề nghi ngờ quyền của nhau, khi các thành viên bị những người nhảy dù đe doạ, và khi thời điểm bán đất đến".[119]

Các hợp đồng định cư của các hiệp hội đòi quyền đất rõ ràng đã làm tăng giá trị của đất mà những người chiếm đất đòi quyền. Tại các hạt Poweshiek, Johnson, và Webster ở Iowa, các hiệp hội đòi quyền đất đã thảo "các qui chế riêng qui định mức độ mà người chiếm đất phải cải thiện đất mà anh ta đòi quyền".[120] Các hiệp hội cũng đặt ra các giới hạn trên và giới hạn dưới của đất được bảo vệ, và hầu hết các hiệp hội cho phép các thành viên bán đất mà họ đòi quyền để thu được giá trị của tài sản. Nhiều thành viên, tuy vậy, "đã không hài lòng với số lượng đất mà luật cho quyền họ làm như vậy, mà lại đưa ra những đòi hỏi khai dối về một phần quá lớn của vùng lãnh thổ đến mức, trong một số trường hợp, đã rất khó cho một người mua để tìm thấy một lô đất chưa bị ai đòi quyền".[121] Tập quán này đã nhận được sự ủng hộ ngầm định của hầu hết các thành viên hiệp hội. Mặc dù các thành viên của các hiệp hội đòi quyền đất lên án những kẻ đầu cơ lớn, bản thân họ, như Bogue đã chỉ ra, đã là "những kẻ đầu cơ nhỏ".[122] Các hiệp hội đòi quyền đất của lịch sử Mĩ đã là nhiều hơn so với chỉ là một sơ đồ để bảo vệ chỗ ở đơn thuần; chúng đã cũng được dùng để bảo vệ việc *buôn bán* quyền đòi đất.[123]

Và như vậy các hiệp hội đòi quyền đất đã giúp đỡ tạo ra "một loại thông luật… được thiết lập bởi sự ưng thuận chung, và bởi sự cần thiết chung".[124] Như một sử gia của những người định cư đã chỉ ra, "mặc dù luật-đòi quyền đất không phải là luật được dẫn ra từ [luật] Hoa Kì, hoặc từ sách luật của lãnh thổ, nhưng tuy thế nó là luật, được làm ra bởi và có xuất xứ từ chính bản thân những người có chủ quyền, và các lệnh của nó là đầy quyền uy".[125] Những người định cư, tuy vậy, đã không thải luật chính thức ra một cách hoàn toàn. Những dàn xếp ngoài pháp luật của họ được dùng như các trạm dừng chân tạm thời trên con đường dẫn tới sự tôn trọng pháp luật.

Các Tổ chức của Những Người Khai mỏ

Ngày 24 tháng Giêng năm 1848, James Marshall và một nhóm của những người da đỏ [Indian] và người Mormon đã phát hiện ra vàng dọc theo sông phía Mĩ của California. Mặc dù những người khai mỏ đã thề giữ bí mật, trong vòng bốn tháng, tin về sự khám phá của họ đã tới các báo ở San Francisco. Sự phát hiện này "đã gây ra sự bùng nổ, có lẽ lớn nhất trong lịch sử thế giới cho đến lúc đó, về di cư tự nguyện ồ ạt đến California để tìm vàng".[126] Tác động trực tiếp là rất sâu sắc. "Những người nông dân bỏ cày bừa của họ trên đồng ruộng. Binh lính và thuỷ thủ đào ngũ. Các chủ cửa hàng từ bỏ công việc buôn bán của mình. San Francisco biến thành một thành phố ma qua một đêm".[127] Trong vòng một năm, đã có 100.000 người khai mỏ ở California; hai năm sau nữa đã có gần 300.000.

Khi những người tìm vàng đầy hi vọng này đổ đến California để làm giàu, họ "chẳng thấy hàng rào, chẳng thấy các cột mốc đo đạc".[128] Tuy nhiên, về mặt pháp lí, họ đã là những kẻ lấn chiếm bởi vì hầu hết đất mà họ đào tìm đã có hàng trăm quyền lợi xung đột nhau.[129] Vào thời kì đổ xô đi tìm vàng, hầu hết đất thuộc về chính phủ liên bang, các khoản cấp đất [cho những người tham gia chiến tranh] Mexico chiếm đến 9 phần trăm toàn bộ diện tích California, trong khi phần lớn của phần còn lại là sa mạc, núi non, hoặc cách khác không thể tiếp cận được.[130] Và bất chấp sự thật là Chính phủ liên bang đã, như chúng ta đã thấy, nặn ra hàng trăm qui chế để điều tiết việc sử dụng đất, Hoa Kì đã chẳng có luật nào điều tiết việc bán hoặc cho thuê những khoảnh đất liên bang chứa các quặng quí hiếm.[131] Hơn thế nữa, Quốc hội *đã loại trừ* một cách dứt khoát "đất đai có quặng" ra khỏi Đạo luật Chung năm 1841 về Quyền Ưu tiên Mua trước.

Mối liên hệ dễ kích động của các khoản cấp đất Mexico, các chủ vắng mặt, những người định cư khát đất, và sự thiếu vắng luật liên bang có thể được thực thi đã tạo ra nhu cầu trực tiếp đối với những dàn xếp ngoài pháp luật. Các sử gia như Pisani đã cảm thấy những người định cư đã chẳng có mấy lựa chọn. Nếu "họ định cư trên một miếng đất [theo cấp đất] Mexico với hi vọng nó sẽ không được [người được cấp] nhận, họ phải đối mặt với triển vọng bị mất các

khoản cải thiện mà họ tiến hành. Nhưng nếu họ đã mua đất từ một người đòi quyền mà ranh giới của anh ta sau đó bị hiệu chỉnh, họ có thể mất giá thành của đất cũng như giá trị của những cải thiện của họ".[132] Trong khi những người định cư đưa ra những dàn xếp riêng của họ, chính phủ đã thử tìm một giải pháp dựa trên luật chính thức hiện hành. Vấn đề là chính phủ đã quá chậm chạp. Năm 1851, Quốc hội thiết lập một uỷ ban để xét xử về tính hợp lệ của các khoản cấp đất Mexico và Tây Ban Nha. Mặc dù thời hạn chính thức của uỷ ban kéo đến tận 1856, các toà án và Tổng cục Đất đai đã hoãn công việc cuối cùng cho đến các năm sau nữa. Kết quả là những người định cư đã ngày càng phải dựa vào luật ngoài pháp luật để duy trì một trật tự nào đó. Họ đã buộc phải làm vậy, bởi vì, theo lời của một sử gia pháp luật, "quá trình xác nhận càng kéo dài, thì nguy cơ tranh tụng và bạo lực càng lớn".[133]

Giống như những người chiếm đất, các thành viên câu lạc bộ đòi quyền đất, ở Trung Tây, những người khai mỏ có hai tiền lệ đứng về phía họ: quyền ưu tiên mua trước và quyền của người chiếm hữu đối với những cải thiện của họ.[134] Và như thế họ lập các tổ chức của mình để điều chỉnh các quyền ngoài pháp luật của họ và qui định những nghĩa vụ mà những người khai mỏ phải làm với đất được chiếm. Các hợp đồng định cư này được biết đến như "những qui chế khai mỏ của vùng mỏ". Những người khai mỏ biết rằng nếu họ thảo các qui chế của mình một cách thận trọng, chú ý đến mức có thể tới luật hiện hành, thì sớm hay muộn chính phủ cũng sẽ đi tới thoả thuận được với họ.

Những người khai mỏ chẳng để mấy chỗ cho may rủi. Hầu hết các qui chế vùng mỏ thường bao gồm chín giai đoạn tách bạch. Thứ nhất, những người khai mỏ trương các thông báo hoặc tuyên bố bằng lời trong một cuộc tụ hội đông người ở một địa điểm được nhiều người biết về việc thành lập một vùng mỏ mới. Thứ hai, như điểm đầu tiên của chương trình họp, những người khai mỏ xác định ranh giới và quyền hạn của khu mỏ và đặt tên cho nó (thường lấy một đặc điểm địa lí nào đó của khu vực, lấy khoảnh mỏ được đóng mốc chiếm đầu tiên, hoặc lấy tên để tỏ lòng tôn kính người tổ chức ra vùng mỏ). Thứ ba, những người khai mỏ đưa ra những hạn chế về chủ sở hữu đối với số đất đòi quyền được định vị và đất được mua. Trong hầu hết

các vùng mỏ, sự phát hiện ra mạch mỏ thường được cho phép đòi quyền kép trong khi các vùng khác chỉ cho phép một cho một cá nhân. Không có hạn chế về số đất được mua, với điều kiện việc mua được tiến hành "một cách trung thực cho những cân nhắc có thể đánh giá được với các chứng thư và chứng nhận về quyền sở hữu được người lưu giữ sổ sách cấp".

Thứ tư, các vùng mỏ hạn chế thành viên và các quyền cho các công dân Hoa Kì hoặc cho những người có quyền trở thành công dân theo luật định. Những người Mexico và Á châu như thế nói chung bị loại ra bởi những định kiến chủng tộc của ngày ấy. Những người khai mỏ Mexico và Á châu thậm chí đã bị tố cáo là đã "chẳng đóng góp gì cho sự thịnh vượng của những người mà của cải được làm ra một cách khó nhọc của họ bị những người ấy [Mexico và Á châu] chiếm đoạt cho bản thân mình" và gây nguy hiểm cho đạo đức của "các thanh niên [Mĩ]…không chịu ảnh hưởng của gia đình". Thứ năm, các qui chế cố định các kích thước của bản thân đất mỏ dài từ 150 đến 300 bộ [45,75 m đến 91,5 m] đối với các khoản đòi đất lớn, đến dài bằng cái xẻng của người khai mỏ cho việc đào bới nhỏ. Một con đường để cho quyền đi qua thường được cho ở mỗi bên của miếng đất để chạy đường hầm hay các đường hầm ngang với bất kể khoảng cách nào miễn là chúng không ảnh hưởng đến các quyền của người hàng xóm. Thứ sáu, các qui chế đưa ra các hướng dẫn về việc những người khai mỏ phải xác định các ranh giới của mình ra sao. Thường, một sự đòi quyền đất được khởi đầu bằng yết thị một thông báo có ghi ngày tháng về yêu sách đất với tên của người qui định ranh giới, vùng mỏ, và hạt.

Thứ bảy, các qui chế xác lập một văn phòng ghi và lưu sổ sách, ở nơi các hồ sơ chính thức của vùng mỏ được lưu giữ, và qui định rõ các khoảnh đất được ghi sổ sách thế nào. Thường những thủ thư được bầu ra cho một năm. Thậm chí quan trọng hơn, các qui chế yêu cầu những người khai mỏ "phải lập hồ sơ các thông báo hành động của họ với người giữ hồ sơ trong vòng năm đến ba mươi ngày kể từ ngày yết thị quyền đòi đất, và người giữ hồ sơ phải lập sổ ghi các hồ sơ như vậy và cũng ghi chép những chuyển nhượng của các quyền sở hữu trong phạm vi vùng mỏ". Thứ tám, các qui chế đã thiết lập những yêu cầu cho phát triển đất mỏ bằng cách cung cấp "thời gian,

mức độ, và tính chất" công việc phải được tiến hành để giữ được quyền đòi đất. "Hình phạt đối với sự không tuân thủ luôn luôn là khả năng bị tước quyền". Cuối cùng, các qui chế xác lập một hệ thống giải quyết tranh chấp.[135]

Đối mặt với một chân không trong luật khai khoáng liên bang, những người khai mỏ, với sự nhạy bén pháp lí, đã tạo ra một loại luật thay quyền cho luật khai mỏ. Thoả thuận giữa họ với nhau, họ đã tiến hành để bảo vệ các quyền của mình và làm tăng giá trị tài sản của họ cho đến khi chính phủ có thể ra tay để hợp thức hoá những quyền đòi đất của họ. Tạo ra các quyền sở hữu thông qua các phương tiện ngoài pháp luật đã chẳng hề là một sự hiếm có. Tính ngoài pháp luật đã là – như nó là hiện nay ở Thế giới Thứ ba- phổ biến rộng rãi. Trong những năm ngay sau việc phát hiện ra vàng, California đã có khoảng tám trăm phạm vi quyền tài phán riêng biệt, mỗi cái lại có qui chế riêng của mình.[136] Mỗi phạm vi quyền hạn phán xử đã nhận được tính hợp pháp và sức mạnh ban đầu của nó từ sự đồng thuận của các thành viên của nó. Nhà sử học Charles Howard Shinn lưu ý rằng "không một *alcalde* [thị trưởng], không một hội đồng, không một thẩm phán hoà giải nào đã bị áp đặt lên một vùng mỏ bởi quyền lực từ bên ngoài". Vùng mỏ đã là một đơn vị của tổ chức chính trị, ở nhiều khu vực, trước xa sự ra đời của bang; và các đại biểu của các vùng mỏ tiếp giáp nhau thường gặp gỡ thảo luận với nhau về các đường ranh giới, hoặc về các vấn đề chính quyền địa phương, và báo cáo cho các cử tri của mình trong các cuộc gặp mặt công khai ngoài trời ở sườn núi hay bờ sông".[137]

Hầu hết các nhà chính trị đã đi đến ủng hộ các quyền đòi đất của những người khai mỏ, và các toà án đã tiến hành thừa nhận những dàn xếp ngoài pháp luật của họ. Năm 1861, một thẩm phán của Toà án Tối cao California đã bình luận về tính hợp pháp của những dàn xếp ngoài pháp luật của những người khai mỏ trong vụ *Gore v. McBreyer*: "Là đủ khi những người khai mỏ đồng ý – bất luận trong cuộc họp công khai hoặc sau thông cáo – về các luật địa phương của họ, và rằng các luật này được công nhận như các qui tắc của hàng xóm, trừ khi một số gian lận được chỉ ra, hoặc nguyên nhân khác giống thế để bác bỏ các luật này".[138]

Một lí do cho sự chấp nhận dễ dàng các qui chế vùng mỏ đã là chúng thường được thảo ra trên cơ sở của các nguyên lí, ý tưởng, và các thủ tục không khác mấy so với những cái của luật chính thức hiện hành. Lacy đã chỉ ra rằng các qui chế vùng mỏ "đã phản ánh sự thông thái và tập quán được tích luỹ của… Hội nghị Stannary của những người khai mỏ thiếc ở Cornwall; các tập quán của Vùng mỏ High Peak và Toà án Barmote ở Derbyshire; tổ chức và các tập quán của Burgermeister ở Saxony; các sắc lệnh Thuộc địa Tây Ban Nha về các tổng trấn của Tây Ban Nha mới ở Peru; và một số tập quán các vùng mỏ ở vành đai chì Missouri".[139] Thí dụ, "ở nơi một người khai mỏ đưa ra quyền đòi đất theo các qui tắc và tập quán khai mỏ, thực tế chiếm hữu một phần đất với các ranh giới xác định thì có quyền chiếm hữu cả lô đất. Điều này xem ra chẳng hơn gì việc áp dụng… [một khía cạnh] của luật về chiếm hữu đối địch".[140] Một luật sư của những người khai mỏ đã thảo luận về luật của họ tương đồng và đơn giản hoá hệ thống quyền sở hữu ra sao:

> Theo luật của người khai mỏ, thì người vạch ranh giới là quan chức thừa hành của riêng anh ta để lấy đất, cấp cho anh ta chứng thư chiếm hữu, xác định ranh giới, và tuyên bố anh ta là chủ…Thông báo thay cho đơn xin bằng văn bản; vạch ranh giới thay cho việc đo đạc; luật khai mỏ là quyền khai thác, và ghi hồ sơ với viên chức địa phương là đăng kí. Quan chức duy nhất có trách nhiệm là đại chúng, mà những người khai mỏ đại diện, và luật của những người ấy là không thể lay chuyển được.[141]

Sự tổng hợp này của các mô hình pháp lí hiện hành và phi chính thức đã lấp đầy khoảng trống của luật chính thức trên đất mỏ mênh mông của Mĩ – hệt như các tổ chức chiếm đất ngày nay ở Thế giới Thứ ba. Trong các năm 1850, Quốc hội đã không có nỗ lực nào để chiếm các nguồn khoáng sản Miền Tây. Các sử gia suy đoán rằng có lẽ sự thành

công trong tự cai trị của những người khai mỏ đã hấp dẫn triết lí chính trị của thời đó, hoặc có thể là quốc gia đã quá bận với vấn đề nô lệ và sự đe doạ li khai của các bang miền Nam.[142] Có thể những luật sư trong số các nhà lập pháp Hoa Kì đơn giản đã nhận ra việc làm luật tốt khi họ nhìn thấy nó. Một điều, tuy vậy, là rõ ràng: Sự thiếu vắng hành động của Quốc hội chỉ làm tăng sự tín nhiệm cho khế ước xã hội mà bản thân những người khai mỏ không chỉ đã nghĩ ra mà còn đã làm cho nó hoạt động.[143]

Vào các năm 1860, tuy vậy, cuộc Nội Chiến, nhu cầu về ngân quĩ để tiến hành chiến tranh, và những lo ngại của nhà đầu tư ở California, Nevada, và Colorado đã buộc Quốc hội xem xét đưa hàng ngàn luật khai mỏ vào một hệ thống hợp nhất. Những mối lo ngại của các nhà đầu tư về quyền sở hữu đất đã đóng một vai trò nổi bật trong cuộc tranh luận này. Một người đương thời đã lưu ý rằng do thiếu một hệ thống chuẩn về các chứng thư sở hữu, “các nhà tư bản đã không sẵn lòng chi tiêu tiền của họ để đào giếng mỏ tốn kém, và để dựng máy móc và nhà xưởng, để thử một mạch mỏ cái mà, theo luật khai mỏ, có thể bị chia nhỏ đến vô tận phù hợp với tính phong phú của nó [luật]”.[144] Chính phủ liên bang đã bắt đầu xem xét nghiêm túc những cách thức mà nó có thể điều tiết việc khai mỏ trên đất liên bang.[145] Theo Lacy, một trong những lo ngại chính của các đại biểu Quốc hội từ miền Tây đã là “sự kêu la ầm ĩ về tính an toàn của chứng thư sở hữu và khả năng mua đất mỏ với giá phải chăng”.[146]

Năm 1866, Quốc hội lần đầu tiên đã công bố rằng đất mỏ của liên bang chính thức được mở cho khai thác đối với công dân Hoa Kì - mười tám năm sau khi hàng trăm ngàn người khai mỏ đầu tiên đã thử khai thác vàng trên đất liên bang ở California. Đạo luật 1866 đã nêu dứt khoát rằng tất cả việc khai thác quặng sẽ phải tuân theo những “tập quán hoặc qui tắc địa phương của những người khai mỏ ở nhiều vùng mỏ” những thứ không mâu thuẫn với luật của Hoa Kì.[147] Mục đích của luật đã không phải để phá huỷ các quyền nảy sinh ngoài pháp luật mà là để tăng cường chúng “với một số qui chế như cách thức duy trì và vận hành chúng, những cái không mâu thuẫn với các luật khai mỏ hiện hành, mà đơn giản tạo ra tính qui củ và nhất quán cho toàn hệ thống”.[148] Một khía cạnh quan trọng khác của luật khai mỏ đầu tiên này đã là “nội dung của luật lấy trực tiếp từ những qui

chế khai mạch mỏ của Vùng mỏ Grass Valley của Hạt Nevada, California… và Vùng mỏ Gold Mountain của Hạt Storey, Nevada".[149] Trong thông qua đạo luật, Quốc hội đã đi xa hơn để ca ngợi thiên tài Mĩ đã tạo ra những dàn xếp ngoài pháp luật:

> Điều quan trọng là hệ thống vĩ đại này đã được thiết lập bởi nhân dân trong những năng lực căn bản của họ, và là bằng chứng với chứng cớ cao nhất có thể về thiên tài đặc biệt của nhân dân Mĩ để xây dựng đế chế và trật tự, sẽ được bảo tồn và khẳng định. Sự tự chủ của nhân dân là đây, được thể hiện ở một trong những khía cạnh vĩ đại nhất của nó, và đơn giản lôi cuốn chúng ta, không đi phá huỷ, mà là đặt ấn chỉ của quyền lực quốc gia và quyền lực không thể nghi ngờ lên nó.[150]

Và như vậy đạo luật 1866 đã không chỉ thừa nhận tính hợp pháp của các khế ước xã hội được sinh ra ở bên ngoài luật chính thức mà cũng hợp nhất các nguyên lí và các quyền mà những người định cư đã giành được trong những yêu sách về đất định cư và quyền ưu tiên mua trước. Luật cũng đã mở rộng quyền sở hữu cho bất kể cá nhân hoặc hiệp hội nào đã chi tiêu 1.000 $ bằng công sức và cải thiện trên đất đòi quyền, đã được đo đạc hay không. Đây là một sự công nhận dứt khoát rằng giá trị gia tăng vào các tài sản là cái gì đó mà luật cần khuyến khích và bảo vệ.

Ngày 10 tháng năm, 1872, Quốc hội đã thông qua luật khai mỏ tổng quát, thiết lập một cơ cấu hình thức cơ bản cho luật khai mỏ Mĩ cái được tiếp tục cho đến ngày nay. Luật này giữ lại hai nguyên lí quan trọng nhất của đạo luật 1866: công nhận các luật của những người khai mỏ, và quyền của bất kể người nào người đã cải thiện một mỏ để mua quyền sở hữu nó từ chính phủ với một giá phải chăng.[151] Trong khoảng thời gian hai mươi năm, các quyền được phát sinh một cách ngoài pháp luật và những dàn xếp ngoài pháp luật của những

người khai mỏ đã được tích hợp vào một hệ thống chính thức mới. Ngay cả Toà án Tối cao, mà thái độ thù địch của nó với các quyền phi chính thức đã châm ngòi cho sự phản ứng dữ dội ủng hộ những người chiếm đất, đã tái khẳng định sự hợp lệ của các luật khai mỏ liên bang năm 1866 và 1872 trong vụ *Jennison v. Kirk*. Theo Toà án, hai đạo luật "đã cho sự thừa nhận của chính phủ đối với các quyền chiếm hữu chiếm được theo các tập quán địa phương, các luật, và những quyết định của các toà án… [và] đã công nhận nghĩa vụ của chính phủ tôn trọng các quyền tư nhân những quyền đã nảy sinh dưới sự ưng thuận và chấp thuận ngầm của nó. Nó không kiến nghị một hệ thống mới, mà là thừa nhận, điều tiết và phong ban một hệ thống đã được thiết lập rồi, hệ thống mà nhân dân đã gắn bó với".[152] Vào các năm 1880, các qui tắc và tập quán vùng mỏ ngoài pháp luật đã được tích hợp vào một hệ thống nhất quán của luật quyền sở hữu chính thức.[153]

* * *

Vào cuối thế kỉ thứ mười chín, các nhà chính trị và các thẩm phán Mĩ đã đi một con đường dài trong lĩnh vực luật quyền sở hữu – và chính những người chiếm đất là những người đã dẫn họ đến đó. Điều này cũng đã đúng với nhà ở: Trong năm 1862, khi Quốc hội thông qua "Luật Trang Ấp" nổi tiếng cấp 160 mẫu đất miễn phí cho bất kể người định cư nào mong muốn sống trên đất ấy trong năm năm và phát triển nó, đã chỉ là sự thừa nhận cái mà những người định cư đã tự làm rồi.[154] Bất chấp tiếng tăm huyền thoại của Luật Trang Ấp, hầu hết việc định cư đã xảy ra trước khi nó được ban hành. "Giữa 1862 và 1890, dân số Hoa Kì tăng 32 triệu người – nhưng chỉ có khoảng 2 triệu trong số đó định cư ở 372.649 trang trại được cấp đất thông qua Luật Trang Ấp".[155] Cho đến khi Quốc hội cuối cùng đã chuẩn y nó, những người định cư đã có rồi nhiều lựa chọn pháp lí khả dĩ khác cho việc nhận được quyền sở hữu đối với đất công.[156] Về mặt lịch sử, tuy vậy, Luật Trang Ấp đúng là có giá trị tượng trưng lớn lao, nó đánh dấu sự chấm dứt của cuộc đấu tranh kéo dài, mệt mỏi, và cay đắng giữa luật của giới ưu tú có thế lực và một trật tự mới mang lại

bởi sự di cư hàng loạt và nhu cầu của một xã hội mở và bền vững. Bằng cách cuối cùng chấp nhận theo nhiều dàn xếp ngoài pháp luật của những người định cư, luật chính thức đã hợp pháp hoá chính mình, trở thành qui tắc của đại đa số nhân dân ở Hoa Kì chứ không phải là qui tắc ngoại lệ.

Tầm Quan trọng đối với các Quốc gia Thế giới Thứ ba và Nguyên Cộng sản

Đối với các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản đang cố gắng thực hiện quá độ tư bản chủ nghĩa, kinh nghiệm Mĩ là vô cùng quan trọng. Sự công nhận và tích hợp các quyền sở hữu ngoài pháp luật đã là nhân tố then chốt trong việc biến Hoa Kì trở thành nền kinh tế thị trường và nhà chế tạo ra tư bản quan trọng nhất trên thế giới. Như Gordon Wood nhấn mạnh, trong thời gian này "có cái gì đó trọng đại đã xảy ra trong xã hội và văn hoá, cái đã giải phóng những khát vọng và năng lực của những người dân thường điều chưa hề từng có trong lịch sử Mĩ".[157]

Cái "trọng đại" gì đó chính là một cuộc cách mạng về các quyền đối với các quyền sở hữu. Những người Mĩ, không phải luôn luôn hăm hở hoặc có chủ ý, đã dần dần hợp pháp hoá những tiêu chuẩn và những dàn xếp ngoài pháp luật về quyền sở hữu do những người Mĩ nghèo nhất tạo nên và tích hợp chúng vào luật của xứ này. Vào đầu thế kỉ thứ mười chín, thông tin về quyền sở hữu và các qui tắc điều chỉnh nó là tản mác, manh mún, và không được kết nối. Nó đã sẵn có trong các sổ cái thô sơ, sổ sách cá nhân, các điều lệ phi chính thức, các qui chế của quận [hạt], hoặc lời chứng ở mọi trang trại, hầm mỏ, hoặc khu định cư đô thị. Như ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản ngày nay, hầu hết những thông tin này liên quan chỉ đến cộng đồng địa phương và không sẵn có trong khuôn khổ của bất kể mạng lưới nhất quán nào của những biểu diễn được hệ thống hoá.

Mặc dầu các quan chức Mĩ có lẽ cũng đã chẳng có chủ ý hoặc nhận ra nó, khi họ xây dựng các luật quốc gia như các đạo luật về quyền ưu tiên mua trước và luật khai mỏ, họ đã tạo ra các hình thức biểu diễn, những cái đã tích hợp tất cả những dữ liệu lỏng lẻo và biệt lập về quyền sở hữu vào một hệ thống quyền sở hữu chính thức mới.

Nó đã không phải là một việc dễ hoặc một việc có thể làm nhanh; nó cũng chẳng phải là đã không có bạo lực. Nhưng kinh nghiệm Mĩ là rất giống cái đang diễn ra ngày nay ở các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản: Luật chính thức đã không có khả năng theo kịp sáng kiến của nhân dân, và chính phủ đã mất kiểm soát. Kết quả là, người dân ở ngoài Phương Tây ngày nay sống trong một thế giới đầy những nghịch lí không khác cái mà sử gia G. Edward White đã mô tả: "Khi người khai mỏ rời lán của mình và đi làm, anh ta sử dụng công nghệ công nghiệp mới nhất. Khi người nông dân bước ra khỏi căn lều tồi tàn của mình, thường anh ta sử dụng máy móc nông nghiệp hiện đại nhất".[158] Những người Thế giới Thứ ba cũng sống và làm việc trong các lán và nhà ổ chuột cùng với các TV và bàn tính điện tử. Họ cũng được tổ chức lại trong các câu lạc bộ đòi quyền đất. Và các chính phủ của họ cũng đã bắt đầu cho họ các quyền ưu tiên mua trước.

Nhưng cái mà họ vẫn chưa có là quyền hợp pháp được thảo ra một cách hữu hiệu để tích hợp quyền sở hữu của họ vào một hệ thống pháp luật chính thức – cái cho phép họ dùng nó để tạo tư bản. Thông qua chiếm hữu, quyền ưu tiên mua trước, cấp đất dựng nhà ở, các luật của người khai mỏ, và như thế, những người Mĩ đã xây dựng một khái niệm mới về quyền sở hữu, " khái niệm nhấn mạnh các khía cạnh năng động của quyền sở hữu, liên kết nó với tăng trưởng kinh tế", và cái thay thế khái niệm "nhấn mạnh tính chất tĩnh gắn kết nó với sự an toàn khỏi thay đổi quá nhanh".[159] Quyền sở hữu ở Hoa Kì đã thay đổi từ chỗ là các phương tiện để duy trì một trật tự kinh tế cũ sang, thay vào đó, thành một công cụ hùng mạnh để tạo ra một trật tự mới. Kết quả đã là, các thị trường được mở rộng và tư bản cần thiết để cấp nhiên liệu cho tăng trưởng bùng nổ về kinh tế.

Cuối cùng, các bài học về quá độ của Hoa Kì sang tính chính thức [hình thức] sẽ không chỉ thấy trong những chi tiết kĩ thuật mà cả ở sự thay đổi thái độ chính trị và ở các xu hướng pháp lí phóng khoáng.

Bằng việc thông qua các luật tích hợp dân cư ngoài pháp luật vào hệ thống, các nhà chính trị Mĩ đã bày tỏ ý tưởng cách mạng rằng, các định chế pháp lí có thể sống sót chỉ khi chúng đáp ứng các nhu cầu xã hội.[160] Hệ thống pháp luật Mĩ nhận được sinh lực của mình bởi vì nó được xây dựng trên kinh nghiệm của những người Mĩ bình thường và trên những dàn xếp ngoài pháp luật mà họ đã tạo ra, trong khi từ chối một số học thuyết thông luật Anh những cái đã chẳng mấy thoả đáng đối với các vấn đề riêng của Hoa Kì. Trong quá trình kéo dài và gian khổ để tích hợp các quyền sở hữu ngoài pháp luật các nhà lập pháp và luật gia Mĩ đã tạo ra một hệ thống mới hướng nhiều hơn tới một nền kinh tế thị trường có kết quả và năng động. Quá trình này tạo thành một cuộc cách mạng được sinh ra từ những mong đợi chuẩn tắc của những người dân bình thường, những cái mà chính phủ đã phát triển thành một cấu trúc hình thức được hệ thống hoá và chuyên nghiệp.

Điều này không có nghĩa rằng các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản phải bắt chước một cách mù quáng quá độ của Hoa Kì. Có rất nhiều hệ quả tiêu cực trong kinh nghiệm của Hoa Kì mà chúng cần phải được loại trừ một cách thận trọng. Nhưng như chúng ta vừa thấy, có nhiều cái để học. Bài học căn bản là, sự giả bộ như những dàn xếp ngoài pháp luật là không tồn tại hoặc cố gắng nghiền nát chúng, mà không có một chiến lược để hướng chúng vào khu vực hợp pháp, là một việc vô ích - đặc biệt ở thế giới đang phát triển, ở nơi, như chúng ta đã thấy ở Chương 2, khu vực ngoài pháp luật hiện nay bao gồm đại đa số dân cư của các nước đó đang nắm giữ hàng ngàn tỉ đôla tư bản chết.

Các nỗ lực tạo ra một cuộc cách mạng quyền sở hữu ở các nơi khác trong các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản sẽ đối mặt với những đòi hỏi, những trở ngại, và những cơ hội riêng duy nhất của họ. Chúng ta phải tranh đua với các cuộc cách mạng khác đang xảy ra về truyền thông, công nghệ thông tin, và đô thị hoá nhanh chóng. Nhưng tình trạng căn bản vẫn như thế. Ngày nay, trong nhiều quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản, luật quyền sở hữu không còn thoả đáng đối với cách đại đa số nhân dân sống và làm việc thế nào. Làm sao mà một hệ thống pháp luật có tham vọng là hợp pháp và thích đáng nếu nó cắt bỏ 80 phần trăm dân số của nó?

Thách thức là chỉnh sửa thất bại pháp lí này. Kinh nghiệm Mĩ cho thấy rằng đây là một nhiệm vụ ba lần: Chúng ta phải tìm được các khế ước xã hội thực về quyền sở hữu, tích hợp chúng vào luật chính thức, và vạch ra một chiến lược chính trị – cái làm cho cải cách có thể thực hiện được. Làm cách nào các chính phủ có thể thoả mãn những thách thức này là chủ đề của chương tiếp theo.

CHƯƠNG 6

Sự Bí ẩn của Thất bại Pháp lí

Cuộc sống của luật không phải ở lôgic; mà ở kinh nghiệm.

-Thẩm phán Toà án Tối cao Hoa Kì Oliver Wendell Holmes

GẦN NHƯ MỌI quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản đều có một hệ thống quyền sở hữu chính thức. Vấn đề là ở chỗ hầu hết các công dân không thể tiếp cận tới nó. Họ đã đụng phải lồng kính Fernand Braudel, cái cơ cấu vô hình đó trong quá khứ của Phương Tây là cái đã hạn chế chủ nghĩa tư bản chỉ cho một khu vực rất nhỏ của xã hội. Sự lựa chọn khả dĩ duy nhất của họ, như chúng ta đã thấy ở Chương 2, là rút lui với tài các sản của họ vào khu vực ngoài pháp luật nơi họ có thể sống và làm ăn, kinh doanh – nhưng chẳng bao giờ có khả năng chuyển các tài sản của mình thành tư bản.

Trước khi chúng ta có thể nhấc lồng kính đi, thật quan trọng để biết rằng chúng ta sẽ không phải là những người đầu tiên thử làm vậy. Như chúng ta sẽ thấy ở chương này, các chính phủ ở các nước đang phát triển đã thử suốt 180 năm để mở các hệ thống quyền sở hữu của họ cho những người nghèo.

Vì sao họ đã thất bại? Lí do là họ thường hoạt động dưới năm quan niệm sai cơ bản:

- tất cả những người ẩn núp trong các khu vực ngoài pháp luật hoặc khu vực ngầm đều làm vậy để trốn thuế;
- các bất động sản không được nắm giữ một cách hợp pháp bởi vì chúng đã không được đo đạc, vẽ bản đồ, và đăng kí một cách phù hợp;
- ban hành luật bắt buộc về quyền sở hữu là đủ, và các chính phủ có thể bỏ qua các chi phí để tuân thủ luật đó;
- những dàn xếp ngoài pháp luật hoặc "các khế ước xã hội" có thể được bỏ qua;
- có thể thay đổi cái gì đó căn bản như qui ước của người dân về việc họ nắm giữ tài sản, cả hợp pháp và ngoài pháp luật, của họ thế nào, mà không có người lãnh đạo chính trị cấp cao.

Để giải thích các nền kinh tế ngầm của các nước này, điển hình là 50 đến 80 phần trăm dân số hoạt động trong đó, bằng khái niệm trốn thuế may mắn lắm là không đúng một phần. Hầu hết người dân sử dụng đến khu vực ngoài pháp luật không phải bởi vì đó là một thiên đường về thuế mà bởi vì luật hiện hành, bất luận được hành văn tao nhã đến đâu, không đáp ứng các nhu cầu hay khát vọng của họ. Ở Peru, nơi nhóm của tôi đã thiết kế một chương trình để đưa các nghiệp chủ nhỏ ngoài pháp luật vào hệ thống hợp pháp, khoảng 276.000 của những nghiệp chủ ấy đã đăng kí việc kinh doanh của mình *một cách tự nguyện* tại các văn phòng đăng kí mới mà chúng tôi đã dựng lên để giúp đỡ họ – không hề có hứa hẹn giảm thuế. Công việc kinh doanh ngầm của họ đã chẳng nộp một đồng tiền thuế nào. Bốn năm sau, thu nhập thuế từ các công ti ngoài pháp luật trước đây tổng cộng đã lên đến 1,2 tỉ USD.

Chúng tôi đã thành công bởi vì chúng tôi đã sửa đổi luật công ti và luật quyền sở hữu để thích ứng với những nhu cầu của các nghiệp chủ đã quen với các qui tắc ngoài pháp luật. Chúng tôi cũng đã cắt giảm một cách đầy kịch tính các chi phí cho tệ hành chính quan liêu để gia nhập kinh doanh. Điều này không có nghĩa rằng người dân không quan tâm đến hoá đơn thuế của họ. Nhưng các nhà sản xuất và chủ cửa hiệu ngoài pháp luật – những người hoạt động với lãi gộp mỏng như lưỡi dao cạo, tính bằng cent chứ không phải bằng đôla –

biết rõ số học căn bản. Tất cả những cái mà chúng tôi phải làm là đảm bảo rằng các chi phí của hoạt động hợp pháp thấp hơn các chi phí để sống sót trong khu vực ngoài pháp luật, là tạo thuận lợi cho công việc giấy tờ để hợp pháp hoá, là thật cố gắng tuyên truyền những ưu điểm của chương trình, và sau đó là nhìn hàng trăm ngàn nghiệp chủ vui sướng từ bỏ khu vực ngầm.

Ngược với sự thông thái phổ biến, hoạt động trong khu vực ngầm chẳng hề không có chi phí. Các hoạt động kinh doanh ngoài pháp luật bị mệt mỏi bởi sự thiếu vắng của luật quyền sở hữu tốt và bởi việc liên tục phải che dấu hoạt động của họ trước các nhà chức trách. Bởi vì họ không được thành lập như công ti, các nghiệp chủ ngoài pháp luật không thể quyến rũ các nhà đầu tư bằng cách bán cổ phần; họ không thể tìm được tín dụng chính thức có lãi suất thấp bởi vì họ thậm chí chẳng có các địa chỉ hợp pháp. Họ không thể giảm rủi ro bằng cách tuyên bố trách nhiệm hữu hạn hoặc nhận được bảo hiểm. Khoản “bảo hiểm” duy nhất sẵn có cho họ là cái được cung cấp bởi hàng xóm của họ và sự bảo vệ mà bọn đầu gấu hoặc mafia địa phương sẵn lòng bán cho họ. Hơn thế nữa, bởi vì các nghiệp chủ ngoài pháp luật sống trong sự sợ hãi liên miên về sự phát hiện của chính quyền và sự tống tiền từ các quan chức tham nhũng, họ buộc phải chia tách và ngăn chia các phương tiện sản xuất của họ ra nhiều địa điểm, và như thế hiếm khi đạt được tính kinh tế nhờ qui mô. Ở Peru, 15 phần trăm của tổng thu nhập từ chế tác ở khu vực ngoài pháp luật được trả ở dạng đút lót, từ “hàng mẫu miễn phí” và “các món quà” đặc biệt đến toàn tiền mặt. Với một con mắt luôn luôn ngó xem có cảnh sát không, các nghiệp chủ ngoài pháp luật không thể quảng cáo công khai để tập hợp khách hàng hoặc tiến hành giao hàng cả lô với ít chi phí cho các khách hàng.

Nghiên cứu của chúng tôi ở các nước mà chúng tôi đến làm việc đã xác nhận rằng thoát khỏi các chi phí và phiền toái của khu vực ngoài pháp luật thường bù đủ cho việc đóng thuế. Bất luận bạn ở trong hay ở ngoài lồng kính, bạn đều bị đánh thuế. Cái quyết định liệu bạn vẫn ở lại bên ngoài là chi phí tương đối để được là hợp pháp.

Quan niệm sai lầm chủ yếu khác là các bất động sản không thể được đăng kí một cách hợp pháp trừ khi chúng đã được đo đạc, vẽ bản đồ, và làm hồ sơ với công nghệ thông tin bản đồ hiện đại. Điều

này, cũng vậy, may mắn nhất là chỉ đúng một phần. Những người châu Âu và người Mĩ đã tìm được cách để lập hồ sơ tất cả các bất động sản của họ nhiều thập kỉ trước khi các máy tính và các hệ thống thông tin bản đồ, GIS, được sáng chế ra. Như chúng ta đã thấy ở chương trước, suốt thế kỉ thứ mười chín việc đo đạc đất mới được định cư ở Hoa Kì đã tụt lại nhiều năm sau việc chuyển nhượng các quyền sở hữu. Ở Nhật Bản, tôi đã khảo sát hồ sơ có tại các văn phòng đăng kí và đã thấy một số hồ sơ tài sản đất đai đã được lập sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai sử dụng các bản đồ từ thời Edo - ba đến bốn thế kỉ trước khi chụp ảnh từ trên không và các hệ thống định vị toàn cầu, GPS, được sáng chế ra.

Điều này không có nghĩa rằng máy tính hiện đại và các hệ thống thông tin bản đồ GIS là không vô cùng quan trọng đối với bất kể nỗ lực nào của chính phủ để mở hệ thống quyền sở hữu của nó cho những người nghèo. Cái nghĩa chính của nó là sự tư bản hoá thấp phổ biến, việc lấn chiếm đất và xây nhà cửa bất hợp pháp ở khắp thế giới ngoài Phương Tây hẳn không phải do thiếu công nghệ thông tin và công nghệ bản đồ hiện đại gây ra.

Lồng kính Braudel được làm không phải bằng thuế, bản đồ, và máy tính, mà là bằng luật. Cái ngăn hầu hết dân chúng ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản không sử dụng được quyền sở hữu chính thức hiện đại để tạo tư bản chính là một hệ thống pháp luật và hành chính tồi. Bên trong lồng kính là những người ưu tú nắm giữ quyền sở hữu sử dụng luật được vay mượn từ Phương Tây. Bên ngoài lồng kính, nơi hầu hết dân chúng sống, quyền sở hữu được sử dụng và bảo vệ bởi đủ loại dàn xếp ngoài pháp luật bám rễ chắc vào sự đồng thuận phi chính thức phân tán qua những vùng rộng lớn. Các khế ước xã hội này là hiện thân của những hiểu biết tập thể về cách thức mà các thứ được sở hữu và các chủ sở hữu quan hệ với nhau ra sao. Tạo dựng một khế ước xã hội quốc gia về quyền sở hữu cần đến sự hiểu biết các quá trình tâm lí và xã hội – những niềm tin, khát vọng, ý định, tập quán, và các qui tắc – những cái được chứa đựng trong các khế ước xã hội này và sau đó dùng các công cụ mà luật chuyên nghiệp cung cấp để khâu chúng lại thành một khế ước xã hội quốc gia chính thức. Đấy cũng là cái mà các quốc gia Phương Tây đã đạt được chưa thật lâu lắm.

Điểm mấu chốt để hiểu là quyền sở hữu không phải là thứ tự nhiên mang tính vật lí cái có thể được chụp ảnh hay vẽ bản đồ. Quyền sở hữu không phải là một đại lượng cơ bản *của* các tài sản mà là sự phát biểu pháp lí của sự đồng thuận có ý nghĩa kinh tế *về* các tài sản. Luật là công cụ để cố định và thực hiện tư bản. Ở Phương Tây, luật ít quan tâm hơn đến biểu diễn thực tại vật lí của các toà nhà hoặc của bất động sản so với cung cấp một quá trình hoặc các qui tắc những cái sẽ cho phép xã hội rút giá trị thặng dư tiềm tàng từ các tài sản ấy. Quyền sở hữu tài sản không phải là bản thân các tài sản mà là một sự đồng thuận giữa những người dân về cách thức mà các tài sản ấy phải được nắm giữ, sử dụng, và chuyển nhượng thế nào. Thách thức ngày nay ở hầu hết các nước phi-Phương Tây không phải là đưa tất cả đất và nhà cửa của quốc gia vào một bản đồ như nhau (điều có lẽ đã được tiến hành rồi) mà là tích hợp các qui ước pháp lí chính thức trong lồng kính với các qui ước ngoài pháp luật ở bên ngoài nó.

Chẳng có số lượng đo đạc và vẽ bản đồ nào sẽ hoàn tất việc này. Chẳng có khối lượng tính toán nào sẽ chuyển đổi các tài sản sang một dạng mà nó cho phép chúng gia nhập các thị trường mở rộng và trở thành tư bản. Như chúng ta đã thấy ở Chương 3, bản thân các tài sản chẳng có ảnh hưởng gì lên ứng xử xã hội: Chúng chẳng tạo ra các khuyến khích, chúng chẳng biến ai thành người có trách nhiệm, chẳng làm cho các hợp đồng có thể được thực thi. Một cách nội tại các tài sản là không "thay thế nhau được: fungible" – khả năng có thể được chia ra, kết hợp lại, hoặc huy động cho phù hợp với bất kể giao dịch nào. Tất cả các tính chất này đã nảy sinh ra từ luật quyền sở hữu hiện đại. Chính luật là cái bóc tách và cố định tiềm năng kinh tế của các tài sản như một giá trị tách khỏi bản thân các tài sản vật chất và cho phép con người khám phá và thực hiện khả năng đó. Chính luật là cái kết nối các tài sản với các mạng lưới tài chính và đầu tư. Và chính sự biểu diễn của các tài sản được cố định lại trong các tài liệu quyền sở hữu hợp pháp là cái cho chúng năng lực để tạo giá trị thặng dư.

Hơn sáu nươi năm trước, sử gia pháp luật lỗi lạc C. Reinold Noyes đã viết:

> Tiền đồng trong trò chơi kinh tế ngày nay chủ yếu không phải là các hàng hoá vật chất và các dịch vụ thực sự những cái hầu như được xem xét một cách riêng biệt trong các sách giáo khoa kinh tế, mà là sự sửa soạn kĩ lưỡng của các quan hệ pháp lí cái mà chúng ta gọi là quyền sở hữu… Cái đã dẫn đến, bằng cách nghiên cứu sự phát triển của nó, hình dung sự thực xã hội như một web [mạng lưới] của các mối quan hệ không thể sờ thấy được - một web phụ của các sợi dây vô hình – những cái bao quanh và lôi cuốn cá nhân và do đó là những cái *tổ chức* xã hội…Và quá trình đi đến thấu hiểu thế giới thực mà chúng ta sống trong đó là quá trình khách thể hoá các mối quan hệ này.[1]

Nhấc lồng kính đi, do vậy, về nguyên lí là một thách thức pháp lí. Trật tự pháp luật chính thống phải tương tác với các dàn xếp ngoài pháp luật ở bên ngoài lồng kính để tạo ra một khế ước xã hội về quyền sở hữu và tư bản. Để đạt được sự tích hợp này, tất nhiên cần đến nhiều ngành học khác nữa: Các nhà kinh tế phải làm cho các chi phí và các con số là đúng; các nhà qui hoạch đô thị và các nhà nông học phải định ra các ưu tiên; những người lập bản đồ và các nhà trắc địa, và các chuyên gia tin học là không thể thiếu được để làm cho các hệ thống thông tin hoạt động. Nhưng rốt cuộc, một khế ước xã hội quốc gia được tích hợp sẽ được cụ thể hoá chỉ trong các luật. Tất cả các ngành khác chỉ đóng một vai trò hỗ trợ.

Liệu điều đó có nghĩa rằng các luật gia phải lãnh đạo quá trình tích hợp? Không! Thực hiện sự thay đổi pháp lí trọng đại là trách nhiệm chính trị. Có nhiều lí do cho điều này. Thứ nhất, luật nhìn chung liên quan tới bảo vệ các quyền sở hữu. Tuy vậy, nhiệm vụ thực sự ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản chủ yếu không phải là đi hoàn thiện các quyền hiện hành mà là cấp cho mọi người các quyền đến các quyền sở hữu – hoặc nếu bạn thích "các siêu quyền". Ban cho các quyền như vậy, giải phóng nhân dân khỏi luật tồi, là một công việc chính trị. Thứ hai, các nhóm có quyền được ban cho tuy rất nhỏ nhưng đầy quyền uy – hầu hết được đại diện bởi các luật gia thương mại giỏi nhất đất nước – chắc sẽ phản đối thay đổi trừ phi họ được thuyết phục khác đi. Lôi kéo những người có

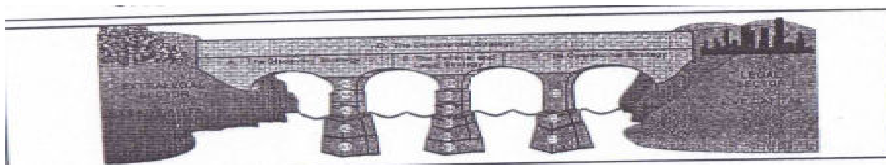
nhiều mối quan hệ và tiền bạc theo phong trào cần đến không phải những nhà tư vấn cam kết phục vụ khách hàng của họ mà là những nhà chính trị tài năng cam kết phục vụ nhân dân họ. Thứ ba, tạo ra một hệ thống được tích hợp không phải là việc thảo ra các luật và qui chế xem ra tốt trên giấy mà đúng hơn là thiết kế các tiêu chuẩn những cái đã bén rễ trong niềm tin của nhân dân và như thế có nhiều khả năng hơn để được tuân theo và thực thi. Việc tiếp xúc với những con người thực là một nhiệm vụ chính trị. Thứ tư, kích thích các nền kinh tế ngầm trở thành hợp pháp là một công việc bán hàng chính trị trọng đại. Các chính phủ phải thuyết phục những công dân nghèo hơn – những người không tin chính phủ và sống sót trên những dàn xếp thiển cận hạn hẹp – và một số mafia bảo vệ họ để mua một vé tham gia vào một trò chơi lớn hơn và bừa bãi hơn nhiều. Các chính phủ cũng phải thuyết phục những người cánh tả có ảnh hưởng, những người trong nhiều nước là gần gũi với những người dân thường, cho phép các cử tri của họ tạo ra tư bản là cách tốt nhất để giúp họ. Các công dân ở bên trong và bên ngoài lồng kính cần chính phủ để tiến hành bênh vực mạnh mẽ sao cho hệ thống quyền sở hữu được thiết kế lại và được tích hợp là ít tốn kém, có hiệu quả hơn, và tốt hơn cho quốc gia so với những dàn xếp hỗn loạn hiện hành.

Không có thành công trên các mặt trận pháp lí và chính trị này, chẳng quốc gia nào có thể khắc phục được chủ nghĩa phân biệt pháp lí giữa những người có thể tạo tư bản và những người không thể. Không có quyền sở hữu chính thức, bất kể họ tích tụ được nhiều tài sản thế nào hoặc họ làm việc vất vả ra sao, hầu hết người dân sẽ không có khả năng phát đạt trong một xã hội tư bản chủ nghĩa. Họ sẽ tiếp tục nằm ngoài tầm ngắm của các nhà hoạch định chính sách, không với tới được các hồ sơ chính thống, và như vậy là vô hình về mặt kinh tế.

Các chính phủ Phương Tây đã thành công trong việc nhấc lồng kính đi, nhưng nó đã là một quá trình thất thường, không được ý thức, kéo dài hàng trăm năm. Các đồng nghiệp của tôi và tôi đã tổng hợp cái, mà chúng tôi nghĩ họ đã làm đúng, thành một công thức mà

HÌNH 6.1

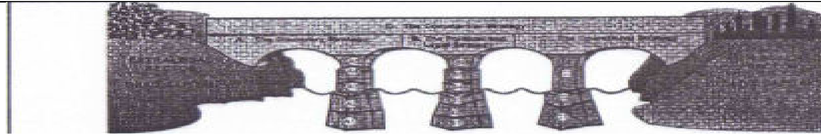
QUÁ TRÌNH TƯ BẢN HOÁ : CHUYỂN TỪ TƯ BẢN CHẾT SANG TƯ BẢN SỐNG



A. CHIẾN LƯỢC KHÁM PHÁ
A.1 Nhận diện, định vị và phân loại các tài sản ngoài pháp luật (tư bản chết)
A.1.1 Lên những yêu cầu tuyển dụng địa phương để thâm nhập khu vực ngoài pháp luật
A.1.2 Xác định những nguyên nhân cho tích tụ các tài sản ngoài pháp luật để phát triển các loại hình dễ dùng
A.1.3 Định vị các khu vực kinh tế và các khu vực địa lí ở nơi các hoạt động ngoài pháp luật thịnh hành nhất
A.2 Lượng hoá giá trị thực và tiềm năng của các tài sản ngoài pháp luật (tư bản chết)
A.2.1 Phát triển các phương pháp phù hợp để ước lượng giá trị của các tài sản ngoài pháp luật sử dụng thông tin hiện có trên thực địa
A.2.2 Lập các tiêu chuẩn để thu thập và xử lí thông tin và xác minh kết quả
A.2.3 Thiết lập tầm quan trọng của giá trị của các tài sản ngoài pháp luật
A.3 Phân tích tương tác của khu vực ngoài pháp luật với phần còn lại của xã hội
A.3.1 Tìm kiếm các mối liên kết thoả đáng giữa chính phủ và các tài sản ngoài pháp luật
A.3.2 Tìm kiếm các mối liên kết thoả đáng giữa các doanh nghiệp hợp pháp và các tài sản ngoài pháp luật
A.3.3 Nhận diện các quá trình nơi mà chính phủ đã giải quyết các tài sản ngoài pháp luật thành công
A.4 Nhận diện các tiêu chuẩn ngoài pháp luật cai quản các tài sản ngoài pháp luật
A.4.1 Phát hiện và giải mã các tiêu chuẩn ngoài pháp luật xác định cách thức trong đó các quyền sở hữu được nắm giữ và thử với các cộng đồng ngoài pháp luật khác nhau ở trong nước
A.5 Xác định các chi phí của tính ngoài pháp luật đối với đất nước
A.5.1 Các chi phí của khu vực ngoài pháp luật
A.5.2 Các chi phí của khu vực kinh doanh hợp pháp
A.5.3 Các chi phí của chính phủ
B. CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÍ
B.1 Đảm bảo rằng cấp chính trị cao nhất giữ trách nhiệm đối với việc tư bản hoá của những người nghèo
B.2 Đưa các cơ quan sẽ cho phép thay đổi nhanh chóng vào hoạt động
B.2.1Nhận diện các định chế khác nhau hiện tại cai quản các quyền sở hữu hoặc ảnh hưởng xấu đến khả năng của chúng để tạo giá trị gia tăng và liên kết chúng với quá trình tư bản hoá
B.2.2 Thiết kế, xin phép cho, và đưa vào hoạt động các cơ quan những cái sẽ cho phép đưa nhanh những thay đổi trong các quá trình khác nhau cần thiết cho tư bản hoá. Nếu có thể, tạo ra một tổ chức duy nhất với một sự uỷ nhiệm duy nhất là tư bản hoá các tài sản và phân tán các văn phòng để cung cấp các dịch vụ khắp đất nước.
B.2.3 Đảm bảo rằng quá trình tư bản hoá cả kết hợp chặt chẽ những ưu tiên chính trị của chính phủ lẫn phản ánh một sự đồng thuận trong phạm vi xã hội cái làm cho quá trình có thể thực thi dễ dàng.
B.3 Loại bỏ những thắt cổ chai về hành chính và pháp lí
B.3.1 Tính toán các chi phí của tư bản hoá các tài sản ngoài pháp luật, bao gồm:
B.3.1.1 Những đòi hỏi về giấy phép ở mọi cấp
B.3.1.2 Những đòi hỏi về và số tiền chi trả cho các giấy phép này
B.3.1.3 Số các biểu mẫu và các hồ sơ bị đòi hỏi
B.3.1.4 Những đòi hỏi không thể thoả mãn trong thực tiễn
B.3.1.5 Tất cả các chi phí giao dịch, kể cả thời gian trễ
B.3.2 Loại bỏ những thắt cổ chai về hành chính và pháp lí bằng cách nhận diện và loại bỏ hoặc sửa đổi các định chế, qui chế và các tập quán những cái tạo ra thói quan liêu không cần thiết.
B.4 Xây dựng sự đồng thuận giữa các khu vực hợp pháp và ngoài pháp luật
B.4.1 Xác định các điểm ở nơi các chuẩn mực ngoài pháp luật trùng với luật sao cho có khả năng thảo ra các qui chế công nhận những bằng chứng của quyền sở hữu ngoài pháp luật có thể chấp nhận được với sự ủng hộ của các cộng đồng ngoài pháp luật.
B.4.2 Đảm bảo rằng các chuẩn mực pháp lí được dự thảo, những cái bao hàm quyền sở hữu ngoài pháp luật, được thảo sao cho không làm tổn hại đến mức độ an toàn mà trật tự pháp lí hiện hành cung cấp hiện nay cho quyền sở hữu đã được đăng kí hồ sơ đầy đủ và được kiểm soát hiệu quả để nhận được sự đồng ý của khu vực hợp pháp.
B.5 Thảo các qui chế và các thủ tục làm giảm các chi phí của việc giữ các tài sản một cách hợp pháp xuống dưới các chi phí giữ chúng ngoài pháp luật
B.5.1 Ban hành các qui chế cần thiết cho mọi quyền sở hữu trong nước được điều chỉnh bởi một bộ luật và một tập các thủ tục nhất quán.
B.5.2 Mở rộng định nghĩa của các bằng chứng của quyền sở hữu cho phù hợp với qui trình mới, và củng cố vào một gói có thể quản lí được về mặt hành chính của các qui chế và thủ tục điều chỉnh quá trình tư bản hoá.
B.5.3 Củng cố các luật lệ rải rác vào một luật duy nhất.
B.5.4 Phát triển các định chế và thủ tục cho phép tính kinh tế theo qui mô cho tất cả các hoạt động tạo thành quá trình tạo tư bản
B.5.5 Tạo ra một lựa chọn khả dĩ thuận tiện và ít tốn kém cho chiếm đất và các dạng khác của chiếm hữu ngoài pháp luật. Củng cố qui trình và sự tôn trọng pháp luật bằng cách thiết lập những khuyến khích và phản khuyến khích nhằm khích lệ việc chuyển nhượng hợp pháp và ngăn cản việc chuyển nhượng bất hợp pháp [ngoài pháp luật].
B.5.6 Thiết kế và thực hiện các qui trình hành chính hoặc tư nhân để thay thế các quá trình pháp lí ở nơi có thể để khuyến khích giải quyết bất đồng trong phạm vi pháp luật.
B.6 **Tạo ra các cơ chế làm giảm các rủi ro liên quan đến đầu tư tư nhân, bao gồm sự tin cậy của các chứng thư sở hữu và không-thanh toán cho các dịch vụ công cộng**

HÌNH 6.1 (tiếp)

QUÁ TRÌNH TƯ BẢN HOÁ : CHUYỂN TỪ TƯ BẢN CHẾT SANG TƯ BẢN SỐNG



C. CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

C.1 Thiết kế và thực hiện chiến lược hoạt động thực địa, các thủ tục, nhân sự, thiết bị, văn phòng, đào tạo và cẩm nang những thứ cho phép chính phủ để công nhận và xử lí các quyền sở hữu riêng biệt trong khu vực ngoài pháp luật

C.1.1 Thiết kế các cơ chế để nhận được sự tham gia hàng loạt của các thành viên định cư ngoài pháp luật cho mục đích giảm các chi phí của tư bản hoá

C.1.2 Tiến hành các cua đào tạo cho tổ chức của các đội tư bản hoá phản ánh các loại ngoài pháp luật mà họ sẽ gặp

C.1.3 Phát triển các cẩm nang giải thích cho các nhà lãnh đạo và những người định cư ngoài pháp luật những cách mà họ có thể tham gia trong chọn lọc và sưu tầm các bằng chứng của quyền sở hữu.

C.1.4 Chuẩn bị cho các cộng đồng ngoài pháp luật

C.1.4.1 Nhận ra và đào tạo những người xúc tiến địa phương trong phạm vi mỗi cộng đồng

C.1.4.2 Thực hiện một chiến dịch xúc tiến địa phương trong phạm vi mỗi cộng đồng

C.1.4.3 Giáo dục mỗi cộng đồng về các bằng chứng mà quyền sở hữu đòi hỏi

C.1.4.4 Đào tạo các nhà lãnh đạo địa phương để ghi chép thông tin quyền sở hữu vào biểu mẫu đăng kí

C.1.4.5 Nhận ra và đào tạo những người thẩm tra tư nhân để xác nhận thông tin được cộng đồng thu thập

C.1.5 Thu thập và xử lí thông tin về các tài sản vật lí

C.1.5.1 Nhận hoặc chuẩn bị các bản đồ chỉ ra ranh giới của các miếng đất riêng lẻ (ở nơi cần thiết chuẩn bị các bản đồ số để ghi nhận thông tin ranh giới)

C.1.5.2 Thẩm tra các bản đồ chỉ rõ các miếng đất riêng lẻ tương ứng với thực địa

C.1.5.3 Đưa bản đồ vào hệ thống máy tính

C.1.6 Thu thập và xử lí thông tin về quyền sở hữu

C.1.6.1 Thu thập thông tin quyền sở hữu và ghi vào các biểu mẫu

C.1.6.2 Xác minh rằng các quyền sở hữu là hợp lệ dưới luật mới

C.1.6.3 Đưa thông tin quyền sở hữu vào hệ thống máy tính

C.1.6.4 Đăng kí chính thức các quyền sở hữu

C.1.6.5 Phát chứng nhận quyền sở hữu cho những người hưởng trong một buổi lễ công khai

C.2 Thực hiện các chiến lược truyền thông dùng các phương tiện thích hợp để khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài pháp luật, sự ủng hộ trong cộng đồng doanh nghiệp và khu vực chính phủ, sự ưng thuận giữa những người có lợi ích gắn chặt với hiện trạng.

C.2.1Tiến hành một chiến dịch cho mỗi loại cộng đồng trong khu vực ngoài pháp luật để động viên họ tham gia vào quá trình

C.2.2 Nghĩ ra các cơ chế chỉ rõ cho những người thụ hưởng của quá trình tư bản hoá rằng các tài sản của họ được bảo vệ bởi cùng khung khổ pháp lí như cái bảo vệ các quyền của các nhà đầu tư tư nhân cả trong nước lẫn nước ngoài. Điều này sẽ cho các chủ sở hữu lí do để tôn trọng các hợp đồng được điều chỉnh bởi trật tự pháp lí

C.2.3 Tiến hành một chiến dịch cho mỗi cộng đồng pháp lí các cộng đồng có thể cảm thấy bị tổn thương

C.2.4 Thiết kế các biện pháp truyền thông cho khu vực hợp pháp về những lợi ích của tư bản hoá, nhấn mạnh đến giảm rủi ro và làm rõ rằng tư bản hoá sẽ chẳng ảnh hưởng đến các quyền sở hữu hiện hành cũng không làm tổn hại đến quyền của người thứ ba

C.2.5 Tiến hành một chiến dịch cho các nhà chuyên môn có quyền lợi trong định nghĩa quyền sở hữu, giải thích vai trò tương lai của họ và sự dính líu được tăng lên trong phạm vi một khu vực hợp pháp mở rộng sau tư bản hoá.

C.3 Tái tổ chức các tổ chức lưu trữ hồ sơ và qui trình đăng kí để chúng có thể hoà hợp với nhau tất cả những mô tả hữu ích về mặt kinh tế về các tài sản ngoài pháp luật của đất nước và tích hợp chúng vào một hệ thống máy tính có cơ sở tri thức dữ liệu

C.3.1 Cấu trúc lại tổ chức đăng kí và các lưu đồ công việc nội bộ của nó, đơn giản hoá qui trình đăng kí, thiết lập các đặc tả cho thông tin tự động, thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát chất lượng, chọn và đào tạo nhân viên, và thiết lập các thủ tục để đảm bảo rằng sở đăng kí có thể xử lí một chương trình quốc gia tư bản hoá đồ sộ

C.3.2 Xây dựng các hệ thống trên cơ sở GIS để cung cấp các tính năng phân tích không gian

C.3.3 Thiết lập các cơ chế kiểm tra để đảm bảo rằng chi phí tham gia và các dịch vụ đăng kí là đủ hiệu quả và sinh lợi sao cho những người dùng của nó không có động cơ trượt lại vào ngoài pháp luật.

C.3.4 Đưa các mô tả của những đặc điểm của các tài sản ngoài pháp luật vào các biểu mẫu được tuỳ biến, thân thiện với người dùng ở nơi chúng có thể được khu biệt, ghi lưu và quản lí trong một hệ thống máy tính

C.3.5 Phân rã thông tin thường được chứa một cách truyền thống trong các chứng thư thành các phạm trù đơn giản có thể đưa vào máy tính và được hệ thống hoá cho tiếp cận dễ dàng, sau khi đã thực hiện việc hợp lí hoá được chuẩn y về mặt pháp lí của các thủ tục thu thập thông tin hiện hành.

C.3.6 Tạo thuận tiện cho việc cập nhật thông tin máy tính về quyền sở hữu bằng cách đặt các trung tâm vào dữ liệu gần những người thụ hưởng. Mục đích là cắt giảm các chi phí vận tải và giao dịch của việc đăng kí quyền sở hữu và của việc kinh doanh liên quan đến đất đai và giữ tình trạng của chúng được hợp pháp.

D. CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI

D.1 Thực hiện các cơ chế thông tin và thực thi những cái sẽ cho phép cung cấp:

D.1.1 Ngân hàng/Thế chấp/Tín dụng

D.1.2 Các dịch vụ công cộng
(Điện, nước, nước thải, viễn thông)

D.1.3 Các hệ thống nhờ thu
(Tín dụng, thuế địa phương, thuế)

D.1.4 Cơ sở dữ liệu/Dịch vụ thông tin

D.1.5 Các sản phẩm bảo hiểm (Hư hỏng tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tín dụng, siết tài sản, bảo hiểm chứng thư sở hữu)

D.1.6 Các hệ thống chứng minh thư quốc gia

D.1.7 Xây dựng nhà ở và hạ tầng

D.1.8 An ninh quốc gia

chúng tôi gọi là "quá trình tư bản hoá", với nó chúng tôi đang giúp đỡ nhiều chính phủ trên khắp thế giới. Công thức được phác hoạ trong Hình 6.1. Giải thích các chi tiết không phải là phần của cuốn sách này, nhưng những độc giả muốn một mô tả kĩ thuật của toàn bộ kế hoạch, được mời tham khảo hồ sơ không được công bố ở văn thư lưu trữ của Viện vì Tự do và Dân chủ, ILD. Trong phần còn lại của chương này tôi sẽ tập trung vào hai thành phần không thể thiếu được của công thức: thách thức pháp lí và thách thức chính trị.

Phần I: Thách thức Pháp lí

Cứ tình hình này, thì việc tạo ra một hệ thống quyền sở hữu được tích hợp trong các quốc gia phi-Phương Tây là không thể làm được. Những dàn xếp quyền sở hữu ngoài pháp luật bị phân tán giữa hàng chục, đôi khi hàng trăm cộng đồng; các quyền và những thông tin khác chỉ những người trong nội bộ hoặc hàng xóm biết được. Tất cả những dàn xếp ngoài pháp luật riêng lẻ, cẩu thả về quyền sở hữu đặc trưng cho hầu hết các quốc gia Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản phải được đan kết lại vào một hệ thống duy nhất mà từ đó các nguyên tắc chung của luật có thể được rút ra. Nói tóm lại, bao nhiêu khế ước xã hội "ở ngoài đó" đều phải được tích hợp vào một khế ước xã hội bao quát-toàn bộ.

Việc này có thể được hoàn tất thế nào? Làm sao mà các chính phủ có thể tìm ra những dàn xếp ngoài pháp luật về quyền sở hữu là những gì? Đó chính xác đã là những câu hỏi đặt ra cho tôi bởi năm thành viên của nội các Indonesia. Tôi đã ở Indonesia để giới thiệu bản dịch sang tiếng Bahasa Indonesia của quyển sách trước của tôi, và họ đã nhân dịp ấy mời tôi nói chuyện về làm thế nào họ có thể tìm ra ai sở hữu cái gì giữa 90 phần trăm dân số Indonesia những người sống ở khu vực ngoài pháp luật. Sợ rằng sẽ mất những người nghe nếu tôi đi vào giải thích kĩ thuật kéo dài về làm sao để cấu trúc một chiếc cầu giữa các khu vực hợp pháp và ngoài pháp luật, tôi đã tìm ra một cách khác, theo kiểu Indonesia, để trả lời câu hỏi của họ. Trong cuộc đi giới thiệu sách của tôi, tôi đã bỏ ra vài ngày để thăm Bali, một trong những thắng cảnh đẹp nhất thế giới. Khi tôi đi tản bộ qua

những cánh đồng lúa, tôi đã chẳng hề có một ý tưởng nào về các ranh giới đất đai nằm ở đâu. Nhưng các con chó đã biết. Mỗi lần tôi đi qua từ trang trại này sang trang trại khác, một con chó khác đã sủa. Những con chó Indonesia có thể ngu dốt về luật chính thức, nhưng chúng đã tỏ ra chắc chắn về các tài sản nào mà các ông chủ của chúng đã kiểm soát.

Tôi đã nói với các bộ trưởng rằng các con chó Indonesia đã có những thông tin cơ bản cần thiết để thiết lập một hệ thống quyền sở hữu chính thức. Bằng cách đi lại trên các con đường trong thành phố của họ và ở vùng nông thôn và lắng nghe chó sủa, họ có thể dần dần tiến hành từ dưới lên, thông qua cây leo của những biểu diễn ngoài pháp luật tản mác khắp đất nước của họ, cho đến lúc họ tiếp xúc với khế ước xã hội đang thống trị. "À", một trong số các bộ trưởng đáp lại, "Jukum Adat (luật của nhân dân)!"

Khám phá ra "luật của nhân dân" chính là cách mà các quốc gia Phương Tây đã xây dựng các hệ thống quyền sở hữu chính thức của họ. Bất kể chính phủ nào nghiêm túc về việc tái cấu trúc các thoả thuận phi chính thức đang thống trị vào một khế ước xã hội quốc gia về quyền sở hữu cần phải lắng nghe những con chó sủa. Để tích hợp tất cả các dạng của quyền sở hữu vào một hệ thống thống nhất, các chính phủ phải tìm ra các qui ước địa phương hoạt động thế nào và vì sao, và chúng thực sự mạnh đến mức nào.

Sự thất bại để làm như vậy là cái giải thích vì sao các nỗ lực quá khứ về thay đổi pháp luật ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản đã không hoạt động. Người ta có xu hướng nhìn "khế ước xã hội" như cái gì đó trừu tượng vô hình chỉ có trong đầu của các bậc hiền triết nhìn xa trông rộng như Locke, Hume, và Rousseau. Nhưng các đồng nghiệp của tôi và tôi đã phát hiện ra rằng các khế ước xã hội của khu vực ngoài pháp luật không phải đơn thuần là các nghĩa vụ xã hội được hàm ý những cái có thể được phỏng đoán từ ứng xử xã hội; chúng cũng là những dàn xếp những cái được những con người thực ghi lại bằng tư liệu một cách rõ ràng. Kết quả là, các khế ước xã hội ngoài pháp luật này thật sự có thể sờ mó được, và chúng có thể được ráp lại để xây dựng một hệ thống quyền sở hữu và tạo tư bản, hệ thống sẽ được công nhận và thực thi bởi bản thân xã hội.

Chuyển từ Hệ thống Quyền sở hữu Tiền Tư bản chủ nghĩa sang Hệ thống Quyền sở hữu Tư bản chủ nghĩa

Không có một hệ thống quyền sở hữu chính thức được tích hợp, một nền kinh tế thị trường là không thể tưởng tượng ra được. Giả như các quốc gia tiên tiến Phương Tây đã không tích hợp tất cả các biểu diễn vào một hệ thống quyền sở hữu được tiêu chuẩn hoá và để cho tất cả mọi người có thể tiếp cận nó, thì họ đã không thể chuyên môn hoá và phân công lao động để tạo ra mạng lưới thị trường được mở rộng và tư bản, những cái đã tạo ra sự giàu có hiện nay của họ. Tính không hiệu quả của các thị trường phi-Phương Tây liên quan nhiều đến sự manh mún của những dàn xếp quyền sở hữu của họ và việc không có những biểu diễn chuẩn. Sự thiếu tích hợp này giới hạn giao dịch không chỉ giữa khu vực hợp pháp và khu vực ngoài pháp luật mà cả giữa bản thân những người nghèo nữa. Các cộng đồng ngoài pháp luật có trao đổi với nhau, nhưng chỉ với rất nhiều khó khăn. Họ giống như những đội tàu nhỏ chỉ giữ thông tin bằng cách định hướng tàu với sự tham khảo lẫn nhau chứ không phải tham chiếu đến một số chuẩn chung và khách quan, như vị trí các vì sao hoặc la bàn từ.

Các tiêu chuẩn chung trong một bộ luật là cần thiết để tạo ra một nền kinh tế thị trường hiện đại.[2] Như C. Reinold Noyes đã chỉ ra:

> Bản chất con người đòi hỏi sự qui củ và điều chắc chắn và đòi hỏi này yêu cầu rằng những phán xét thô sơ này phải nhất quán và như thế cho phép kết tinh lại trong những qui tắc nhất định – vào "bộ giáo lí này hoặc sự dự đoán được hệ thống hoá cái mà chúng ta gọi là luật"… Sự tiện lợi thực tế của công chúng… dẫn đến những nỗ lực tái diễn đều đặn để hệ thống hoá các bộ luật. Sự đòi hỏi luật hoá là một đòi hỏi của nhân dân để được giải phóng khỏi sự bí ẩn và bất trắc của luật bất thành văn hoặc thậm chí của luật án lệ.[3]

Tiến hành quá độ từ hoàn cảnh mà người dân đã dựa trên sự đa dạng của các tập quán ngoài pháp luật được thiết lập rồi bởi sự thoả thuận lẫn nhau, sang một hệ thống pháp lí được luật hoá là một thách thức gây nản lòng. Như chúng ta đã thấy, đây là cái mà các quốc gia Phương Tây đã phải làm để chuyển từ "những phán xử thô sơ" tiền

tư bản chủ nghĩa sang những bộ luật được hệ thống hoá. Đó là cách họ đã nhấc lồng kính đi ra sao. Tuy vậy, cho dù các quốc gia ấy đã thành công đến thế nào, họ đã không luôn luôn ý thức được cái mà họ đã làm và đã chẳng để lại một kế hoạch rõ ràng nào. Ngay cả ở Anh, háo hức để mở rộng những lợi ích của Cách mạng Công nghiệp, các nỗ lực cải cách đã trải qua hầu như trọn một thế kỉ (từ 1829 đến 1925) trước khi chính phủ đã ở vào vị thế để đảm bảo chắc chắn rằng các bất động sản có thể được ghi chép hồ sơ một cách tập trung và được chuyển nhượng một cách dễ dàng. John C. Payne tóm tắt về cải cách quyền sở hữu đã khó khăn và thất thường ra sao đối với nước Anh:

> Rất nhiều luật đã được thông qua, và luật quyền sở hữu Anh đã được thay đổi từ ngọn tới gốc. Phần lớn của cuộc cải cách này đã là ngẫu hứng đột xuất, và ta có cảm tưởng rằng những người lãnh đạo phong trào đã không phải lúc nào cũng có ý tưởng rõ ràng về cái mà họ đang làm hoặc vì sao họ lại tiến hành làm. Luật đất đai Anh đã trở thành kĩ thuật đến mức và đã được tăng thêm lên qua hàng thế kỉ nhiều đến mức nhiệm vụ phải tỏ ra lúc ban đầu là lớn đến choáng ngợp. Sự khó khăn đã là có quá nhiều chi tiết phải chú ý tới đến mức đã thật khó tìm ra được trọng tâm của vấn đề. Như thế những nhà cải cách Anh đã bắt đầu tìm ra chúng với tất cả thiện ý nhưng với nhiều sức lực hơn là sự sáng rõ của khái niệm. Về tầm dài hạn họ đã làm tốt công việc của mình, nhưng họ đã tốn cả một thế kỉ để làm việc ấy, và giữa chừng họ đã thử bao nhiêu thí nghiệm một cách không thành công và đã buộc phải chấp nhận nhiều thoả hiệp.[4]

Sự Thất bại của Luật Bắt buộc

Có thể giả thiết rằng ngày nay sẽ tương đối dễ cho các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản để nhấc những lồng kính đi. Rốt cuộc thì quyền tiếp cận phổ quát đến quyền sở hữu bây giờ đã được công

nhận bởi gần như mọi hiến pháp quốc gia trên thế giới và bởi nhiều hiệp định quốc tế. Các chương trình để cấp quyền sở hữu cho những người nghèo tồn tại ở hầu như tất cả các nước đang phát triển và nguyên cộng sản. Trong khi các nhà cải cách Phương Tây ở thế kỉ mười tám và mười chín đã gặp phải sự kháng cự trí tuệ và đạo đức rộng rãi chống lại phân chia các quyền sở hữu chính thức, tiếp cận đến quyền sở hữu ngày nay được coi là một bộ phận và một phần của những quyền căn bản của loài người. Một dải rộng của các hiệp ước quốc tế đương thời, từ Tuyên bố Phổ quát về Nhân Quyền năm 1948 và sách giáo lí vấn đáp của Nhà thờ Thiên chúa Giáo đến Thoả ước thứ 169 của Liên đoàn Lao động Quốc tế (ILO) năm 1989 về Người Bản xứ và Bộ lạc ở các Nước Độc lập, đều nhấn mạnh đến quyền sở hữu như một quyền con người cơ bản và ổn định. Ở những mức độ khác nhau, các toà án và các luật khắp thế giới đều xem quyền này như một nguyên tắc pháp lí quan trọng. Phong tục lâu đời của quân đội xâm chiếm đi chiếm đoạt tài sản đã bị cấm dứt khoát bởi Hiệp định Quốc tế Hague năm 1899. Luật quốc tế như vậy coi các quyền sở hữu của các cá nhân là thiêng liêng hơn các quyền tự chủ của các quốc gia, qui định rằng thậm chí nếu các chính phủ mất đất, thì các chủ sở hữu ở chính những lãnh thổ ấy sẽ không mất đất của họ.

Hoa Kì, Canada, Nhật Bản, và Châu Âu – hai mươi lăm quốc gia đã phát triển trên thế giới – đã thịnh vượng nhiều hơn nhiều các nước không có các hệ thống quyền sở hữu chính thức được tích hợp, có thể tiếp cận được của mình đến mức ngày nay chẳng ai đi kiến nghị một cách nghiêm túc các giải pháp kinh tế những giải pháp coi thường sự cần thiết của quyền sở hữu chính thức. Đó là lí do vì sao hầu hết các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản ngày nay công nhận nguyên tắc tiếp cận phổ quát đến các quyền sở hữu như một sự cần thiết chính trị cũng như một thành phần ngầm định của các chương trình kinh tế vĩ mô và cải cách thị trường của họ.

Chủ ý chính trị để hợp pháp hoá các tài sản của những người nghèo đã được tôn thờ trong luật Mĩ Latin gần hai thế kỉ nay. Hiến pháp đầu tiên của Peru, được viết năm 1824, đúng hai năm sau độc lập khỏi Tây Ban Nha, đã tuyên bố rõ ràng rằng những người nghèo, khi đó hầu hết là thổ dân Peru, là chủ hợp pháp của đất của mình.Tuy nhiên khi trở nên hiển nhiên là các tầng lớp ưu tú của Peru đã dần

dần tước quyền chiếm hữu của những người nghèo bản xứ, thì chính phủ đã ban hành trong nhiều năm một loạt các luật tái khẳng định ý định của hiến pháp Peru. Chẳng cái nào trong số đó hoạt động cả. Những người bản xứ đã nhận được chế độ xác nhận chung rằng các tài sản của họ là của họ một cách hợp pháp. Cái mà họ đã không nhận được là các cơ chế cho phép họ cố định các quyền về kinh tế của các tài sản của họ trong những biểu diễn được pháp luật bảo vệ.

Lí do bây giờ thật rất rõ: Ở Peru (và nhiều nước ngoài-Phương Tây), các thủ tục pháp lí để tạo ra quyền sở hữu chính thức không được hướng tới để xử lí các bằng chứng ngoài pháp luật của quyền sở hữu những cái thiếu bất kể chuỗi mắt xích nào của chứng thư sở hữu – những cái, tất nhiên, là loại bằng chứng duy nhất mà những người nghèo có được. Luật hiện hành cũng chẳng thể theo dõi và ghi chép lại những thay đổi tiếp theo trong chứng thư sở hữu của một tài sản khi các giao dịch tiếp tục thay đổi các mối quan hệ sở hữu với thời gian. Như chúng ta đã thấy ở Chương 2, ngày nay, trong các điều kiện tốt nhất, với các bản đồ hiện đại, máy tính, và các tổ chức nhân quyền đứng cạnh, và với tất cả ý định tốt nhất trên đời, các thủ thục để ghi chép các chứng thư sở hữu và những thay đổi đối với chúng có thể tốn mất hai mươi năm. Từ những chứng cớ mà chúng tôi đã khám phá ra, dường như những thổ dân Peru ở thế kỉ mười chín đã đối mặt với những sự chậm trễ không khá hơn và có lẽ tồi hơn. Đối với người dân đứng trước những trở ngại như vậy, thì việc tạo ra các qui tắc ngoài pháp luật để bảo vệ các tài sản của họ đã là việc hợp lí duy nhất để làm.

Khi đã trở nên rõ ràng rằng các luật bắt buộc đã không giúp những người dân bản xứ Peru cụ thể hoá các quyền của họ, giới ưu tú kinh tế đã lại hành động nhanh chóng, tưởng tượng ra các mánh khoé và mưu mẹo mới để lách chủ ý của các luật. Ở nơi các chứng thư sở hữu chính thống không tồn tại, những người có mối quan hệ tốt và các luật sư của họ bắt đầu sáng chế ra chúng, làm lại các chứng cớ hồ sơ và khiến các nhà chức trách địa phương và công chứng cấp các chứng thư sở hữu hợp pháp có lợi cho họ (*títulos supletorios*, như chúng được gọi). Một lần nữa giới ưu tú lại tước đoạt quyền chiếm hữu của những người bản xứ Peru hoặc buộc họ bán với giá rẻ. Chính phủ, thay cho việc khảo sát vì sao mà những người nghèo đã

không có khả năng sử dụng luật một cách hữu hiệu, lại đã giả thiết rằng luật không có vấn đề mà vấn đề là những người nghèo là thấp kém một cách cố hữu. Như thế thay cho việc cải thiện luật, họ lại đã kéo một số người nghèo ra và xây dựng những bức tường lửa xung quanh đất của họ. Năm 1924, Peru đã ban hành một luật chính để bảo vệ thổ dân khỏi các thủ đoạn mánh khoé pháp lí tiếp nữa bằng cách dồn hàng ngàn người thổ dân vào các cộng đồng nông nghiệp nông thôn ở nơi chuyển nhượng các quyền về đất đã bị cấm một cách dứt khoát. Trong cách bảo vệ thổ dân khỏi giới ưu tú có mưu đồ và mánh khoé lừa bịp, thì họ, mặc dù không chủ ý, cũng đã tước đoạt các công cụ cơ bản của thổ dân để tạo tư bản.

Các vùng đất này, tuy vậy, chỉ có thể chứa một phần nhỏ của dân cư thổ dân. Vào cuối các năm 1960 và đầu các năm 1970, đa số những người còn lại vẫn dễ bị tổn thương và bất hạnh và, vì vậy, là một giai tầng bất ổn tiềm tàng, đặc biệt với sự nổi lên đột ngột của các phong trào cánh tả mạnh và được tổ chức tốt. Để tháo ngòi nổ của mối đe doạ mới này, chính phủ Peru, giống như các chính phủ của nhiều nước Thế giới Thứ ba, đã tiến hành các chương trình cải cách nông nghiệp chiếm đoạt hàng loạt đất từ các trang trại lớn và các trại chăn nuôi (*haciendas*) để lập ra hơn sáu trăm hợp tác xã nông nghiệp do chính phủ quản lí cho những người nông dân. Lại một lần nữa mục đích là cao thượng: đảm bảo chắc chắn rằng những người thổ dân có tiếp cận đến bất động sản. Cái thậm chí làm cho các nỗ lực này thành thất bại là nhiều người dân bản xứ đã không thích làm việc ở trong các bộ máy quan liêu được áp đặt. Họ phá vỡ các hợp tác xã thành các miếng đất tư nhỏ hơn và quay lại các dàn xếp ngoài pháp luật quen thuộc hơn và mềm dẻo hơn để bảo vệ các quyền mới được thiết lập của họ. Cái mà chính phủ đã không tính đến là khi người dân cuối cùng kiếm được tài sản, họ có ý tưởng riêng của mình về sử dụng và chuyển nhượng nó ra sao. Nếu hệ thống pháp lí không tạo thuận tiện cho các nhu cầu và khát vọng của nhân dân, thì họ sẽ thoát hàng loạt ra khỏi hệ thống.

Lịch sử Peru cung cấp một bài học quan trọng cho những nhà cải cách thuộc mọi loại chính kiến. Các chương trình của chính phủ cấp đất đai cho những người nghèo đã đều thất bại trong suốt 150 năm bất luận họ thiên theo cánh hữu (các quyền sở hữu tư nhân thông qua luật bắt buộc) hoặc cánh tả (bảo vệ đất của những người nghèo trong các hợp tác xã do chính phủ điều hành). Các chương trình hành động chính trị méo mó về "tả đối lập với hữu" nhìn chung chẳng liên quan gì tới các nhu cầu của hầu hết người dân ở các nước đang phát triển. Những người dân này thoát ra khỏi luật không phải bởi vì luật đã tư nhân hoá hoặc tập thể hoá họ, mà đơn giản là bởi vì luật không đề cập cái mà họ muốn. Những mong muốn của họ có thể thay đổi. Đôi khi họ cần kết hợp các quyền sở hữu của mình và đôi khi họ cần chia chúng ra. Nếu luật không giúp họ, thì họ sẽ tự giúp mình ở bên ngoài luật. Cái đặc trưng cho những kẻ thù của quyền sở hữu và tạo tư bản ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản không phải là liệu họ theo cánh tả hay cánh hữu, mà là phải chăng họ là những người bạn của hiện trạng. Các chính phủ ở các nước đang phát triển cần phải chấm dứt vương vấn với những định kiến của những người Phương Tây lo âu về sự tàn bạo của việc khoanh vùng và tạo quyền sở hữu ở Anh Quốc hàng thế kỉ trước hoặc sự chiếm đoạt vấy máu những người tổ dân Mĩ ở khắp Bắc Mĩ. Những món nợ đạo đức ấy phải được trả ở Phương Tây, chứ không phải ở nước ngoài. Cái mà các chính phủ ở các nước đang phát triển phải làm là lắng nghe những con chó sủa ở các cộng đồng riêng của họ và tìm ra cái mà luật của họ phải tuyên bố. Chỉ khi đó người dân sẽ chấm dứt sống ngoài pháp luật.

Luật chính thức ngày càng mất tính hợp pháp của nó do người dân tiếp tục tạo quyền sở hữu ngoài tầm với của nó. Số liệu của chúng tôi từ nước ngoài đã chỉ ra rằng từ các năm 1960 đến các năm 1990, khu vực ngoài pháp luật đã tăng lên lớn hơn không chỉ ở Peru mà cả ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản khác. Đoán chừng là sự thất bại của luật bắt buộc đã không chỉ là một hiện tượng của Peru, năm 1994 tôi đã tụ tập một nhóm nghiên cứu đặc biệt để tìm xem nếu trong ba mươi năm qua các tổ chức tài chính quốc tế đã báo cáo thực hiện bất kể chương trình "chính thức hoá, hình thức hoá" nào thành công và hàng loạt không ở Thế giới Thứ ba – một chương

trình trong đó tất cả các tài sản được biểu diễn một cách thích hợp và được tích hợp vào một hệ thống để tạo tư bản. Bất chấp hàng tháng trời xem xét sàng lọc có phương pháp các hồ sơ của Bộ Ngân khố Hoa Kì và các tổ chức quốc tế, chúng tôi chẳng tìm thấy gì thậm chí có một chút xíu giống với thành công của các quốc gia tiên tiến.

Cái mà chúng tôi thực đã tìm thấy là trong vòng bốn thập kỉ qua nhiều chính phủ đã bắt đầu nhiều chương trình như vậy bằng cách dành riêng hàng tỉ đôla để tài trợ cho hàng loạt hoạt động liên quan đến quyền sở hữu như đo đạc, vẽ bản đồ, và các hệ thống hồ sơ tin học hoá. Các đề án này có hai nét đặc trưng chung: Một số lượng đặc biệt nhiều của chúng bị bỏ dở sớm do kết quả kém ("rất nhiều bản đồ và máy tính, nhưng ít chủ sở hữu chính thức mới" một giám đốc đề án chính phủ đã báo cáo ở Brazil); và với ngoại lệ của một số chương trình cấp giấy chứng nhận đất đai nông thôn ở Thái Lan, chẳng nỗ lực nào trong số những nỗ lực này đã thành công trong việc chuyển các tài sản ngoài pháp luật thành các tài sản hợp pháp. Chúng tôi chắc chắn chẳng tìm thấy bằng chứng nào rằng các tài sản được chuyển thành tư bản.

Phải chăng như thế bởi vì các chính phủ đã không quan tâm thực sự? Chắc hẳn là không. Ở Peru, thí dụ, chính phủ đã cố thử hình thức hoá, chính thức hoá quyền sở hữu ít nhất hai mươi hai lần trong bốn trăm năm kể từ khi Tây Ban Nha xâm chiếm. Tỉ lệ thành công của họ: zêrô, một con số không! Chúng tôi đã hỏi các nhà chức trách cấp quyền sở hữu của các nước đang phát triển khác và đã nhận được những trả lời tương tự: Các chương trình lớn đã thất bại hoặc đã chỉ có một tác động không đáng kể. Lại một lần nữa, và rất có ý nghĩa, chẳng ai mà chúng tôi đã trò chuyện với ở các nước ấy có thể nhận là đã có số lượng đáng kể của các chứng thư quyền sở hữu đã được cấp có thể thay thế lẫn nhau và được cố định theo cách để trở thành một phần của một mạng lưới được tích hợp ở nơi sự tạo thành tư bản có thể xảy ra.

Bằng chứng là quá mạnh, quá áp đảo: Bất luận các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản đã nỗ lực đến thế nào, bất kể chủ ý của họ tốt đến đâu, vẫn còn khoảng cách khổng lồ giữa cái mà luật bất

buộc đòi hỏi và cái cần phải làm để cho luật hoạt động. Luật bắt buộc là chưa đủ. Như Andrzej Rapaczynski đã chỉ ra:

> Quan điểm rằng đơn giản lập ra một chế độ pháp lí thích hợp sẽ thiết lập một tập các quyền sở hữu những cái có thể ủng hộ một hệ thống kinh tế hiện đại là hết sức khó tin, bởi vì hầu hết các quyền sở hữu chỉ có thể thực thi một cách không đáng kể bởi hệ thống pháp luật. Cốt lõi của thể chế quyền sở hữu là một vấn đề của các tập quán xã hội và kinh tế không bị nghi ngờ và chủ yếu vô thức, những cái phải có nguồn gốc trong những tiến triển phi-luật pháp. Đây là vấn đề Hobbesian cũ: khi hầu hết mọi người tuân thủ luật, chính phủ có thể thực thi luật một cách hữu hiệu và [tương đối] rẻ chống lại số ít cá nhân vi phạm luật. Nhưng khi sự tuân thủ luật bị vi phạm ở mức độ đủ lớn, không nhà chức trách nào là đủ mạnh để kiểm soát tất cả mọi người. Trong tình trạng như vậy, với sự thực thi trở thành ngày càng kém hiệu quả, các cá nhân có một khuyến khích để theo đuổi những lợi ích riêng của mình, bất chấp bất kể các ràng buộc trên giấy nào.[5]

Suốt lịch sử gần đây, các nước đang phát triển và nguyên cộng sản đã không thiếu ý chí chính trị, ngân sách, các tuyên bố quốc tế, hoặc luật bắt buộc được thảo ra với mục đích rõ ràng để cấp các quyền tài sản cho đại đa số công dân. Vấn đề là khi các chính phủ bắt đầu đảm bảo các quyền sở hữu của những người nghèo, thì họ ứng xử giả như họ du hành ở nơi có một chân không về quyền sở hữu, giả như họ đáp xuống mặt trăng. Họ cho rằng tất cả cái mà họ phải làm là lấp đầy chân không quyền sở hữu này bằng luật bắt buộc. Trong hầu hết các trường hợp, tuy vậy, không có chân không. Người dân đã nắm giữ một khối lượng tài sản khổng lồ thông qua những dàn xếp ngoài pháp luật. Mặc dù các tài sản của những người nghèo có thể nằm ngoài luật chính thống, các quyền của họ đối với các tài sản ấy tuy thế được điều chỉnh bởi các khế ước xã hội do chính họ làm ra. Và khi luật bắt buộc không hợp với các qui ước ngoài pháp luật này, các bên của các qui ước ấy sẽ bực tức và từ chối sự xâm nhập [của luật bắt buộc].

Để Luật Bén rễ vào Khế ước Xã hội

Các khế ước xã hội về quyền sở hữu làm cơ sở cho hầu như tất cả các hệ thống quyền sở hữu và là phần của thực tại ở mọi nước, ngay cả ở Hoa Kì ngày nay.[6] Như Richard Posner nhắc nhở chúng ta, quyền sở hữu được xây dựng mang tính xã hội.[7] Điều này có nghĩa là những dàn xếp quyền sở hữu hoạt động tốt nhất khi người dân đã tạo ra một sự đồng thuận về quyền sở hữu của các tài sản và các qui tắc cai quản việc sử dụng và chuyển nhượng chúng. Bên ngoài Phương Tây, các khế ước xã hội thịnh hành có lí do chính đáng của nó: Chúng được sử dụng tốt hơn nhiều so với luật chính thức để xây dựng sự đồng thuận thực sự giữa những người dân về việc các tài sản của họ phải được cai quản ra sao. Bất kể cố gắng nào để tạo ra một hệ thống quyền sở hữu thống nhất mà không tính đến các khế ước tập thể, những cái trụ đỡ cho những dàn xếp quyền sở hữu hiện hành, sẽ đâm sầm vào chính gốc rễ của các quyền mà hầu hết người dân dựa vào để nắm giữ tài các sản của họ. Các nỗ lực để cải cách các quyền sở hữu thất bại bởi vì các quan chức chịu trách nhiệm soạn thảo các qui tắc pháp luật mới không nhận ra rằng hầu hết các công dân có các qui tắc riêng được thiết lập một cách vững chắc của họ bởi các khế ước xã hội.

Quan niệm rằng các khế ước xã hội làm nền tảng cho các luật thành công truy nguyên suốt về đến tận Plato, người đã nghĩ rằng sự hợp pháp phải dựa trên một loại khế ước xã hội nào đó. Ngay cả Immaunel Kant, trong phát biểu của mình chống lại Locke, đã viết rằng một khế ước xã hội phải có trước quyền sở hữu thực; tất cả các quyền sở hữu xuất phát từ sự công nhận xã hội về tính hợp pháp của một yêu sách. Để là hợp pháp, một quyền không nhất thiết phải được định nghĩa bằng luật chính thức; một nhóm người ủng hộ mạnh mẽ một qui ước cá biệt nào đó là đủ để nó có thể được xác nhận như một quyền và được bảo vệ chống lại luật chính thức.

Đó là lí do vì sao luật quyền sở hữu và các chứng thư sở hữu được áp đặt mà không tham khảo các khế ước xã hội hiện hành lại liên lục thất bại: Chúng thiếu tính hợp pháp. Để nhận được tính hợp pháp, chúng phải kết nối với các khế ước xã hội ngoài pháp luật những cái xác định các quyền sở hữu hiện hành. Vấn đề, tất nhiên, là những khế

ước xã hội này tản mác khắp hàng trăm quyền phán xử ngoài pháp luật nằm rải rác ở các làng mạc và vùng lân cận thành phố. Cách có hệ thống duy nhất để tích hợp những khế ước xã hội này vào một hệ thống quyền sở hữu chính thức là xây dựng một cơ cấu pháp lí và chính trị, một chiếc cầu, nếu bạn muốn, móc níu rất khéo vào những dàn xếp ngoài pháp luật riêng của người dân, sao cho họ vui lòng đi qua nó để bước vào khế ước xã hội chính thức, mới, và bao trùm toàn diện này. Nhưng chiếc cầu này phải vững chắc đến mức nó không thể gãy và xua mọi người chạy tán loạn trở lại với những dàn xếp ngoài pháp luật, một chiếc cầu rộng đến mức chẳng ai rơi khỏi nó. Đó là cách, qua hàng trăm năm, Phương Tây đã làm. Harold Berman nhắc nhở chúng ta:

> Việc hệ thống hoá luật trong phạm vi các cộng đồng khác nhau… đã có thể chỉ bởi vì trước đó đã hình thành một cơ cấu phi chính thức về các quan hệ pháp lí ở các cộng đồng ấy rồi…Truyền thống pháp lí Phương Tây đã phát sinh ra, trong quá khứ, từ cơ cấu của các mối quan hệ qua lại về xã hội và kinh tế trong phạm vi và giữa các nhóm trong dân chúng. Các hình mẫu ứng xử của mối tương quan thu được các kích cỡ, chiều chuẩn tắc: việc sử dụng đã chuyển thành thói quen… và phong tục chuyển thành luật.[8]

Xây dựng một chiếc cầu pháp lí và chính trị từ các khế ước xã hội nằm rải rác trong dân chúng vào một luật quốc gia là cái Eugen Huber đã làm ở Thuỵ Sĩ vào giao điểm của thế kỉ hai mươi. Huber đã chỉnh sửa các học thuyết Roman của luật Thuỵ Sĩ cho phù hợp với các tập quán, qui tắc, và cách ứng xử tản mác khắp các thành phố, thị trấn, và trang trại của đất nước ông. Ông đã tập hợp tất cả các qui ước về quyền sở hữu vào một luật đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của người dân sống phù hợp với các tiêu chuẩn địa phương những cái mà họ đã quen thuộc. Huber đã thích trích dẫn một ngạn ngữ Đức cổ, "*Das Gesetz muss aus dem Gedanken des Volkes gesprochensein*", được phỏng dịch là, "Luật phải đến từ kí ức cửa miệng của nhân dân". Luật Mĩ, như chúng ta đã thấy ở Chương 5, cũng tôn trọng như

thế đối với các khế ước xã hội hiện hành. Sức mạnh của nó đã không phải là giáo lí hoặc sự nhất quán chuyên nghiệp vốn có mà là sự hữu dụng của nó trong tay các nhà chức trách, những người đã muốn chuyển các tài sản chưa được phát triển thành các tài sản có hiệu quả.

Quá độ chuyển tiếp từ các quan hệ ngoài pháp luật sang quyền sở hữu chính thức thống nhất ở các quốc gia tiên tiến đã không được xây bằng không khí loãng. Việc hệ thống hoá các luật, những cái trụ đỡ cho các hệ thống quyền sở hữu hiện đại, đã là có thể chỉ bởi vì các nhà chức trách đã cho phép các mối quan hệ ngoài pháp luật đã tồn tại trước giữa các nhóm dân chúng đôi lúc thay thế cho các luật chính thức: “Luật phát sinh cả từ dưới lên từ các cơ cấu và tập quán của toàn xã hội”, Berman viết, “và cả từ trên xuống từ các chính sách và các giá trị của những người cai trị xã hội. Luật giúp tích hợp cả hai”.[9]

Bằng cách làm cho luật quyền sở hữu chính thức bén rễ vào các khế ước xã hội những cái mà người dân đã cam kết rồi, các chính phủ Phương Tây đã đạt được sự chấp nhận rộng rãi của dân chúng cần thiết để vượt qua bất kể sự kháng cự nào. Kết quả là một hệ thống pháp luật cho quyền sở hữu. Khi hệ thống ấy đã có, họ đã có khả năng bắt đầu tích hợp các quy ước tản mác vào một khế ước xã hội quốc gia. Và ở nơi một thời chỉ có chủ ngôi nhà và hàng xóm của anh ta mới có thể xác nhận phải chăng ngôi nhà thuộc về anh ta, với sự hiện diện của quyền sở hữu chính thức cả quốc gia đã biết anh ta là chủ. Các chứng thư quyền sở hữu chính thức đã cho phép người dân di chuyển những thành quả lao động của họ từ một dải hẹp của sự hợp thức hoá sang dải của một thị trường rộng mở. Các quốc gia Phương Tây như thế đã bố trí thiết bị năng lượng để cấp nguồn cho một thị trường hiện đại và hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Chuyển sự công nhận quyền sở hữu từ các dàn xếp địa phương sang một trật tự lớn hơn của các mối quan hệ kinh tế và xã hội đã làm cho cuộc sống và công việc kinh doanh dễ dàng hơn nhiều. Người dân không còn phải dựa vào làm chính trị thiển cận phiền toái để bảo vệ các quyền của họ đối với các tài sản. Quyền sở hữu chính thức đã giải phóng họ khỏi những dàn xếp địa phương tốn kém thời gian vốn gắn với các xã hội đóng kín. Bây giờ họ có thể kiểm soát các tài sản của mình. Thậm chí tốt hơn, với các biểu diễn thoả đáng trong tay, họ có thể tập trung vào khả năng kinh tế từ các tài sản của

mình. Và bởi vì bất động sản và doanh nghiệp của họ bây giờ có thể được định vị dễ dàng và được nhận diện trên toàn quốc, những người chủ mất sự ẩn danh của mình và trở nên có trách nhiệm giải trình. Dần dần, các cơ chế này của quyền sở hữu hợp pháp làm cho các thị trường mở rộng và việc tạo tư bản với số lượng khổng lồ người tham gia trở thành hiện thực.

Tính Vững chắc của các Khế ước Xã hội Tiền Tư bản

Các khế ước xã hội ngoài pháp luật đang thịnh hành ở các nước đang phát triển ngày nay là một nền tảng đủ vững để tạo ra luật chính thức? Không nghi ngờ gì. Có cả núi bằng chứng rằng các quan chức chính phủ đồng ý theo các khế ước xã hội ngoài pháp luật một cách ngầm định hoặc rõ ràng khi họ hoạt động trong khu vực tư bản hoá thấp. Các báo cáo của các tổ chức tài trợ quốc tế dẫn chiếu liên tục, mặc dầu một cách quanh co, đến các qui ước ngoài pháp luật. Làm thế nào các chính phủ đã phát triển các dự án nông nghiệp và đô thị trong các khu vực nghèo nhất của đất nước họ mà không đi đến thoả thuận với các tổ chức hưởng lợi ngoài pháp luật? Sự thực là các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế giúp các khu định cư chiếm đất sử dụng các dịch vụ công cộng (đường sá, điện, nước, và trường học), bất chấp luật quyền sở hữu, là một sự công nhận ngầm định của những dàn xếp quyền sở hữu ngoài pháp luật. Như Robert Cooter và Thomas Ulen đã lưu ý, "các điều khoản [của các quyền sở hữu] thường là có hiệu lực hơn khi người dân đồng ý với chúng so với khi nhà làm luật áp đặt chúng".[10]

Các khế ước xã hội ngoài pháp luật dựa trên một tổ hợp của các tập quán, những tuỳ hứng nhất thời, và các qui tắc được vay mượn có chọn lọc từ hệ thống pháp luật chính thống. Do thiếu vắng sự bảo vệ pháp lí từ nhà nước ở hầu hết các quốc gia đang phát triển, chính luật ngoài pháp luật là cái điều chỉnh các tài sản của hầu hết công dân. Điều này có thể nghe như nghịch tai hoặc thậm chí có tính phá hoại đối với các độc giả Phương Tây những người đi đến tin rằng chỉ có

một luật để tuân theo. Nhưng kinh nghiệm thăm viếng và làm việc của tôi ở hàng chục quốc gia đang phát triển đã làm rõ cho tôi rằng các luật hợp pháp và ngoài pháp luật cùng tồn tại ở tất cả các quốc gia ấy. Như Margaret Gruter diễn đạt một cách súc tích:

> Luật không… đơn thuần là một tập của các qui tắc được nói ra, viết ra hoặc được hình thức hoá, cái mà người dân tuân theo một cách mù quáng. Thay vào đó, luật biểu diễn sự hình thức hoá của các qui tắc ứng xử, mà một tỉ lệ cao dân chúng đồng ý về chúng, những cái phản ánh các thiên hướng ứng xử và cung cấp những lợi ích tiềm tàng cho những người tuân theo chúng. (Khi người dân không nhận ra hoặc không tin vào những lợi ích tiềm tàng này, thì các luật thường bị coi nhẹ hoặc không được tuân theo).[11]

Một học giả về pháp luật đã lưu ý rằng "sự tín nhiệm hiện đại [của Phương Tây] vào chính phủ để làm luật và thiết lập trật tự không phải là tiêu chuẩn lịch sử".[12] Các luật khác nhau trong phạm vi một quốc gia chẳng phải là gì mới. Đa nguyên pháp lí đã cai trị Châu Âu lục địa cho đến khi luật Roman [La Mã] được tái phát hiện ra ở các thế kỉ mười ba và mười bốn và tất cả các chiều hướng luật đã dần dần được đưa vào một hệ thống được phối hợp.

Vậy thì chúng ta chẳng cần ngạc nhiên để thấy rằng các hoạt động ngoài pháp luật ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản hiếm khi bừa bãi. Trong quá trình cấp chứng thư quyền sở hữu chính thức cho hàng trăm ngàn chủ gia đình và chủ doanh nghiệp ở Peru, tổ chức của tôi đã chẳng bao giờ thấy một nhóm ngoài pháp luật không tuân thủ với các qui tắc đồng thuận được thiết kế tốt. Mỗi lần chúng tôi đi thăm một khu vực được tư bản hoá thấp, bất luận ở Châu Á, Châu Mĩ, hoặc Trung Đông, chúng tôi đã chẳng bao giờ gặp phải sự hoang dã. Bằng cách quan sát cẩn thận, chúng tôi đã luôn có khả năng phân biệt các hình mẫu của các qui tắc. Trong trường hợp xấu nhất, chúng tôi đã thấy một miếng vườn thiếu chăm sóc – chứ chẳng bao giờ thấy một rừng rậm.

Giống như các khu vực ngoài pháp luật Phương Tây trước đây, các khu vực được tư bản hoá thấp ở các nước Thế giới Thứ ba và

nguyên cộng sản đã tạo ra một cách tự phát những biến thể riêng của chúng về các qui tắc quyền sở hữu. Để bảo vệ các quyền sở hữu mới chớm nở của họ khỏi những người khác, họ đã buộc phải tự phát triển lấy các định chế ngoài pháp luật của riêng họ. Hãy nhớ, không phải đầu óc của riêng bạn là cái cho bạn những quyền riêng biệt nào đó trên một tài sản cụ thể, mà chính là đầu óc của những người khác nghĩ về các quyền của bạn theo cách như bạn nghĩ. Những cái đầu này vô cùng cần đến nhau để bảo vệ và kiểm soát các tài sản của họ. Hơn thế nữa, người dân cần làm các khế ước xã hội thậm chí còn mạnh hơn luật chính thức để né tránh những kẻ xâm nhập, đặc biệt là chính phủ. Bất kể ai nghi ngờ sức mạnh của các khế ước xã hội chỉ cần thách thức một số của những quyền ngoài pháp luật này. Sự kháng cự sẽ là hết sức mãnh liệt.

Những dàn xếp ngoài pháp luật đã trở nên phổ biến một cách đáng kinh ngạc hơn bốn mươi năm qua. Những tin về "khu vực ngoài pháp luật mọc lên như nấm" xem ra bình thường như kết quả bóng đá trên các báo ở hầu như mọi thành phố Thế giới Thứ ba. Lí do là luật chính thức đã không có khả năng làm cho phù hợp với những thoả thuận ngoài pháp luật diễn tiến rất nhanh. Trong bất động sản, thí dụ, các khế ước xã hội nảy sinh không chỉ từ việc chiếm đất rành rành bởi những người di cư mà cũng từ sự yếu kém của các chương trình xây dựng nhà ở và cải cách đô thị hoặc nông nghiệp, từ sự xấu đi dần dần của các chương trình kiểm soát thuê mướn, và việc mua hoặc cho thuê đất bất hợp pháp để xây nhà ở và nhà xưởng cho mục đích công nghiệp. Hầu hết các khế ước xã hội được làm cho thuận tiện bởi các tác nhân tích cực: "những nhà môi giới bất động sản" có động cơ thương mại, chính trị hoặc tôn giáo, những người hoặc có cái gì đó để nhận được từ các giao dịch này hoặc có cử tri để bảo vệ. Mẫu số chung giữa các khách hàng của họ là họ không thể trả các chi phí của việc nhận quyền sở hữu một cách hợp pháp. Trong một số nước mà tôi đã viếng thăm, các bộ phận của các lực lượng vũ trang chỉ định các sĩ quan để nhận bất động sản một cách ngoài pháp luật như các khu ở cho các hạ sĩ quan. Còn ngạc nhiên hơn, tôi đã thấy các nhà chức trách thành phố chịu trách nhiệm về cấp chứng thư quyền sở hữu bất động sản và về hoạt động đăng kí đi tổ chức chiếm đất phi-chính thức để cấp cho các thành viên của mình kha khá đất để làm

nhà. Một khu định cư chiếm đất lớn mà tôi mới đi thăm đã được khởi xướng bởi bản thân hội đồng thành phố để cung cấp nhà cho khoảng 7.000 gia đình nhân viên của chính quyền. Ở một nước khác, một tờ báo địa phương, bị bằng chứng của chúng tôi về nắm giữ bất động sản ngoài pháp luật tràn lan gây tò mò, đã tiến hành kiểm tra xem liệu dinh thự chính thức của nguyên thủ quốc gia có chứng thư quyền sở hữu không? Không có! Tờ báo đó đã nói đùa rằng các luật của quốc gia được ban hành từ một địa điểm ngoài pháp luật.

Một khi các quyền đối với đất đã được tạo ra một cách ngoài pháp luật, những người liên quan tạo ra các định chế để quản lí khế ước xã hội mà họ đã xây dựng: Các doanh nghiệp phi-chính thức và các tổ chức dân cư gặp nhau thường xuyên, ra các quyết định, nhận và giám sát đầu tư hạ tầng, theo dõi thủ tục hành chính, và cấp phát giấy uỷ nhiệm. Điển hình họ có các trụ sở nơi có thể thấy các bản đồ và sổ cái với những hồ sơ về quyền sở hữu. Nét nổi bật nhất của các định chế này, ở khắp thế giới, là khát vọng của họ để được tích hợp vào khu vực chính thức. Trong các khu đô thị, các toà nhà và các doanh nghiệp ngoài pháp luật tiến triển với thời gian cho đến khi chúng chẳng phân biệt mấy so với quyền sở hữu hoàn toàn hợp pháp. Trong tất cả các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản mà tôi đã thăm, có một ranh giới dài tách biệt cái hợp pháp khỏi cái ngoài pháp luật. Dọc theo nó, có các điểm kiểm tra nơi các tổ chức ngoài pháp luật liên hệ với các quan chức chính quyền, ở nơi các tổ chức ngoài pháp luật đấu tranh để nhận được sự chấp thuận chính thống và các quan chức cố gắng đạt một vẻ bề ngoài của trật tự.[13] Thường, các tổ chức ngoài pháp luật sẽ phải tìm ra cách để cùng tồn tại với một số giai tầng của chính phủ, có lẽ ở cấp thành phố hay địa phương. Hầu hết các nhóm cố thương lượng một địa vị thích hợp về pháp lí để bảo vệ các quyền của mình, trong khi những nhóm khác đã đạt được một loại thoả thuận nào đó làm ổn định vị thế của họ ở ngoài luật chủ đạo. Có một manh mối khác chỉ ra sự thực rằng những người ngoài pháp luật muốn đi vào để khỏi bị cô lập: Những người lãnh đạo có tài thuyết phục và khéo xã giao mà họ chọn đi thương thuyết nhân danh họ chẳng hề hợp với hình mẫu [thô thiển của] ông trùm đường phố chút nào.

Lắng nghe Chó sủa

Hầu hết các chính phủ của các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản có lẽ sẵn sàng công nhận rằng lí do vì sao các khu vực ngoài pháp luật của họ đang tăng nhanh theo hàm số mũ không phải bởi vì người dân đột nhiên đã từ bỏ sự tôn trọng của họ với luật pháp, mà bởi vì họ không có lựa chọn khả dĩ nào khác để bảo vệ quyền sở hữu và để kiếm sống. Một khi các chính phủ đã chịu chấp nhận sự thực này của cuộc sống hiện đại, họ sẽ phải đi đến thoả thuận. Mặc dù những người ngoài pháp luật đã sẵn sàng đi qua cầu rồi để sang với sự công nhận pháp lí, họ sẽ chỉ làm vậy nếu chính phủ của họ làm cho chuyến đi được dễ dàng, an toàn, và rẻ tiền. Những người chủ tài sản trong khu vực ngoài pháp luật đã được tổ chức tương đối tốt rồi; họ cũng là những người "tuân theo luật", mặc dầu các luật mà họ tuân theo không phải là luật của chính phủ. Chỉ tuỳ thuộc vào chính phủ để tìm ra những dàn xếp ngoài pháp luật này là gì và sau đó tìm cách tích hợp chúng vào hệ thống quyền sở hữu chính thức. Nhưng họ sẽ không có khả năng làm điều đó bằng cách thuê các luật sư ở các văn phòng cao ngất ở Delhi, Jarkarta, hoặc Moscow để thảo các luật mới. Họ phải đi ra phố, ra đường và lắng nghe chó sủa.

Luật thịnh hành ngày nay ở Phương Tây đã không đến từ các bộ sách phủ đầy bụi hoặc từ các sách luật chính thức của chính phủ. Nó là một thực thể sống, được sinh ra trong thế giới thực và được nuôi dưỡng bởi người dân bình thường khá lâu trước khi nó rơi vào tay của các luật sư chuyên nghiệp. Luật phải được khám phá ra trước khi nó có thể được hệ thống hoá. Như học giả luật học Bruno Leoni nhắc nhở chúng ta:

> Những người Roman và người Anh đã chia sẻ ý tưởng rằng luật là cái gì đó phải *được phát hiện ra* hơn là phải *được ban hành* và rằng chẳng ai có uy quyền trong xã hội đến mức ở vào vị thế để đồng nhất hoá ý chí riêng của mình với luật của đất nước. Nhiệm vụ "phát hiện ra" luật đã được giao phó ở hai đất nước này cho luật gia tư vấn và cho các thẩm phán một cách tương ứng – hai loại

người có thể so sánh, ít nhất ở một mức độ nào đấy, với các chuyên gia khoa học ngày nay.[14]

"Phát hiện ra luật" chính xác là cái mà các đồng nghiệp của tôi và tôi đã làm ở nhiều nước khác nhau suốt mười lăm năm qua như một bước đầu tiên để giúp các chính phủ ở các nước đang phát triển xây dựng các hệ thống quyền sở hữu chính thức bao quát mọi người dân của họ. Khi bạn dẹp các hình mẫu do Hollywood tạo ra về những người Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản như hỗn hợp sặc sỡ của những người bán hàng rong, các du kích quân có ria mép rậm rì, và bọn gangster gốc Slav sang một bên, bạn sẽ thấy ít khác biệt giữa các nền văn hoá Phương Tây với nơi khác khi phải bảo vệ các tài sản và tiến hành kinh doanh. Sau hàng năm nghiên cứu ở nhiều nước, tôi đã tin chắc rằng hầu hết các khế ước xã hội về quyền sở hữu là căn bản giống các khế ước xã hội quốc gia ở các nước Phương Tây. Cả hai đều có chiều hướng chứa một số qui tắc rõ ràng hoặc ngầm định về ai có các quyền đối với cái gì, và về các giới hạn đối với các quyền ấy và các giao dịch; chúng cũng bao gồm các điều khoản để lập hồ sơ quyền sở hữu của tài sản, các thủ tục để thực thi các quyền sở hữu và các yêu sách, các biểu tượng để xác định các ranh giới nằm ở đâu, các qui phạm để quản lí các giao dịch, các tiêu chuẩn để xác định cái gì cần phải được chuẩn y và cái gì có thể được thực hiện mà không cần xin phép, những hướng dẫn để xác định những biểu diễn nào là hợp lệ, các công cụ để khuyến khích người dân thực hiện đúng các hợp đồng và tôn trọng luật, và các tiêu chuẩn để xác định mức độ ẩn danh được cho phép đối với mỗi giao dịch.

Bởi vậy, là hợp lí để cho rằng, người dân đã được chuẩn bị để nghĩ về các quyền sở hữu theo những cách rất giống nhau. Điều này chẳng phải là một sự ngạc nhiên lớn; các qui ước dân gian luôn luôn lan truyền bằng phép tương tự từ một địa điểm này sang địa điểm khác một cách tự phát. Hơn nữa, sự di cư hàng loạt của bốn mươi năm vừa qua, chưa kể đến cách mạng toàn cầu trong truyền thông, có nghĩa là chúng ta đang chia sẻ ngày càng nhiều giá trị và khát vọng hơn. (Những người thuộc Thế giới Thứ ba cũng xem TV; họ cũng đi xem phim, sử dụng điện thoại, và mong muốn con em mình được giáo dục tốt và thoát mù máy tính). Không thể tránh khỏi là các khế

ước xã hội ngoài pháp luật riêng rẽ trong cùng một nước sẽ giống nhau nhiều hơn là khác biệt.[15]

Vấn đề với các khế ước xã hội ngoài pháp luật là những biểu diễn quyền sở hữu của chúng không được hệ thống hoá một cách đầy đủ và không thay thế nhau được để có một dải rộng ứng dụng ngoài các tham số địa lí riêng của chúng. Các hệ thống quyền sở hữu ngoài pháp luật là ổn định và có ý nghĩa với những người là bộ phận của nhóm, nhưng chúng hoạt động ở các mức có hệ thống thấp và không có những biểu diễn cho phép chúng tương tác dễ dàng với nhau. Lại một lần nữa, điều này giống với quá khứ của Phương Tây khi các chứng thư quyền sở hữu chưa tồn tại. Trước thế kỉ thứ mười lăm ở Châu Âu, thí dụ, mặc dù đã có một số cơ sở đăng kí biệt lập ở một số phần của vùng mà ngày nay là nước Đức, hầu hết các qui tắc chính thống về các giao dịch quyền sở hữu tài sản phải tiến hành ra sao đã không được viết thành văn và được biết chỉ thông qua các truyền thống truyền miệng.

Nhiều người xem các nghi lễ và biểu tượng như những tiền thân biểu diễn của các chứng thư, cổ phần, và hồ sơ chính thức ngày nay. Theo triết gia và sử gia Anh thế kỉ mười tám David Hume, ở một số phần nhất định của Châu Âu trong thời đại của ông, những chủ đất đã trao các cục đá và đất cho nhau để làm vật kỉ niệm việc chuyển giao đất đai; các nông dân đã biểu tượng hoá việc bán lúa mì bằng cách trao cho nhau chìa khoá của kho nơi lúa mì được lưu giữ. Các bản viết trên giấy da làm bằng chứng cho các giao dịch quyền sở hữu về đất đai được ấn xuống đất một cách nghi lễ để biểu hiện sự thoả thuận. Tương tự, hàng thế kỉ trước ở đế quốc La Mã, Rome, luật Roman đã qui định rằng cỏ và cành cây đã phải được chuyển giao từ tay người này sang tay người khác để đại diện cho sự chuyển giao pháp lí của các quyền sở hữu. Cũng vậy, những người Nhật đã có những xác nhận mang tính nghi lễ của các giao dịch; thí dụ, ở vùng Gumma Kodzuke, trong thời đại Tokugawa từ thế kỉ thứ mười bảy đến thế kỉ thứ mười chín khi việc bán đất nông nghiệp bị luật cấm, các chủ đất đã chuyển nhượng các tài sản của họ dù sao đi nữa, xác nhận những thương vụ ngoài pháp luật này bằng các văn kiện thành văn được họ hàng của người bán và trưởng thôn niêm phong.

Dần dần, các hồ sơ thành văn đã được thu thập ở các sở đăng kí. Đã cần có thời gian trước khi những biểu diễn này được đưa vào dạng sách. Nhưng chỉ trong thế kỉ thứ mười chín thì các sở đăng kí quyền sở hữu khác nhau này và các khế ước xã hội điều chỉnh chúng mới được chuẩn hoá và được gom lại để tạo ra các hệ thống quyền sở hữu chính thức được tích hợp mà Phương Tây có ngày nay.

Các quốc gia nguyên cộng sản và Thế giới Thứ ba hiện đang là chính xác như Châu Âu, Nhật Bản và Hoa Kì đã là vài trăm năm trước. Giống như Phương Tây, họ phải nhận diện ra và gom những biểu diễn quyền sở hữu hiện hành bị tản mác khắp đất nước họ và đưa chúng vào một hệ thống được tích hợp để cho các tài sản của tất cả các công dân của họ có tính có thể thay thế nhau, có bộ máy quan liêu, và có mạng lưới cần thiết để tạo tư bản.

Giải Mã Luật Ngoài Pháp luật

Khi các đồng nghiệp của tôi và tôi đầu tiên đối mặt với nhiệm vụ tích hợp những dàn xếp quyền sở hữu tiền tư bản chủ nghĩa vào một hệ thống quyền sở hữu hình thức tư bản chủ nghĩa, Phương Tây đã là khát vọng của chúng tôi. Nhưng khi chúng tôi bắt đầu tìm kiếm thông tin về cách các quốc gia tiên tiến đã tích hợp những dàn xếp ngoài pháp luật của họ vào luật ra sao, đã chẳng có các kế hoạch nào để chúng tôi sử dụng. Việc các quốc gia Phương Tây đã nhận biết ra sao các loại bằng chứng ngoài pháp luật nào của quyền sở hữu là các mẫu số chung của một hệ thống quyền sở hữu chính thức được tiêu chuẩn hoá, đáng tiếc được ghi lại rất sơ sài. John Payne giải thích tình trạng ở Anh:

> Bằng chứng hình thức của chứng thư sở hữu như một phần của các giao dịch thương mại về đất đai rõ ràng là một phát triển muộn trong luật Anh, nhưng thông tin hiện thời là ít đến mức làm cho một giả thuyết như vậy đơn thuần chỉ có tính thăm dò. Một nguồn làm sử gia bực bội là, trong khi các sự kiện lớn được ghi chép chi tiết, người dân hiếm khi cảm thấy cần thiết để ghi lại

> bản kê khai những hoạt động dản dị hàng ngày mà họ tiến hành. Làm như vậy có vẻ như thừa và vô vị, bởi vì chẳng ai muốn bị nhắc nhở về những cái hiển nhiên. Vì vậy cái mà mọi người cho là hiển nhiên phải vậy ở một thời đại lại không được biết đến ở thời đại sau, và việc dựng lại các thủ tục bình thường đòi hỏi phải tỉ mẩn ráp các nguồn, được lưu lại cho một mục đích hoàn toàn khác, lại với nhau. Điều này chắc chắn là đúng với các tập quán của các luật sư chuyên thảo giấy chuyển nhượng tài sản, bởi vì, cho đến thế kỉ [mười chín] chúng ta chỉ có hiểu biết hạn chế về thực tế họ làm công việc của họ ra sao.[16]

Được hướng dẫn bởi ít hồ sơ lịch sử mà chúng tôi có thể tìm thấy và lấp các lỗ hổng bằng nghiên cứu thực nghiệm riêng của mình, chúng tôi đã lần mò đường đi của mình qua các thế giới ngoài pháp luật và cuối cùng chúng tôi đã học được cách tiếp xúc ra sao với các khế ước xã hội những cái tạo nền cho các quyền sở hữu ở đó. Khám phá ra những dàn xếp này chẳng có gì giống với tìm kiếm các bằng chứng của quyền sở hữu trong một hệ thống pháp lí chính thức, ở nơi có thể dựa vào một hệ thống lưu trữ hồ sơ đã nhiều năm tạo ra một dấu vết trên giấy, một "chuỗi xích chứng thư", cái cho phép tìm ra nguồn gốc của nó. Trong khu vực được tư bản hoá thấp, chuỗi xích chứng thư, may nhất, là mập mờ đối với người ngoài. Khu vực được tư bản hoá thấp không có, giữa những thứ khác, bộ máy đăng kí, lưu trữ và theo dõi hồ sơ, cái nằm ở trung tâm của một xã hội có thể thức. Cái mà những người dân trong khu vực được tư bản hoá thấp thật sự có là những sự hiểu biết mạnh mẽ, rõ ràng, và chi tiết giữa họ với nhau về ai sở hữu cái gì ngày hôm nay.

Vì vậy, cách duy nhất để tìm ra khế ước xã hội ngoài pháp luật về quyền sở hữu ở một khu vực cụ thể nào đó là tiếp xúc với những người sống và làm việc ở đó. Nếu quyền sở hữu giống như một cái cây, thì hệ thống quyền sở hữu hình [chính] thức là có tính lịch đại (diachronic), với ý nghĩa rằng nó cho phép lần theo vết để tìm ra nguồn gốc của mỗi chiếc lá từ nhánh của cành đến thân và cuối cùng đến gốc. Cách tiếp cận đến quyền sở hữu ngoài pháp luật phải là có tính đồng bộ: Cách duy nhất mà một người ngoài có thể xác định những quyền nào thuộc về ai là đi cắt lát cái cây ở một góc thích hợp

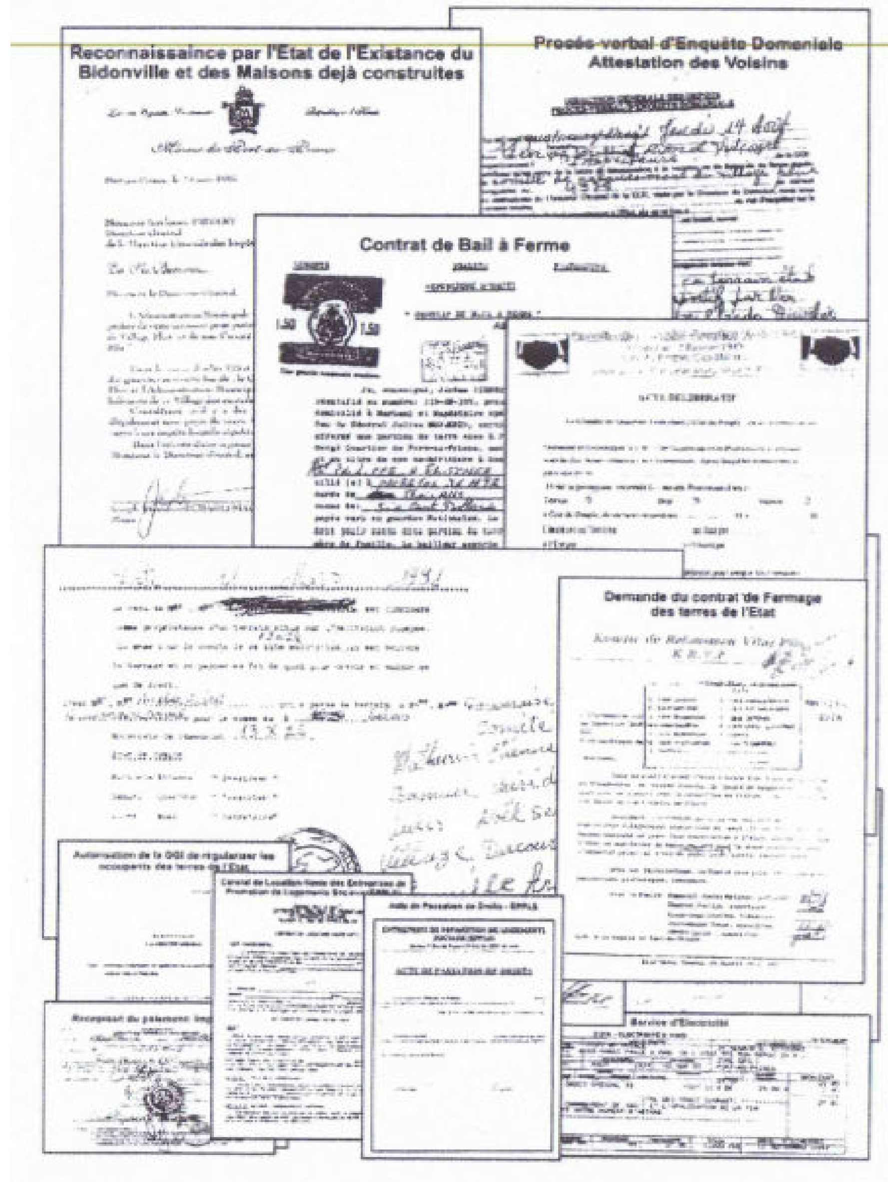
với thân cây để xác định trạng thái của mỗi cành và lá trong quan hệ với xung quanh của nó.

Để nhận được thông tin đồng bộ cần điều tra thực địa: đi trực tiếp đến các khu vực ở nơi quyền sở hữu không được đăng kí chính thức (hoặc được đăng kí và lập hồ sơ một cách tồi) và tiếp xúc với các nhà chức trách hợp pháp và ngoài pháp luật ở địa phương để tìm ra những dàn xếp quyền sở hữu là những gì. Điều này không khó như nó có vẻ vậy. Mặc dù các truyền thống truyền miệng có thể chiếm ưu thế ở những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh của một số nước, hầu hết người dân ở các khu vực đô thị được tư bản hoá thấp đã tìm ra những cách để biểu diễn quyền sở hữu của họ bằng văn bản theo các qui tắc mà họ tôn trọng và chính phủ, ở một số cấp, buộc phải chấp nhận.

Ở Haiti, thí dụ, không ai đã tin rằng chúng tôi sẽ tìm thấy các hồ sơ cố định những biểu diễn của các quyền sở hữu. Haiti là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới; 55 phần trăm dân số mù chữ. Tuy thế mà, sau một khảo sát chuyên sâu của các khu vực đô thị Haiti, chúng tôi đã không thấy một lô đất, lều, hoặc toà nhà ngoài pháp luật nào mà chủ của nó lại không có ít nhất một tài liệu để bảo vệ quyền của mình – ngay cả "các quyền chiếm đất" của anh ta. (Xem Hình 6.2 về một phần của các chứng thư sở hữu phi chính thức ở Haiti). Ở mọi nơi chúng tôi đã đến trên thế giới, hầu hết những người phi–chính thức đều có một số vật nhân tạo nào đó để biểu diễn và chứng minh cho yêu sách của họ đối với quyền sở hữu. Và chính trên cơ sở của những biểu diễn ngoài pháp luật này, cũng như các hồ sơ và các cuộc phỏng vấn, mà chúng tôi ở mọi nơi đều có khả năng chắt lọc ra các khế ước xã hội trụ đỡ quyền sở hữu.

Mặc dù các nguồn ngoài pháp luật của thông tin để nhận diện ra các qui ước về quyền sở hữu là quan trọng, cũng có các nguồn chính thức và hợp pháp. Các nhà chính trị ở trên cùng thường hiếm khi có ý thức về mức độ mà theo đó những người ở các cấp hành chính thấp hơn của chính quyền thường xuyên tiếp xúc với khu vực

HÌNH 6.2 Các bằng chứng của Quyền sở hữu phi chính thức được dùng ở Haiti



ngoài pháp luật. Các nhà chức trách thành phố, các nhà qui hoạch đô thị, các quan chức vệ sinh y tế, cảnh sát, và nhiều người khác phải đưa ra đánh giá về mức độ bất hợp pháp của các nhóm định cư phi chính thức hoặc các nhóm doanh nghiệp mới, những thứ mọc lên liên tục khắp các quận của họ. Chúng tôi đã học được cách đọc các tư liệu chính thức ra sao để nhận ra các vùng ở nơi các khế ước xã hội ngoài pháp luật thịnh hành.

Một khi các chính phủ biết phải tìm các biểu diễn ngoài pháp luật ở đâu và nhúng tay họ vào, để mắt đến chúng, họ thấy sợi chỉ Ariadne dẫn tới khế ước xã hội. Các biểu diễn là kết quả của một nhóm người cụ thể đã đạt một sự đồng thuận được tôn trọng, như ai sở hữu tài sản nào và mỗi chủ sở hữu có thể làm gì với nó. Để đọc bản thân các biểu diễn và chắt lọc ra ý nghĩa từ chúng, không cần đến một học vị nào về khảo cổ học. Chúng không chứa các mã số bí ẩn nào để phải giải mã. Những người dân với các chủ ý rất thẳng thắn, thiết thực đã viết ra các tư liệu này để làm rõ một cách tuyệt đối cho tất cả những người có liên quan về những quyền mà họ đòi trên các tài sản cụ thể mà họ kiểm soát. Họ *đã muốn* thông báo tính hợp pháp của các quyền của họ và sẵn sàng cung cấp nhiều bằng chứng ủng hộ cho yêu sách của mình ở mức có thể. Các biểu diễn của họ chẳng có gì để giấu giếm; chúng đã được thiết kế để có thể nhận ra chúng là gì. Điều này không phải luôn luôn hiển nhiên như vậy bởi vì, thật đáng tiếc, khi chúng ta giao thiệp với những người nghèo chúng ta có xu hướng lẫn lộn sự thiếu một phương tiện lưu trữ hồ sơ tập trung với sự ngu dốt. Như John P. Powelson kết luận một cách đúng đắn trong *The Story of Land [Câu chuyện về Đất]*, là ngay ở các vùng nông thôn nguyên thuỷ của các quốc gia đang phát triển, bản thân những người dân đã là những người [luật sư] biện hộ hữu hiệu nhất cho chính mình và đã luôn luôn có năng lực biểu diễn bản thân mình một cách thông minh.[17]

Khi các chính phủ nhận bằng chứng bằng tài liệu của các biểu diễn, sau đó họ có thể "tháo rời" chúng ra để nhận diện các nguyên tắc và qui tắc, những cái tạo thành khế ước xã hội cái duy trì chúng. Một khi các nhà cải cách đã làm việc đó, họ sẽ có những miếng chính quan trọng của luật ngoài pháp luật. Nhiệm vụ tiếp theo là hệ thống hoá chúng - tổ chức chúng trong các qui chế hình thức [chính thức]

tạm thời sao cho chúng có thể được khảo sát và so sánh với luật chính thức hiện hành. Mã hoá các hệ thống lỏng lẻo cũng không phải là vấn đề. Thực ra, nó chẳng khác mấy các thủ tục của chính phủ để làm cho các văn bản luật thống nhất trong phạm vi cả nước (như Luật Thương mại Thống nhất của Hoa Kì) hoặc giữa các nước ở mức quốc tế (như nhiều qui tắc bắt buộc được tích hợp do Liên minh Châu Âu hay Tổ chức Thương mại Thế giới, WTO, đã tạo ra). Bằng cách so sánh các qui tắc ngoài pháp luật với các qui tắc của luật, các nhà lãnh đạo chính phủ có thể xem xét cả hai phải được hiệu chỉnh ra sao để khớp với nhau và sau đó xây dựng một khung khổ điều chỉnh cho quyền sở hữu – một nền tảng chung về luật cho tất cả mọi công dân – cái thật sự hợp pháp và có thể thực thi được bởi vì nó phản ánh cả sự thực hợp pháp và ngoài pháp luật. Đó là con đường cho các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản đáp ứng với thách thức pháp lí, và đó là cách căn bản mà luật Phương Tây đã được xây dựng: từng bước loại bỏ những cái không hữu dụng, không thể thực thi và hấp thu những cái có hiệu lực.

Nếu tất cả những cái này nghe giống như một cuộc phiêu lưu nhân chủng học hơn là cơ sở cho cải cách pháp lí, chính là vì tri thức về những người nghèo đã bị độc quyền hoá bởi các học giả, những kí giả, và các nhà hoạt động chính trị xã hội bị xúc động bởi lòng trắc ẩn hoặc tính hiếu kì trí tuệ, hơn là bởi những chi tiết thực tế cơ bản của cải cách pháp luật. Thế các luật sư ở đâu? Vì sao họ không xem xét nghiêm túc luật và trật tự do chính những người trong bọn họ tạo ra? Sự thật là các luật sư trong các nước này thường quá bận rộn trong việc học luật Phương Tây và làm thích nghi nó. Họ đã được dạy rằng các tập quán địa phương không phải là luật thật mà là một lĩnh vực nghiên cứu lãng mạn tốt nhất là để cho các nhà nghiên cứu dân gian. Nhưng nếu các luật sư muốn đóng một vai trò trong tạo ra các luật tốt, họ phải bước ra khỏi các thư viện luật của mình đi vào khu vực ngoài pháp luật, nơi là nguồn duy nhất của thông tin họ cần để xây dựng một hệ thống pháp luật chính thức, thật sự hợp pháp. Bằng cách khảo sát "những luật của dân" này và hiểu lôgic của chúng, các nhà cải cách có thể có cảm giác về cái mà họ cần làm để tạo ra một hệ thống pháp luật tự–thực thi.

Khi họ đã làm xong việc này, các chính phủ đúng đã chạm vào khế ước xã hội. Họ sẽ có thông tin cần thiết để tích hợp những người nghèo và những vật sở hữu của họ vào một khung khổ pháp luật, để cho họ có thể cuối cùng bắt đầu có một khoản đặt cược trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nhưng thực hiện cải cách pháp luật sẽ có nghĩa là phá rối hiện trạng. Điều đó làm cho nó trở thành một nhiệm vụ *chính trị* chủ yếu.

Phần II: Thách thức Chính trị

Đã chẳng ai lên kế hoạch cho sự tiến hoá từ các hệ thống phong kiến và di sản sang các hệ thống quyền sở hữu hiện đại, những cái đang tồn tại ở Phương Tây ngày nay. Tuy vậy, trên con đường tiến hoá lâu dài đến sự hiện đại, trong những khoảng thời gian dài liên tục của cuộc hành trình khi các nhà cải cách bắt tay vào các chương trình có tính toán để làm cho quyền sở hữu có thể được tiếp cận nhiều hơn cho một diện rộng các công dân, các chương trình này đã thành công bởi vì chúng được trụ đỡ bởi các chiến lược chính trị được ái mộ. Đó là cái mà Thomas Jefferson đã làm ở Virginia cuối thế kỉ thứ mười tám, khi ông làm tăng tính có thể thay thế cho nhau của quyền sở hữu bằng cách bãi bỏ, cùng nhiều thứ khác, tập quán kế thừa theo thứ tự (không có khả năng chuyển nhượng tài sản ra ngoài gia đình). Khi Stein và Hardenberg đã làm cho các quyền sở hữu phổ quát thành hiện thực ở Đức vào đầu thế kỉ thứ mười chín, và khi Eugen Huber, ở Thuỵ Sĩ vào đầu thế kỉ hai mươi, bắt đầu tích hợp tất cả các hệ thống quyền sở hữu rải rác khắp đất nước ông, họ cũng vậy đã sử dụng các chiến lược được lên kế hoạch một cách chu đáo để tấn công sấm sét vào các chướng ngại vật của hiện trạng. Họ đảm bảo chắc chắn rằng họ được trang bị bằng pháp chế nhắm đích một cách tinh ranh cái đã cho phép chính phủ tạo ra những cuộc cách mạng không đổ máu, được nhân dân ủng hộ, không thể dừng lại được.

Vì sao ngày nay cần đến một chiến lược chính trị? Ai có thể sẽ chống đối việc xoá bỏ nạn phân biệt pháp luật cái là bất công một

cách hiển nhiên đến như vậy? Một số ít, thực ra, sẽ tranh luận về sự cần thiết của cải cách. Nhưng một nhúm, thiểu số đầy quyền uy sẽ thấy bằng trực cảm rằng cải cách nhất thiết làm xáo trộn địa vị đặc quyền của họ, và họ sẽ chống lại một cách âm thầm và xảo quyệt. Cũng có một vấn đề liên quan: Nhiều qui chế, những cái ngăn cản đại đa số nhân dân khỏi tư bản, cũng có thể chứa các điều khoản bảo vệ các lợi ích sống còn của các nhóm có quyền lực. Mở cửa chủ nghĩa tư bản cho những người nghèo sẽ không đơn giản như lái một chiếc xe ủi qua đống rác. Nó giống hơn việc sắp xếp lại hàng ngàn cành và nhánh của một cái tổ đại bàng khổng lồ – mà không chọc tức con đại bàng. Mặc dù việc sắp xếp lại này chỉ gây ra một ít bất tiện cho nhúm người thiểu số này, khi so sánh với những lợi ích toàn quốc gia về đưa tư bản đến cho những người nghèo, những người bị ảnh hưởng sẽ không thấy điều này trừ khi cải cách được tiến hành bởi một sáng kiến chính trị mạnh mẽ với thông điệp và các con số hỗ trợ nó.

Rõ ràng, đây là một công việc cho những người hoạt động chính trị có kinh nghiệm với sự tinh tế để sắp đặt lại tổ chim đại bàng mà không để bị vồ. Họ là những người duy nhất ở một vị thế để đồng bộ hoá sự thay đổi cho đại đa số và sự ổn định cho những thiểu số đầy cảnh giác. Một chiến lược để tư bản hoá những người nghèo phải tích hợp hai hệ thống quyền sở hữu rõ ràng là mâu thuẫn nhau vào một bộ luật. Nếu muốn nó thành công, thì một tổng thống hay một thủ tướng, người là nhiều hơn một nhà kĩ trị, phải chịu trách nhiệm và tiến hành [chính] hình thức hoá một cột trụ của chính sách của chính phủ. Chỉ ở cấp chính trị cao nhất thì cải cách mới có thể có sự ủng hộ áp đảo và quét sạch quán tính ương ngạnh của hiện trạng. Chỉ có cấp cao nhất của chính phủ mới có thể ngăn chặn sự đấu tranh nội bộ của các quan chức và những mâu thuẫn chính trị khỏi làm tê liệt quá trình cải cách. Mỗi khi một quốc gia bắt đầu tiến hành một sự thay đổi lớn, bất kể để ổn định hoá đồng tiền, tư nhân hoá các cơ quan chính phủ, hoặc mở cửa trường học cho mọi chủng tộc, nguyên thủ quốc gia tiến lên để lãnh trách nhiệm tiên phong. Giải phóng những người nghèo chắc chắn nằm trong những trách nhiệm của nhà lãnh đạo quốc gia.

Kinh nghiệm lịch sử và cá nhân đã dạy chúng ta rằng để tiến hành một cuộc cách mạng về quyền sở hữu, một nhà lãnh đạo phải làm ít nhất ba việc cụ thể: nhìn bằng con mắt của những người nghèo, thâu nạp tầng lớp ưu tú, và đối xử với bộ máy quan liêu về pháp lí và kĩ thuật những người chăm sóc hiện thời của lồng kính.

Nhìn bằng con mắt của những người nghèo

Mọi người đều sẽ được lợi từ chủ nghĩa tư bản đang toàn cầu hoá trong phạm vi một nước, nhưng người hưởng lợi hiển nhiên nhất và lớn nhất là những người nghèo. Với những người nghèo ở bên mình, một nhà lãnh đạo có ý muốn cải cách đã chiến thắng ít nhất nửa cuộc chiến rồi. Bất cứ người đối lập nào đều sẽ bị đuổi sát trong cuộc thách đố với nguyên thủ quốc gia và đa số nhân dân. Nhưng để thắng, ông ta hay bà ta sẽ phải thu thập các sự thật đủ để biện hộ. Điều này liên quan đến tiến hành nghiên cứu sáng tạo: Các nhà cải cách phải đặt mình vào tình cảnh của những người nghèo và đi dạo qua những con đường của họ. Các số liệu thống kê chính thức không chứa những thông tin họ cần. Những sự thực và các con số có thể được nhìn thấy chỉ từ ngoài lồng kính.

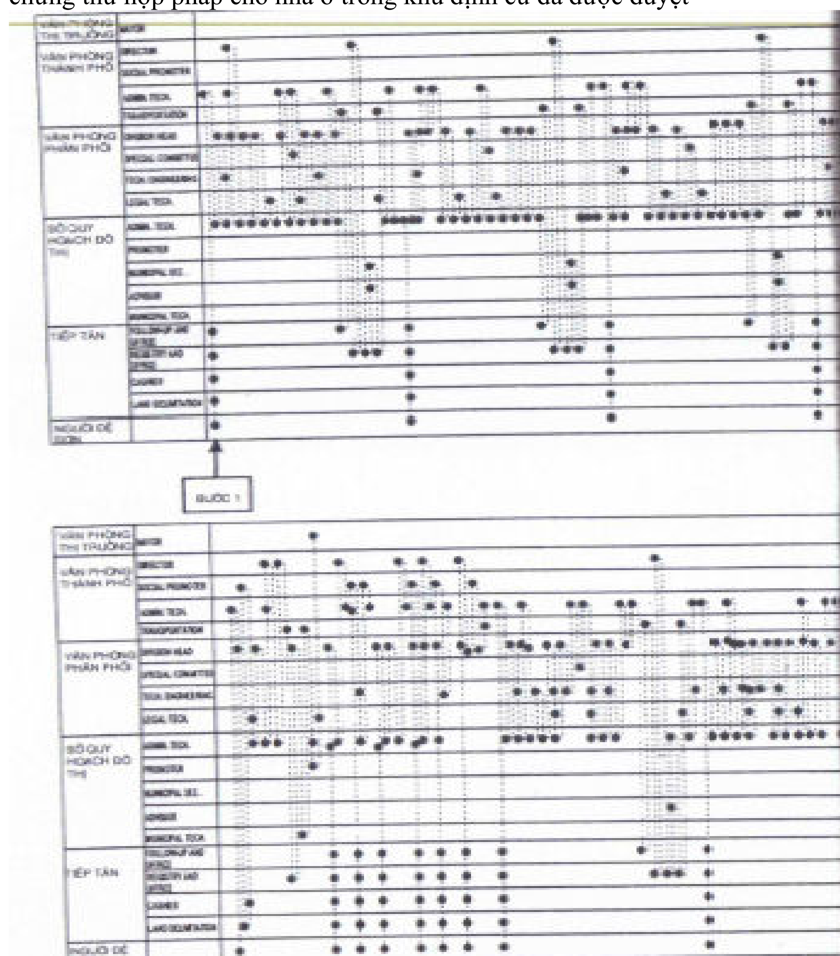
Khi tôi bắt đầu nghiên cứu khả năng cho những người nghèo tiếp cận đến quyền sở hữu chính thức ở Peru trong các năm 1980, mọi văn phòng luật sự lớn mà tôi đã tham khảo đều đảm bảo với tôi rằng lập một doanh nghiệp chính thức để tiếp cận đến tư bản sẽ chỉ tốn vài ngày. Tôi đã biết rằng điều này đúng với tôi và các luật sự của tôi, nhưng tôi đã linh cảm rằng nó không đúng với đại đa số người Peru. Vì thế các đồng nghiệp của tôi và tôi đã quyết định lập một nhà máy may có hai máy khâu trong khu ổ chuột ở Lima. Để trải nghiệm quá trình theo quan điểm của người nghèo, chúng tôi đã dùng đồng hồ bấm giờ để đo số thời gian mà một nghiệp chủ điển hình ở Lima phải dùng để qua được các cửa ải quan liêu. Chúng tôi phát hiện ra rằng để trở thành hợp pháp đã tốn đến hơn ba trăm ngày, làm việc sáu giờ một ngày. Chi phí: ba mươi hai lần lương tháng tối thiểu. Chúng tôi tiến hành một thí nghiệm tương tự để tìm ra một cá nhân sống trong khu nhà định cư ngoài pháp luật, mà sự hiện diện của người ấy đã

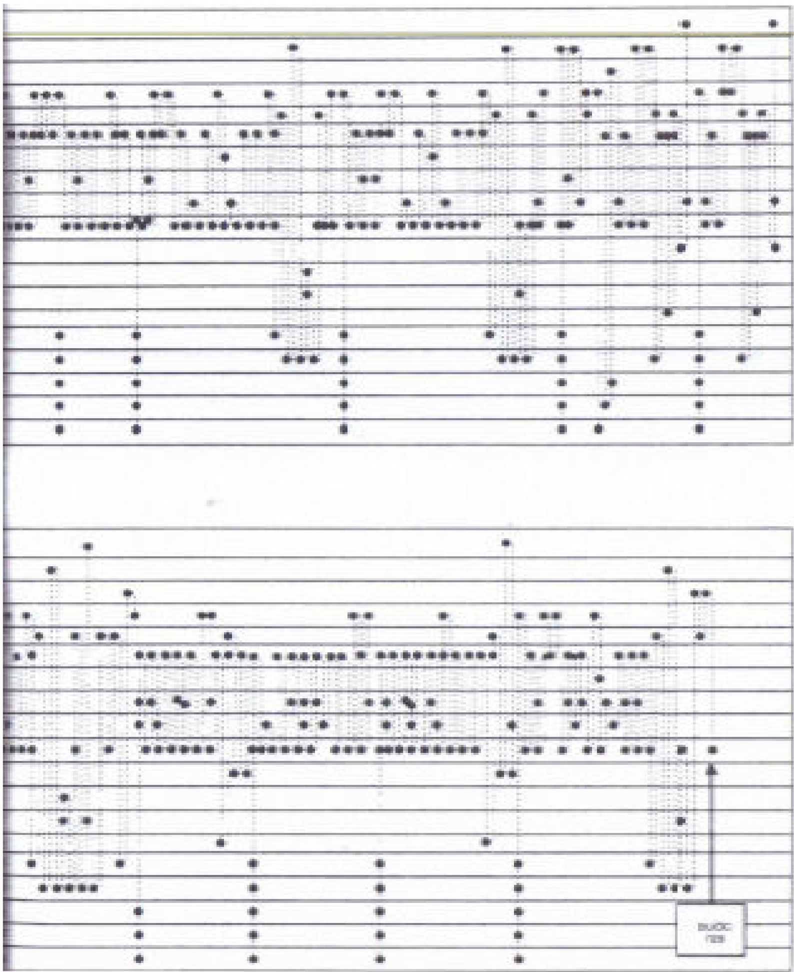
được chính quyền xác nhận rồi, sẽ phải làm gì để nhận được chứng thư quyền sở hữu hợp pháp cho một căn nhà. Để nhận được sự phê chuẩn của riêng chính quyền tự trị đô thị của Lima – chỉ là một trong mười một cơ quan chính quyền có liên quan – cần đến 728 bước hành chính (Xem Hình 6.3). Điều này xác nhận cái tôi đã hoài nghi từ ban đầu: Hầu hết các số liệu qui ước phản ánh lợi ích của những người, như các luật sư mà tôi đã tham vấn, đã ở bên trong lồng kính rồi. Đó là lí do vì sao lồng kính chỉ có thể thấy được từ bên ngoài nhìn vào - từ con mắt, từ viễn cảnh của những người nghèo.

Một khi chính phủ nhận được thông tin này, nó sẽ có khả năng giải thích chủ ý của mình theo cách mà những người nghèo có thể thấu hiểu và cảm thông. Kết quả là, họ sẽ ủng hộ chương trình cải cách một cách nhiệt tình. Những người nghèo sẽ trở thành bộ máy quan hệ với công chúng, PR, hữu hiệu nhất cho cải cách, cung cấp phản hồi từ đường phố cần thiết để giữ cho chương trình tiến triển.

Đây là điều đã xảy ra ở Peru. Từ 1984 đến 1994, các đồng nghiệp của tôi và tôi đã hướng mọi nỗ lực của mình vào thông báo cho công chúng về những lợi ích của việc nhấc lồng kính đi (khi ấy chúng tôi gọi nó là “hình thức hoá, chính thức hoá”). Mục tiêu của chúng tôi là chứng minh cho các nhà chính trị rằng đã có một sự đồng thuận ngầm toàn quốc gia đối với cải cách và chính thức hoá các tài sản của những người nghèo là một chiến lược chính trị thắng lợi. Vào cuối các năm 1980, cuộc bầu cử đã xác nhận điều này: Kiến nghị của chúng tôi về thay đổi hệ thống quyền sở hữu chính thức đã nhận được sự chuẩn y gần 90 phần trăm. Với các con số như thế, đã không ngạc nhiên rằng khi những phần đầu của luật và qui chế mà tổ chức của tôi đã dự thảo cho việc chính thức hoá được đưa ra trước Quốc hội Peru vào năm 1988 và đầu 1990, chúng đã được nhất trí thông qua. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1990, mọi ứng cử viên, kể cả Mario Vargas Llosa, người viết tiểu thuyết và ứng viên của liên minh tự do–bảo thủ, lẫn Alberto Fujimori, một người theo chủ nghĩa dân tuý kín miệng giấu tài và cuối cùng thắng cuộc, cùng với Tổng thống hết nhiệm kì thuộc phe

HÌNH 6.3 728 bước hành chính do uỷ ban thành phố Lima yêu cầu để nhận được chứng thư hợp pháp cho nhà ở trong khu định cư đã được duyệt





dân chủ Alan Garcia, đã tán thành chương trình chính thức hoá. Ngay cả ngày nay, bất chấp những nỗ lực thực hiện thất thường và rất không đầy đủ, việc chính thức hoá là một mốc không thể tranh cãi và vĩnh cửu của bức tranh phong cảnh chính trị Peru.

Với các sự thực, số liệu, và công luận tất cả đều ở phía cải cách, chính phủ sẽ ở trong một vị thế để di chuyển toàn bộ vấn đề nghèo đói một cách đầy kịch tính sang chương trình tăng trưởng kinh tế. Giảm nghèo đói sẽ không còn được xem như một mục tiêu nhân đức, được tiến hành nếu và khi nào có đủ khả năng. Ngược lại tương lai của những người nghèo bây giờ có thể nằm trên đỉnh danh mục của chương trình của chính phủ cho tăng trưởng.

Thâu nạp giới ưu tú

Một khi tiềm năng kinh tế của những người nghèo – số cử tri lớn nhất trong quốc gia – đã được phát hiện ra và sự ủng hộ của họ với cải cách được thể hiện, các nhà cải cách sẽ phải chú ý đến tầng lớp ưu tú. Đây là thời điểm để phá vỡ ảo giác của họ rằng việc nhấc lồng kính đi chỉ làm lợi cho những người nghèo. Không chỉ là vấn đề khắc phục khoảng cách giữa các giai cấp là một lợi ích xã hội chung. Sự tích hợp pháp luật kiểu này có thể giúp hầu như mọi nhóm lợi ích trong quốc gia. Hệt như các nhà cải cách đã thu thập những sự thực và các số liệu để giành được sự ủng hộ của những người nghèo, họ phải dùng những sự thật và số liệu khác để lôi kéo những giới có thế lực. Các giới ưu tú phải ủng hộ cải cách không phải từ chủ nghĩa yêu nước hoặc chủ nghĩa vị tha mà bởi vì nó cũng sẽ làm cho túi tiền của họ lớn lên.

Thí dụ, đưa khu vực ngoài pháp luật vào trong luật sẽ mở ra cơ hội cho các chương trình to lớn về xây dựng nhà ở rẻ tiền, những chương trình sẽ cung cấp cho những người nghèo nhà ở không chỉ được xây tốt hơn mà còn rẻ hơn nhiều so với việc họ phải tự xây trong khu vực ngoài pháp luật. Làm một cái nhà trong thế giới hỗn loạn của khu vực ngoài pháp luật là tương đương với việc mặc quần

áo bằng cách đi giày trước rồi sau đó mới đi tất. Hãy xem một người nhập cư mới từ vùng nông thôn phải làm gì để tạo ra một chỗ ở cho gia đình mình trong một khu phố ổ chuột ở ngoại ô của một thành phố lớn. Đầu tiên, anh ta không chỉ phải tìm một nơi cho chỗ ở của anh ta mà anh ta cũng phải *đích thân* chiếm miếng đất ấy cùng với gia đình mình. Bước tiếp theo là dựng lên một cái lều bạt hoặc một cái chòi làm bằng, tuỳ thuộc vào mỗi nước, chiếu cói, vách đất, giấy bồi, gỗ dán, tôn múi, hoặc thùng sắt tây – và như thế khoanh chiếm đất về mặt vật lí (bởi vì không có cách chiếm hợp pháp). Người nhập cư và gia đình anh ta sau đó sẽ dần dần đưa đồ gỗ và các đồ gia dụng vào. Hiển nhiên, họ cần dinh thự có thể sống được hơn và bền chắc hơn. Nhưng làm sao để xây nó mà không có tiếp cận đến tín dụng? Họ làm như bất kể ai khác làm – tích trữ các vật liệu xây dựng chắc chắn và bắt đầu xây một căn nhà khá hơn, từng giai đoạn một, phù hợp với loại vật liệu xây dựng nào họ có thể tích tụ được.

Một khi dân cư của một trong những vùng mới này đã được tổ chức khá để bảo vệ gia sản của họ hoặc các nhà chức trách địa phương cảm thấy thương hại sự túng thiếu của họ, họ có thể làm vỉa hè, chỗ đổ rác, đưa điện và nước vào - điển hình là với cái giá phải phá một phần nhà của họ để nối vào các tiện ích công. Chỉ sau nhiều năm xây đi xây lại, và tiết kiệm vật liệu xây dựng, các chủ nhà này mới cuối cùng ở vị thế để sống thoải mái.

Ở Phương Tây, tạo ra một chỗ ở là tương đương với việc đi tất trước khi đi giày và như thế ít nguy hiểm, tốn kém, và xuống cấp hơn. Một người phát triển nhà ở thường có chứng thư quyền sở hữu đối với đất, cái cho anh ta sự an toàn để phát triển hạ tầng (lát đường, các tiện ích công như điện, nước, viễn thông, v.v.). Sau đó anh ta bán nhà, mà anh ta sẽ xây theo sở thích của người mua. Các chủ mới, những người có lẽ vay phần lớn của giá nhà từ một ngân hàng, sau đó sẽ đưa đồ gỗ của họ vào và, cuối cùng, đưa lũ trẻ và chó, mèo đến.

Ngay khi những người nghèo trở thành có trách nhiệm giải trình dưới luật chính thức, họ sẽ có đủ khả năng mua nhà giá rẻ và như thế thoát khỏi thế giới hỗn độn của khu vực ngoài pháp luật. Giới ưu tú sau đó cũng sẽ bắt đầu thu được sự thưởng công của họ: Các nhà xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng sẽ thấy thị trường của họ mở

rộng, cũng thế với các ngân hàng, các công ti thế chấp, các cơ quan về quyền sở hữu, và các hãng bảo hiểm. Chính thức hoá cũng sẽ giúp các nhà cung cấp các tiện ích công cộng biến các địa chỉ nhà ở thành các điểm cuối có trách nhiệm pháp lí. Nó sẽ cấp cho các chính phủ và các doanh nghiệp thông tin và địa chỉ để cho việc buôn bán, đảm bảo lợi ích, và thu nợ, phí và thuế. Ngoài ra, một hệ thống quyền sở hữu chính thức cung cấp một cơ sở dữ liệu cho các quyết định đầu tư về y tế, giáo dục, đánh giá thuế, và lên kế hoạch bảo vệ môi trường.

Quyền sở hữu hợp pháp phổ biến sẽ thậm chí giúp giải quyết những phàn nàn, kêu ca ầm ĩ nhất và dai dẳng nhất của họ về sự phình lên ngày càng nhiều của người nghèo đô thị - sự cần thiết phải có nhiều "luật và trật tự" hơn. Xã hội dân sự trong các nền kinh tế thị trường không phải đơn thuần là do sự phồn vinh lớn hơn. Quyền đối với quyền sở hữu cũng sinh ra sự tôn trọng pháp luật. Như nhà sử học kiệt xuất Richard Pipes đã chỉ ra trong cuốn sách của ông về cách mạng Nga:

> Quyền sở hữu tư nhân có thể được cho là định chế quan trọng duy nhất của sự hội nhập xã hội và chính trị. Quyền sở hữu của tài sản tạo ra một cam kết đối với trật tự chính trị và pháp lí bởi vì cái sau bảo đảm các quyền sở hữu: nó biến người công dân thành một người đồng-tự chủ, như nó vốn có. Như thế, quyền sở hữu là phương tiện chính để khắc sâu vào tâm trí quần chúng nhân dân sự tôn trọng pháp luật và một mối quan tâm đến duy trì hiện trạng. Bằng chứng lịch sử chỉ ra rằng các xã hội với sự phân phối quyền sở hữu rộng rãi, cụ thể là về đất và nhà ở, là bảo thủ hơn và ổn định hơn, và vì lí do đó có khả năng chống đỡ và phục hồi hơn đối với những biến động đủ loại. Theo cách đó nông dân Pháp, những người ở thế kỉ mười tám đã là một nguồn của sự bất ổn định, ở thế kỉ mười chín, như kết quả của những lợi ích của Cách mạng Pháp, đã trở thành cột trụ của chủ nghĩa bảo thủ..[18]

Khi những người nghèo có lòng tin rằng đất đai và các doanh nghiệp của họ là của họ một cách hợp pháp, sự tôn trọng của họ với quyền sở hữu của những người khác tăng lên.

Các hồ sơ quyền sở hữu chính thức, được cập nhật sẽ cũng cung cấp cho cảnh sát thông tin cần thiết cho sự kiềm chế được văn minh. Trong các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản, một trong những đặc điểm chính của những người sống ngoài vòng pháp luật là không có một địa chỉ hợp pháp. Khi một tội bị phạm, cảnh sát không có hồ sơ, manh mối, hoặc những thông tin cần thiết khác trên cơ sở quyền sở hữu để "nhảy lần dấu vết" những kẻ bị tình nghi hàng đầu. Đó là lí do vì sao các nhà chức trách thực thi pháp luật không thể có khả năng trở nên chọn lựa như các đồng nghiệp Phương Tây khi vây bắt các nghi can và như vậy dễ có nguy cơ hơn vi phạm các quyền dân sự của những người dân vô tội.

Có quyền sở hữu chính thức cũng có xu hướng ngăn bớt những ứng xử ngỗ ngược. Khi người dân buộc phải chia tài sản đất đai của mình thành những mảnh nhỏ và nhỏ hơn, những người thừa kế của những người thừa kế, bị chen lấn bật ra khỏi đất của gia đình, có nhiều khả năng là sẽ đi chiếm ở nơi khác. Cũng vậy, khi một cá nhân không thể chứng minh được anh ta sở hữu bất kể thứ gì, nhiều khả năng là anh ta sẽ phải hối lộ đường đi của anh ta qua bộ máy quan liêu, hoặc với sự giúp đỡ của hàng xóm của mình, nắm lấy luật vào tay của chính anh ta. Còn tồi hơn, không có luật tốt để thực thi các nghĩa vụ, xã hội thực tế mời gọi bọn gangster và bọn khủng bố đến làm công việc. Các đồng nghiệp của tôi và tôi đã tiến hành các chiến dịch cấp chứng thư quyền sở hữu chính thức những chiến dịch đã thay thế bọn khủng bố bằng cách thâu nạp vai trò của chúng với tư cách lực lượng an ninh của khu vực chống lại sự đe doạ thực sự hoặc tưởng tượng về tước đoạt đất.

Quyền sở hữu cũng cung cấp một lựa chọn khả dĩ hợp pháp cho buôn bán ma tuý. Chừng nào mà những người nông dân còn là những người chủ đất bất hợp pháp, các cây trồng ngắn ngày cho tiền, như coca và thuốc phiện, vẫn là sự lựa chọn khả dĩ duy nhất của họ. Đối với những người nông dân nhỏ ở một số vùng của thế giới đang phát triển, tiền ứng trước của những kẻ buôn bán ma tuý trên thực tế là khoản tín dụng duy nhất sẵn có, và bởi vì những dàn xếp quyền sở hữu của họ không xuất hiện trong hệ thống chính thống, các cơ quan thực thi pháp luật thậm chí chẳng thể tìm nổi họ, đừng nói đến tiến hành một thoả thuận thay thế cây trồng có thể thực thi được. Sự thiếu

này của sự bảo vệ pháp lí cũng có nghĩa là những người trồng cây ma tuý phải tụ họp lại thành đoàn để bảo vệ tài sản của họ hoặc mời bọn buôn bán ma tuý đến bảo vệ họ. Không có một hệ thống quyền sở hữu chính thức, hệ thống bao gồm cả những người chủ đất như vậy, thì việc kiểm soát trồng cây ma tuý, săn đuổi những kẻ buôn bán ma tuý, và xác định những người gây ô nhiễm môi trường trở thành không thể thực hiện được. Chẳng có cách nào cho các nhà chức trách thâm nhập vào những dàn xếp quyền sở hữu ngoài pháp luật chặt chẽ mà người dân tạo ra để bảo vệ quyền lợi của họ.

Hợp pháp hoá quyền sở hữu chẳng hề là việc cứu tế đối với những người nghèo. Tạo ra một thị trường có trật tự, cái làm cho các chủ sở hữu có trách nhiệm giải trình và cấp cho nhà của họ các chứng thư sở hữu rõ ràng để bõ bỏ tiền ra, sẽ tạo ra một thị trường mở rộng, cổ vũ luật và trật tự, và đặt tiền bạc vào túi giới ưu tú.

Đối xử với Những Người Canh giữ Lồng kính

Một khi các nhà cải cách đã có những người nghèo và ít nhất một số người ưu tú đứng về phía mình, đó là lúc để dẫn bộ máy quan liêu công và tư, những người cai quản và duy trì hiện trạng - chủ yếu là, các luật sư và các nhà kĩ thuật.

Các luật sư. Về lí thuyết, cộng đồng pháp lí phải có thiện ý với cải cách bởi vì nó sẽ mở rộng qui tắc của luật. Nhưng, thực ra, hầu hết các luật sư ở các nước đang phát triển và nguyên cộng sản đã được đào tạo không phải để mở rộng qui tắc của luật mà để bảo vệ nó như họ thấy nó. Các luật sư là các nhà chuyên môn liên quan nhiều nhất đến công việc hàng ngày về quyền sở hữu. Họ ngồi ở các văn phòng chủ chốt của chính phủ ở nơi họ có thể chặn các quyết định chính lại. Không có nhóm nào – trừ những kẻ khủng bố – lại ở vị thế tốt hơn [các luật sư] để phá hoại sự mở rộng tư bản chủ nghĩa. Và không giống những kẻ khủng bố, các luật sư biết làm việc ấy thế nào cho hợp pháp.

Mặc dù các nghiệp chủ và những người dân thường là các nhà xây dựng tư bản và chủ nghĩa tư bản, chính các luật sư là những người cố định các quan niệm quyền sở hữu vào hình dạng biểu diễn hữu hình có thể sờ mó được và định nghĩa các khái niệm ấy trong các qui chế. Sự an toàn của quyền sở hữu, tính có trách nhiệm giải trình của các chủ sở hữu, và tính có thể thực thi của các giao dịch cuối cùng phải được cụ thể hoá ra trong các thủ tục và qui tắc được các luật sư thảo ra. Thật vậy, chính giới luật sư là giới hoàn thiện tất cả các đồ tạo tác của quyền sở hữu hình thức: các chứng thư, các hồ sơ, nhãn hiệu thương phẩm, quyền tác giả, lệnh phiếu, hối phiếu, bằng sáng chế, cổ phiếu của chứng khoán công ti. Bất luận bạn thích các luật sư hay không, không một sự thay đổi thật nào trong chế độ quyền sở hữu và quá trình tạo tư bản sẽ xảy ra mà không có sự hợp tác của ít nhất một số trong số họ.

Cái khó là ít luật sư hiểu được những hệ quả kinh tế của công việc của họ, và phản xạ vô thức [phản xạ đầu gối khi gõ vào bánh chè] của họ đối với ứng xử ngoài pháp luật và thay đổi có qui mô lớn thường là thù địch. Tất cả các nhà cải cách mà tôi đã gặp, trong các hoạt động làm cho những người nghèo có thể tiếp cận nhiều hơn đến quyền sở hữu, đều làm việc với giả định rằng giới luật gia là kẻ thù tự nhiên của họ. Các nhà kinh tế liên quan đến cải cách đã trở nên thất vọng với chủ nghĩa bảo thủ pháp lí đến mức họ đã đầu tư thời gian và tiền bạc để làm mất uy tín của nghề luật. Sử dụng số liệu kinh tế từ năm mươi hai nước từ 1960 đến 1980, Samar K. Datta và Jefferey B. Nugent đã chỉ ra rằng với mỗi điểm phần trăm tăng lên của số luật sư trong lực lượng lao động (từ, thí dụ, 0,5 lên 1,5 phần trăm), tăng trưởng kinh tế giảm 4,76 đến 3,68 phần trăm – như vậy chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế tỉ lệ nghịch với sự thận trọng của các luật sư.[19]

Điều đặc biệt chọc tức nhiều nhà cải cách là cách mà các luật sư đổ lỗi của các hệ thống quyền sở hữu tồi sang cho người khác. Tôi thường nghe các luật sư tán dương luật quyền sở hữu hiện hành, trong khi ngay lập tức thừa nhận rằng các chứng thư sở hữu được cấp một cách hợp pháp rất khó hoặc không thể sử dụng được. Điều này, tất nhiên, là không thể chấp nhận được. Một luật sư không thể thiết kế luật và các thủ tục hành chính để thi hành nó và sau đó lại đổ lỗi

thất bại của nó cho sự yếu kém của các nhà kĩ trị cấp thấp hơn, những người thi hành luật, hoặc cho sự giáo dục tồi của những người dùng nó. Thảo ra các luật tao nhã là không đủ. Chúng cũng phải hoạt động trong thực tế hành chính và xã hội vì nó mà chúng được thảo ra.

Thật khá lí thú, sự chỉ trích mạnh nhất đối với các nỗ lực của các luật sư nhằm trì hoãn cải cách quyền sở hữu thường là từ chính các luật sư đồng nghiệp. Đây là cách mà S. Rowton Simpson, một luật sư và tác giả lừng danh nhất thế giới về đề tài đăng kí đất, viết về các đồng nghiệp của mình:

> Các luật sư, trên khắp thế giới, khét tiếng về sự miễn cưỡng của họ để chấp nhận ngay những sự thay đổi nhỏ nhất trong các thủ tục truyền thống của họ… Torrens [người Australia sáng chế ra một trong những hệ thống lập hồ sơ an toàn nhất của thế giới], người đã bị giới luật gia phản đối kiên quyết và bền bỉ, đã đánh bại sự chống đối của các luật sư ở Nam Australia; nhưng câu chuyện của ông ta là ngoại lệ hiếm hoi. Cần dùng kim cương để cắt kim cương, và trong hầu hết các nước việc đăng kí quyền sở hữu đã, như một qui tắc, được đưa vào nhờ các nỗ lực của một luật sư, một kẻ tàn tật như anh ta có thể bị coi là bởi phe đối lập ra mặt [chống đối tích cực] của các thành viên hành nghề trong giới của anh ta; và phe chống đối thụ động có thể thậm chí còn tồi hơn phe chống đối tích cực, phe ít nhất hoặc là thắng hoặc là thua. Chống đối thụ động là xảo quyệt hơn; nó có thể làm cho sự tiến bộ mất tác dụng. Chẳng ít đạo luật đã héo tàn sau khi nhận được sự hoan nghênh của những người hành nghề cái hoá ra chỉ là ủng hộ suông hoặc thậm chí là "nụ hôn của thần chết" là đòn chí tử; các đạo luật khác đã gắn vào chúng một thủ tục tầm dài hạn đến mức làm cho sự tiến triển hầu như không thể cảm nhận được; những đạo luật như vậy chắc chắn không hề gây nguy hiểm cho tập quán đã được thiết lập, và như vậy có chiều hướng được giới luật gia chấp nhận, nhưng chúng không thật sự đạt mục đích; chúng đơn thuần chỉ làm tăng danh mục của, nếu không phải các thất bại, thì ít nhất là của những trường hợp "không thành công".[20]

Mặc dù các luật sư thường thừa nhận các ngành khác phải năng động, họ lập luận rằng luật phải ổn định. Sự sùng kính như vậy với

qui tắc của luật, bất kể các hệ quả, có thể đạt tới điểm ở nơi các luật sư ủng hộ cải cách có thể bị rủi ro tẩy chay bởi các đồng nghiệp. Ở các nước nói tiếng Đức trong thế kỉ mười chín và đầu thế kỉ hai mươi, sự thù ghét của giới luật gia đối với cải cách quyền sở hữu đã lên cao đến mức bất kể luật sư cải cách nào đều bị họ gọi là *Mestbeschmutzer* – con thú làm ô uế ổ của chính mình.

Tin tốt cho các nhà cải cách là các luật sư tài ba nhất (nhưng không nhất thiết thành công nhất) tin rằng luật được làm ra để phục vụ cuộc sống chứ không phải ngược lại. Các luật gia có tầm nhìn xa cuối cùng đã thắng xu hướng phản động của giới của họ ở Phương Tây, thậm chí trong bối cảnh của luật Roman. Phải công nhận rằng, cuộc chiến đã là liên tục khó khăn, chủ yếu bởi vì, như Peter Stein đã nhận xét, "sự đóng góp [của các luật sư] cho sự hiểu biết đúng về các định chế pháp lí đã bị làm khó hiểu bởi sự nhấn mạnh của họ đến tính cổ và sự chấp thuận của họ với luật Roman như một sản phẩm đã hoàn tất".[21] Tuy nhiên, với thời gian, các luật gia Châu Âu vĩ đại đã khắc phục được sự cứng nhắc quá đáng như Stein chỉ ra, họ "đã làm cho giới của họ trở thành tinh thông về những phức tạp của Luật Roman, và đảm bảo rằng nó chuyển động với thời gian".[22] Chống lại sự lãnh đạm tràn lan của các đồng nghiệp, ở mọi nước Châu Âu một toán của các luật sư ưu tú đã nổi lên để giúp nhấc lồng kính đi.

Bất kể chính phủ nào thiết tha theo đuổi một hệ thống quyền sở hữu được tích hợp vì vậy phải đưa ra một chiến lược kĩ lưỡng cho đối xử với giới luật gia. Điểm cốt lõi là chọn đúng các luật sư. Cần một nhà lãnh đạo chính trị sáng suốt và lanh lợi để tránh các luật sư thành thạo dùng các mưu mẹo tinh vi làm hoảng sợ các nhà chính trị dẫn họ đến trạng thái bất động và thay vào đó phải tìm ra những người sẽ đem hình thức pháp luật vào chương trình nghị sự cho sự biến đổi ngay cả nếu nó có nghĩa là chống lại hệ thống. Trừ khi nhà chính trị có đầu óc cải cách chọn kĩ càng các luật sư của mình, nếu không thì ông ta sẽ bị phó mặc cho các nhà kĩ trị pháp lí cai trị, những người sẽ ủng hộ suông cải cách trong khi ngấm ngầm phá hoại nó trong bóng tối.

Các luật sư dũng cảm, có đầu óc cải cách tồn tại ở mọi quốc gia, và một khi các tiêu chuẩn tuyển chọn đối với các phẩm chất như vậy là rõ ràng, thì có thể nhận ra đúng người. Nhiều người hiểu rằng các

yếu tố căn bản quyết định thay đổi nằm ở ngoài luật. Trong mọi nước mà tôi đã viếng thăm, tôi đều đã thấy các nhóm luật sư của chính phủ rất thân thiết với khu vực ngoài pháp luật, phấn đấu hàng ngày để tìm sự hài hoà giữa hệ thống chính thức và những dàn xếp ngoài pháp luật. Một số luật sư học giả cũng nhận thức sâu sắc rằng các trật tự song hành của luật hợp pháp và luật ngoài pháp luật hoạt động đồng thời. Nhưng công trình của họ có xu hướng không được để ý tới ở tầm cao của chính phủ, và như thế, cả họ nữa, cũng vẫn là vô hình. Thực vậy, gần như là một qui tắc rằng những luật sư rành rõi về sự tồn tại của hai trật tự và có thiện cảm với cải cách lại bị đẩy ra bên lề của quá trình ra quyết định chính trị.

Chính những người này là những người mà giới lãnh đạo chính trị phải sắp vào hàng ngũ để tấn công vũ bão vào hiện trạng và để thực hiện chương trình quốc gia không cưỡng lại được về chính thức hoá quyền sở hữu. Một đội quân như vậy, tuy nhiên, không bước lên phía trước một cách tự phát. Mỗi luật sự phải được định vị và tuyển chọn. Cùng nhau, họ sẽ tạo thành đội quân tiên phong, đội có thể chứng minh cải cách là đúng cho các luật sư đồng nghiệp của họ. Chính họ là những người sẽ có khả năng đánh bại con khủng long và giải thích cho những người trong giới luật gia bằng chính ngôn ngữ của họ rằng cốt yếu đến thế nào đối với riêng họ và đối với tương lai của quốc gia để tích hợp tất cả các quyền sở hữu vào một hệ thống pháp luật thống nhất mở ra cho tất cả mọi người. Chỉ riêng họ có thể giải thích cho phần còn lại của giới luật gia rằng các thủ tục pháp lí hiện hành đã trở thành không đơn thuần một mối phiền toái mà *là* chướng ngại vật không vượt qua được cái kìm hãm hầu hết người dân của thế giới khỏi ở vào vị thế để tạo ra tư bản. Các luật sư cũng là những con người. Một khi họ hiểu rằng hệ thống mà họ bảo vệ là hệ thống đã lỗi thời một cách vô vọng, họ sẽ phản ứng một cách tích cực.

Các nhà kĩ thuật. Các nước đang phát triển và nguyên cộng sản luôn tiêu hàng trăm triệu đôla về công nghệ lập bản đồ và hồ sơ tin học hoá để hiện đại hoá các hệ thống quyền sở hữu của họ – và họ vẫn không thể tích hợp các khu vực ngoài pháp luật của họ. Điều này chẳng còn làm ngạc nhiên bất kể ai, những người đã suy ngẫm kĩ càng về các ưu tiên của cải cách quyền sở hữu. Năm 1993, một

chuyên gia Ngân hàng Thế giới đã cảnh báo rằng "đã có xu hướng coi cấp chứng thư quyền sở hữu đất là một vấn đề kĩ thuật. Thường các bản đồ được lập và việc đo đạc được tiến hành, nhưng các chứng thư quyền sở hữu không được làm hoặc được cấp bởi vì có tắc nghẽn trong hệ thống hoặc có các vấn đề pháp lí".[23]

Thậm chí các nhà kĩ thuật lo ngại rằng họ có thể quá bị mê hoặc bởi các công nghệ mới gây kinh ngạc. Một trong những chuyên gia Canada lỗi lạc nhất về đất đai và các hệ thống công nghệ thông tin đã bày tỏ sự lo ngại rằng một số chính phủ tiếp tục coi lập bản đồ là nền tảng của quyền sở hữu:

> Chúng ta hiện nay lâm vào tình trạng nguy hiểm về việc duy trì chuyện hoang đường này bằng cách cố gắng qui việc quản lí tài nguyên về vấn đề hệ thống thông tin bản đồ (GIS). Công nghệ là hấp dẫn; nó tạo ra các kết quả hữu hình. Nhưng đó chỉ là một phần của giải pháp… Các nhà tư vấn và các tổ chức viện trợ thường xuất khẩu các hệ thống mà họ quen thuộc (thường là của chính họ hoặc là các hệ thống mà họ đã làm việc với) mà không cân nhắc đủ tới những nhu cầu và ràng buộc của nước tiếp nhận… Cần có sự khiêm tốn hơn từ các nhà tư vấn chuyên nghiệp; đôi khi cần thú nhận rằng họ không luôn luôn biết câu trả lời hoặc rằng hệ thống của họ có thể không thích hợp.[24]

Các chương trình tạo quyền sở hữu sẽ tiếp tục thất bại chừng nào các chính phủ còn nghĩ rằng tạo quyền sở hữu cần chỉ đến việc làm quen với các thứ tự nhiên – rằng một khi họ đã chụp ảnh, khảo sát, đo đạc, và tin học hoá các bảng kê của các tài sản vật lí của họ, họ đã có mọi thông tin cần thiết để cấp các chứng thư quyền sở hữu. Họ không có. Các bức ảnh và các bảng kê chỉ thông báo cho các nhà chức trách về trạng thái vật lí của các tài sản; chúng chẳng nói được điều gì về các quyền những cái chi phối chúng. Tất cả các bức ảnh và các bảng kiểm kê trên máy tính trên thế giới không thể nói cho bất kể ai về các qui tắc địa phương nào thực thi các quyền này hoặc mạng lưới nào của các mối quan hệ duy trì chúng. Dẫu quan trọng, các bản

đồ và các bảng kiểm kê là để đo và định vị các tài sản vật lí mà quyền sở hữu được neo vào, chúng không nói cho các chính phủ biết phải xây dựng khế ước xã hội quốc gia ra sao cái sẽ cho phép họ tạo ra quyền sở hữu hợp pháp rộng rãi.

Xu hướng ở một số nước cố ép vấn đề liên quan đến quyền sở hữu vào các cục bản đồ và công nghệ thông tin đã làm lu mờ bản chất thực của quyền sở hữu. Quyền sở hữu không phải là một phần thực của thế giới vật lí: môi trường sống tự nhiên của nó là pháp lí và kinh tế. Quyền sở hữu là về các thứ vô hình, trong khi các bản đồ là tương tự như các thứ vật chất trên thực tế. Các bản đồ thể hiện thông tin vật lí của các tài sản nhưng không thấy bức tranh lớn. Không có thông tin thể chế và kinh tế thích đáng về những dàn xếp ngoài pháp luật, chúng không thể lột tả thực tế ở ngoài lồng kính. Như thế chúng không có khả năng thực hiện công việc thật của chúng, công việc giúp néo chặt các khía cạnh quyền sở hữu trong thực tại vật chất sao cho để duy trì thế giới ảo và thế giới thực đồng bộ với nhau.

Cho đến khi các trở ngại cho sử dụng các hệ thống quyền sở hữu chính thức được loại bỏ và những dàn xếp ngoài pháp luật đã được thay thế bằng luật, người dân có ít khuyến khích để cung cấp thông tin cần thiết để giữ cho các bản đồ và các cơ sở dữ liệu được cập nhật và tin cậy. Người dân muốn đi vào trong hệ thống quyền sở hữu chính thức không bởi vì họ hăm hở để được vẽ bản đồ, được lập hồ sơ, hoặc bị đánh thuế; họ sẽ gia nhập hệ thống khi những lợi ích kinh tế của nó là hiển nhiên đối với họ và khi họ chắc chắn rằng các quyền của họ sẽ tiếp tục được bảo vệ.

Chừng nào các quyền này được bảo vệ bởi khế ước xã hội ngoài pháp luật, người dân sẽ chẳng thấy lí do gì để thông báo cho các nhà chức trách bất kể thay đổi nào trong việc chuyển nhượng tài sản của họ. Chỉ khi luật chính thức thay thế những dàn xếp ngoài pháp luật như nguồn của sự bảo vệ cho quyền sở hữu thì người dân sẽ chấp nhận tính hợp pháp của nó và quan tâm đến việc cung cấp cho các nhà chức trách những thông tin cần thiết để giữ cho các bản đồ và các hồ sơ của họ được cập nhật. Địa điểm, nơi khế ước xã hội được định vị, quyết định nơi các hồ sơ và bản đồ có thể được giữ cho cập nhật.

Đây không phải là điểm tầm thường. Các đề án cấp chứng thư quyền sở hữu thiên về (bị dẫn dắt bởi) kĩ thuật thường có xu hướng thoái hoá thành các hệ thống chứng minh cho kho vật lí, các Sổ Điền thổ lỗi thời, hoặc các di tích lịch sử. Công nghiệp bản đồ và máy tính chịu tổn thất như một hệ quả. Ngân sách cho đề án của họ được phê duyệt bởi các nhà chính trị những người mong đợi rằng các phương pháp mới này sẽ kết nạp những người nghèo vào. Một khi họ nhận ra rằng chúng không làm được vậy, các đề án lập bản đồ và tin học hoá bị giảm xuống hoặc chấm dứt. Nhóm của tôi và tôi đã thấy điều này diễn ra lặp đi lặp lại.

Lí do vì sao các công nghệ này hoạt động tốt đến như vậy ở các quốc gia tiên tiến, mà không cần nhiều đến sự vá víu pháp lí và chính trị, là sự chắp vá đó đã được tiến hành hơn một trăm năm trước rồi. Khế ước xã hội về quyền sở hữu bao trùm toàn bộ đã có chỗ đứng vững chãi. Khi các hệ thống cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin bản đồ GIS, đo đạc từ xa, các hệ thống định vị toàn cầu GPS, và tất cả các công cụ công nghệ thông tin tuyệt vời trở nên sẵn có trong ba mươi năm qua, chúng thật ăn khớp với một hạ tầng thông tin và pháp lí đã được tích hợp tốt. Như vậy các công cụ và phương tiện biểu diễn bằng văn bản và đồ hoạ cho lưu trữ, truy tìm, phục hồi, và xử lí thông tin có thể được đưa vào sử dụng tốt.

Tôi không nói rằng kĩ thuật ứng dụng, tích hợp hệ thống, các công ti công nghệ thông tin, các hãng bán thiết bị, các cố vấn đăng kí, và tất cả những người khác những người cung cấp các dịch vụ quyền sở hữu được chuyên môn hoá về đo đạc, vẽ bản đồ, và hiện đại hoá đăng kí là không quan trọng đối với tạo ra quyền sở hữu – hoàn toàn ngược lại. Nếu được làm cho thích ứng một cách thích hợp với đăng kí hàng loạt và với hoạt động trong môi trường ngoài pháp luật, chúng là không thể thiếu được để xác định các vị trí vật lí cũng như cho xử lí và tích hợp thông tin. Chúng sẽ ngốn phần lớn tiền chi cho cải cách quyền sở hữu, nhưng chỉ sau khi các vấn đề pháp lí và chính trị để kéo khu vực ngoài pháp luật vào đã được giải quyết.

* * *

Chỉ có người lãnh đạo chính trị thật sự mới có thể dỗ ngọt luật quyền sở hữu ra khỏi sự bận tâm với quá khứ và chuyển sang một nhận thức sâu sắc về hiện tại, khỏi bị quá thán phục công nghệ sang quan tâm đến lợi ích của xã hội. Cần đến các nhà chính trị bởi vì các định chế hiện hành có xu hướng ưu ái và bảo vệ hiện trạng. Chính là một nhiệm vụ chính trị để thuyết phục chế độ kĩ trị tự thay đổi mình và ủng hộ sự thay đổi.

Sự can thiệp chính trị là cần thiết, bởi vì các tổ chức chính phủ, ở trong phạm vi của lồng kính, thường không được thiết kế để đảm đương các chương trình cải cách rộng lớn, mau lẹ. Chúng thường được tổ chức thành các cục được chuyên môn hoá, một cơ cấu có nhiều ý nghĩa hơn ở các quốc gia phát triển, ở nơi chỉ cần sự thay đổi từ từ bởi vì luật và quyền sở hữu chính thức đã hoạt động cho mọi người rồi. Tạo quyền sở hữu hoàn toàn không giống một chương trình tư nhân hoá, cái liên quan đến bán vài chục hoặc một số gói tài sản mỗi năm. Mục đích của cải cách quyền sở hữu là đối với hàng triệu tài sản cho hàng triệu người trong một thời gian ngắn. Điều này có nghĩa rằng ít nhất nửa công việc là về truyền thông. Các nhà lãnh đạo cải cách cần phải mô tả chủ nghĩa tư bản được mến mộ sẽ ảnh hưởng ra sao đối với nhiều nhóm lợi ích khác nhau, chỉ cho họ những lợi ích mà họ sẽ thu được từ nó, và thuyết phục họ rằng nó là một cuộc chơi mà các bên đều thắng cho mọi mảng của xã hội. Đối với khu vực ngoài pháp luật, các nhà lãnh đạo phải đề cập đến năng lực kinh doanh bị dồn nén của họ và giải thích rõ những ưu điểm của việc tích hợp một luật chính thức. Đối với khu vực hợp pháp, họ phải giải thích rằng những cải cách được kiến nghị sẽ không làm tổn hại đến các quyền hợp pháp và có thể thực thi và rằng sẽ có những khoản lợi tổng hợp cho tất cả các nhóm lợi ích.

Tạo ra một hệ thống quyền sở hữu, hệ thống có thể tiếp cận được cho tất cả mọi người, trước hết là một công việc chính trị bởi vì nó phải được theo dõi bởi những người hiểu rằng mục đích cuối cùng của một hệ thống quyền sở hữu không phải là thảo ra các qui chế tao nhã, kết nối các máy tính bóng loáng, hoặc in ra các bản đồ nhiều màu sặc sỡ. Mục đích của quyền sở hữu chính thức là đưa tư bản vào tay của cả quốc gia.

CHƯƠNG 7

Thay Lời Kết luận

Đâu rồi sự minh triết mà chúng ta đã mất trong tri thức?
Đâu rồi tri thức mà chúng ta đã mất trong thông tin?

–T. D. Eliot, Hợp xướng từ "The Rock"

Câu lạc bộ Tư của Toàn Cầu hoá

Chủ nghĩa tư bản đang khủng hoảng ở ngoài Phương Tây không phải bởi vì toàn cầu hoá quốc tế đang thất bại mà bởi vì các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản đã không có khả năng để "toàn cầu hoá" tư bản trong phạm vi đất nước họ. Hầu hết người dân trong các nước đó coi chủ nghĩa tư bản như một câu lạc bộ tư, một hệ thống phân biệt đối xử chỉ có lợi cho Phương Tây và tầng lớp ưu tú sống bên trong những lồng kính của các nước nghèo.

Nhiều người dân trên khắp thế giới có thể mang giày Nike và khoe đồng hồ Casio, nhưng ngay khi họ tiêu thụ hàng hoá Phương Tây, họ nhận thức khá rõ rằng họ vẫn còn lần lữa ở bên rìa của cuộc chơi tư bản chủ nghĩa. Họ chẳng có đồng tiền cược nào trong đó. Toàn cầu hoá không được chỉ là sự kết nối các lồng kính của một số ít có đặc quyền. Loại toàn cầu hoá ấy đã tồn tại trước đây. Trong thế kỉ thứ mười chín, các vua chúa cai trị Châu Âu đã đúng là một gia đình lớn, có quan hệ máu mủ và trong sự tiếp xúc liên tục về chính trị

và thương mại với anh chị em họ của mình ở Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha và Nga. Chủ nghĩa tư bản đã chiến thắng trong thế kỉ thứ mười chín và đã thịnh hành khắp thế giới đã công nghiệp hoá cho đến Cách mạng Nga và Đại Suy thoái. Nhưng như Ortega y Gasset của Tây Ban Nha và học giả Mĩ Walter Lippman đã chỉ ra, bất chấp sự thống trị và sự tinh tế của nó, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã luôn luôn dễ bị tổn thương. Nhà kinh tế Mĩ Lester Thurow đã chỉ ra rằng chỉ mới 1941 đây thôi,

> Hoa Kì và Vương quốc Anh đã về cơ bản là các nước tư bản chủ nghĩa [chủ yếu] duy nhất còn lại trên mặt đất… Tất cả phần còn lại của thế giới đã là các nước phát xít, cộng sản hoặc các thuộc địa phong kiến Thế giới Thứ ba. Cuộc khủng hoảng cuối cùng của các năm 1920 và Đại Suy thoái của các năm 1930 đã đưa chủ nghĩa tư bản đến bờ của sự diệt vong. Chủ nghĩa tư bản cái bây giờ xem ra hấp dẫn không cưỡng lại được có thể, với chỉ một vài bước sẩy chân, bị tiêu tan.[1]

Chẳng cần phải nhắc đến các nước Mĩ Latin. Trong ít nhất bốn dịp từ khi họ độc lập khỏi Tây Ban Nha vào những năm 1820, họ đã thử trở thành một phần của chủ nghĩa tư bản toàn cầu và đã thất bại. Họ đã tái cơ cấu nợ của họ, đã ổn định hoá các nền kinh tế của họ bằng cách kiểm soát lạm phát, tự do hoá thương mại, tư nhân hoá các tài sản của chính phủ (bán các hệ thống đường sắt của họ cho Anh, chẳng hạn), thực hiện đổi nợ thành vốn đầu tư, và tổ chức lại các hệ thống thuế. Ở mức người tiêu thụ, những người Mĩ Latin nhập khẩu đủ loại hàng hoá, từ quần áo may bằng vải tuýt và giầy đi lễ của Anh đến các xe Ford Model T; họ học tiếng Anh và tiếng Pháp bằng cách nghe radio hoặc máy ghi âm; họ nhảy các điệu Charleston và Lambeth Walk, và nhai kẹo cao su Chiclets. Nhưng chẳng bao giờ họ tạo ra nhiều tư bản sống.

Bây giờ tất cả chúng ta có thể hưởng lợi từ cuộc cách mạng truyền thông, và một số có thể cho là tiến bộ trong sự thực là các con Nhân sư Ai Cập hiện nay trực tiếp nhìn chòng chọc vào bảng hiệu đèn neon của một cửa hàng Gà Rán Kentucky. Tuy nhiên, chỉ có hai mươi lăm

trong số hai trăm nước trên thế giới tạo ra tư bản với số lượng đủ để hưởng lợi đầy đủ từ phân công lao động trong các thị trường toàn cầu mở rộng. Huyết mạch của chủ nghĩa tư bản không phải là Internet hoặc các cửa hàng thức ăn nhanh. Nó là *tư bản*. Chỉ có tư bản mới cung cấp các phương tiện để hỗ trợ chuyên môn hoá và sản xuất và trao đổi các tài sản trong thị trường mở rộng. Chính tư bản là nguồn của năng suất ngày càng tăng và bởi vậy là sự giầu có của các quốc gia.

Thế mà chỉ có các quốc gia Phương Tây và các nhóm nhỏ của những người giàu có ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản là có năng lực để biểu diễn các tài sản và tiềm năng và, vì vậy, có khả năng tạo và sử dụng tư bản một cách có hiệu quả. Chủ nghĩa tư bản được nhìn nhận ở ngoài Phương Tây với sự thù địch tăng lên, như một chế độ phân biệt đối xử mà hầu hết người dân không thể bước vào. Có sự hiểu biết đang tăng lên, thậm chí giữa một số giới ưu tú, rằng nếu họ phải phụ thuộc chỉ vào và mãi mãi vào sự tử tế của tư bản từ bên ngoài, họ sẽ chẳng bao giờ trở thành những người chơi có hiệu quả trong ván bài tư bản chủ nghĩa toàn cầu. Họ ngày càng thất vọng về việc không được là chủ của số phận mình. Vì họ đã nhảy lên [con tàu] toàn cầu hoá mà không cung cấp cho chính nhân dân họ những phương tiện để tạo tư bản, họ đang bắt đầu nhìn ít giống Hoa Kì hơn mà là giống Mĩ Latin theo thuyết trọng thương với hoạt động ngoài pháp luật lộn xộn của nó.[2] Mười năm trước ít người đi so sánh các quốc gia thuộc phe Liên Xô trước đây với Mĩ Latin. Nhưng ngày nay họ giống nhau một cách đáng kinh ngạc: các nền kinh tế ngầm mạnh mẽ, sự bất bình đẳng rành rành, mafia tràn lan, bất ổn định chính trị, tư bản đào tẩu, và sự khinh nhờn và vi phạm pháp luật trắng trợn.

Đó là lí do vì sao ở ngoài Phương Tây những người bênh vực cho chủ nghĩa tư bản lại rút lui về mặt trí tuệ. Có uy thế vừa đúng một thập kỉ trước, bây giờ họ ngày càng được nhìn nhận như những người biện hộ cho sự khốn khổ và bất công vẫn còn tác động đến đa số dân chúng. Thí dụ, năm 1999 thượng viện tư vấn của Ai Cập đã cảnh báo chính phủ "đừng bị lừa dối lâu hơn nữa bởi những lời kêu gọi cho chủ nghĩa tư bản và toàn cầu hoá".[3] Sau khi đã quên vấn đề cốt lõi của quyền sở hữu, những người biện hộ của chủ nghĩa tư bản đã để chính họ được biết đến như những người bảo vệ hiện trạng, cố gắng một

cách mù quáng để thực thi luật thành văn hiện hành bất kể nó có phân biệt đối xử hay không.

Và luật ở các nước ấy có phân biệt đối xử. Như tôi đã minh hoạ ở Chương 2, ít nhất 80 phần trăm dân số trong các nước này không thể bơm cuộc sống vào các tài sản của họ và làm cho chúng tạo ra tư bản bởi vì luật ngăn họ khỏi hệ thống quyền sở hữu chính thức. Họ có hàng ngàn tỉ đôla tư bản chết, nhưng cứ như thể [số tư bản chết] này là các ao nước mà nước của chúng mất hút trong các dải cát cằn cỗi, thay vì tạo thành một khối nước khổng lồ có thể được giữ trong một hệ thống quyền sở hữu thống nhất và cho chúng hình dạng cần thiết để tạo tư bản. Người dân nắm giữ và sử dụng các tài sản của mình trên cơ sở của vô số những thoả thuận phi chính thức rời rạc ở nơi tính chịu trách nhiệm giải trình được quản lí một cách cục bộ. Không có các tiêu chuẩn chung mà quyền sở hữu hợp pháp mang lại, họ thiếu ngôn ngữ cần thiết để các tài sản của họ có thể nói chuyện với nhau. Thật vô dụng đi thuyết phục họ hãy kiên nhẫn cho đến khi các lợi ích của chủ nghĩa tư bản chảy nhỏ giọt xuống theo cách của chúng. Điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra trước khi có các nền móng vững chắc của quyền sở hữu chính thức.

Trong khi đó, những người ủng hộ chủ nghĩa tư bản, vẫn còn ngạo mạn về chiến thắng của mình đối với chủ nghĩa cộng sản, tuy thế phải hiểu rằng các cải cách kinh tế vĩ mô của họ là không đủ. Chúng ta không được quên rằng toàn cầu hoá đang diễn ra bởi vì các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản đang mở cửa nền kinh tế một thời bị đóng của họ, đang ổn định hoá các đồng tiền của họ, và đang soạn thảo các khung khổ điều tiết để tăng cường buôn bán quốc tế và đầu tư tư nhân. Tất cả những thứ này đều tốt. Cái không được tốt cho lắm là, những cải cách này giả thiết rằng dân cư của các nước này đã được tích hợp vào hệ thống pháp lí và có cùng khả năng để sử dụng các nguồn lực của họ trong thị trường mở. Họ không được [tích hợp] và không có [cùng khả năng].

Như tôi đã lập luận ở Chương 3, hầu hết người dân không thể tham gia vào thị trường được mở rộng bởi vì họ không được tiếp cận tới hệ thống quyền sở hữu hợp pháp, hệ thống biểu diễn các tài sản của họ theo cách nó làm cho chúng có thể được chuyển nhượng và thay thế được cho nhau một cách rộng rãi, cái để cho chúng được gộp lại và

cho phép những người chủ của chúng trở thành người có trách nhiệm giải trình. Chừng nào các tài sản của đại đa số còn chưa được lập hồ sơ và được theo dõi một cách đúng đắn bởi một bộ máy thích hợp, thì họ còn là vô hình, không thể nhìn thấy, và vô sinh, không hiệu quả trên thương trường.

Bằng cách ổn định hoá và điều chỉnh "kinh thánh" [luật], các chương trình kinh tế vĩ mô của các nhà toàn cầu hoá đã hợp lí hoá một cách đầy kịch tính việc quản lí kinh tế của các nước đang phát triển. Nhưng bởi vì sách kinh thánh của họ không đề cập đến sự thực rằng hầu hết người dân không có các quyền sở hữu, họ đã chỉ làm một phần nhỏ công việc cần thiết để tạo một hệ thống tư bản chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường toàn diện. Các công cụ của họ được thiết kế để hoạt động trong các nước ở nơi luật có hệ thống đã được "toàn cầu hoá" nội tại rồi, khi kể cả các hệ thống quyền sở hữu kết nối với các công cụ tiền tệ và đầu tư hiệu quả đã có rồi – những cái mà các nước này còn phải đạt tới.

Có quá nhiều các nhà hoạch định chính sách đã lấy cái nhìn Olympia về quá trình toàn cầu hoá. Một khi họ đã ổn định hoá và điều chỉnh ở mức vĩ mô, cho phép các doanh nghiệp hợp pháp và các nhà đầu tư nước ngoài phát đạt và các nhà kinh tế chính thống kiểm soát ngân khố, họ cảm thấy rằng họ đã hoàn thành bổn phận của mình. Bởi vì họ đã chỉ tập trung vào các chính sách giải quyết các số liệu, chỉ tiêu tổng hợp, họ đã không điều tra xem liệu người dân đã có các phương tiện để tham gia vào một hệ thống thị trường được mở rộng hay chưa. Họ đã quên rằng nhân dân là những tác nhân căn bản của sự thay đổi. Họ đã quên tập trung vào những người nghèo. Và họ đã gây ra sự bỏ sót khổng lồ đó bởi vì họ không hoạt động với khái niệm *giai cấp* trong đầu óc họ. Theo lời của một trong những học giả lỗi lạc nhất của họ, họ không có "khả năng để thấu hiểu, dù là lơ mơ, những người khác sống ra sao".[4]

Các nhà cải cách kinh tế đã bỏ vấn đề quyền sở hữu cho những người nghèo vào tay của các cơ quan pháp luật bảo thủ không quan tâm đến thay đổi hiện trạng. Kết quả là, các tài sản của đại đa số công dân vẫn là tư bản chết bị kẹt trong khu vực ngoài pháp luật. Đây là lí do vì sao những người ủng hộ toàn cầu hoá và thị trường tự do đang

bắt đầu được nhận biết như những người tự thoả mãn bảo vệ những quyền lợi của những người chế ngự lồng kính.

Đối mặt với bóng Ma của Marx

Hầu hết các chương trình cải cách kinh tế trong các nền kinh tế nghèo có thể rơi vào cái bẫy mà Marx đã đoán trước: Sự mâu thuẫn to lớn của hệ thống tư bản chủ nghĩa là nó tự đào huyệt chôn mình bởi vì nó không thể loại trừ sự tập trung tư bản vào tay một số ít người. Do không để cho đại đa số tiếp cận đến các thị trường được mở rộng, các cuộc cải cách này để lại một mảnh đất màu mỡ cho xung đột giai cấp - một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và thị trường tự do cho số ít có đặc quyền những người có thể cụ thể hoá các quyền sở hữu của mình, và sự nghèo đói tương đối cho khu vực to lớn được tư bản hoá thấp không có khả năng dùng sức mạnh của các tài sản riêng của mình.

Xung đột giai cấp, trong những ngày này của thời đại? Chẳng phải khái niệm đó đã sụp đổ với bức Tường Berlin? Rất tiếc, nó đã không. Điều này có thể khó hiểu đối với một công dân ở một quốc gia tiên tiến bởi vì ở Phương Tây những người bất mãn với hệ thống sống trong “các nhóm nghèo đói riêng rẽ”. Sự nghèo khổ ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản, tuy vậy, không được giới hạn lại trong các nhóm riêng rẽ; nó phổ biến khắp xã hội. Những nhóm riêng rẽ tồn tại ở các nước ấy là các nhóm của những người giàu có. Cái mà Phương Tây gọi là “tầng lớp dưới” thì ở đây là đa số. Và trong quá khứ, khi những mong đợi tăng lên của họ đã không được thoả mãn, khối người nghèo dận dữ đó đã bắt giới ưu tú nhìn bề ngoài có vẻ vững chắc phải quì gối (như ở Iran, Venezuela, và Indonesia). Ở hầu hết các nước ngoài Phương Tây, các chính phủ phụ thuộc vào các cơ quan tình báo mạnh, và giới ưu tú của họ sống đằng sau các bức tường giống những pháo đài với lí do chính đáng.

Ngày nay, ở một qui mô rộng lớn, sự khác biệt giữa các quốc gia tiên tiến và phần còn lại của thế giới là sự khác biệt giữa các nước ở nơi quyền sở hữu chính thức là phổ biến và các nước mà các giai cấp được phân ra thành những người có thể cố định các quyền sở hữu và tạo ra tư bản và những người không thể. Nếu các quyền sở hữu ngoài pháp luật không được dàn xếp cho phù hợp, thì các xã hội này có thể vất vưởng với các nền kinh tế nhị nguyên của mình - với cái gọi là khu vực tuân thủ pháp luật ở một bên và khu vực ngoài pháp luật bị làm kiệt sức ở bên kia. Nhưng do thông tin và truyền thông tiếp tục được cải thiện và những người nghèo được thông tin tốt hơn về cái mà họ không có, sự thất vọng cay đắng về chủ nghĩa phân biệt pháp lí nhất thiết tăng lên. Đến một điểm nào đó, những người ở bên ngoài lồng kính sẽ được huy động, bởi những người người có chương trình hành động chính trị lớn nhanh nhờ sự bất mãn, để chống lại hiện trạng. “Nếu chúng ta không sáng chế ra các cách để làm cho toàn cầu hoá mang tính bao gồm hơn”, Klaus Schwab của Diễn đàn Kinh tế Thế giới nói, “chúng ta phải đối mặt với triển vọng của một sự trỗi dậy của những xung đột xã hội gay gắt của quá khứ, được khuếch đại lên ở mức quốc tế”.[5]

Chiến tranh Lạnh có thể đã chấm dứt, nhưng những lập luận cũ về giai cấp không biến mất. Các hoạt động lật đổ và một sự trỗi dậy của các xung đột sắc tộc và văn hoá ở khắp thế giới chứng tỏ rằng khi người dân vô cùng bất mãn họ tiếp tục tự tạo thành các giai cấp dựa trên cơ sở những tổn hại được chia sẻ. Tờ *Newsweek* lưu ý rằng ở Châu Mĩ từ các năm 1980, “mỗi trong những cuộc đấu tranh này có lịch sử riêng duy nhất của nó, nhưng tất cả những người đấu tranh đều phỉ báng cùng một kẻ thù: bộ mặt mới của chủ nghĩa tư bản Mĩ Latin”.[6] Trong các tình huống như vậy bộ dụng cụ Marxist phục vụ tốt hơn cho việc giải thích xung đột giai cấp hơn tư tưởng tư bản chủ nghĩa, cái chẳng hề có phân tích có thể so sánh được hoặc thậm chí một chiến lược nghiêm túc cho việc với tới những người nghèo ở khu vực ngoài pháp luật. Các nhà tư bản thường không có sự giải thích có hệ thống về làm sao mà những người nghèo ở tầng lớp dưới lại rơi vào vị thế như họ đang là và làm sao hệ thống có thể được thay đổi để nâng họ lên.

Chúng ta không được đánh giá thấp năng lực tiềm tàng của học thuyết Marxist thống nhất ở thời điểm khi quần chúng nhân dân với ít hi vọng đang tìm kiếm một thế giới quan nhất quán để cải thiện các triển vọng kinh tế tuyệt vọng của họ. Trong một thời kì kinh tế phồn thịnh, thường có ít thời gian cho suy ngẫm, tư duy sâu. Khủng hoảng, tuy vậy, có một cách để mài sắc nhu cầu tâm trí cho trật tự và các giải thích thành nỗi ám ảnh. Tư duy Marxist, trong bất luận dạng tái xuất hiện nào của nó – và nó sẽ – cung cấp một loạt các khái niệm hùng mạnh hơn nhiều để đánh vật với các vấn đề chính trị của chủ nghĩa tư bản ngoài Phương Tây so với cách suy nghĩ, tư duy tư bản chủ nghĩa.

Sự hiểu thấu tư bản của Marx, như George Soros đã quan sát mới đây, thường tinh tế hơn so với hiểu biết của Adam Smith.[7] Marx đã hiểu rõ ràng rằng "tự bản thân chúng, tiền và các hàng hoá không là tư bản nhiều hơn so với các tư liệu sản xuất và phương tiện sinh sống là. Chính chúng muốn chuyển thành tư bản".[8] Ông cũng đã hiểu rằng nếu các tài sản có thể biến đổi thành các hàng hoá và để chúng tương tác trong các thị trường, chúng có thể biểu lộ các giá trị những cái không thể cảm nhận được đối với các giác quan nhưng có thể được thâu tóm để tạo ra các khoản tô (tiền thuê). Đối với Marx, quyền sở hữu là một vấn đề quan trọng bởi vì đã rõ với ông là những người chiếm hữu các tài sản nhận được hơn rất nhiều so với chỉ các thuộc tính vật lí của chúng. Kết quả là, bộ công cụ trí tuệ Marxist đã để cho những người chống tư bản chủ nghĩa những phương pháp hùng mạnh để giải thích vì sao quyền sở hữu tư nhân sẽ tất yếu đưa các tài sản vào tay những người giàu làm tổn hại đến những người nghèo.

Đối với những người đã chưa nhận ra, kho vũ khí của những người phản đối chủ nghĩa tư bản và toàn cầu hoá đang được tích lại. Ngày nay, có những số liệu thống kê nghiêm túc, những cái cung cấp cho những người chống tư bản chủ nghĩa đúng thứ vũ khí họ cần để lập luận rằng chủ nghĩa tư bản là một sự chuyển tài sản từ các nước nghèo hơn sang các nước giàu hơn và rằng đầu tư tư nhân của Phương Tây trong các quốc gia đang phát triển chẳng là gì khác việc tiếp quản ở qui mô lớn các tài nguyên của họ bởi các công ti đa quốc gia. Số xe hơi bóng loáng, số nhà sang trọng, và số các siêu thị theo kiểu California có thể đã tăng trong hầu hết các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản trong thập kỉ vừa qua, nhưng số người nghèo cũng

thế. Nghiên cứu của Nancy Birdsal và Juan Luis Londoño chỉ ra rằng sự nghèo đói đã tăng nhanh hơn và phân bổ thu nhập đã xấu hơn đi trong thập kỉ qua.[9] Theo "Báo cáo Phát triển Con Người" của Liên Hiệp Quốc năm 1999, tổng sản phẩm quốc nội, GDP, của Liên bang Nga đã sụt 41 phần trăm từ 1990 đến 1997, đẩy hàng triệu người dân vào khu vực ngoài pháp luật. Tuổi thọ trung bình của nam giới Nga đã giảm đúng bốn năm – còn năm mươi tám năm. Báo cáo đổ lỗi cho quá độ sang chủ nghĩa tư bản và những tác động của toàn cầu hoá.

Những nỗ lực nghiên cứu này cung cấp cho chúng ta những tín hiệu cảnh báo lành mạnh, nhưng chúng cũng đặt các tên lửa trí tuệ vào vị trí cần thiết để làm nản lòng các chương trình tư nhân hoá và chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Thật quan trọng, bởi vậy, để nhận ra hệ thuyết Marxist và sau đó đưa thêm cái chúng ta đã học được trong một thế kỉ từ khi Marx chết. Chúng ta ngày nay có thể chứng minh rằng mặc dù Marx đã thấy rõ rằng một cuộc sống kinh tế song hành có thể được tạo ra sát cạnh bản thân các tài sản vật lí – rằng "những sản phẩm của đầu óc con người hiện ra như những cái độc lập được phú cho cuộc sống"[10] – ông đã không hiểu thấu lắm rằng quyền sở hữu chính thức đã không đơn thuần là một công cụ để chiếm đoạt mà còn là phương tiện để thúc đẩy người dân tạo ra giá trị khả dụng thêm thực sự. Hơn thế nữa, ông đã không nhìn thấy rằng chính các cơ chế chứa đựng trong bản thân hệ thống quyền sở hữu là những cái cho các tài sản và lao động đã được đầu tư trong chúng hình dạng cần thiết để tạo ra tư bản. Mặc dù phân tích của Marx, về làm sao các tài sản trở thành siêu việt và phục vụ việc sử dụng xã hội lớn hơn khi chúng trở nên có thể trao đổi được, là cơ bản để hiểu sự giàu có, ông đã không có khả năng để tiên đoán đến mức độ nào các hệ thống quyền sở hữu hợp pháp sẽ trở thành phương tiện quan trọng cho việc làm tăng giá trị trao đổi.

Marx đã hiểu tốt hơn bất kì ai khác trong thời đại của ông rằng trong kinh tế học không có sự mù quáng nào lớn hơn là xem các tài nguyên chỉ với những tính chất vật lí của chúng. Ông cũng đã nhận thức được rằng tư bản là "một chất liệu độc lập… trong đó tiền và các hàng hoá chỉ đơn thuần là các dạng mà nó khoác vào và bỏ ra lần lượt".[11] Nhưng ông đã sống trong một thời kì khi có lẽ đã là quá sớm để thấy làm sao quyền sở hữu chính thức có thể, thông qua biểu diễn,

làm cho cùng các tài nguyên ấy phục vụ các chức năng thêm nữa và tạo ra giá trị thặng dư. Bởi vậy, Marx đã không thể thấy làm thế nào để tăng dải của những người hưởng lợi của quyền sở hữu vì lợi ích của tất cả mọi người. Các chứng thư quyền sở hữu đã chỉ là đỉnh chóp có thể nhìn thấy được của tảng băng quyền sở hữu ngày càng lớn. Phần còn lại của tảng băng bây giờ là một phương tiện nhân tạo khổng lồ để dễ dàng rút ra khả năng kinh tế của các tài sản. Đó là lí do vì sao Marx đã không hiểu đầy đủ rằng quyền sở hữu hợp pháp là quá trình không thể thiếu được, quá trình cố định và triển khai tư bản, rằng không có quyền sở hữu thì nhân loại không thể biến đổi những thành quả lao động của mình thành các dạng lỏng, có thể thay thế nhau, những cái có thể được phân biệt, kết hợp, chia nhỏ, và đầu tư để tạo ra giá trị gia tăng. Ông đã không nhận ra rằng một hệ thống quyền sở hữu hợp pháp tốt, giống như một con dao nhíp [của] quân đội Thuỵ Sĩ, có nhiều cơ chế hơn là chỉ có mỗi một lưỡi dao "chủ sở hữu" sơ đẳng.

Phần lớn tư tưởng của Marx đã lỗi thời bởi vì hoàn cảnh ngày nay không giống như của Châu Âu thời Marx. Tư bản tiềm tàng không còn là đặc quyền của số ít người. Sau cái chết của Marx, Phương Tây cuối cùng đã tìm được cách thiết lập một khung khổ pháp lí cái đã cho hầu hết người dân tiếp cận đến quyền sở hữu và các công cụ sản xuất. Marx có lẽ sẽ bị sốc khi thấy rằng trong các nước đang phát triển [ngày nay] phần lớn của quần chúng đông đúc không phải là những người vô sản hợp pháp bị áp bức mà là các nghiệp chủ nhỏ ngoài pháp luật bị áp bức có một lượng tài sản khá lớn.

Sự mến mộ các hệ thống quyền sở hữu tốt không được làm chúng ta mù trước sự thực rằng, như Marx đã lưu ý, các hệ thống này cũng có thể được sử dụng để trộm cắp. Thế giới sẽ luôn đầy những kẻ lừa đảo lão luyện trong việc sử dụng các giấy tờ quyền sở hữu để hớt của từ những người dân nhẹ dạ không đề phòng. Tuy nhiên không thể phản đối các hệ thống quyền sở hữu chính thức vì lí do này, hơn một chút nào so với việc phải huỷ các máy tính hoặc xe hơi bởi vì có người dùng chúng để phạm tội. Nếu giả như Marx còn sống ngày nay và nhìn thấy sự chiếm đoạt các tài nguyên đã xảy ra ở cả hai phía của Bức Màn Sắt trước đây, ông có lẽ sẽ đồng ý rằng sự cướp bóc có thể xảy ra với hoặc không với quyền sở hữu và rằng kiểm soát nạn trộm

cấp phụ thuộc nhiều hơn vào thực thi quyền lực hơn là vào quyền sở hữu. Thêm nữa, mặc dù Marx đã cho "giá trị thặng dư" một định nghĩa rất cụ thể, ý nghĩa của nó không bị buộc chặt vào cây bút của ông. Người dân đã luôn luôn tạo ra giá trị thặng dư: các kim tự tháp, thánh đường, quân đội tốn nhiều tiền, đó chỉ là nêu vài thí dụ. Rõ ràng là phần lớn giá trị thặng dư ngày nay ở Phương Tây có xuất xứ không phải trong thời gian lao động bị tước đoạt một cách đáng hổ thẹn, mà ở trong cách quyền sở hữu đã cho đầu óc các cơ chế để với chúng công việc thêm có thể được rút ra từ các hàng hoá.

Giống như tất cả chúng ta, Marx đã bị ảnh hưởng bởi các điều kiện xã hội và những công nghệ của thời đại ông. Sự tước đoạt những người chủ nhỏ khỏi các phương tiện tồn tại của họ, sự tiếp cận đến các quyền sở hữu tư nhân có nguồn gốc từ quyền sở hữu phong kiến, sự ăn cướp đất công, sự nô dịch hoá thổ dân, sự cướp bóc những người xâm chiếm, và việc "săn người da đen mang tính thương mại" bởi hệ thống thuộc địa có thể tất cả đã là các tiền đề chủ yếu cho cái mà Marx đã gọi là "tích luỹ tư bản nguyên thuỷ". Ngày nay những điều kiện này khó có thể lặp lại. Thái độ đã thay đổi – với mức độ không nhỏ do bởi chính những tác phẩm của Marx. Cướp bóc, chế độ nô lệ, và chủ nghĩa thực dân bây giờ đều không được chính phủ chuẩn y. Hầu hết các nước ngày nay là các bên của các hiệp định như Tuyên bố Phổ quát về Quyền Con người và có những hiến pháp qui định rằng tiếp cận bình đẳng đến các quyền sở hữu như là một trong những quyền căn bản của nhân loại.

Hơn thế nữa, như đã thấy ở Chương 6, các nhà chức trách trong các nước đang phát triển đã không dè dặt khi trao cho những người nghèo tiếp cận đến các tài sản. Phần lớn các toà nhà và doanh nghiệp ngoài pháp luật tự phát ở các đô thị khắp Thế giới Thứ Hai và Thứ Ba có thể đã không có chứng thư sở hữu chính thức, nhưng các chính phủ đã chấp nhận (dù ngầm định) sự tồn tại của chúng và những dàn xếp quyền sở hữu. Ở nhiều nước đang phát triển trong thế kỉ này, các dải đất lớn đã được cấp cho những nông dân nghèo như một phần của các chương trình cải cách nông nghiệp (mặc dù không có các biểu diễn quyền sở hữu cần thiết để tạo ra tư bản). Các nhà chức trách ở các nước đó cũng chẳng miễn cưỡng dành riêng ngân sách cho các vấn đề

quyền sở hữu. Hàng ngàn tỉ đôla đã được chi cho các hoạt động liên quan đến đăng kí quyền sở hữu.

Quyền Sở hữu Khiến Tư bản "Thân thiện với Trí óc"

Suốt quyển sách này tôi đã cố gắng chứng minh rằng hiện nay chúng ta có đủ bằng chứng để tạo sự tiến bộ lớn lao trong phát triển. Với nó trong tay chúng ta có thể vượt quá cuộc tranh luận trì trệ "tả đối lại với hữu" về quyền sở hữu và tránh phải chiến đấu cũng chính các cuộc chiến cũ ấy lại một lần nữa. Quyền sở hữu chính thức là nhiều hơn chỉ quyền chủ sở hữu. Như chúng ta đã thấy ở Chương 3, quyền sở hữu chính thức phải được xem như một quá trình không thể thiếu được, quá trình cung cấp cho người dân các công cụ để tập trung suy nghĩ của họ vào các khía cạnh của các tài nguyên của họ mà từ những khía cạnh ấy họ có thể chiết xuất ra tư bản. Quyền sở hữu chính thức là nhiều hơn một hệ thống cấp chứng thư, đăng kí, ghi chép, và lập bản đồ các tài sản – nó là một công cụ của tư duy, biểu diễn các tài sản theo cách sao cho đầu óc của người dân có thể thao tác trên chúng để tạo ra giá trị thặng dư. Đó là lí do vì sao quyền sở hữu chính thức phải có thể tiếp cận được một cách phổ quát: để kéo mọi người vào một khế ước xã hội ở nơi họ có thể hợp tác để làm tăng năng suất của xã hội.

Cái phân biệt một hệ thống quyền sở hữu hợp pháp tốt chính là nó "thân thiện với trí óc". Nó tiếp nhận và tổ chức tri thức về các tài sản đã được ghi chép vào trong các hình dạng mà chúng ta có thể kiểm soát. Nó thu thập, tích hợp, và phối hợp không chỉ những dữ liệu về các tài sản và tiềm năng của chúng mà cả tư duy của chúng ta về chúng. Tóm lại, tư bản được sinh ra từ khả năng của Phương Tây sử dụng các hệ thống quyền sở hữu để biểu diễn các tài nguyên của họ trong một khung cảnh ảo. Chỉ có ở đó, trong thế giới ảo ấy, trí óc có thể tiếp nhận để nhận ra và thực hiện ý nghĩa của các tài sản cho nhân loại.

Sự đóng góp cách mạng của một hệ thống quyền sở hữu được tích hợp là ở chỗ nó giải quyết vấn đề cơ bản của nhận thức. Năm giác

quan của chúng ta là không đủ đối với chúng ta để xử lí thực tại phức tạp của một thị trường được mở rộng, chẳng nói chi đến một thị trường được toàn cầu hoá. Chúng ta cần phải cô đọng các sự thực kinh tế về bản thân chúng ta và những tài nguyên của chúng ta lại thành những tinh chất mà trí óc của chúng ta có thể nắm bắt một cách dễ dàng. Một hệ thống quyền sở hữu tốt làm việc đó – nó đưa các tài sản vào một dạng cho phép chúng ta phân biệt những nét giống nhau, các nét khác biệt của chúng và các điểm giao tiếp với các tài sản khác. Nó cố định chúng trong những biểu diễn những cái được hệ thống theo dõi khi chúng chu du qua thời gian và không gian. Thêm nữa, nó cho phép các tài sản trở nên thay thế nhau được bằng cách biểu diễn chúng trong trí óc sao cho chúng ta có thể dễ dàng kết hợp, phân chia, và huy động chúng để tạo ra các hỗn hợp có giá trị cao hơn. Năng lực này của quyền sở hữu, để biểu diễn các khía cạnh của tài sản trong các dạng thức cho phép chúng ta tổ hợp chúng lại để làm cho chúng hữu ích hơn nữa, chính là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, vì tăng trưởng chính là nhận được những đầu ra có giá trị cao từ những đầu vào có giá trị thấp.

Một hệ thống quyền sở hữu hợp pháp tốt là một môi trường cho phép chúng ta hiểu lẫn nhau, thiết lập các mối quan hệ, và tổng hợp tri thức về các tài sản của chúng ta để làm tăng năng suất của chúng ta. Nó là một cách để biểu diễn thực tại cái cho phép chúng ta vượt quá những giới hạn của giác quan của chúng ta. Những biểu diễn quyền sở hữu được thiết kế khéo làm cho chúng ta có khả năng lần ra tiềm năng kinh tế của các tài nguyên để tăng cường cái mà chúng ta có thể làm với chúng. Chúng không phải “đơn thuần là giấy”: chúng là các phương kế để suy tư những cái cho chúng ta tri thức hữu ích về những thứ không hiện diện rõ ràng.

Các hồ sơ quyền sở hữu hướng tri thức của chúng ta về các thứ tới một mục tiêu, mượn lời của Thomas Aquinas, “hệt như mũi tên vút đi nhờ người bắn cung”.[12] Bằng cách biểu diễn các khía cạnh kinh tế của các thứ chúng ta có và ghép chúng lại thành các phạm trù mà đầu óc của chúng ta có thể nắm bắt nhanh chóng, các hồ sơ thích hợp làm giảm các chi phí giao dịch với các tài sản và làm tăng giá trị của chúng một cách tương xứng. Quan niệm này, rằng giá trị của các thứ có thể được tăng lên bằng cách giảm chi phí tìm hiểu chúng và giao

dịch với chúng, là một đóng góp quan trọng của Ronald Coase người được giải Nobel. Trong bài khảo luận "Bản chất Công ti", Coase đã chứng minh rằng các chi phí để thực hiện các giao dịch có thể được giảm đi một cách đáng kể trong khung cảnh được kiểm soát và phối hợp của một hãng.[13] Trong ý nghĩa này, các hệ thống quyền sở hữu giống như các hãng của Coase – các môi trường được kiểm soát để giảm các chi phí giao dịch.

Năng lực của quyền sở hữu để biểu lộ tư bản tiềm tàng trong các tài sản mà chúng ta tích tụ, được sinh ra từ truyền thống trí tuệ hay nhất về kiểm soát môi trường của chúng ta để phồn vinh. Trong hàng ngàn năm những bậc minh triết nhất của nhân loại đã nói với chúng ta rằng cuộc sống có những mức độ thực tại khác nhau, nhiều trong số đó có thể thấy được, và rằng chỉ bằng cách xây dựng các công cụ biểu diễn để con người có thể có khả năng tiếp cận chúng. Theo sự tương tự nổi tiếng của Plato, chúng ta được ví như những người tù bị xích trong một cái hang ngoảnh mặt vào trong, lưng quay ra cửa để cho tất cả cái chúng ta có thể biết về thế giới là những cái bóng rớt trên tường trước mặt chúng ta. Sự thật mà minh hoạ này cống hiến là nhiều thứ dẫn dắt vận mệnh của chúng ta là không hiển nhiên. Đó là lí do vì sao nền văn minh đã làm việc siêng năng để tạo thành các hệ thống biểu diễn để tiếp cận và nắm bắt phần của thực tại cái là ảo và biểu diễn nó ở dạng mà chúng ta có thể hiểu được.

Như Margaret Boden diễn đạt, "Một số trong số những cái quan trọng nhất mà con người tạo ra là các hệ thống biểu diễn mới. Những hệ thống này bao gồm những kí hiệu hình thức, như các số Árập (đừng quên số không), các công thức hoá học, hoặc các khuông nhạc, nốt trắng, và nốt đen được các nhạc sĩ sử dụng. Các ngôn ngữ lập trình [máy tính] là một thí dụ mới đây hơn".[14] Các hệ thống biểu diễn như toán học và quyền sở hữu được tích hợp giúp chúng ta thao tác và sắp xếp những tính phức tạp của thế giới theo một cách mà tất cả chúng ta có thể hiểu và cho phép chúng ta truyền đạt về những vấn đề mà khác đi thì chúng ta không thể xử lí. Chúng là những cái mà nhà triết học Daniel Dennett đã gọi là "những bộ phận giả nối dài của trí óc".[15] Thông qua những biểu diễn chúng ta đưa các khía cạnh chủ chốt của thế giới thành hiện hữu, để thay đổi cách chúng ta nghĩ về chúng. Triết gia John Searle đã lưu ý rằng bằng thoả thuận của con

người chúng ta có thể ấn định "một thân phận mới cho một số hiện tượng, ở nơi thân phận ấy có một chức năng đi kèm cái không thể được thực hiện một cách đơn độc trong tư cách của các đặc tính vật lí nội tại của hiện tượng ấy".[16] Điều này với tôi xem ra rất gần với cái mà quyền sở hữu hợp pháp làm: Nó ấn định cho các tài sản, bằng khế ước xã hội, trong thế giới khái niệm, một thân phận cái cho phép chúng thực hiện các chức năng tạo ra tư bản.

Quan niệm này, rằng chúng ta tổ chức thực tại trong một thế giới quan niệm, là ở ngay tâm điểm của triết học khắp thế giới. Nhà triết học Pháp Michel Foucault gắn cho nó cái nhãn *région médiane* cái cung cấp một hệ thống chuyển mạch (*codes fondamentaux*) tạo thành một mạng bí mật nơi xã hội xác lập phạm vi không ngừng mở rộng khả năng của nó (*les conditions de possibilité*).[17] Tôi xem quyền sở hữu hình thức như một loại bảng chuyển mạch, cái cho phép chúng ta mở rộng khả năng của các tài sản mà chúng ta tích luỹ hơn nữa và hơn nữa, mỗi lần tăng tư bản. Tôi cũng hưởng lợi từ quan niệm của Karl Popper về *Thế giới 3* – một thực thể tách rời *Thế giới 1* của các đối tượng vật lí và *Thế giới 2* của các trạng thái tinh thần – ở nơi các sản phẩm của trí óc chúng ta nhận một sự tồn tại tự trị ảnh hưởng đến cách mà chúng ta đối xử với thực tế vật lí.[18] Và quyền sở hữu hình thức đưa chúng ta đến chính thế giới quan niệm này – một thế giới mà ở đó Phương Tây tổ chức tri thức về các tài sản và chiết xuất từ chúng ra khả năng để tạo tư bản.

Và như thế quyền sở hữu hình thức là cái thứ lạ thường này, lớn hơn nhiều so với quyền chủ sở hữu đơn thuần. Không giống những con hổ và chó sói, nhe nanh vuốt ra để bảo vệ lãnh thổ của chúng, con người, một loài vật yếu hơn nhiều về mặt thân thể, đã dùng trí óc của mình để tạo ra một môi trường pháp lí – quyền sở hữu – để bảo vệ lãnh thổ của mình. Chẳng có bất kì ai nhận ra nó hoàn toàn, hệ thống biểu diễn mà Phương Tây đã tạo ra để giải quyết các yêu sách lãnh thổ đã có một cuộc sống riêng của mình, cung cấp cơ sở tri thức và các qui tắc cần thiết để cố định và thực hiện tư bản.

Những Kẻ thù của các Biểu diễn

Thật mỉa mai, những kẻ thù của chủ nghĩa tư bản xem ra luôn nhận thức rõ hơn về xuất xứ ảo của tư bản so với bản thân các nhà tư bản. Chính khía cạnh ảo này của chủ nghĩa tư bản là cái họ thấy xảo quyệt và nguy hiểm đến vậy. Chủ nghĩa tư bản, Viviane Forrester lên án trong quyển *L'Horreur économique* bán chạy nhất của bà, "đã xâm chiếm không gian vật lí cũng như không gian ảo…Nó đã tịch thu và giấu giếm của cải như chưa từng bao giờ, nó đã lấy hết khỏi tầm với của người dân bằng cách giấu giếm nó trong dạng của các kí hiệu. Các kí hiệu đã trở thành các đối tượng trao đổi trừu tượng xảy ra chẳng ở nơi nào khác mà chính là trong thế giới ảo của chúng".[19] Một cách có ý thức hoặc vô thức, Forrester là một phần của một truyền thống lâu đời về không thoải mái với những biểu diễn kinh tế của thực tế ảo – những thứ "tinh vi siêu hình" mà Marx nghĩ rằng tuy nhiên là cần thiết để hiểu và tích luỹ của cải.[20]

Sự sợ hãi tính ảo này của tư bản là có thể hiểu được. Mỗi lần nền văn minh đạt tới một cách mới của việc sử dụng các biểu diễn để cai quản thế giới vật lí, người dân trở nên nghi ngờ. Khi Marco Polo từ Trung Quốc trở về, ông đã làm những người Châu Âu bị sốc với thông tin rằng người Trung Quốc không dùng tiền kim loại mà dùng tiền giấy, điều mà người dân nhanh chóng lên án là giả kim thuật. Thế giới Châu Âu đã chống đối tiền tượng trưng cho đến thế kỉ thứ mười chín. Các dạng mới nhất của tiền phái sinh – tiền điện tử, điện chuyển, và bây giờ thẻ tín dụng có mặt khắp mọi nơi – cũng đã cần thời gian để được chấp nhận. Do các biểu diễn của giá trị trở thành ít nặng nề hơn và ảo hơn, có thể hiểu được là người dân nghi ngờ. Các dạng phái sinh mới của quyền sở hữu (như các chứng chỉ bảo lãnh bằng văn tự thế chấp) có thể giúp tạo ra thêm tư bản, nhưng chúng cũng làm cho việc hiểu cuộc sống kinh tế thêm phức tạp hơn. Và như thế người dân có xu hướng cảm thấy thoải mái hơn với bức tranh của những người công nhân đáng kính phục nhễ nhại mồ hôi trên các bức tường ở Liên Xô và Mĩ Latin, lê bước trên những cánh đồng hoặc điều khiển máy móc của họ, hơn là với bức tranh của những nhà tư bản lái xe và buôn bán các chứng thư sở hữu, các cổ phiếu, và trái phiếu trong thực tế ảo

trên máy tính của họ. Cứ như thể làm việc với các biểu diễn làm bẩn tay hơn là làm việc với bụi và dầu mỡ.

Như tất cả các hệ thống biểu diễn – từ ngôn ngữ thành văn cho đến tiền và các kí hiệu máy tính – giấy chứng nhận quyền sở hữu đã được nhiều trí thức xem là một công cụ của sự lừa dối và áp bức. Thái độ tiêu cực với biểu diễn đã là những dòng nước ngầm mạnh mẽ trong hình thành các ý tưởng chính trị. Triết gia Pháp Jacques Derrida gợi lại trong *De la Grammatologie* về cách nào mà Jean Jacques Rousseau đã lập luận rằng văn tự đã là một nguyên nhân quan trọng của sự bất bình đẳng của con người. Đối với Rousseau, những người có hiểu biết về chữ viết có thể kiểm soát các luật thành văn và các giấy tờ chính thống và, như thế, có thể kiểm soát số phận của người dân. Claude Lévi-Strauss cũng đã lập luận rằng "chức năng hàng đầu của truyền thông bằng văn viết là để tạo thuận lợi cho sự nô dịch hoá".[21]

Tôi cũng ý thức được như bất kể người chống tư bản chủ nghĩa nào về các hệ thống biểu diễn, đặc biệt là các hệ thống của chủ nghĩa tư bản, đã được dùng thế nào để bóc lột và xâm chiếm, về chúng đã để số đông bị phó mặc cho một số ít ra sao. Tôi đã thảo luận trong cuốn sách này về giấy tờ chính thống đã được sử dụng cho sự thống trị thẳng thừng ra sao. Và tuy thế nghệ thuật và khoa học về biểu diễn vẫn là một trong những rường cột của xã hội hiện đại. Dẫu có nguyền rủa chống lại chữ viết, tiền điện tử, các kí hiệu máy tính, và các giấy chứng nhận quyền sở hữu đến bao nhiêu cũng chẳng làm cho chúng biến mất đi. Thay vào đó chúng ta phải làm cho các hệ thống biểu diễn đơn giản hơn, minh bạch hơn và cố gắng chăm chỉ làm việc để giúp người dân hiểu chúng. Khác đi, thì chủ nghĩa phân biệt pháp lí sẽ còn dai dẳng, và các công cụ để tạo ra của cải vẫn sẽ nằm trong tay của những người sống bên trong lồng kính.

Thành công ở Chủ nghĩa Tư bản là Vấn đề Văn hoá?

Hãy nghĩ về Bill Gates, nghiệp chủ thành công nhất và giàu nhất thế giới. Ngoài sự thiên tài cá nhân của ông ra, bao nhiêu trong thành

công của ông là do nền tảng văn hoá của ông và do đạo đức "Tin lành" của ông? Và bao nhiêu là do hệ thống quyền sở hữu hợp pháp của Hoa Kì?

Ông ta có thể làm ra được bao nhiêu phần mềm sáng tạo nếu không có bản quyền để bảo vệ chúng? Ông ta có thể tiến hành được bao nhiêu thương vụ và đề án dài hạn nếu không có các hợp đồng có thể được thực thi? Ông ta có thể phải chịu rủi ro là bao nhiêu lúc ban đầu nếu không có các hệ thống trách nhiệm hữu hạn và các khế ước bảo hiểm? Ông ta có thể tích luỹ được bao nhiêu tư bản nếu không có các hồ sơ quyền sở hữu để cố định và lưu trữ ở đó số tư bản ấy? Ông ta có thể huy động được bao nhiêu nguồn lực nếu không có những biểu diễn quyền sở hữu có thể chia, tách, kết hợp với nhau được? Ông ta có thể làm cho bao nhiêu người khác trở thành triệu phú nếu không có khả năng chia quyền chọn cổ phiếu? Ông ta có thể hưởng được bao nhiêu tiết kiệm theo qui mô nếu ông ta phải hoạt động trên cơ sở thủ công tản mác không thể kết hợp được? Ông ta sẽ chuyển các quyền đối với đế chế của ông ra sao cho con cháu và các đồng nghiệp của ông nếu không có quyền thừa kế?

Tôi không nghĩ Bill Gates hoặc bất kể nghiệp chủ nào ở Phương Tây lại có thể thành công mà không có các hệ thống quyền sở hữu dựa trên cơ sở của một khế ước xã hội mạnh và được tích hợp khéo. Tôi khiêm tốn đề nghị rằng trước khi bất kể một học "giả" lớn nào, người sống ở bên trong lồng kính, cố thuyết phục chúng ta rằng thành công ở chủ nghĩa tư bản đòi hỏi những đặc điểm văn hoá nhất định, thì chúng ta đầu tiên phải cố gắng để xem cái gì xảy ra khi các nước đang phát triển và nguyên cộng sản thiết lập các hệ thống quyền sở hữu những hệ thống có thể tạo tư bản cho tất cả mọi người.

Trong suốt chiều dài của lịch sử, người dân đã lẫn lộn tính hiệu quả của các công cụ biểu diễn mà họ kế thừa để tạo ra giá trị thặng dư với các giá trị nội tại của nền văn hoá của họ. Họ đã quên rằng nhiều khi cái làm cho một nhóm người nào đó có lợi thế chính là việc họ áp dụng sáng tạo một hệ thống biểu diễn đã được phát triển bởi một nền văn hoá khác. Thí dụ, những người Phương Bắc đã phải sao chép các định chế pháp lí của Rome cổ xưa để tổ chức bản thân họ và học chữ Hi Lạp và các kí hiệu và hệ thống số Ả rập để chuyển tải thông tin và tính toán. Và như thế, ngày nay, ít người ý thức được về lợi thế to lớn

mà các hệ thống quyền sở hữu hình thức đã cho các xã hội Phương Tây. Kết quả là, nhiều người Phương Tây được hướng dẫn để tin rằng cái làm cơ sở cho chủ nghĩa tư bản thành công của họ là đạo đức làm việc mà họ đã kế thừa hoặc là nỗi lo tồn tại tột cùng do tôn giáo của họ tạo ra – bất chấp sự thực là người dân khắp thế giới tất cả đều làm việc siêng năng khi họ có thể và rằng nỗi lo lắng tồn tại hoặc các bà mẹ áp đảo chẳng phải là độc quyền Calvinist hay Do Thái. (Tôi cũng lo lắng như bất kể người theo phái Calvinist nào trong lịch sử, đặt biệt vào các tối Thứ Bảy, và trong chuyện cá cược về bà mẹ áp đảo, tôi sẽ tiến cử mẹ tôi ở Peru đối đầu với bất kể phụ nữ nào ở New York). Cho nên, một phần lớn của chương trình nghiên cứu cần thiết để giải thích vì sao chủ nghĩa tư bản thất bại ở ngoài Phương Tây vẫn còn bị sa lầy trong một đống giả thiết không được xem xét và nhìn chung không thể kiểm chứng được, các giả thiết được gắn cho cái nhãn "văn hoá" mà mục đích chính của nó là cho phép quá nhiều người sống trong các khu biệt lập của thế giới này có được cảm giác trịch thượng.

Một ngày kia những lập luận văn hoá này sẽ tróc ra khi bằng chứng nghiêm khắc về những tác động của các định chế chính trị và luật quyền sở hữu tốt được thấu hiểu. Giữa chừng, như Fareed Zakaria của tờ *Foreign Affairs* đã quan sát thấy:

> Văn hoá là [vấn đề] nóng bỏng. Đối với văn hoá tôi không muốn nói tới Wagner và Chủ nghĩa Biểu hiện Trừu tượng – chúng đã luôn nóng bỏng – mà muốn nói tới văn hoá như một sự lí giải cho các hiện tượng xã hội… Những lí giải văn hoá vẫn cứ dai dẳng bởi vì các nhà trí thức thích chúng. Họ làm cho hiểu biết cặn kẽ về lịch sử của các nước có thể đánh giá được, những cái các nhà trí thức có rất nhiều. Họ cho thêm một dáng vẻ bí ẩn và tính phức tạp vào việc nghiên cứu các xã hội… Nhưng bản thân văn hoá có thể được nhào nặn và thay đổi. Đằng sau biết bao thái độ văn hoá, thị hiếu, và sở thích là các lực lượng chính trị và kinh tế nhào nặn chúng.[22]

Điều này không có nghĩa là văn hoá không đáng quan tâm. Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có những sở thích, kĩ năng, và những hình mẫu ứng xử riêng biệt những cái có thể được coi như văn hoá.

Thách thức là đi tìm hiểu xem những cái nào trong số những nét tiêu biểu này là bản sắc thực sự thâm căn cố đế, không thay đổi được của một dân tộc và những cái nào được xác định bởi những ràng buộc kinh tế và pháp luật. Liệu việc chiếm đất bất hợp pháp ở Ai Cập và Peru có phải là kết quả của các truyền thống du cư cổ xưa không thể triệt được ở những người Ả rập và tập quán đi tới đi lui của những người Quechuas trồng trọt ở các độ cao khác nhau của dãy núi Andes? Hay điều đó xảy ra bởi vì cả ở Ai Cập lẫn ở Peru cần hơn mười lăm năm để nhận được các quyền sở hữu hợp pháp trên đất sa mạc? Theo kinh nghiệm của tôi sự chiếm đất chủ yếu là do nguyên nhân sau. Khi người dân được tiếp cận đến một cơ chế gọn gàng để chiếm đất, cơ chế phản ánh khế ước xã hội, thì họ sẽ đi theo con đường hợp pháp, và chỉ có một thiểu số, giống ở mọi nơi khác, sẽ cứ khăng khăng bám lấy việc chiếm hữu ngoài pháp luật. Phần lớn ứng xử mà ngày nay được cho là do di sản văn hoá lại không phải là kết quả không tránh khỏi của các đặc điểm tộc người hoặc khí chất của dân tộc mà là kết quả của sự đánh giá duy lí của họ về các chi phí và lợi ích tương đối của việc tham gia vào hệ thống quyền sở hữu hợp pháp.

Quyền sở hữu hợp pháp trao quyền cho các cá nhân trong mọi nền văn hoá, và tôi nghi ngờ rằng quyền sở hữu tự nó mâu thuẫn với bất kể nền văn hoá chủ yếu nào. Những người nhập cư Việt Nam, Cuba, và Ấn Độ rõ ràng đã chẳng có mấy vấn đề về thích ứng với luật quyền sở hữu Hoa Kì. Nếu được nghĩ ra một cách đúng đắn, luật quyền sở hữu có thể với quá các nền văn hoá để làm tăng sự tin cậy giữa chúng và, đồng thời, làm giảm các chi phí để đưa các đồ vật và những tư tưởng đến với nhau.[23] Quyền sở hữu hợp pháp xác định các tỉ giá trao đổi giữa các nền văn hoá khác nhau và như vậy cho chúng nền tảng của những sự tương đồng kinh tế, từ đó để tiến hành kinh doanh với nhau.

Cuộc Chơi Duy nhất trong Phố

Tôi tin rằng chủ nghĩa tư bản đã lạc mất đường ở các quốc gia đang phát triển và nguyên cộng sản. Nó không công bằng. Nó mất liên lạc với những người lẽ ra phải là nhóm người ủng hộ lớn nhất của nó, và

thay vì là một sự nghiệp đảm bảo cơ hội cho tất cả mọi người, chủ nghĩa tư bản ngày càng tỏ ra là chủ đề quán xuyến của một phường hội tự phục vụ của các doanh nhân và bộ máy kĩ trị của họ. Tôi hi vọng cuốn sách này đã truyền đạt lòng tin của tôi rằng tình trạng này có thể tương đối dễ chỉnh sửa - với điều kiện các chính phủ sẵn sàng chấp nhận những điểm sau:

1. Tình hình và tiềm năng của những người nghèo cần phải được nêu bằng tư liệu một cách tốt hơn.
2. Tất cả mọi người dân đều có khả năng tiết kiệm.
3. Cái mà những người nghèo thiếu là các hệ thống quyền sở hữu được tích hợp một cách hợp pháp những cái có thể chuyển đổi lao động và tiết kiệm của họ thành tư bản.
4. Sự không vâng lời hay bất tuân dân sự và mafia hiện nay không phải là các hiện tượng không đáng kể mà là kết quả của cuộc hành quân của hàng tỉ người từ cách sống được tổ chức trên qui mô nhỏ sang cách sống được tổ chức trên qui mô lớn.
5. Trong khung cảnh này, những người nghèo không phải là vấn đề mà chính là giải pháp.
6. Thực hiện một hệ thống quyền sở hữu cái tạo ra tư bản là một thách thức chính trị bởi vì nó liên quan đến tiếp xúc với nhân dân, nắm bắt hay thấu hiểu khế ước xã hội, và xem xét để đại tu hệ thống pháp luật.

Với chiến thắng của nó đối với chủ nghĩa cộng sản, chương trình nghị sự cũ của chủ nghĩa tư bản cho tiến bộ kinh tế đã kiệt lực và đòi hỏi một tập mới của những cam kết. Chẳng có ý nghĩa gì khi tiếp tục đòi phải có các nền kinh tế mở mà không đối mặt với sự thực rằng các cuộc cải cách kinh tế đang thực hiện chỉ mở cửa cho giới ưu tú nhỏ và được toàn cầu hoá và bỏ sót đa số loài người. Hiện tại, toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa quan tâm kết nối chỉ những giới ưu tú sống bên trong những lồng kính. Để nhấc những lồng kính đi và huỷ bỏ chủ nghĩa phân biệt quyền sở hữu sẽ đòi hỏi vượt quá những ranh giới của cả kinh tế học và luật.

Tôi không phải là một nhà tư bản hết sức ngoan cố. Tôi không xem chủ nghĩa tư bản như một tín điều. Quan trọng hơn nhiều đối với tôi là tự do, là tình thương cảm đối với những người nghèo, là sự tôn trọng thoả thuận xã hội, và là cơ hội ngang nhau. Nhưng hiện tại, để đạt các mục tiêu ấy, chủ nghĩa tư bản là cuộc chơi duy nhất trong phố. Nó là hệ thống duy nhất chúng ta biết rằng nó cung cấp cho chúng ta những công cụ cần thiết để tạo ra giá trị thặng dư to lớn.

Tôi cảm thấy thích thú được là người từ Thế giới Thứ ba bởi vì nó nêu ra một thách thức tuyệt diệu đến như vậy – thách thức về tiến hành quá độ đến một hệ thống tư bản chủ nghĩa dựa trên thị trường, hệ thống tôn trọng những mong muốn và những niềm tin của nhân dân. Khi tư bản không còn là câu chuyện thành công chỉ ở Phương Tây mà ở cả mọi nơi, chúng ta có thể vượt quá những giới hạn của thế giới vật chất và dùng trí óc của mình bay vút vào tương lai.

CHÚ THÍCH

CHƯƠNG 1

1. Gordon S. Wood, "Inventing American Capitalism," *New York Review of Books* (June 9, 1994), p. 49.

CHƯƠNG 2

1. Donald J. Pisani, *Water, Land, and Law in the West: The Limit of Public Policy, 1850-1920* (Lawrence: University Press of Kansas, 1996), p. 51
2. Nhận xét của kiến trúc sư và nhà qui hoạch đô thị Albert Magonese trong *Conjonction*, No. 119, February-March 1973, p.11.
3. Leonard J. Rolfes, Jr., "The Struggle for Private Land Rights in Russia", *Economic Reform Today*, No. 1, 1996, p. 12.

CHƯƠNG 3

1. Adam Smith, *The Wealth of Nations* (London: Everyman's Library, 1977), former Vol. 1, p.242.
2. Ibid., p.295
3. Sismonde de Sismondi, *Nouveaux Principes d'économic politique* (Paris: Calman-Lévy, 1827), pp. 81-82.
4. Jean Baptiste Say, *Traité d'économic politique* (Paris: Deterville, 1819), Vol.2, p. 429.
5. Karl Marx, Frederick Engels, *Collected Works* (New York: International Publishers, 1996), Vol. 33, p.82.
6. Adam Smith, *The Wealth of Nations* (London: Everyman's Library, 1977), former Vol. 1, p.242.
7. Ibid., p.286.

8. Herbert L. Dreyfus and Paul Rabinow, *Michel Foucault: Beyond Structuralism and Hermeneutics* (Chicago: Harvester, University of Chicago, 1982), p.211.
9. George A. Miller and Philip N. Johnson-Laird, *Language and Perception* (Cambridge: Harvard University Pres, 1976), p.578.
10. Gunnar Heinsohn and Otto Steiger, “The Property Theory of Interest and Money”, unpublished manuscript, second draft, October 1998, p. 22.
11. Ibid., p. 43.
12. Ibid., p. 38.
13. Tom Bethell, *The Noblest Triumph* (New York: St. Martin’s Press, 1998), p.9.
14. Fernand Braudel, *The Wheels of Commerce* (New York: Harper and Row, 1982), p. 248.

CHƯƠNG 4

1. “Survey the Internet”, *Economist*, July 1, 1995, pp. 4-5.
2. Jeb Blount, “Latin Trade”, *News Finance*, January 20, 1997.
3. Tony Emerson and Michael Laris, “Migration”, *Newsweek*, December 4, 1995.
4. Henry Boldrick, “Reaching Turkey’s Spontaneous Settlements”, *World Bank Policy*, April-June 1966.
5. “Solving the Squatter Problem”, *Business World*, May 10, 1995.
6. *Newsweek*, March 23,1998.
7. *Economist*, June 6, 1998.
8. Manal El-Batran and Ahmed El-Kholei, *Gender and Rehousing in Egypt* (Cairo: Royal Netherlands Embassy, 1996), p. 24.
9. Gerald Barthelemy, “L’extention des lotissements sauvages à usage populaire en milieu urbain ou Paysans, Villes et Bidonvilles en Haiti: Aperçus et reflexions”, June 1996, Port-au-Province, offprint.
10. Blout, “Latin Trade”.
11. Leonard J. Rolfes, Jr., “The Struggle for Private Land Rights in Russia”, *Economic Reform Today*, No. 1, 1966.
12. Official journal of the *National Geographic Society* (Millenium in Maps), No. 4., October 1998.
13. Donald Stewart, *AIPE*, December 1997.
14. Matt Moffett, “The Amazon Jungle Had an Eager, but Was It for Sale?” *Wall Street Journal*, January 30, 1997.
15. Simon Fass, *Political Economy in Haiti: The Drama of Survival* (New Brunswick, N.J.: Transaction Publishers, 19880, pp. xxiv-xxv

16. Ahmed M. Soliman, "Legitimizing Informal Housing: Accomodating Low-Income Groups in Alexandria, Egypt", *Environment and Urbanization*, Vol. 8, No. 1 (April 1996), pp. 190-191
17. Reuters, *Finance Review*, May 11, 1992, p. 45
18. Mavery Zarembo, *Newsweek*, July, 1997.
19. *Economist*, March 5,1994.
20. *Economist*, May 6,1995.
21. "Terrenos de Gamarra valen tres veces más que en el centro de Lima", *El Comerrcio*, April 25, 1995.
22. Jan de Vries, *Economy of Europe in an Age of Crisis, 1600-1750* (Cambridge: Cambridge University Press, 1976); D. C. Coleman, *Revisions in Mercantilism* (London: Methuen, 1969); J. H. Clapham, *The Economic Development of France and Germany, 1815-1914* (Cambridge: Cambridge University Press, 1963); Eli Heckscher, *Mercantilism*, ed. E. F. Soderland (London: George Allen&Unwin. 1934).
23. Joseph Reid, *Respuetas al primer cuestionario del ILD* (Lima: Meca, 1985).
24. D. C. Coleman, *The Economy of England*, 1450-1750 (London: Oxford University Press, 1977), pp. 18-19
25. Ibid., pp.58-59.
26. Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, p.323
27. Ibid., p. 241.
28. Robert B. Ekelund, Jr., and Robert Tollison, *Mercantilism as a Rent-Seeking Society* (College Station: Texas A&M University Press, 1981), Chapter 1.
29. Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, pp.239-244.
30. Coleman, *The Economy of England*, p. 74.
31. Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, p.244.
32. Clapham, *The Economic Development of France and Germany,* pp. 323-325.
33. Joseph Reid trả lời cho bản câu hỏi thứ hai do Viện Tự do và Dân chủ (Institute of Liberty and Democracy) gửi, Tài liệu in, Thư viện ILD, 1985; Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, pp.247, 251.
34. Charles Wilson, Mercantilism (London: Routledge & Kegan Paul, 1963), p. 27.
35. Coleman, *The Economy of England*, p. 105.

CHƯƠNG 5

1. Francis S. Philbrick, "Changing Conceptions of Property Law", *University of Pennsylvania Law Review*, Vol. 86, May 1938, p. 691.
2. Bernard Bailyn, *The Peopling of British North America: An Introduction* (New York, 1986), p. 5.

3. Peter Charles Hoffer, *Law and People in Colonial America* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1998), pp. 1-2.
4. Ibid., p. xii.
5. David Thomas Konig, "Community Custom and the Common Law: Social Change and Development of Land Law in Seventeenth Century Massachusetts", in *Land Law and Real Property in American History: Major Historical Interpretations*, ed. Kermit Hall (New York: Garland Publishing, 1987), p. 339.
6. Ibid., pp. 319-320.
7. Ibid., p. 320.
8. Ibid., p.323.
9. Ibid., p.324.
10. Ibid., p.349.
11. Hoffer, *Law and People in Colonial America,* p. 15.
12. Amelia C. Ford, *Colonial Precedents of Our National Land System as It Existed in 1800* (Philadelphia: Porcupine Press, 1910), pp. 112-113.
13. Ibid., p. 114.
14. Konig, "Community Custom", p. 325.
15. Ibid., 349.
16. Aaron Morton Sokolski, *Land Tenure and Land Taxation in America* (New York: Schalkenbach Foundation, 1957), p. 191.
17. Ibid.
18. Henry W. Tatter, *The Preferential Treatment of the Actual Settler in the Primary Disposition of the Vacant Lands in the United States to 1841*, Ph.D. dissertation, Northwestern University, 1933, p. 23.
19. Ibid.
20. Ford, *Colonial Precedents…,* p.103.
21. Ibid.
22. Ford, *Colonial Precedents…,* pp. 89-90.
23. Ibid., p. 126.
24. Ibid.
25. Ibid., p. 128.
26. Ibid., p. 129.
27. Ibid., p. 130.
28. Tatter, *The Preferential Treatment…,* pp. 40-41
29. Được trích trong Stanley Lebergott, " 'O' Pioneers': Land Speculation and the Growth of the Midwest", trong *Essays on the Economy of the Old Nortwest*, ed. David C. Klingman and Richard K. Vedder (Athens: Ohio Univerity Press, 1987), p. 39.
30. Ford, *Colonial Precedents…,* p.119.
31. Sokolski, *Land Tenure…,* p. 192.
32. Ibid., p. 193.
33. Ibid.

34. Được trích trong Donald J. Pisani, *Water, Land, and Law in the West: The Limits of Policy*, 1850-1920 (Lawrence: University Press of Kansas, 1996), p.51.
35. Sokolski, *Land Tenure…,* pp. 193-194.
36. Lebergott, " O' Pioneers…", pp. 39-40
37. Ibid.
38. Ibid., p. 40.
39. Đạo luật XXXIII, March 1642, *The Statute at Large, Being a Collective of All the Law of Virginia from the First Session of the Legislature*, ed. William Henning (new York, 1823), P. 134.
40. Richard E. Messick, "A History of Preemption Laws in the Unated States", draft prepared for ILD, p. 7.
41. Ford, *Colonial Precedents…,* p.124.
42. Ibid.
43. Ibid., p. 132.
44. Ibid., p. 134.
45. Một Luật để Điều chỉnh và Giải quyết các Chứng thư Sở hữu của Những người có Yêu sách đối với Đất chưa được Chứng nhận Dưới thời Chính phủ trước và Chính phủ hiện thời, Trước khi Thiết lập Sở Đất đai Liên bang, *The Statutes at Large: Being a Collection of All the Laws of Virginia*, ed. William Hening (Richmond, 1822), p.40.
46. Douglas W. Allen, "Homesteading and Property Rights; or, How the West Was Really Won", *Journal of Law and Economics* 34 (April 1991), p.6
47. Richard Current et al., eds., *American History: A Survey*, 7th ed. (New York: Knopf, 1987), p.149.
48. Terry L. Anderson, "The First Privatization Movement", in *Essays on the Economy of the Old Nortwest*, ed. David C. Klingman and Richard K. Vedder (Athens: Ohio University Press, 1987), p. 63.
49. Current, *American History…* p.150.
50. Roy M. Robbins, "Preemption: A Frontier Triumph", *Mississipi Valley Historical Review*, Vol. 18, December 131, pp. 333-334.
51. Ibid.
52. Ford, *Colonial Precedents…,* p.117.
53. Lebergott, " O' Pioneers…", p. 40.
54. Ibid.
55. Messick, "A History of Preemption…", p.9.
56. Được trích trong Tatter, *The Preferential Treatment…,* pp. 91-92.
57. Messick, "A History of Preemption…", p.9.
58. Đạo luật 18 tháng Năm 1796, *Public and General Statutes Passed by the Congress of the United States of America: 1789 to 1817 Inclusive*, ed. Joseph Story (Boston, 1828).
59. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 118.
60. Được trích ở sách đã dẫn (Ibid.) ở trên, p. 125.

61. Patricial Nelson Limerick, *The Legacy of Conquest: The Unbroken Past of the American West* (new York: Norton, 1987), p.59.
62. Ibid.
63. Ibid., p. 140.
64. Lebergott, " O' Pioneers…", p. 44.
65. Ibid.
66. Ibid.
67. Richard E. Messick, "Rights to Land and American Economic Development", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 44.
68. Richard White, *It's Your Misfortune and None of My Own: A New History of the American West* (Norman: University of Oklahoma Press, 1991), p. 146.
69. Ibid.
70. Edward Farrell, *Personal Communication*.
71. Stephen Schwartz, *From West to East* (New York: Free Press, 1998), pp. 105-110.
72. Được trích trong Lebergott, " O' Pioneers…", p. 40.
73. Được trích trong Anderson, "The First Privatization Movement", p. 63.
74. Paul W. Gates, *Landlords and Tenants on the Prairie Frontier* (Ithaca: Cornell University Press, 1973), p.13.
75. Ibid., p.16.
76. Được trích Ibid.
77. Được trích trong Gates, *Landlords and Tenants*, p. 24.
78. Lawrence M. Friedman, *A History of American Law*, 2nd ed. (New York: Simon & Schuster, 1986), pp. 241-242.
79. Được trích trong Friedman, *A History of American Law,* p. 242.
80. Ibid.
81. G. Edward White, *The American Judicial Tradition: Profiles of Leading Judges* (New York: Oxford University Press, 1976), p. 48.
82. Được trích trong Ford, *Colonial Precedents…,* p. 129 (Tôi nhấn mạnh).
83. Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 27.
84. *Green v. Biddle*, 8 Wheaton 1 (1823).
85. Ibid., p. 33.
86. Ibid., p. 66.
87. Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 37.
88. Current, *American History…* p.149.
89. Được trích Ibid., p. 31.
90. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 265.
91. Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 33.
92. *Bodley v. Gaither*, 19 Kentucky Reports 57, 58 (1825).
93. *M'Kinney v. Carrol*, 21 Kentucky Reports 96, 97 (1827)
94. White, *It's Your Misfortune…,* p. 139.
95. Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 46; *Congressional Record*, 43 Congress, I Session, 1603 (February 18, 1847).
96. Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 63.

97. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 154.
98. Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 44.
99. Paul W. Gates, “California’s Embattled Settlers”, *The California Historical Society Quarterly*, Vol. 41, June 1992, p. 115.
100. Messick, “A History of Preemption…”, p.17.
101. Được trích ở Ibid.
102. Ibid.
103. Đạo luật 29 tháng Năm 1830, *Public Statutes at Large of the United States of America*, Vol. 4 (Boston, 1846).
104. Đạo luật 4 tháng Chín 1841, *Public Statutes at Large of the United States of America*, Vol. 5 (Boston, Little and Brown 1856).
105. Messick, “A History of Preemption…”, p. 26.
106. Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 69.
107. Allan G. Bogue, “The Iowa Claims Clubs: Symbol and Substance”, in *The Public Lands: Studies in the History of the Public Domain*, ed. Vernon Carstensen (Madison: University of Wisconsin Press, 1963), p. 47.
108. Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 53.
109. Ibid., p. 63.
110. Bogue, “The Iowa Claims Clubs…”, p. 51.
111. Ibid., p. 50.
112. Được trích ở Ibid., p. 52.
113. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 276.
114. Bogue, “The Iowa Claims Clubs…”, p. 54.
115. White, *It’s Your Misfortune…,* p. 141.
116. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 280.
117. Terry Anderson and P. J. Hill, “An American Experiment in Anarcho-Capitalism: The Not So Wild West”, *Journal of Libertarian Studies* 3 (1979), p. 15.
118. Ibid.
119. Bogue, “The Iowa Claims Clubs…”, p. 50.
120. Ibid., p. 51.
121. Được trích ở Ibid. p. 54.
122. White, *It’s Your Misfortune…,* p. 141.
123. Bogue, “The Iowa Claims Clubs…”, p. 55.
124. Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 273.
125. Ibid., p. 287.
126. John Q. Lacy, “Historical Overview of the Mining Law: The Miner’s Law Becomes Law”, in *The Mining Law of 1872* (Washington, DC.: National Legal Center for the Public Interest, 1984), p. 17.
127. Robert W. Swenson, “Sources and Evolution of American Mining Law”, in *The American Law of Mining*, ed. Matthew Bender (New York: Rocky Mountain Mineral law Foundation, 1960), p. 19.
128. Gates, “California’s Embattled Settlers”, p. 100.

129. Harold Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty in the United States", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 2.
130. Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 52.
131. Limerick, *Legacy of Conquest*, p. 65; xem cả White, *It's Your Misfortune*, p. 147.
132. Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 69.
133. Ibid.
134. Gates, "California's Embattled Settlers", p. 100.
135. Ibid., pp. 22-26.
136. Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 26.
137. Được trích trong Charles Howard Shinn, *Mining Camps: A Study in American Frontier Government* (New York: Knopf, 1948), p. 107.
138. Gore v. McBreyer, 18 Cal. 582 (1861) được trích ở ibid., p. 22.
139. Ibid., p. 21.
140. Ibid., pp. 24-25.
141. Được trích ở Ibid., p. 24.
142. Ibid., p. 29.
143. Ibid., p. 30.
144. Ibid.
145. Harold Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty in the United States", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 3.
146. Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 36.
147. 14 Stat. 252 (1866).
148. Swenson, "Sources and Evolution of…", p. 37.
149. Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 36.
150. Được trích trong Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty…", p.3.
151. Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", pp. 37-38; 17 Stat. 91, 30 U.S.C. §§ 22-42.
152. *Jennison v. Kirk*, 98 U.S. 240, 243 (1878).
153. Swenson, "Sources and Evolution of…", p. 27.
154. Messick, "Rights to Land and American Development", p. 45.
155. White, *It's Your Misfortune…,* p. 143.
156. Ibid., p. 145.
157. Gordon S. Wood, "Inventing American Capitalism", *New York Review of Books*, June 9, 1994, p. 49.
158. White, *It's Your Misfortune…,* p. 270.
159. White, *The American Judicial Tradition:…"*, pp. 48-49.
160. Francis S. Philbrick, "Changing Conceptions of Property Law", *University of Pennsylvania Law Review*, Vol. 86, May 1938, p. 694.

CHƯƠNG 6

1. C. Reinold Noyes, *The Institution of Property* (New York: Longman's Green, 1936), pp. 5 and 13.
2. Về một thảo luận rất sáng sủa và phổ biến về đề tài này, xem William M. Landes and Richard A. Posner, "Adjudication as a Private Good", *Journal of Legal Studies*, Vol. 8, March 1979, pp. 235-248.
3. Noyes, *The Institution of Property, p. 20.*
4. John C. Payne, "In search of Title", Part 1. *Alabama Law Review*, Vol. 14, No. 1 (1961), p. 17.
5. Andrzej Rapaczynski, "The role of the State and the Market in Establishing Property Rights", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 10, No. 2 (Spring 1996), p. 88.
6. Xem Robert C. Ellickson, *Order Without Law: Hoaw Neighbors Settle Disputes* (Cambridge: Havard University Press, 1991) một thảo luận lí thú nhất về qui định ngoài pháp luật cai quản các quyền sở hữu ra sao ở Hoa Kì.
7. Richard A. Posner, "Hegel and Employment at Will: A Comment", *Cardozo Law Review*, Vol. 10, March-April 1989.
8. Harold J. Berman, *Law and Revolution: The Formation of the Western Legal Tradition* (Cambridge: Harvard University Press, 1983), pp. 555-556.
9. Ibid., p. 557.
10. Robert Cooter and Thomas Ulen, *Law and Economics: An Economic Theory of Property* (Reading, Mass.: Addison-Wesley, 1997), p. 79.
11. Margaret Gruter, *Law and the Mind* (London: Sage, 1991), p. 62.
12. Bruce L. Benson, *The Enterprise of Law* (San Francisco: Pacific Research Institute for Public Policy, 1990), p. 2.
13. Về một tường thuật về các tổ chức phi-chính thức cố chuyển dần sang khu vực chính thức ra sao xem Hernando de Soto, *The Other Path: The Invisible Revolution in the Third World* (New York: Haper&Row, 1989), đặc biệt các Chương 1-4.
14. Bruno Leoni, *Freedom and the Law* (Los Angeles: Nash, 1972), pp. 10-11.
15. Xem Robert Sugden, "Spontaneous Order", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 3, No. 4 (fall 1989), đặc biệt các trang 93 và 94. Cũng xem cả F. A. Hayek, *Law, Legislation, and Liberty*, Vol. 1-3 (London: Routledge and Kegan Paul, 1973).
16. Payne, "In search of Title", Part 1…, p. 20.
17. Xem John P. Powelson, *The Story of Land*, (Cambridge, Mass.: Lincoln Institute of Land Policy, 1988).

18. Richard Pipes, *The Russian Revolution* (New York: Vintage Books, 1991), p. 112.
19. Samar K. Datta and Jefferey B. Nugent, "Adversary Activities and Per capita Income Growth", *World Development*, Vol. 14, No. 12 (1986), p. 1458.
20. S. Rowton Simpson, *Land, Law, and Registration* (London: Cambridge University Press, 1976), p. 170.
21. Peter Stein, *Legal Evolution: The Story of an Idea* (Cambridge: Cambridge University Press, 1980), p. 53.
22. Ibid., p. 55.
23. Lynn Holstein, "Review of Bank Experience with Land Titling and Registration", working papaes, Marrch 1993, p. 9.
24. J. D. McLaughlin and S. E. Nichols, "Resource Management: The Land Administration and Cadastral Systems Component", *Surveying and Mapping*, Vol. 49, No. 2 (1989), p. 84.

CHƯƠNG 7

1. Lester Thurow, *The Future of Capitalism* (New York: Penguin Books, 1996), p.5.
2. Hernando de Soto, *The Other Path: The Invisible Revolution in the Third World* (New York: Harper & Row, 1989).
3. "Side Effects of Egypt's Economic Reform Warned", *Xinhua* (CNN), February 4, 1999.
4. George F. Will, *The Pursuit of Virtue and Other Tory Notions* (New York: Simon & Schuster, 1982).
5. Klaus Schwab and Claude Smadja, "Globalization Needs a Human Face", *International Herald Tribune*, January 28, 1999.
6. Tim Padgett, *Newsweek*, September 16, 1996.
7. George Soros, *The Crisis of Global Capitalism: Open Society Endangered* (New York: Public Affairs, 1998), p. xxvii.
8. Eugene Kamenka, ed., *The Portable Marx* (New York: Viking Penguin, 1993), p. 463.
9. Nancy Birdsall and Juan Luis Lodoño, "Assets in Equality Matters", *American Economic Review*, May 1997.
10. Kamenka, ed., *The Portable Marx,* p. 447.
11. Karl Marx, "Capital", *Collcted Works*, Vol. 28, p. 235.
12. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, Part I of Second Part Q. 12., Art. 4 (London: Encyclopaedia Britanica, 1952), p. 672.

13. Ronald H. Coase, "The Nature of the Firm", *Económica*, November 1937.
14. Margaret Boden, *The Creative Mind* (London: Abacus, 1992), p. 94.
15. Daniel C. Dennett, "Intentionality", in *The Oxford Companion to the Mind*, ed. by Richard L. Gregory (Oxford: Oxford University Press, 1991), p. 384.
16. John R. Searle, *The Construction of Social Reality* (New York: Free Press, 1995), p. 46.
17. Xem Michel Foucault, *Les Mots et les choses* (Saint Amand: Gallimond, 1993).
18. Karl Popper, *Knowledge and the Body-Mind Problem* (London: Routledge, 1994).
19. Viviane Forrester, *L'Horreur economique* (Paris: Fayard, 1996), p. 61 (tôi dịch).
20. Karl Marx, in Kamenka, ed., *The Portable Marx*, pp. 444-447.
21. Claude Lévi-Strauss, *Tristes tropiques* (Paris: Plon, Terre Humaine/Poche, 1996), p. 354.
22. Fareed Zakaria, "The Politics of Port", *Slate Magazin*, Internet, March 16, 1999.
23. Sách đọc chủ yếu liên quan đến hiện tượng của lòng tin và hợp tác xã hội, tất nhiên là cuốn sách của Francis Fukuyama, *Trust* (New York: Free Press, 1995).

Lời cảm ơn

Chẳng ai bao giờ viết một quyển sách một mình. Tôi đã hưởng lợi từ rất nhiều thông tin, các ý kiến, sự động viên và hỗ trợ của nhiều người - nhiều đến mức, thực ra, không thể cảm ơn họ từng cá nhân một. Nhưng có một số mà không có họ thì quyển sách này chẳng bao giờ được như nó là, và tôi muốn ghi sự tri ân đó bằng văn tự.

Đầu tiên, họ là các đồng nghiệp của tôi từ Institute of Liberty and Democracy (ILD) ở Lima, Peru, những người đã luôn là bạn trung thành của tôi trong nỗ lực tìm kiếm để tạo ra một hệ thống thị trường không phân biệt đối xử ở nơi luật giúp tất cả mọi người có một cơ hội để phồn vinh. Các ý tưởng trong cuốn sách này được hỗ trợ bởi những sự thực và số liệu mà nhóm ILD của tôi đã khám phá ra tại hiện trường trong các đề án của chúng tôi ở khắp thế giới. Tôi thực sự đứng trên vai họ. Manuel Mayorga La Torre, người điều hành chính (COO) của tôi, đã áp dụng kinh nghiệm lâu đời của ông như một kĩ sư đề án nhà máy điện để lên kế hoạch và tổ chức tất cả các đề án của chúng tôi, hàng ngày, xuống thẳng tận đường tới hạn. Luis Morales Bayro là kinh tế gia hàng đầu của ILD, giám sát nghiên cứu và những phân tích chi phí-lợi ích trong các nước mà chúng tôi đưa vào. Công việc của ông là cốt yếu cho thành công của chúng tôi trong việc nhận ra các chi phí bị che giấu của các luật và định chế. Luis được Mario Galantini trợ giúp, và khi cần thiết, cả Vittorio Corvo nữa.

Về mặt pháp luật là hai đồng nghiệp tin cẩn và quý mến của tôi suốt 15 năm qua: Ana Lucia Camaiora quản lí nhóm pháp lí của ILD và chịu trách nhiệm về việc gom lại bức tranh pháp lí toàn cảnh. Cô được hỗ trợ trực tiếp của Maria del Carmen Delgado, nhà phân tích pháp luật hàng đầu của chúng tôi. Họ có đầu óc sắc sảo nhất về chủ nghĩa đa nguyên pháp lí như

tôi biết. Họ không chỉ hiểu luật mà còn cả những hệ quả của nó. Nỗ lực của họ được sự hỗ trợ của nhiều luật sư khác của ILD, mà những nhân vật chính trong số họ, cho mục đích của cuốn sách này, là Gustavo Marini, Jackeline Silva, Luis Aliaga, và Guillermo Garcia Montufar. Trợ lí kĩ thuật chính của chúng tôi là Daniel Herencia, nhóm của ông, bao gồm Javier Robles và David Castillo, đã thiết lập các hệ thống máy tính của chúng tôi ở hiện trường. Elsa Jo vận hành bộ máy hành chính của ILD, được hỗ trợ tài tình bởi kế toán trưởng của cô là Eliana Silva và số nhân viên còn lại của cô.

Thứ hai, có những người đã cung cấp cơ sở trí tuệ cho phép tôi xử lí thông tin mà tôi nhận được. Chẳng ai gần gũi tôi hơn trong câu chuyện viết quyển sách này hơn là Ducan Macdonald, người bạn lâu đời và người hướng dẫn khổng lồ của tôi từ Scotland. Chính Ducan đã là người hướng dẫn tôi tới khoa học nhận thức, đặc biệt là nghiên cứu được tiến hành trong lí thuyết về trí óc. Tôi thích thú, là tôi đã có thể dùng cái tôi đã đọc để phân tích các kết quả của công việc của tôi tại hiện trường. Tôi đã học rồi từ nhà nhân loại học Mĩ Douglas Uzzell về sự hữu ích của kĩ năng "quan sát tham gia" của các nhà nhân loại học đối với công việc của tôi, và giáo sư luật của trường Đại học Georgetown, Warren Schwartz đã dạy tôi cách áp dụng các nguyên lí kinh tế ra sao để phân tích luật. Nhưng Chính Ducan mới là người chỉ cho tôi đầu óc của các nhà triết học có thể giúp tôi ra sao để tâu tóm các mối quan hệ mà tôi tìm kiếm giữa quyền sở hữu và phát triển. Những cuộc thảo luận của chúng tôi về việc con người có thể chuyển đổi môi trường của họ ra sao thành một sự mở rộng của đầu óc họ đã là mấu chốt cho sự hiểu biết của tôi về tư bản hiện đại được tạo ra thế nào. Khi tôi bị bối rối, bị mắc kẹt vào một góc trí tuệ, hoặc đơn giản trong ngu tối, Ducan đã cứu tôi.

Tôi cũng muốn cảm ơn nhà triết học Đức Dortothee Kreuzer đã dẫn tôi qua những sự tinh tế của các nhà hậu-cấu trúc chủ nghĩa, đặc biệt là Jacque Derrida và Michel Foucault. Từ Derrida tôi đã học được rằng có thể dùng các phạm trù từ một nền văn hoá để mô tả cái [nền văn hoá] khác một cách sao cho mọi người đều có thể hiểu - mà không vi phạm đặc trưng duy nhất của nền văn hoá ấy. Và như vậy tôi đã có khả năng tốt hơn để hiểu chúng ta đã thành công ra sao trong tích hợp những dàn xếp quyền sở hữu ngoài pháp luật vào luật hình thức. Từ Foucault tôi đã học những điểm cơ bản của "cấu trúc bí mật" liên kết cái vô hình với cái hữu hình, cũng suy luận ra từ các tác phẩm của ông về một hệ thống tốt của các biểu diễn tăng *la condition de possibilité [điều kiện tiềm năng]* của toàn nhân loại ra sao. Tri giác của tôi về quyền lực kinh tế và tầm quan trọng của các biểu diễn đã được tăng lên nữa bởi việc tôi đọc kí hiệu học, chủ yếu là Umberto Eco và

Ferdinad de Saussure, và triết học của trí óc, đặc biệt là các công trình của John Searle và Daniel Dennett.

Nhưng chính là người bạn và đồng nghiệp của tôi Mariano Cornejo là người đảm bảo rằng những ý tưởng của tôi vượt qua sự thử thách nghiêm khắc của sự cập bến. Bất luận một ý tưởng có thể độc đáo hoặc tao nhã đến đâu, nó không được phép lọt vào một đề án của ILD trừ khi nó vượt qua được hai tiêu chuẩn chính của ông: là nó hoạt động, và nó phải có thể áp dụng được bởi mọi người dân bình thường. Khi tôi đúng ông chỉ cười và nói với tôi rằng tôi đã vấp phải cái hiển nhiên ("No es problema, no es problema"); khi tôi sai, ông chỉ cho tôi hướng đi đúng.

Rồi có những người mà không có sự cảm hứng, khích lệ và hỗ trợ của họ thì tôi chẳng bao giờ ở vị thế để viết quyển sách này. Sau mười hai năm cộng tác, Stephan Schmidheiny đã trở thành một người bạn quý. Một nhà trí thức và từ thiện, cũng như một nhà doanh nghiệp hết sức thành công, Stephan đã đóng góp bằng nhiều cách cho thành công của ILD. Ông đã củng cố các nỗ lực của chúng tôi để tìm ra những cách mang lại cơ hội cho những người đã bị tước đoạt một cách bất công. Ông cũng đã củng cố lòng tin của chúng tôi rằng các thị trường toàn cầu mà không có các luật toàn cầu là nguy hiểm. Nhưng cách chủ yếu mà Stephan đã ảnh hưởng đến công việc của ILD là cứ bám lấy sự cần thiết cho chủ nghĩa hiện thực: Nếu chủ nghĩa lí tưởng là không giống kinh doanh, các ý tưởng vẫn chỉ là các ý tưởng và chẳng có ích gì đối với những người mà chúng ta định giúp đỡ. Một người bạn quý và người rất quan trọng là Lawrence Chickering, một trí thức tài giỏi từ San Francisco, người đã giúp ILD khởi xướng nhiều đề án và các cuộc phiêu lưu trí óc trong khi tiếp tục đích thân giúp tôi với chỉ bảo "mục sư" đầy thương cảm.

Tôi không thể quên các bạn của tôi ở Cơ quan Phát triển Quốc tế (Agency for International Development), Brian Atwood, Dick McCall, Jim Michels, Norma Parker, Aaron Williams, Paula Goddard, và đặc biệt những người tuyệt vời ở Phòng Mĩ Latin và Caribbe, Mark Schneider, Carl Leonard, Michael Deal, Timothy Mahoney, William B. Baucom, Donald Draga, và Jolyne Sanjak. Họ không chỉ ủng hộ và khích lệ ILD suốt nhiều năm mà cũng đã tạo ra nhiều cơ hội cho chúng tôi. Và khi tôi vấp phải những khó khăn về tổ chức, người bạn lâu đời của tôi, John Sullivan, người điều khiển Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (Center for International Private Enterprise), đã giải thích cho tôi các định chế Mĩ sẽ giải quyết vấn đề ra sao. Ông cũng đã dạy tôi làm sao một tập hợp đúng của các định chế có thể chuyển các vị thế xung đột nhau thành các giải pháp khả thi và sinh lời. Từ Bob Litan bạn của tôi từ Brookings Institution, tôi đã học không chỉ về luật tác động đến ứng xử kinh tế ra sao mà cả về việc có

các bài học bổ ích cho phần còn lại của thế giới về cuộc cách mạng tài chính ở Hoa Kì đã làm tăng sự hình thành tư bản ra sao. Một ngày tháng Sáu năm 1999 Bob lững thững đến nhà tôi ở Lima và nói, "tôi đã có một tiêu đề hay cho cuốn sách của anh - *Sự Bí ẩn của Tư bản*". Tôi cảm ơn anh cả về điều đó.

Sự cảm ơn đặc biệt dành cho Smith Richardson Foundation, Quĩ đã hỗ trợ nhiều công việc thực hiện cho quyển sách này ở dạng một trợ cấp hào phóng. Quĩ là một bạn lâu đời và trung thành, khi ILD bị ném bom và bị bắn vào đầu các năm 1990, Quĩ đã cung cấp cho chúng tôi các xe chống đạn, và như thế đã làm cho chúng tôi có thể tiếp tục làm công việc của mình.

Tôi cũng rất biết ơn Harold Krent, Saul Levmore, Rich Messick, Tom Romero, và Larry Stay vì những nỗ lực tìm kiếm lịch sử của quyền sở hữu Hoa Kì đầy khó khăn vất vả của họ. Sự biết ơn của tôi cũng dành cho các bạn hữu của tôi ở Cục Đăng kí Đất Hoàng gia (Her Majesty's Land Registry) ở London - đặc biệt là John Manthorpe và Christopher West – vì đã chỉ cho tôi các cuốn sách giúp tôi hiểu sự tiến hoá của quyền sở hữu Anh. Monika Bergmeier và Klaus Joachim Grigoleit đã giúp tôi điều tra những nguồn gốc của quyền sở hữu Đức, và Hans-Urs Wili đã giới thiệu cho tôi nguồn gốc lai lịch của quyền sở hữu Thuỵ Sĩ, dạy tôi về việc chuyển đổi luật Roman trong các truyền thống Thuỵ Sĩ và Đức từ một hệ thống các qui tắc cứng nhắc sang một hệ thống thân thiện hơn với người dân. Peter Schaefer, bạn tôi ở Washington, DC, đã đóng góp các tư tưởng, những nghi chép và những quan sát của anh, giới thiệu tôi với những người khác có sự thấu hiểu có giá trị cho công việc của chúng tôi.

Merran Van Der Tak đã giúp tôi khai phá mối quan hệ giữa các quyền sở hữu và sự phát triển của các tiện ích công cộng. Oscar Beasley đã dạy tôi bảo hiểm chứng thư sở hữu và chứng khoán hoá các bất động sản hoạt động ra sao. Robert Freedman đã làm sâu sắc thêm kiến thức nông cạn của tôi về Chủ nghĩa Marx. Lee và Alexandra Benham đã giúp đỡ rất nhiều trong rà soát một bản thảo trước của cuốn sách này.

Cuốn sách cũng được lợi từ những lời mời của các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ để thiết kế và thực hiện các đề án trong chính các nước của họ nhằm tư bản hoá những người nghèo. Cơ hội để thu thập thông tin, phân tích các định chế và pháp chế, và phỏng vấn những người tham gia cả trong khu vực hợp pháp và các khu vực ngoài pháp luật ở hầu như mọi châu lục đã giúp tôi làm cho cuốn sách này thích hợp cho hầu hết các nước trên thế giới. Tại giai đoạn này, tôi có thể công khai cảm ơn các cộng sự chỉ ở bốn nước mà hiện tại chúng tôi đang làm việc. Ở Ai Cập tôi đội ơn các bạn và những người tương nhiệm của tôi ở Trung Tâm Nghiên cứu Kinh tế

Ai Cập (Egyptian Center for Economic Studies), Ahmed Galal, Hisham Fahmy, Taher Helmy, và Gamal Mubarak và nhân viên của họ. Ngài Sherif El Diwany đã có nhiều công trong suốt công việc của ILD tại Ai Cập. Sự hỗ trợ của Thủ tướng Atef Ebeid, của Bộ trưởng Bộ Tài chính Medhat Hassanein, Bộ trưởng Bộ Kinh tế Yousef Boutros Ghali, và Bộ trưởng Bộ các vấn đề Xã hội Mervat El Talawi cũng rất quan trọng. Ở Haiti, tôi biết ơn vì sự hỗ trợ liên tục của Tổng thống René Preval và cựu Tổng thống Jean Bertrand Aristide và nhân viên của họ. Tôi cũng mang ơn đối với Trung tâm vì Tự do Kinh doanh và Dân chủ (Centre pour la Libre Enterprise et la Democratie), đặc biệt là Georges Sassine, Lionel Delaatour, Bernard Craan và Jean Maurice Buteau. Ở Mexico, tôi mang ơn Tổng thống đắc cử Vicente Fox và những người đã hỗ trợ chúng tôi theo chỉ thị của ông, bao gồm Eduardo Sojo, Juan Hernandez, Fausto Alzati, Alfonso Galindo, Emilio Duhau, và nhiều nhà nghiên cứu thông minh. Ở Philippines, sự giúp đỡ của Tổng thống Joseph Estrada và Chánh Văn phòng Điều hành Ronaldo Zamora đã là mấu chốt cho tiến bộ của chúng tôi. Nghiên cứu của chúng tôi đã hoàn tất nhờ những nỗ lực và trợ giúp của Vic Taylor, cùng với Ernesto Garilao, Jose P. Leviste, Arturo Alvendia, Alex Melchor và nhiều người khác nữa.

Bản thảo của cuốn sách này chẳng bao giờ ra đời mà không có Iris MacKenzie, người đã hướng dẫn tiếng Anh của tôi qua vô số bản thảo; với tư cách là độc giả đầu tiên và biên tập viên của tôi, chính Iris là người đã liên tục hướng tôi đến sự sáng sủa. Tôi muốn cảm ơn người phụ tá của tôi Miriam Gago đã giúp chúng tôi làm cho bản thảo phù hợp với con mắt của các nhà xuất bản khắp thế giới. Nhưng, quan trọng nhất, đã là sự giám sát hiệu quả của cô đối với cuộc sống và công việc giấy tờ của tôi để cho phép tôi dành những khoảng thời gian dài xa văn phòng để viết cuốn sách này.

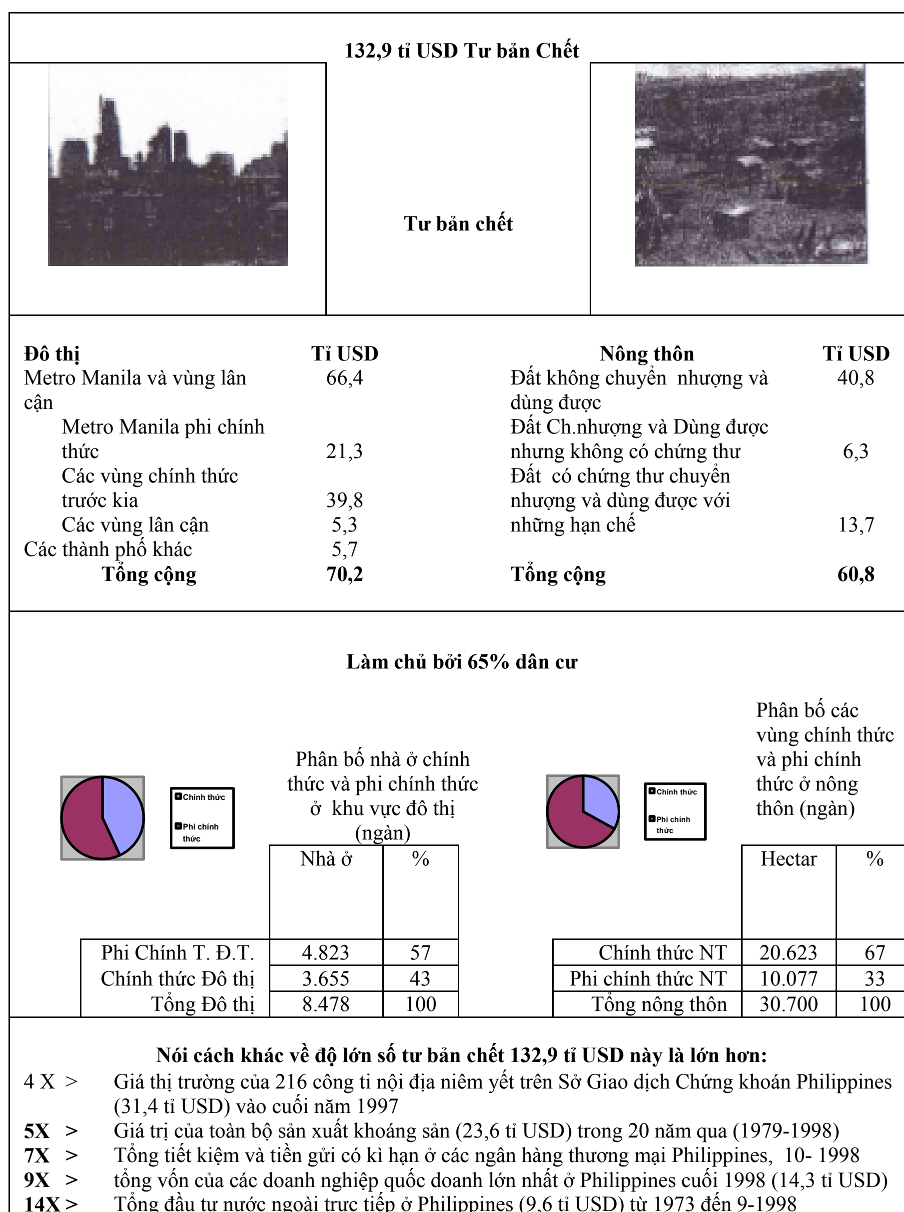
Cuối cùng, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với nhiều người đã giúp tôi biến một vài ý tưởng hay thành một cuốn sách. Người đại diện của tôi Andrew Wylie đã khởi nguồn thông thái tinh khôn trong việc làm thế nào để một quyển sách trở nên sống động cho giới độc giả quốc tế. Ông đã đặt ra các tiêu chuẩn cao và chẳng bao giờ cho phép tôi không đạt chúng. Một khi tôi đã có một bản thảo, các bạn tôi David Frum và Mirko Lauer trở thành các kiến trúc sư của nó; trong mười ngày, họ lấy bản thảo, đảo lộn nó hoàn toàn, và theo cách nói của Frum, “vắt nước ra khỏi nó”, nhào nặn nó vào cấu trúc này. Để bản thảo cuối cùng sẵn sàng thoả mãn các nhà xuất bản tiềm năng, tôi đã may mắn có Edward Tivnan ở cạnh tôi. Một nhà báo và tác giả, người có luận văn tiến sĩ triết học làm cho anh ta cũng thoải mái với các ý tưởng như với những thời hạn, Tivnan đã ở Lima mười lăm ngày viết lại toàn bộ cuốn sách với tôi, từng câu một.

Bill Frucht, biên tập viên Hoa Kì của tôi, đã thực hiện một công việc tuyệt diệu để chuẩn bị cuốn sách cho xuất bản, đã giúp tôi làm sáng tỏ nhiều điểm và như vậy đã cải thiện cuốn sách một cách đáng kể. Sally Gaminara là biên tập viên ở nước Anh của tôi. Tài biên tập của cô chỉ bị sự khéo léo và tính sáng tạo của cô vượt qua để xuất bản và khuếch trương cuốn sách này.

Sự thành công của sản phẩm cuối cùng là do tất cả những người trên. Còn những hạn chế của nó thuộc về tôi.

PHỤ LỤC

HÌNH A.1 Philippines: Có bao nhiêu tư bản chết?



132,9 tỉ USD Tư bản Chết

Tư bản chết

Đô thị	**Tỉ USD**	**Nông thôn**	**Tỉ USD**
Metro Manila và vùng lân cận	66,4	Đất không chuyển nhượng và dùng được	40,8
Metro Manila phi chính thức	21,3	Đất Ch.nhượng và Dùng được nhưng không có chứng thư	6,3
Các vùng chính thức trước kia	39,8	Đất có chứng thư chuyển nhượng và dùng được với những hạn chế	13,7
Các vùng lân cận	5,3		
Các thành phố khác	5,7		
Tổng cộng	**70,2**	**Tổng cộng**	**60,8**

Làm chủ bởi 65% dân cư

Phân bố nhà ở chính thức và phi chính thức ở khu vực đô thị (ngàn)

	Nhà ở	%
Phi Chính T. Đ.T.	4.823	57
Chính thức Đô thị	3.655	43
Tổng Đô thị	8.478	100

Phân bố các vùng chính thức và phi chính thức ở nông thôn (ngàn)

	Hectar	%
Chính thức NT	20.623	67
Phi chính thức NT	10.077	33
Tổng nông thôn	30.700	100

Nói cách khác về độ lớn số tư bản chết 132,9 tỉ USD này là lớn hơn:

4 X > Giá thị trường của 216 công ti nội địa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Philippines (31,4 tỉ USD) vào cuối năm 1997

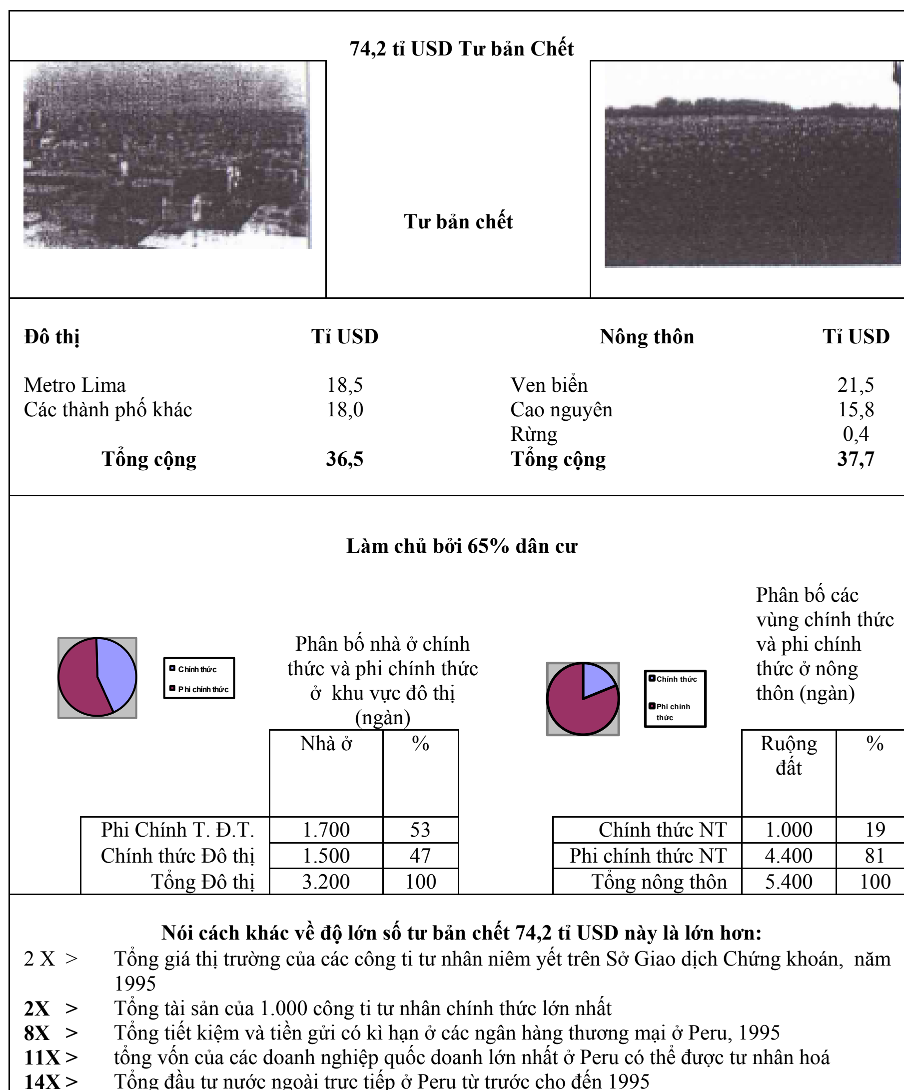
5X > Giá trị của toàn bộ sản xuất khoáng sản (23,6 tỉ USD) trong 20 năm qua (1979-1998)

7X > Tổng tiết kiệm và tiền gửi có kì hạn ở các ngân hàng thương mại Philippines, 10- 1998

9X > tổng vốn của các doanh nghiệp quốc doanh lớn nhất ở Philippines cuối 1998 (14,3 tỉ USD)

14X > Tổng đầu tư nước ngoài trực tiếp ở Philippines (9,6 tỉ USD) từ 1973 đến 9-1998

HÌNH A.2 Peru: Có bao nhiêu tư bản chết?



74,2 tỉ USD Tư bản Chết

Tư bản chết

Đô thị	**Tỉ USD**	**Nông thôn**	**Tỉ USD**
Metro Lima	18,5	Ven biển	21,5
Các thành phố khác	18,0	Cao nguyên	15,8
		Rừng	0,4
Tổng cộng	**36,5**	**Tổng cộng**	**37,7**

Làm chủ bởi 65% dân cư

Phân bố nhà ở chính thức và phi chính thức ở khu vực đô thị (ngàn)

	Nhà ở	%
Phi Chính T. Đ.T.	1.700	53
Chính thức Đô thị	1.500	47
Tổng Đô thị	3.200	100

Phân bố các vùng chính thức và phi chính thức ở nông thôn (ngàn)

	Ruộng đất	%
Chính thức NT	1.000	19
Phi chính thức NT	4.400	81
Tổng nông thôn	5.400	100

Nói cách khác về độ lớn số tư bản chết 74,2 tỉ USD này là lớn hơn:

2 X > Tổng giá thị trường của các công ti tư nhân niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, năm 1995

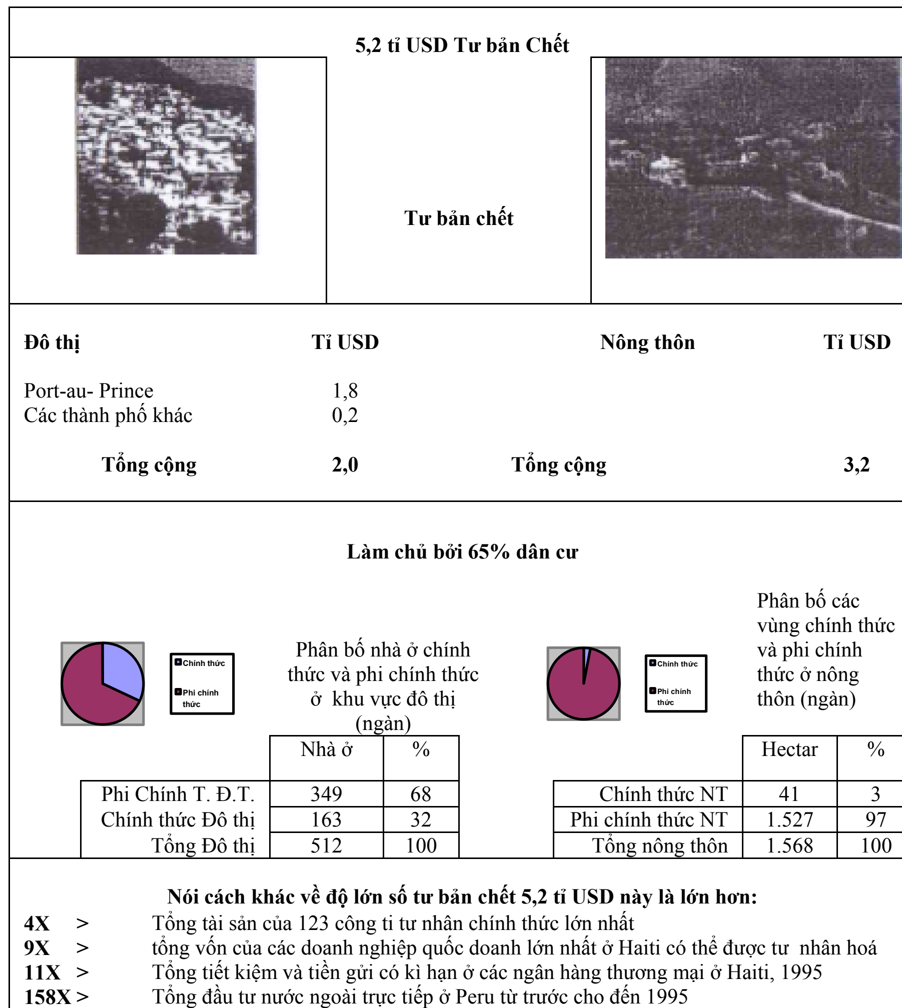
2X > Tổng tài sản của 1.000 công ti tư nhân chính thức lớn nhất

8X > Tổng tiết kiệm và tiền gửi có kì hạn ở các ngân hàng thương mại ở Peru, 1995

11X > tổng vốn của các doanh nghiệp quốc doanh lớn nhất ở Peru có thể được tư nhân hoá

14X > Tổng đầu tư nước ngoài trực tiếp ở Peru từ trước cho đến 1995

HÌNH A.3 Haiti: Có bao nhiêu tư bản chết?



5,2 tỉ USD Tư bản Chết

Tư bản chết

Đô thị	**Tỉ USD**	**Nông thôn**	**Tỉ USD**
Port-au- Prince	1,8		
Các thành phố khác	0,2		
Tổng cộng	**2,0**	**Tổng cộng**	**3,2**

Làm chủ bởi 65% dân cư

Phân bố nhà ở chính thức và phi chính thức ở khu vực đô thị (ngàn)

	Nhà ở	%
Phi Chính T. Đ.T.	349	68
Chính thức Đô thị	163	32
Tổng Đô thị	512	100

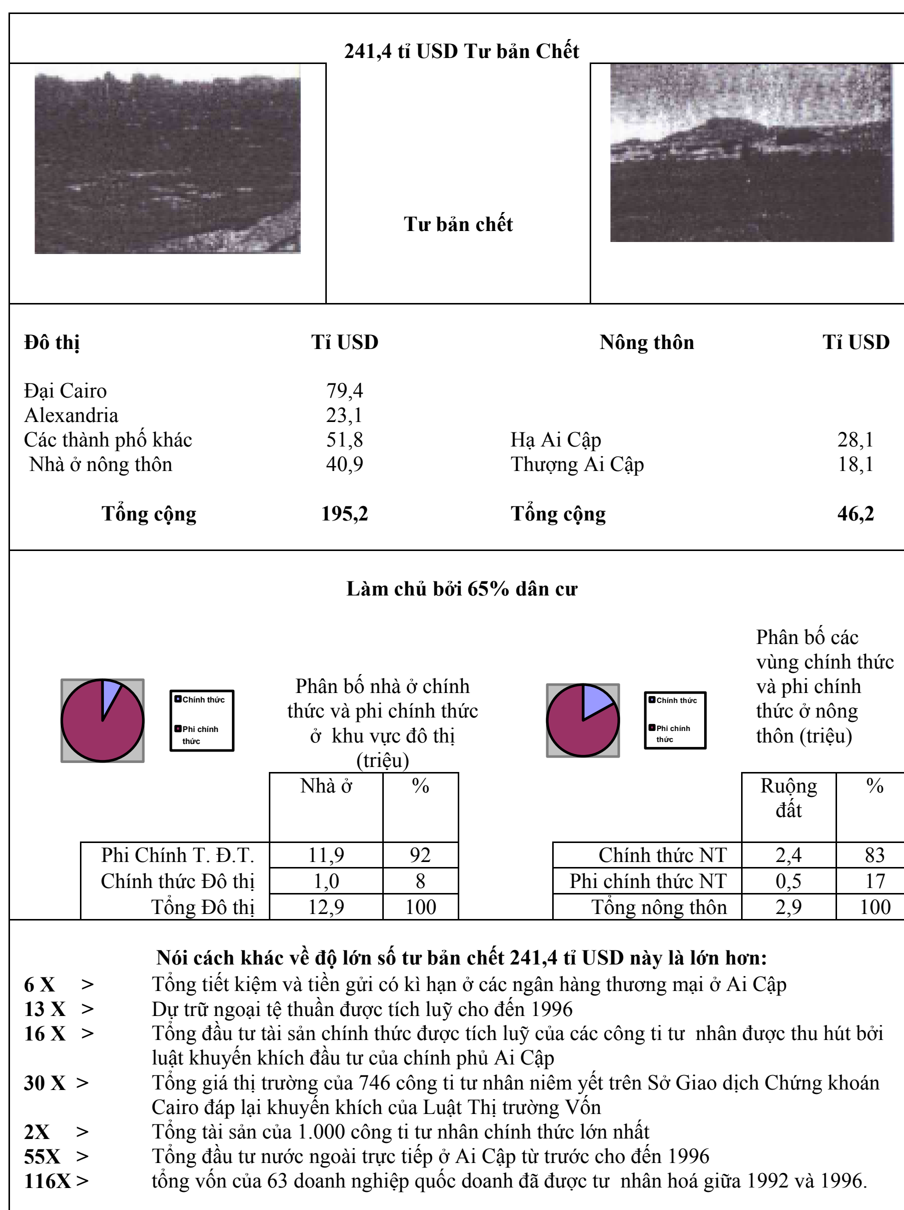
Phân bố các vùng chính thức và phi chính thức ở nông thôn (ngàn)

	Hectar	%
Chính thức NT	41	3
Phi chính thức NT	1.527	97
Tổng nông thôn	1.568	100

Nói cách khác về độ lớn số tư bản chết 5,2 tỉ USD này là lớn hơn:

4X > Tổng tài sản của 123 công ti tư nhân chính thức lớn nhất
9X > tổng vốn của các doanh nghiệp quốc doanh lớn nhất ở Haiti có thể được tư nhân hoá
11X > Tổng tiết kiệm và tiền gửi có kì hạn ở các ngân hàng thương mại ở Haiti, 1995
158X > Tổng đầu tư nước ngoài trực tiếp ở Peru từ trước cho đến 1995

HÌNH A.4 Ai Cập: Có bao nhiêu tư bản chết?



241,4 tỉ USD Tư bản Chết

Tư bản chết

Đô thị	**Tỉ USD**	**Nông thôn**	**Tỉ USD**
Đại Cairo	79,4		
Alexandria	23,1		
Các thành phố khác	51,8	Hạ Ai Cập	28,1
Nhà ở nông thôn	40,9	Thượng Ai Cập	18,1
Tổng cộng	**195,2**	**Tổng cộng**	**46,2**

Làm chủ bởi 65% dân cư

Phân bố nhà ở chính thức và phi chính thức ở khu vực đô thị (triệu)

	Nhà ở	%
Phi Chính T. Đ.T.	11,9	92
Chính thức Đô thị	1,0	8
Tổng Đô thị	12,9	100

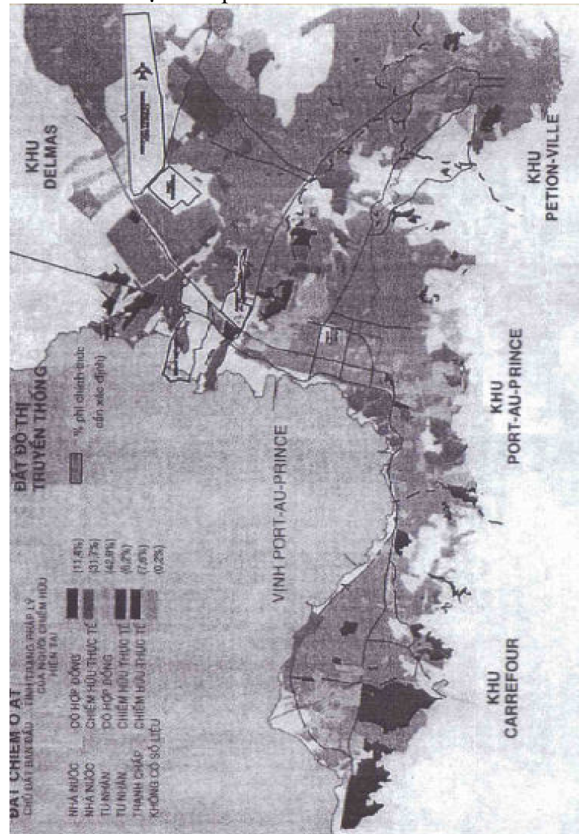
Phân bố các vùng chính thức và phi chính thức ở nông thôn (triệu)

	Ruộng đất	%
Chính thức NT	2,4	83
Phi chính thức NT	0,5	17
Tổng nông thôn	2,9	100

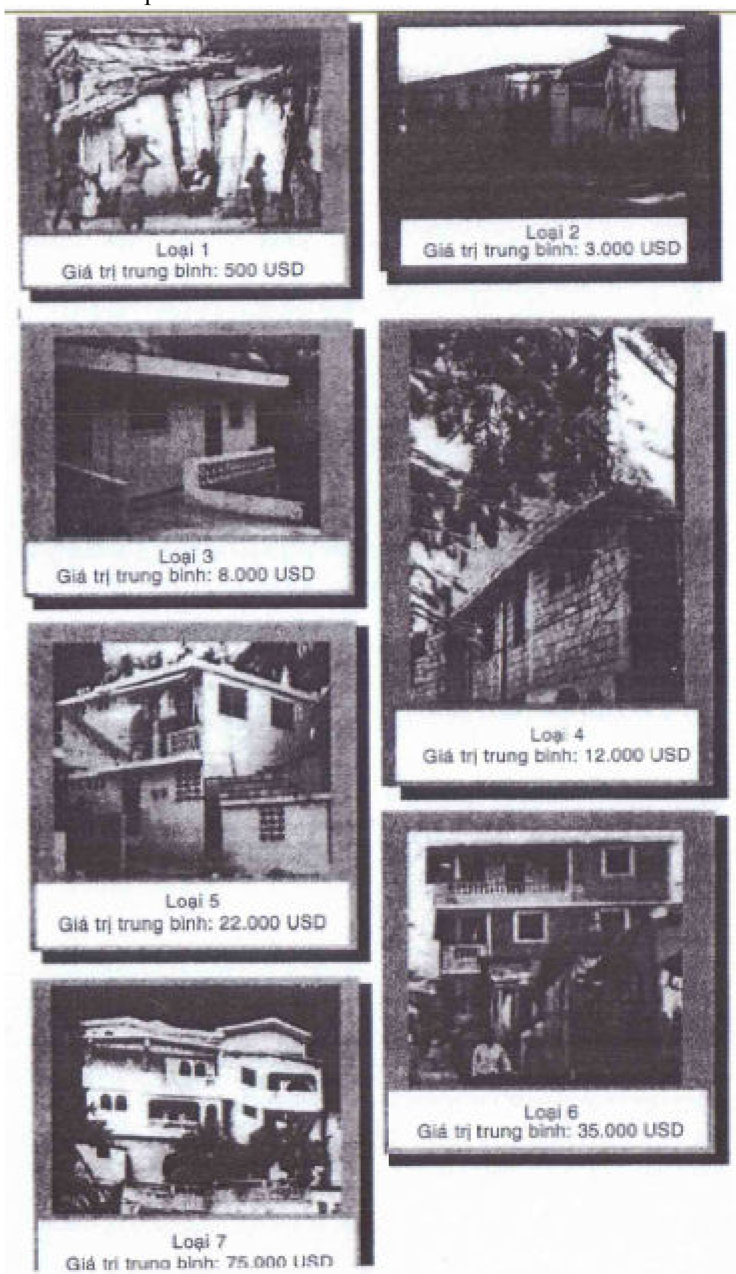
Nói cách khác về độ lớn số tư bản chết 241,4 tỉ USD này là lớn hơn:

6 X > Tổng tiết kiệm và tiền gửi có kì hạn ở các ngân hàng thương mại ở Ai Cập
13 X > Dự trữ ngoại tệ thuần được tích luỹ cho đến 1996
16 X > Tổng đầu tư tài sản chính thức được tích luỹ của các công ti tư nhân được thu hút bởi luật khuyến khích đầu tư của chính phủ Ai Cập
30 X > Tổng giá thị trường của 746 công ti tư nhân niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Cairo đáp lại khuyến khích của Luật Thị trường Vốn
2X > Tổng tài sản của 1.000 công ti tư nhân chính thức lớn nhất
55X > Tổng đầu tư nước ngoài trực tiếp ở Ai Cập từ trước cho đến 1996
116X > tổng vốn của 63 doanh nghiệp quốc doanh đã được tư nhân hoá giữa 1992 và 1996.

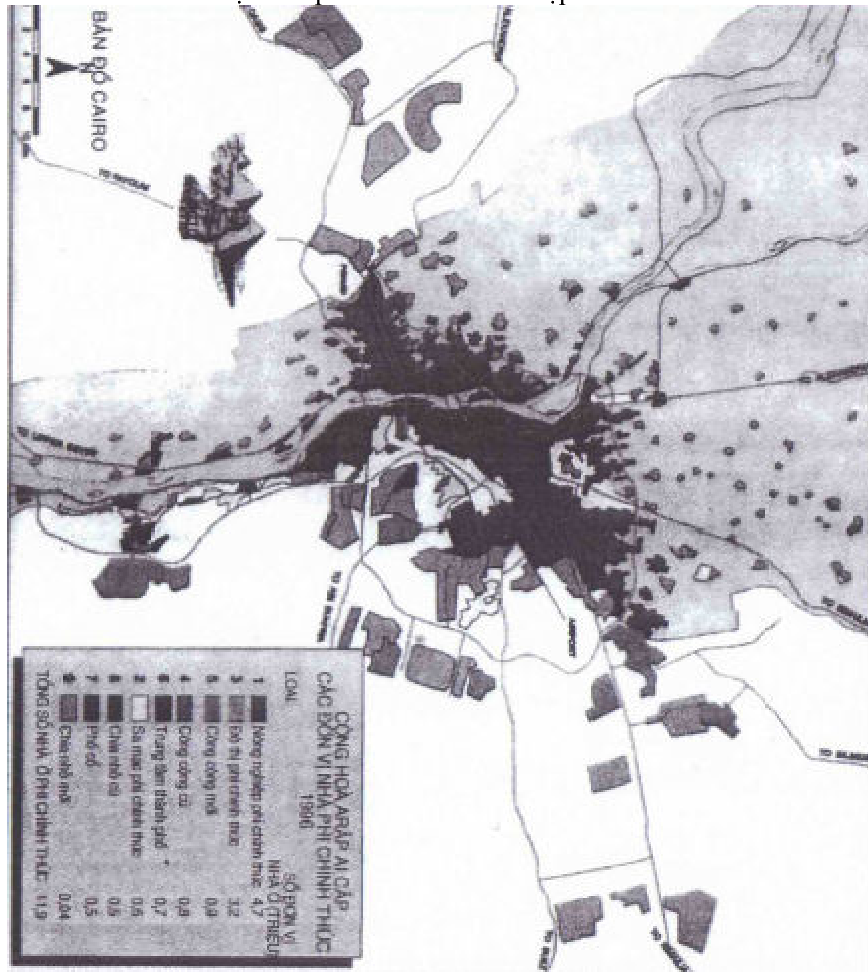
HÌNH A.5 Định cư phi chính thức ở thủ đô Port-au-Prince



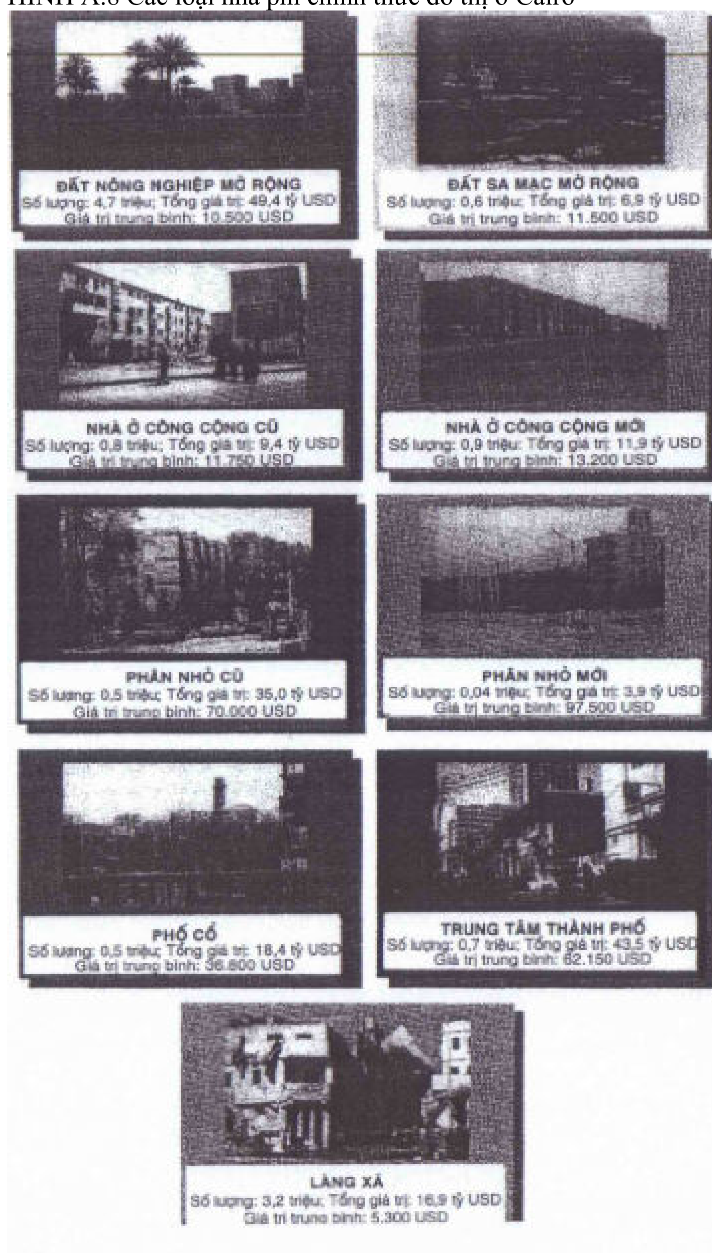
HÌNH A.6 Các loại nhà phi chính thức ở Port-au-Prince và các thành phố khác của Haiti



HÌNH A.7 Các đơn vị nhà ở phi chính thức ở Ai Cập



HÌNH A.8 Các loại nhà phi chính thức đô thị ở Cairo



CHỈ MỤC

L

Q

R

S

T

U

V

W

Z

"Một quyển sách tuyệt hay...mạnh mẽ và hoàn toàn thuyết phục. Nó sẽ có tác động bổ ích nhất lên cách nhìn gắn với phát triển kinh tế."

- RONALD COASE, người đoạt giải Nobel kinh tế

"De Soto đã chứng minh trong thực tiễn rằng cấp chứng thư sở hữu cho các tài sản chưa có chứng thư sở hữu là một cách rất hiệu quả để thúc đẩy phát triển kinh tế của toàn xã hội. Ông đề nghị cho các nhà chính trị một dự án, cái có thể đóng góp cho phúc lợi của đất nước họ và đồng thời tăng cường địa vị chính trị riêng của họ, một sự kết hợp tuyệt vời."

- MILTON FRIEDMAN, người đoạt giải Nobel kinh tế

"De Soto một mình khơi dậy một cuộc cách mạng trong Thế giới Thứ ba,... *Sự Bí ẩn của Tư bản* tạo thành một trong vài cách tiếp cận mới và thực đầy hứa hẹn để khắc phục nghèo đói, tiến cùng trong một thời gian rất dài."

- FRANCIS FUKUYAMA, tác giả của *The Great Disruption: Human Nature and the Reconstitution of Social Order*

"Một cuốn sách mở đường. Tiếp sau cuốn sách đặc biệt và rất độc đáo của ông, cuốn *The Other Path*... , cuốn sách này cũng lại là một thành tựu xuất sắc."

- JEANNE KIRKPATRICK, Cựu Đại sứ Mĩ tại Liên Hiệp Quốc

"Tư tưởng mới mẻ là hiếm- quyển sách này có năng lực để biến đổi các nền kinh tế của những nước đến nay đã chưa có khả năng làm cho chủ nghĩa tư bản hoạt động cho nhân dân họ...[Nó] giải thích các nền kinh tế thất bại ra sao do đã không đầu tiên tạo ra kết cấu pháp lí sống còn cũng chẳng để cho nền kinh tế 'đen' chuyển thành nền kinh tế chủ đạo."

- DAVID OWEN, Cựu Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vương Quốc Anh

"Một đóng góp trọng đại. Một kiến nghị mới cho thay đổi, điều đúng cho cả thế giới."

- JAVIER PEREZ DE CUELLAR, Cựu Tổng Thư kí Liên Hiệp Quốc

"*Sự Bí ẩn của Tư bản* có khả năng tạo ra một cuộc cách mạng mới, vô cùng có ích, bởi vì nó đề cập đến nguồn gốc duy nhất và lớn nhất của thất bại trong các nước Thế giới Thứ ba và nguyên cộng sản - thiếu qui tắc của luật, cái duy trì quyền sở hữu tư nhân và cung cấp khung khổ cho các doanh nghiệp. Nó là cuốn sách bắt buộc tất cả những ai chịu trách nhiệm về 'Sự Giầu có của các Quốc gia' phải đọc."

- MARGARET THATCHER, Cựu Thủ tướng Vương Quốc Anh

"Quyển sách loại nhất. Nó biện hộ một cách vững chắc cho cách cải thiện cuộc sống của rất nhiều người ở thế giới đang phát triển."

- WALTER WRISTON, Chủ tịch danh dự, Citigroup

"Quyển sách này làm thay đổi sự hiểu biết của chúng ta về tư bản sinh ra từ đâu. Những hệ quả có thể làm choáng váng thế giới."

- WILLIAM F. BUCKLEY, Jr. Chủ bút sáng lập của *The National Review*

CHƯƠNG 1

[1] Gordon S. Wood, "Inventing American Capitalism," New York Review of Books (June 9, 1994), p. 49.

CHƯƠNG 2

[1] Donald J. Pisani, *Water, Land, and Law in the West: The Limit of Public Policy, 1850-1920* (Lawrence: University Press of Kansas, 1996), p. 51

[2] Nhận xét của kiến trúc sư và nhà qui hoạch đô thị Albert Magonese trong *Conjonction*, No. 119, February-March 1973, p.11.

[3] Leonard J. Rolfes, Jr., "The Struggle for Private Land Rights in Russia", *Economic Reform Today*, No. 1, 1996, p. 12.

CHƯƠNG 3

[1] Adam Smith, *The Wealth of Nations* (London: Everyman's Library, 1977), former Vol. 1, p.242.

[2] Ibid., p.295

[3] Sismonde de Sismondi, *Nouveaux Principes d'économic politique* (Paris: Calman-Lévy, 1827), pp. 81-82.

[4] Jean Baptiste Say, *Traité d'économic politique* (Paris: Deterville, 1819), Vol.2, p. 429.

[5] Karl Marx, Frederick Engels, Collected Works (New York: International Publishers, 1996), Vol. 33, p.82.

[6] Adam Smith, *The Wealth of Nations* (London: Everyman's Library, 1977), former Vol. 1, p.242.

[7] Ibid., p.286.

[8] Herbert L. Dreyfus and Paul Rabinow, *Michel Foucault: Beyond Structuralism and Hermeneutics* (Chicago: Harvester, University of Chicago, 1982), p.211.

[9] George A. Miller and Philip N. Johnson-Laird, *Language and Perception* (Cambridge: Harvard University Pres, 1976), p.578.

[10] Gunnar Heinsohn and Otto Steiger, "The Property Theory of Interest and Money", unpublished manuscript, second draft, October 1998, p. 22.

[11] Ibid., p. 43.

[12] Ibid., p. 38.

[13] Tom Bethell, The Noblest Triumph (New York: St. Martin's Press, 1998), p.9.

[14] Fernand Braudel, The Wheels of Commerce (New York: Harper and Row, 1982), p. 248.

CHƯƠNG 4

[1] "Survey the Internet", *Economist*, July 1, 1995, pp. 4-5.
[2] Jeb Blount, "Latin Trade", *News Finance*, January 20, 1997.
[3] Tony Emerson and Michael Laris, "Migration", *Newsweek*, December 4, 1995.
[4] Henry Boldrick, "Reaching Turkey's Spontaneous Settlements", *World Bank Policy*, April-June 1966.
[5] "Solving the Squatter Problem", *Business World*, May 10, 1995.
[6] *Newsweek*, March 23,1998.
[7] *Economist*, June 6, 1998.
[8] Manal El-Batran and Ahmed El-Kholei, *Gender and Rehousing in Egypt* (Cairo: Royal Netherlands Embassy, 1996), p. 24.
[9] Gerald Barthelemy, "L'extention des lotissements sauvages à usage populaire en milieu urbain ou Paysans, Villes et Bidonvilles en Haiti: Aperçus et reflexions", June 1996, Port-au-Province, offprint.
[10] Blout, "Latin Trade".
[11] Leonard J. Rolfes, Jr., "The Struggle for Private Land Rights in Russia", *Economic Reform Today*, No. 1, 1966.
[12] Official journal of the *National Geographic Society* (Millenium in Maps), No. 4., October 1998.
[13] Donald Stewart, *AIPE*, December 1997.
[14] Matt Moffett, "The Amazon Jungle Had an Eager, but Was It for Sale?" *Wall Street Journal*, January 30, 1997.
[15] Simon Fass, *Political Economy in Haiti: The Drama of Survival* (New Brunswick, N.J.: Transaction Publishers, 19880, pp. xxiv-xxv
[16] Ahmed M. Soliman, "Legitimizing Informal Housing: Accomodating Low-Income Groups in Alexandria, Egypt", *Environment and Urbanization*, Vol. 8, No. 1 (April 1996), pp. 190-191
[17] Reuters, *Finance Review*, May 11, 1992, p. 45
[18] Mavery Zarembo, *Newsweek*, July, 1997.
[19] *Economist*, March 5,1994.
[20] *Economist*, May 6,1995.
[21] "Terrenos de Gamarra valen tres veces más que en el centro de Lima", *El Comerrcio*, April 25, 1995.
[22] Jan de Vries, *Economy of Europe in an Age of Crisis, 1600-1750* (Cambridge: Cambridge University Press, 1976); D. C. Coleman, *Revisions in Mercantilism* (London: Methuen, 1969); J. H. Clapham, *The Economic Development of France and Germany, 1815-1914* (Cambridge: Cambridge University Press, 1963); Eli Heckscher, *Mercantilism*, ed. E. F. Soderland (London: George Allen&Unwin. 1934).
[23] Joseph Reid, *Respuetas al primer cuestionario del ILD* (Lima: Meca, 1985).
[24] D. C. Coleman, *The Economy of England*, 1450-1750 (London: Oxford University Press, 1977), pp. 18-19
[25] Ibid., pp.58-59.

[26] Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, p.323
[27] Ibid., p. 241.
[28] Robert B. Ekelund, Jr., and Robert Tollison, *Mercantilism as a Rent-Seeking Society* (College Station: Texas A&M University Press, 1981), Chapter 1.
[29] Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, pp.239-244.
[30] Coleman, *The Economy of England*, p. 74.
[31] Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, p.244.
[32] Clapham, *The Economic Development of France and Germany,* pp. 323-325.
[33] Joseph Reid trả lời cho bản câu hỏi thứ hai do Viện Tự do và Dân chủ (Institute of Liberty and Democracy) gửi, Tài liệu in, Thư viện ILD, 1985; Heckscher, *Mercantilism*, Vol. 1, pp.247, 251.
[34] Charles Wilson, Mercantilism (London: Routledge & Kegan Paul, 1963), p. 27.
[35] Coleman, *The Economy of England*, p. 105.

CHƯƠNG 5

[1] Francis S. Philbrick, "Changing Conceptions of Property Law", *University of Pennsylvania Law Review*, Vol. 86, May 1938, p. 691.
[2] Bernard Bailyn, *The Peopling of British North America: An Introduction* (New York, 1986), p. 5.
[3] Peter Charles Hoffer, *Law and People in Colonial America* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1998), pp. 1-2.
[4] Ibid., p. xii.
[5] David Thomas Konig, "Community Custom and the Common Law: Social Change and Development of Land Law in Seventeenth Century Massachusetts", in *Land Law and Real Property in American History: Major Historical Interpretations*, ed. Kermit Hall (New York: Garland Publishing, 1987), p. 339.
[6] Ibid., pp. 319-320.
[7] Ibid., p. 320.
[8] Ibid., p.323.
[9] Ibid., p.324.
[10] Ibid., p.349.
[11] Hoffer, *Law and People in Colonial America,* p. 15.
[12] Amelia C. Ford, *Colonial Precedents of Our National Land System as It Existed in 1800* (Philadelphia: Porcupine Press, 1910), pp. 112-113.
[13] Ibid., p. 114.
[14] Konig, "Community Custom", p. 325.
[15] Ibid., 349.
[16] Aaron Morton Sokolski, *Land Tenure and Land Taxation in America* (New York: Schalkenbach Foundation, 1957), p. 191.
[17] Ibid.

[18] Henry W. Tatter, *The Preferential Treatment of the Actual Settler in the Primary Disposition of the Vacant Lands in the United States to 1841*, Ph.D. dissertation, Northwestern University, 1933, p. 23.
[19] Ibid.
[20] Ford, *Colonial Precedents…,* p.103.
[21] Ibid.
[22] Ford, *Colonial Precedents…,* pp. 89-90.
[23] Ibid., p. 126.
[24] Ibid.
[25] Ibid., p. 128.
[26] Ibid., p. 129.
[27] Ibid., p. 130.
[28] Tatter, *The Preferential Treatment…,* pp. 40-41
[29] Được trích trong Stanley Lebergott, " 'O' Pioneers': Land Speculation and the Growth of the Midwest", trong *Essays on the Economy of the Old Nortwest*, ed. David C. Klingman and Richard K. Vedder (Athens: Ohio Univerity Press, 1987), p. 39.
[30] Ford, *Colonial Precedents…,* p.119.
[31] Sokolski, *Land Tenure…,* p. 192.
[32] Ibid., p. 193.
[33] Ibid.
[34] Được trích trong Donald J. Pisani, *Water, Land, and Law in the West: The Limits of Policy*, 1850-1920 (Lawrence: University Press of Kansas, 1996), p.51.
[35] Sokolski, *Land Tenure…,* pp. 193-194.
[36] Lebergott, " O' Pioneers…", pp. 39-40
[37] Ibid.
[38] Ibid., p. 40.
[39] Đạo luật XXXIII, March 1642, *The Statute at Large, Being a Collective of All the Law of Virginia from the First Session of the Legislature*, ed. William Henning (new York, 1823), P. 134.
[40] Richard E. Messick, "A History of Preemption Laws in the Unated States", draft prepared for ILD, p. 7.
[41] Ford, *Colonial Precedents…,* p.124.
[42] Ibid.
[43] Ibid., p. 132.
[44] Ibid., p. 134.
[45] Một Luật để Điều chỉnh và Giải quyết các Chứng thư Sở hữu của Những người có Yêu sách đối với Đất chưa được Chứng nhận Dưới thời Chính phủ trước và Chính phủ hiện thời, Trước khi Thiết lập Sở Đất đai Liên bang, *The Statutes at Large: Being a Collection of All the Laws of Virginia*, ed. William Hening (Richmond, 1822), p.40.
[46] Douglas W. Allen, "Homesteading and Property Rights; or, How the West Was Really Won", *Journal of Law and Economics* 34 (April 1991), p.6

[47] Richard Current et al., eds., *American History: A Survey*, 7th ed. (New York: Knopf, 1987), p.149.
[48] Terry L. Anderson, "The First Privatization Movement", in *Essays on the Economy of the Old Nortwest*, ed. David C. Klingman and Richard K. Vedder (Athens: Ohio University Press, 1987), p. 63.
[49] Current, *American History*... p.150.
[50] Roy M. Robbins, "Preemption: A Frontier Triumph", *Mississipi Valley Historical Review*, Vol. 18, December 131, pp. 333-334.
[51] Ibid.
[52] Ford, *Colonial Precedents…,* p.117.
[53] Lebergott, " O' Pioneers…", p. 40.
[54] Ibid.
[55] Messick, "A History of Preemption…", p.9.
[56] Được trích trong Tatter, *The Preferential Treatment…,* pp. 91-92.
[57] Messick, "A History of Preemption…", p.9.
[58] Đạo luật 18 tháng Năm 1796, *Public and General Statutes Passed by the Congress of the United States of America: 1789 to 1817 Inclusive*, ed. Joseph Story (Boston, 1828).
[59] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 118.
[60] Được trích ở sách đã dẫn (Ibid.) ở trên, p. 125.
[61] Patricial Nelson Limerick, *The Legacy of Conquest: The Unbroken Past of the American West* (new York: Norton, 1987), p.59.
[62] Ibid.
[63] Ibid., p. 140.
[64] Lebergott, " O' Pioneers…", p. 44.
[65] Ibid.
[66] Ibid.
[67] Richard E. Messick, "Rights to Land and American Economic Development", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 44.
[68] Richard White, *It's Your Misfortune and None of My Own: A New History of the American West* (Norman: University of Oklahoma Press, 1991), p. 146.
[69] Ibid.
[70] Edward Farrell, *Personal Communication*.
[71] Stephen Schwartz, *From West to East* (New York: Free Press, 1998), pp. 105-110.
[72] Được trích trong Lebergott, " O' Pioneers…", p. 40.
[73] Được trích trong Anderson, "The First Privatization Movement", p. 63.
[74] Paul W. Gates, *Landlords and Tenants on the Prairie Frontier* (Ithaca: Cornell University Press, 1973), p.13.
[75] Ibid., p.16.
[76] Được trích Ibid.
[77] Được trích trong Gates, *Landlords and Tenants*, p. 24.

[78] Lawrence M. Friedman, *A History of American Law*, 2nd ed. (New York: Simon & Schuster, 1986), pp. 241-242.
[79] Được trích trong Friedman, *A History of American Law,* p. 242.
[80] Ibid.
[81] G. Edward White, *The American Judicial Tradition: Profiles of Leading Judges* (New York: Oxford University Press, 1976), p. 48.
[82] Được trích trong Ford, *Colonial Precedents…,* p. 129 (Tôi nhấn mạnh).
[83] Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 27.
[84] *Green v. Biddle*, 8 Wheaton 1 (1823).
[85] Ibid., p. 33.
[86] Ibid., p. 66.
[87] Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 37.
[88] Current, *American History…* p.149.
[89] Được trích Ibid., p. 31.
[90] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 265.
[91] Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 33.
[92] *Bodley v. Gaither*, 19 Kentucky Reports 57, 58 (1825).
[93] *M'Kinney v. Carrol*, 21 Kentucky Reports 96, 97 (1827)
[94] White, *It's Your Misfortune…,* p. 139.
[95] Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 46; *Congressional Record*, 43 Congress, I Session, 1603 (February 18, 1847).
[96] Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 63.
[97] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 154.
[98] Gates, *Landlords and Tenants…*, p. 44.
[99] Paul W. Gates, "California's Embattled Settlers", *The California Historical Society Quarterly*, Vol. 41, June 1992, p. 115.
[100] Messick, "A History of Preemption…", p.17.
[101] Được trích ở Ibid.
[102] Ibid.
[103] Đạo luật 29 tháng Năm 1830, *Public Statutes at Large of the United States of America*, Vol. 4 (Boston, 1846).
[104] Đạo luật 4 tháng Chín 1841, *Public Statutes at Large of the United States of America*, Vol. 5 (Boston, Little and Brown 1856).
[105] Messick, "A History of Preemption…", p. 26.
[106] Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 69.
[107] Allan G. Bogue, "The Iowa Claims Clubs: Symbol and Substance", in *The Public Lands: Studies in the History of the Public Domain*, ed. Vernon Carstensen (Madison: University of Wisconsin Press, 1963), p. 47.
[108] Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 53.
[109] Ibid., p. 63.
[110] Bogue, "The Iowa Claims Clubs…", p. 51.
[111] Ibid., p. 50.
[112] Được trích ở Ibid., p. 52.

[113] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 276.
[114] Bogue, "The Iowa Claims Clubs…", p. 54.
[115] White, *It's Your Misfortune…,* p. 141.
[116] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 280.
[117] Terry Anderson and P. J. Hill, "An American Experiment in Anarcho-Capitalism: The Not So Wild West", *Journal of Libertarian Studies* 3 (1979), p. 15.
[118] Ibid.
[119] Bogue, "The Iowa Claims Clubs…", p. 50.
[120] Ibid., p. 51.
[121] Được trích ở Ibid. p. 54.
[122] White, *It's Your Misfortune…,* p. 141.
[123] Bogue, "The Iowa Claims Clubs…", p. 55.
[124] Tatter, *The Preferential Treatment…,* p. 273.
[125] Ibid., p. 287.
[126] John Q. Lacy, "Historical Overview of the Mining Law: The Miner's Law Becomes Law", in *The Mining Law of 1872* (Washington, DC.: National Legal Center for the Public Interest, 1984), p. 17.
[127] Robert W. Swenson, "Sources and Evolution of American Mining Law", in *The American Law of Mining*, ed. Matthew Bender (New York: Rocky Mountain Mineral law Foundation, 1960), p. 19.
[128] Gates, "California's Embattled Settlers", p. 100.
[129] Harold Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty in the United States", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 2.
[130] Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 52.
[131] Limerick, *Legacy of Conquest*, p. 65; xem cả White, *It's Your Misfortune*, p. 147.
[132] Pisani, *Water, Land, and Law…,* p. 69.
[133] Ibid.
[134] Gates, "California's Embattled Settlers", p. 100.
[135] Ibid., pp. 22-26.
[136] Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 26.
[137] Được trích trong Charles Howard Shinn, *Mining Camps: A Study in American Frontier Government* (New York: Knopf, 1948), p. 107.
[138] Gore v. McBreyer, 18 Cal. 582 (1861) được trích ở ibid., p. 22.
[139] Ibid., p. 21.
[140] Ibid., pp. 24-25.
[141] Được trích ở Ibid., p. 24.
[142] Ibid., p. 29.
[143] Ibid., p. 30.
[144] Ibid.
[145] Harold Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty in the United States", draft prepared for the Institute of Liberty and Democracy, p. 3.

[146] Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 36.
[147] 14 Stat. 252 (1866).
[148] Swenson, "Sources and Evolution of…", p. 37.
[149] Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", p. 36.
[150] Được trích trong Krent, "Spontaneous Popular Sovereignty…", p.3.
[151] Lacy, "Historical Overview of the Mining Law…", pp. 37-38; 17 Stat. 91, 30 U.S.C. §§ 22-42.
[152] *Jennison v. Kirk*, 98 U.S. 240, 243 (1878).
[153] Swenson, "Sources and Evolution of…", p. 27.
[154] Messick, "Rights to Land and American Development", p. 45.
[155] White, *It's Your Misfortune…,* p. 143.
[156] Ibid., p. 145.
[157] Gordon S. Wood, "Inventing American Capitalism", *New York Review of Books*, June 9, 1994, p. 49.
[158] White, *It's Your Misfortune…,* p. 270.
[159] White, *The American Judicial Tradition:…"*, pp. 48-49.
[160] Francis S. Philbrick, "Changing Conceptions of Property Law", *University of Pennsylvania Law Review*, Vol. 86, May 1938, p. 694.

CHƯƠNG 6

[1] C. Reinold Noyes, *The Institution of Property* (New York: Longman's Green, 1936), pp. 5 and 13.
[2] Về một thảo luận rất sáng sủa và phổ biến về đề tài này, xem William M. Landes and Richard A. Posner, "Adjudication as a Private Good", *Journal of Legal Studies*, Vol. 8, March 1979, pp. 235-248.
[3] Noyes, *The Institution of Property, p. 20.*
[4] John C. Payne, "In search of Title", Part 1. *Alabama Law Review*, Vol. 14, No. 1 (1961), p. 17.
[5] Andrzej Rapaczynski, "The role of the State and the Market in Establishing Property Rights", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 10, No. 2 (Spring 1996), p. 88.
[6] Xem Robert C. Ellickson, *Order Without Law: Hoaw Neighbors Settle Disputes* (Cambridge: Havard University Press, 1991) một thảo luận lí thú nhất về qui định ngoài pháp luật cai quản các quyền sở hữu ra sao ở Hoa Kì.
[7] Richard A. Posner, "Hegel and Employment at Will: A Comment", *Cardozo Law Review*, Vol. 10, March-April 1989.
[8] Harold J. Berman, *Law and Revolution: The Formation of the Western Legal Tradition* (Cambridge: Harvard University Press, 1983), pp. 555-556.
[9] Ibid., p. 557.
[10] Robert Cooter and Thomas Ulen, *Law and Economics: An Economic Theory of Property* (Reading, Mass.: Addison-Wesley, 1997), p. 79.
[11] Margaret Gruter, *Law and the Mind* (London: Sage, 1991), p. 62.

[12] Bruce L. Benson, *The Enterprise of Law* (San Francisco: Pacific Research Institute for Public Policy, 1990), p. 2.
[13] Về một tường thuật về các tổ chức phi-chính thức cố chuyển dần sang khu vực chính thức ra sao xem Hernando de Soto, *The Other Path: The Invisible Revolution in the Third World* (New York: Haper&Row, 1989), đặc biệt các Chương 1-4.
[14] Bruno Leoni, *Freedom and the Law* (Los Angeles: Nash, 1972), pp. 10-11.
[15] Xem Robert Sugden, "Spontaneous Order", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 3, No. 4 (fall 1989), đặc biệt các trang 93 và 94. Cũng xem cả F. A. Hayek, *Law, Legislation, and Liberty*, Vol. 1-3 (London: Routledge and Kegan Paul, 1973).
[16] Payne, "In search of Title", Part 1…, p. 20.
[17] Xem John P. Powelson, *The Story of Land*, (Cambridge, Mass.: Lincoln Institute of Land Policy, 1988).
[18] Richard Pipes, *The Russian Revolution* (New York: Vintage Books, 1991), p. 112.
[19] Samar K. Datta and Jefferey B. Nugent, "Adversary Activities and Per capita Income Growth", *World Development*, Vol. 14, No. 12 (1986), p. 1458.
[20] S. Rowton Simpson, *Land, Law, and Registration* (London: Cambridge University Press, 1976), p. 170.
[21] Peter Stein, *Legal Evolution: The Story of an Idea* (Cambridge: Cambridge University Press, 1980), p. 53.
[22] Ibid., p. 55.
[23] Lynn Holstein, "Review of Bank Experience with Land Titling and Registration", working papaes, Marrch 1993, p. 9.
[24] J. D. McLaughlin and S. E. Nichols, "Resource Management: The Land Administration and Cadastral Systems Component", *Surveying and Mapping*, Vol. 49, No. 2 (1989), p. 84.

CHƯƠNG 7

[1] Lester Thurow, *The Future of Capitalism* (New York: Penguin Books, 1996), p.5.
[2] Hernando de Soto, *The Other Path: The Invisible Revolution in the Third World* (New York: Harper & Row, 1989).
[3] "Side Effects of Egypt's Economic Reform Warned", *Xinhua* (CNN), February 4, 1999.
[4] George F. Will, *The Pursuit of Virtue and Other Tory Notions* (New York: Simon & Schuster, 1982).
[5] Klaus Schwab and Claude Smadja, "Globalization Needs a Human Face", *International Herald Tribune*, January 28, 1999.
[6] Tim Padgett, *Newsweek*, September 16, 1996.
[7] George Soros, *The Crisis of Global Capitalism: Open Society Endangered* (New York: Public Affairs, 1998), p. xxvii.

[8] Eugene Kamenka, ed., *The Portable Marx* (New York: Viking Penguin, 1993), p. 463.
[9] Nancy Birdsall and Juan Luis Lodoño, "Assets in Equality Matters", *American Economic Review*, May 1997.
[10] Kamenka, ed., *The Portable Marx,* p. 447.
[11] Karl Marx, "Capital", *Collcted Works*, Vol. 28, p. 235.
[12] Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, Part I of Second Part Q. 12., Art. 4 (London: Encyclopaedia Britanica, 1952), p. 672.
[13] Ronald H. Coase, "The Nature of the Firm", *Económica*, November 1937.
[14] Margaret Boden, *The Creative Mind* (London: Abacus, 1992), p. 94.
[15] Daniel C. Dennett, "Intentionality", in *The Oxford Companion to the Mind*, ed. by Richard L. Gregory (Oxford: Oxford University Press, 1991), p. 384.
[16] John R. Searle, *The Construction of Social Reality* (New York: Free Press, 1995), p. 46.
[17] Xem Michel Foucault, *Les Mots et les choses* (Saint Amand: Gallimond, 1993).
[18] Karl Popper, *Knowledge and the Body-Mind Problem* (London: Routledge, 1994).
[19] Viviane Forrester, *L'Horreur economique* (Paris: Fayard, 1996), p. 61 (tôi dịch).
[20] Karl Marx, in Kamenka, ed., *The Portable Marx*, pp. 444-447.
[21] Claude Lévi-Strauss, *Tristes tropiques* (Paris: Plon, Terre Humaine/Poche, 1996), p. 354.
[22] Fareed Zakaria, "The Politics of Port", *Slate Magazin*, Internet, March 16, 1999.
[23] Sách đọc chủ yếu liên quan đến hiện tượng của lòng tin và hợp tác xã hội, tất nhiên là cuốn sách của Francis Fukuyama, *Trust* (New York: Free Press, 1995).